CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GIƯỜNG CÔNG SUẤT 65.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM TỦ CÔNG SUẤT 100.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM BÀN CÔNG SUẤT 160.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GHẾ CÔNG SUẤT 150.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM SOFA CÔNG SUẤT 20.000 SẢN PHẨM/NĂM

Địa điểm: Lô B4, Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Bình Phước, tháng 06 năm 2025

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GIƯỜNG CÔNG SUẤT 65.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM TỦ CÔNG SUẤT 100.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM BÀN CÔNG SUẤT 160.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GHẾ CÔNG SUẤT 150.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM SOFA CÔNG SUẤT 20.000 SẢN PHẨM/NĂM

Địa điểm: Lô B4, Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

CHỦ CƠ SỞ	**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**
CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỒ
TỔNG GIÁM ĐỐC	**GIÁM ĐỐC**
Xu Feng	

Bình Phước, tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 4
DANH MỤC CÁC BẢNG 5
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ 1
MỞ ĐẦU 2
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 5
1. Tên chủ cơ sở: 5
2. Tên cơ sở: 5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: 8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở: 14
4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu 14
Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu sử dụng của Cơ sở được trình bày cụ thể như sau: 14
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở: 22
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 40
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có): 40
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có): 43
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 45
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 45
1.1. Thu gom, thoát nước mưa: 45
1.2. Thu gom, thoát nước thải: 46
1.3. Xử lý nước thải: 47
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 51
2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi gỗ từ quá trình gia công (cắt, cưa, bào, khoan,…) và chà nhám: 52
2.1.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi gỗ từ quá trình gia công (cắt, cưa, bào, khoan,…) và chà nhám tại xưởng 1, xưởng 2, xưởng 3: 52

a. Hệ thống xử lý bụi bằng Cyclone kết hợp túi vải từ quá trình gia công và chà nhám tại nhà xưởng 1: 52
2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng sơn ... 59
2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi keo từ quá trình dán keo 71
2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động khí thải từ chuyền UV 73
2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động môi trường không khí từ các nguồn khác 76
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: 77
3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: 77
3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: 78
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: 80
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: 82
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: 83
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: 90
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 91
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp: 91
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: 102
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 103
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: 103
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: 105
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: 114
4. Yêu cầu về quản lý chất thải: 117
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có): 120
CHƯƠNG V KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 121
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường: 121
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải: 121
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải: 122
4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải): 123

5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất):.....123
6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:.....123
7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:.....123
CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....124
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....124
CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....128
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....130
PHỤ LỤC 1 CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ.....130
PHỤ LỤC 2 CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ.....131

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD_5	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ tài nguyên môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
BYT	Bộ Y tế
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
HTXL	Hệ thống xử lý
KPH	Không phát hiện
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QĐ	Quyết định
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QL	Quản lý
SS	Chất rắn lơ lửng
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
VSLĐ	Vệ sinh lao động
V/v	Về việc
WHO	Tổ chức Y tế thế giới
XLNT	Xử lý nước thải
XD	Xây dựng

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 1. 1. Công suất hoạt động của cơ sở 8
Bảng 1. 2. Các sản phẩm của Công ty 13
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nguyên phụ liệu tại Cơ sở 14
Bảng 1. 4. Cân bằng vật chất nguyên liệu vật liệu trong sản xuất 16
Bảng 1. 5. Thành phần và đặc trưng các hóa chất tại Cơ sở 18
Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng nước 21
Bảng 1. 7. Nhu cầu lao động của công ty 22
Bảng 1. 8. Bảng cân bằng sử dụng dất của toàn Cơ sở 22
Bảng 1. 9. Bảng cân bằng sử dụng dất chi tiết của toàn Cơ sở 23
Bảng 1. 10. Hạng mục công trình chính 28
Bảng 1. 11. Hạng mục công trình phụ trợ 30
Bảng 1. 12. Hạng mục công trình bảo vệ môi trường 32
Bảng 1. 13. Danh mục máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất của Nhà máy 33
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mưa 46
Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại 5 ngăn 48
Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại 5 ngăn 51
Bảng 3. 4. Hệ thống xử lý khí thải 51
Bảng 4. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám tại xưởng 1 54
Bảng 4. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám tại xưởng 2 57
Bảng 4. 3. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ quá trình sơn tại buồng sơn khô đã lắp đặt 60
Bảng 4. 4. Tải lượng ô nhiễm VOC 63
Bảng 4. 5. Nội dung thay đổi hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sơn tại buồng sơn khô so với Giấy phép môi trường đã được cấp 64
Bảng 4. 6. Bảng tính toán lưu lượng ống thoát khí sau khi gộp 66
Bảng 4. 7. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ quá trình sơn tại buồng sơn khô tại tầng 2 Xưởng 3 69
Bảng 4. 8. Tải lượng ô nhiễm VOC 71
Bảng 4. 9. Thông số kỹ thuật của HTXL hơi dung môi từ công đoạn dán keo 72
Bảng 4. 10. Thông số kỹ thuật của HTXL hơi dung môi sơn chuyền sơn UV 74
Bảng 4. 11. Khối lương thành phần chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại cơ sở 78

Bảng 4. 12. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của cơ sở.....80
Bảng 6. 1. Giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải.....110
Bảng 5. 1. Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2023 121
Bảng 5. 2. Vị trí các điểm lấy mẫu chất lượng môi trường không khí.....122
Bảng 5. 3. Kết quả phân tích chất lượng không khí năm 2023 122
Bảng 6. 2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm 127

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Trang

Hình 1. 1. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế 9
Hình 1. 2. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm sofa.....12
Hình 1. 3. Sơ dồ cân bằng vật chất tại nhà máy 17
Hình 3. 1. Hệ thống thu gom nước mưa hiện hữu.....46
Hình 3. 2. Quy trình xử lý nước thải của nhà máy.....48
Hình 3. 3. Cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt.....49
Hình 3. 4. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám tại xưởng 1. ..53
Hình 3. 5. Hệ thống thu gom và xử lý bụi bằng Cyclon và túi vải tại xưởng 1. 56
Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám tại xưởng 2. ..57
Hình 3. 7. Quy trình xử lý khí thải và hơi dung môi phát sinh tại công đoạn phun sơn khô thực tế tại cơ sở.....59
Hình 3. 8. Quy trình xử lý khí thải và hơi dung môi phát sinh tại công đoạn phun sơn khô thực tế tại cơ sở.....68
Hình 3. 9. Quy trình xử lý bụi và hơi dung môi phát sinh tại công đoạn dán keo 72
Hình 3. 10.. Quy trình xử lý hơi dung môi phát sinh tại chuyền sơn UV 74
Hình 4. 1. Sơ đồ mô phỏng công tác ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất.....89

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam có địa chỉ tại Lô B4, Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công ty đã được Sở Tài chính tỉnh Bình Phước (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801205156, cấp đăng ký lần đầu ngày 24/7/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24/4/2023 và được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 9978241770, cấp chứng nhận lần đầu ngày 19/7/2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 19/4/2023.

- Cơ sở "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường công suất 65.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn công suất 160.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế công suất 150.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa công suất 20.000 sản phẩm/năm" của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép môi trường số 64/GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024.

Hiện nay, theo nhu cầu thực tế, Công ty sẽ bổ sung thêm các hệ thống buồng sơn mẫu tại tầng 2 Xưởng 3. Ngoài ra, Công ty dự kiến gom ống thải của 49 hệ thống xử lý khí thải số 9 đến số 57 (nguồn số 08 đến nguồn số 56) tại Xưởng 2 theo Giấy phép môi trường số 64/GPMT-UBND đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 02 tháng 10 năm 2024 thành 13 dòng khí thải. Các nội dung thay đổi cụ thể như sau:

STT	Theo GPMT số 64/GPMT-UBND ngày 02/10/2024	Phương án thay đổi, bổ sung
I	**CÁC THAY ĐỔI, BỔ SUNG**	
	Tại xưởng 2:	
1	11 buồng phun sơn tại tầng 2 của Xưởng 2 + 49 hệ thống xử lý thoát ra 49 ống thoát. + Công suất 3.600 m^3/giờ/hệ thống (ống thoát). Tổng lưu lượng các ống thoát: **176.400 m^3/giờ**.	11 buồng phun sơn tại tầng 2 của Xưởng 2 + 49 hệ thống xử lý thoát ra 13 ống thoát. + Công suất: 03 ống thoát có lưu lượng 24.000 m^3/giờ/ống thoát và 10 ống thoát 32.000 m^3/giờ/ống thoát. Tổng lưu lượng các ống thoát: **392.000**

STT	Theo GPMT số 64/GPMT-UBND ngày 02/10/2024	Phương án thay đổi, bổ sung
		m^3/giờ.
	Tại XƯỞNG 3:	
2	Bố trí 06 hệ thống thu gom, xử lý bụi công suất 12.000 m^3/giờ/hệ thống từ quá trình gia công và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 3 với quy trình công nghệ: Bụi → Họng hút bụi → Quạt hút → Túi vải di động → Môi trường. Tổng lưu lượng 06 hệ thống: **72.000 m^3/giờ.**	Bố trí 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan,...) và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 3, công suất **90.000 m^3/giờ** với quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát.
3	Tại tầng 2 của Xưởng 3: Không bố trí sản xuất	Bổ sung 05 buồng phun sơn hàng mẫu (04 buồng mỗi buồng 04 hệ thống xử lý/buồng và 01 buồng 03 hệ thống xử lý: + 19 hệ thống xử lý thoát ra 05 ống thoát. + 04 buồng công suất 8.000 m^3/giờ/buồng và 01 buồng công suất 6.000 m^3/giờ. → Tổng lưu lượng: **38.000 m^3/giờ.**
II	**CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI GIỮ NGUYÊN, KHÔNG THAY ĐỔI**	
1	Hệ thống xử lý bụi số 1, công suất 90.000 m^3/giờ (nguồn số 01) Hệ thống xử lý bụi số 2, công suất 120.000 m^3/giờ (nguồn số 01) Hệ thống xử lý bụi số 3, công suất 48.000 m^3/giờ (nguồn số 02) Hệ thống xử lý khí thải số 4, công suất 16.000 m^3/giờ (nguồn số 03) Hệ thống xử lý khí thải số 5, công suất 15.000 m^3/giờ (nguồn số 04) Hệ thống xử lý khí thải số 6, công suất 30.000	Không thay đổi. **Tổng lưu lượng: 379.000 m^3/giờ.**

STT	Theo GPMT số 64/GPMT-UBND ngày 02/10/2024	Phương án thay đổi, bổ sung
	m^3/giờ (nguồn số 05) Hệ thống xử lý khí thải số 7, công suất 30.000 m^3/giờ (nguồn số 06) Hệ thống xử lý khí thải số 8, công suất 30.000 m^3/giờ (nguồn số 07) **→ Tổng lưu lượng: 379.000 m^3/giờ.**	
	TỔNG LƯU LƯỢNG THEO GPMT ĐÃ ĐƯỢC CẤP: 627.400 m^3/giờ.	**TỔNG LƯU LƯỢNG SAU KHI THAY ĐỔI: 899.000 m^3/giờ.**

Công ty có nhu cầu bổ sung thêm các hệ thống buồng sơn mẫu tại tầng 2 xưởng 3; dự kiến gom ống thải của 49 hệ thống xử lý khí thải số 9 đến số 57 (nguồn số 08 đến nguồn số 56) tại xưởng 2 thành 13 dòng khí thải; làm gia tăng tác động xấu đến môi trường (tăng trên 10% lưu lượng nước thải, bụi, khí thải). Do đó, dự án thuộc đối tượng cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

Do vậy, cơ sở được đối tượng cấp lại giấy phép môi trường. Cơ sở thuộc Danh mục các Dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, số thứ tự 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ.

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường số 64/GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 nên thẩm quyền cấp lại giấy phép môi trường thuộc UBND tỉnh.

.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

- Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông XU, FENG
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Điện thoại: 02716270099 / 0905239716
- E-mail: nhansuyouchuang2023@gmail.com
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 9978241770 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 19/7/2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 19/4/2023.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801205156 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 24/7/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24/4/2023.
- Mã số thuế: 3801205156

2. Tên cơ sở:

Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường công suất 65.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn công suất 160.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế công suất 150.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa công suất 20.000 sản phẩm/năm

- Địa điểm cơ sở: Lô B4, Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Hợp đồng cho thuê lại Quyền sử dụng đất trong KCN số 06/2019/HĐ-BĐP ngày 08/07/2019 giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH Nội thất Honest Best Việt Nam cho Lô B5 diện tích 11.665,8 m^2; Hợp đồng sát nhập giữa Công

ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam và Công ty TNHH Nội thất Honest Best Việt Nam ngày 06/03/2023.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dung đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CT 814256 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 20/11/2019; Hợp đồng cho thuê lại Quyền sử dụng đất trong KCN số 08/2019/HĐ-BĐP ngày 31/07/2019 giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam cho Lô B4 diện tích 12.923,8 m^2 và Phụ lục Hợp đồng số 01/08/2019/HĐ-BĐP ngày 31/07/2019 giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CT 18578 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Nội thất Honest Best Việt Nam ngày 20/11/2019; Thay đổi quyền sử dụng đất từ "Công ty TNHH Nội thất Honest Best Việt Nam" thành "Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam" đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh xác nhận ngày 17/8/2023; Hợp đồng cho thuê lại Quyền sử dụng đất trong KCN số 06/2019/HĐ-BĐP ngày 08/07/2019 giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH Nội thất Honest Best Việt Nam cho Lô B5 diện tích 11.665,8 m^2.

+ Giấy phép xây dựng số 54/GPXD ngày 07/12/2021 của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước.

+ Biên bản nghiệm thu hố ga đấu nối nước thải giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam ngày 06/03/2023 về hạng mục hố ga đấu nối nước thải (hố ga đấu nối, van khóa).

+ Biên bản chấp thuận đấu nối đường giao thông, thoát nước mưa cho Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam ngày 20/09/2023.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số 108/TD-PCCC ngày 26/04/2021 do Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ, Công an tỉnh Bình Phước cấp cho lô B4.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số 139/TD-PCCC ngày 21/08/2024 do Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ, Công an tỉnh Bình Phước cấp cho lô B4, B5.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần (nếu có):

+ Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt báo cáo ĐTM Dự án "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường với công suất 5.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế với công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa với công suất 10.000 sản phẩm/năm" tại địa chỉ Lô B4 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

+ Giấy phép môi trường số 64/GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

- Quy mô của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ:

+ Dự án đầu tư có tổng mức đầu tư: 85.100.000.000 đồng.

+ Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công thì dự án thuộc nhóm C (theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15).

+ Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất như giường, tủ, bàn, ghế, sofa.

- Phân nhóm dự án đầu tư:

+ Cơ sở thuộc Danh mục các Dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và số thứ tự 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ.

Công ty có nhu cầu bổ sung thêm các hệ thống buồng sơn mẫu tại tầng 2 xưởng 3; dự kiến gom ống thải của 49 hệ thống xử lý khí thải số 9 đến số 57 (nguồn số 08 đến nguồn số 56) tại xưởng 2 thành 13 dòng khí thải; làm gia tăng tác động xấu đến môi trường (tăng trên 10% lưu lượng nước thải, bụi, khí thải). Do đó, dự án thuộc đối tượng cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép môi trường số 64/GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 nên thẩm quyền cấp lại Giấy phép môi trường của cơ sở do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp.

- Nội dung báo cáo được thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục X (mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động) Phụ lục

kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Công suất hoạt động của cơ sở không thay đổi so với Giấy phép môi trường số 64/GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp.

Cơ sở được thực hiện tại lô B4, B5 KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Tổng diện tích: 24.589,6 m² (*theo Quyết định số 136/QĐ-BQL ngày 18/9/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế; Giấy chứng nhận quyền sử dung đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CT 814256 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 20/11/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CT 18578 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Nội thất Honest Best Việt Nam ngày 20/11/2019; Thay đổi quyền sử dụng đất từ "Công ty TNHH Nội thất Honest Best Việt Nam" thành "Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam" đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh xác nhận ngày 17/8/2023*).

- Công suất được trình bày cụ thể trong bảng sau:

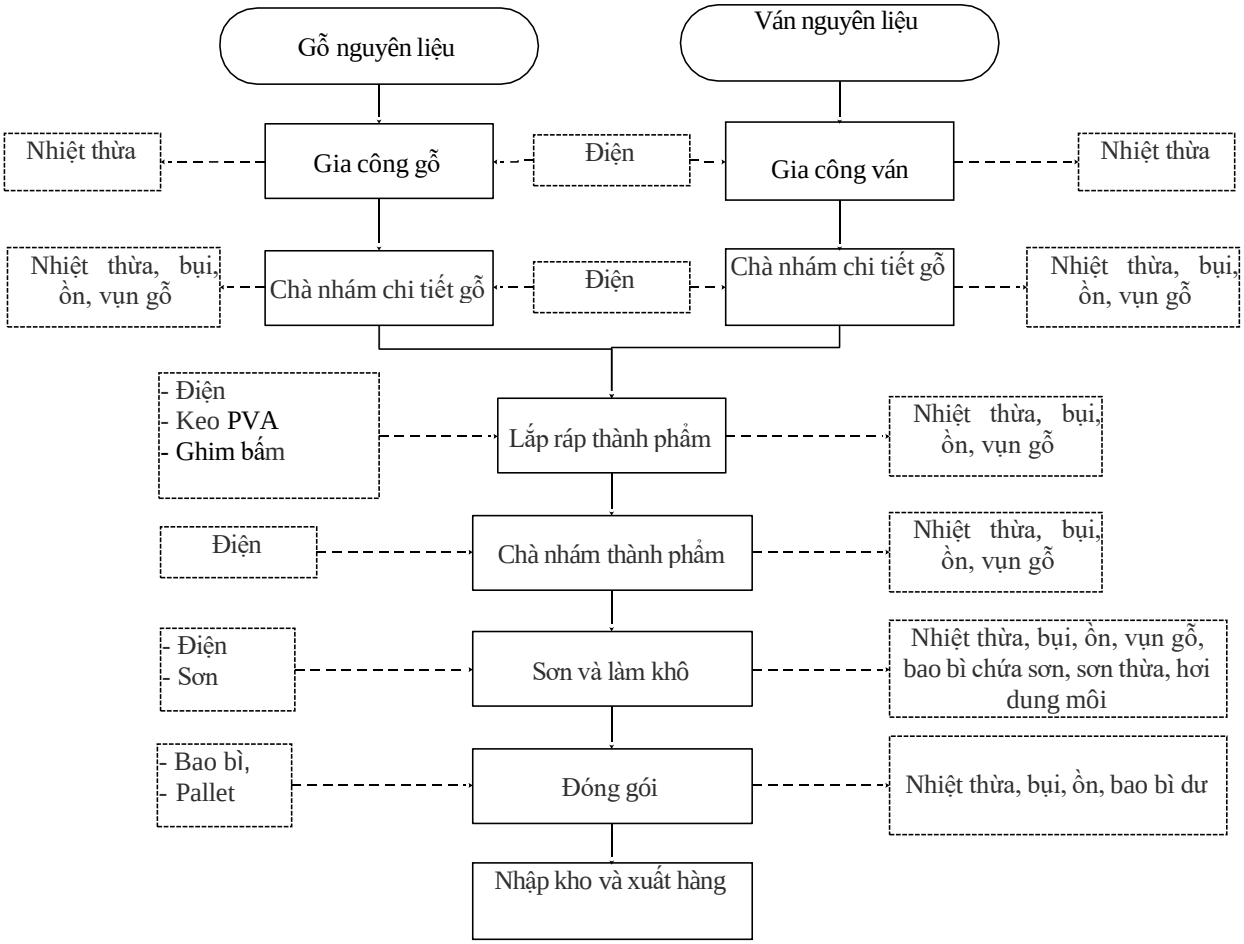
Bảng 1. 1. Công suất hoạt động của cơ sở

STT	Mục tiêu	Công suất (Sản phẩm/năm)
1	Sản phẩm giường	65.000
2	Sản phẩm tủ	100.000
3	Sản phẩm bàn	160.000
4	Sản phẩm ghế	150.000
5	Sản phẩm sofa	20.000
	Tổng cộng	495.000

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Công nghệ sản xuất của cơ sở không thay đổi so với Giấy phép môi trường số 64/GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp.

a. Công nghệ sản xuất sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế



Hình 1. 1. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất của cơ sở là gỗ cao su. gỗ thông, ván ép. MDF. Nguyên liệu của nhà máy là gỗ các loại đã qua ngâm tẩm chống mối mọt và đã được sấy khô có nguồn gốc trong nước và nhập khẩu. Nguyên liệu sau khi nhập về được đưa vào kho lưu trữ. Sau đó, được đem đi sấy qua tia UV, để tránh tình trạng bị mốc, hư hỏng.

Cắt liệu:

Tiếp theo, tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng là các sản phẩm tủ có kích thước khác nhau sẽ được đưa qua máy cắt để cắt theo kích thước của đơn hàng.

Sau đó nguyên liệu tiếp tục được gia công. Ở công đoạn này, công nhân sử dụng máy bào để tạo hình dáng sản phẩm cũng như tạo độ bằng phẳng ban đầu. Các chi tiết

gỗ tiếp tục được khoan, làm mộng (bằng các máy đục lỗ, máy ghép mộng, máy khoan, máy xẻ rãnh,...) nhằm tạo các hình hoa văn, tạo mộng và các góc uốn lượn của sản phẩm. Để bề mặt gỗ được nhẵn, láng bóng và dễ bắt sơn, các chi tiết gỗ sẽ được đưa qua công đoạn chà nhằm bằng các máy chà nhám tự động, độ nhẵn chưa đạt được chà lại bằng máy chà nhám cầm tay và giấy nhám.

Tại các máy cưa, cắt, khoan, làm mộng đều là những máy kín, quá trình hoạt động sẽ phát sinh bụi gỗ thô có kích thước lớn sẽ được lắp đặt các ống thu bụi dẫn về hệ thống xử lý bụi bằng cylone, bụi thu được sẽ được thu gom xử lý cùng chất thải sản xuất, khísạch thoát ra ngoài theo ống thải.

Đối với bụi tỉnh phát sinh tại các máy bào, chà nhám được thu gom theo đường ống về hệ thống xử lý túi vải lọc bụi, bụi thu được sẽ được thu gom xử lý cùng chất thải sản xuất, khí sạch thoát ra ngoài theo ống thải.

**** Lắp ráp***

Sau công đoạn tạo hình, đối với các chi tiết đạt yêu cầu của sản phẩm nhỏ như ghế sẽ được công nhân lắp ráp thủ công gắn ốc vít hoặc nhờ máy xiết ốc vít hỗ trợ để tạo hình sản phẩm và chuyển qua công đoạn sơn. Chi tiết chưa đạt được đưa lại chính sửa ở các công đoạn trước. Quá trình lắp ráp có sử dụng keo PVA để chấm vào các chỗ bị hở mộng không chắc chắn (keo PVA với thành phần chính là Poly Vinyl Acetate). Đối với chi tiết của các sản phẩm lớn được phun sơn rồi sau đó mới lắp ráp thành bộ hoàn chỉnh.

**** Phun sơn***

Công đoạn phun sơn của dây chuyền sản xuất đồ gỗ sử dụng công nghệ phun sơn khô, buồng sơn được phủ tấm bông thu hồi bụi khô, thu hồi bụi khô hàng ngày, định kỳ thay tấm bông để tăng hiệu quả xử lý bụi và sử dụng công nghệ phun sơn UV.

Đối với buồng phun sơn khô:

Quá trình phun sơn được mô tả như sau: Vật cần sơn được treo trên các móc treo của hệ thống thiết bị dẫn truyền (vị trí từ móc treo đến mặt đất khoảng từ 1,3m – 1,5m, ngang tầm với tay của công nhân để tiện cho công việc phun sơn). Thiết bị dẫn truyền sẽ được điều chỉnh vận tốc đủ nhỏ (0,1 – 0,2m/s) để đưa vật cần sơn tự động đi vào buồng sơn, công nhân sử dụng đồ bảo hộ lao động sẽ đứng trước vật cần sơn, đối diện với buồng sơn và tiến hành phun sơn lên bản thành phẩm bằng súng phun sơn chuyên dụng. Vật sau khi sơn vẫn treo trên móc treo chạy vòng quanh bên ngoài buồng phun

sơn và được kiểm tra bằng mắt thường, tại các vị trí sơn chưa đạt được sơn dặm thủ công bằng cọ quét. Các vật sau khi sơn được để khô tự nhiên tại chuyển.

Trong mỗi buồng phun sơn, Công ty sẽ lắp đặt quạt hút và 01 hệ thống xử lý bụi và dung môi gồm lớp vật liệu lọc là sợi thủy tinh lọc bụi và tấm than hoạt tính hấp phụ hơi dung môi. Đối với phần bụi sơn không bám trên bản thành phẩm thì sẽ theo quán tính bám vào tấm bông lọc sợi thủy tinh đặt ở phía sau vật cần sơn nên sẽ giảm thiểu lượng bụi sơn phát tán vào môi trường xung quanh. Dòng khí sau khi tách bụi sẽ đi qua tấm than hoạt tính, tại đây các chất hữu cơ sẽ bị hấp phụ bởi than hoạt tính tẩm trong tấm lọc. Khi thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép sẽ thoát ra ngoài qua mái nhà xưởng. Tấm bông lọc sợi thủy tỉnh và than hoạt tính sẽ được định kỳ thay thế và thu gom cùng chất thải nguy hại.

Quá trình pha sơn được thực hiện trong khu vực riêng. Dung môi và sơn được cho vào thùng phuy có lắp đặt trục khuấy và nắp đậy để hạn chế hơi dung môi phát tán ra bên ngoài. Sơn sau khi pha được bơm từ bồn chứa tới các súng phun, công nhân sẽ cầm súng phun sơn lên các vật liệu cần sơn.

Đối với công nghệ sơn UV:

Bán thành phẩm sẽ được đưa vào máy sơn tự động dạng trục lăn nên không phát sinh bụi trong quá trình sơn. Ngoài ra sơn UV là loại sơn không sử dụng dung môi để pha, thành phần của sơn là 99,43% chất rắn, quá trình làm khô dược thực hiện bằng nhiệt UV. Dưới tác dụng của UV, chất hoạt hoa quang học trong sơn sẽ sinh ra gốc tự do để liên kết cới các Oligomer và Monoer tạo thành các liên kết ngang đóng rắn. Vì vậy, lớp sơn sẽ đóng rắn nhanh chóng trong khoảng thời gian từ 2-3s, ngoài ra các thiết bị UV là 1 dây chuyền tự động khép kín và đồng bộ, nhiệt thừa, hơi dung môi từ quá trình sơn sẽ được hút về HTXL và thoát ra ngoài ống xả nên sẽ không gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe công nhân.

Quá trình sơn UV được thực hiện trong dây chuyền tự động khép kín, tại các bước vệ sinh, đánh ráp cho nhẫn bề mặt có lắp đặt hệ thống chụp hút đồng bộ với dây chuyền. Bụi, khí thải phát sinh được thu gom và xử lý bằng hệ thống lọc bụi túi vài trước khi thải ra ngoài môi trường.

**** Lắp ráp sản phẩm lớn, đóng gói, lưu kho và xuất xưởng***

Các chi tiết của sản phẩm lớn được lắp ráp thủ công hoặc nhờ máy hỗ trợ. Quá trình lắp ráp sẽ xiết ốc vít, đóng đinh, gắn bản lề, móc treo, tay nắm, thanh trượt, bánh

xe, khung đỡ, tấm kính... thành bộ bàn, ghế, tủ, kệ hoàn chỉnh và trong quá trình lắp ráp có sử dụng keo PVA để chấm vào các chỗ bị hở mộng không chắc chắn.

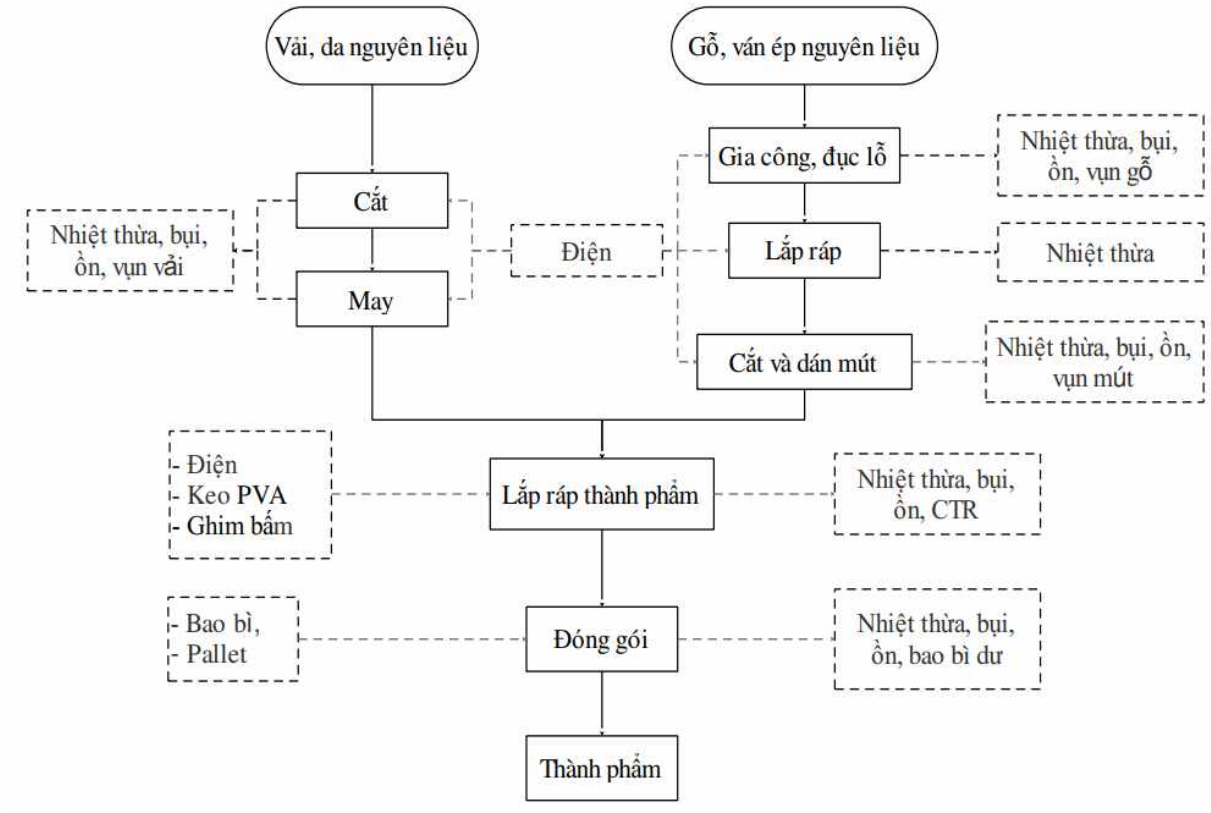
Các ngũ kim ốc vít, móc treo, tay nắm, đinh, bản lề, bánh xe, tấm kinh gia công sẵn theo kích thích yêu cầu được chủ cơ sở mua từ các đơn vị khác. Riêng các khung đỡ cơ sở tự sản xuất, quy trình sản xuất khung đỡ sẽ được trình bày chi tiết trong phần sau.

Cuối cùng sản phẩm được đóng gói thành phẩm, lưu kho rồi cung cấp cho khách hàng.

Nhận xét chung: Trong các quy trình trên, chất thải phát sinh chủ yếu là bụi gỗ, phế phẩm gỗ từ quá trình tạo hình thô (cưa, cắt, khoan, làm mộng....), tạo hình chi tiết (phay bảo, chà nhám); tiếng ồn từ hoạt động của các máy móc thiết bị (máy cắt, máy chà nhám, khoan), lắp rắp sản phẩm và gia công các công đoạn (đóng gói, đóng thùng...); nhiệt thừa phát sinh từ máy móc thiết bị và nhiệt tỏa ra từ công nhân; nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên Công ty; chất thải nguy hại như cặn sơn, dung môi thải, bao bì đựng hóa chất; hơi dung môi từ quá trình sơn, dán keo.

b. Công nghệ sản xuất sản phẩm sofa

Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm sofa như sau:



Hình 1. 2. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm sofa

Thuyết minh quy trình:

**** Gia công gỗ tạo khung ghế***

Nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất của cơ sở là gỗ cao su. gỗ thông, ván ép. MDF. Nguyên liệu của nhà máy là gỗ các loại đã qua ngâm tẩm chống mối mọt và đã được sấy khô có nguồn gốc trong nước và nhập khẩu. Nguyên liệu sau khi nhập về được đưa vào kho lưu trữ. Sau đó, được đem đi sấy qua tia UV, để tránh tình trạng bị mốc. hư hỏng.

Gỗ đã qua xử lý ở trên sẽ được đưa vào máy cắt để cắt thành những thanh gỗ có kích thước và kiểu dáng như trong bản vẽ. Sau khi đã có thành phẩm là các thanh gỗ có đúng kiểu mẫu, thợ sẽ tiến hành làm mịn bề mặt các thanh gỗ thô đó để có các thành phẩm có độ mịn cao và không bị dăm trong quá trình sử dụng.

Sử dụng súng bắn hơi để bắn đinh và keo chuyên dụng về gỗ để liên kết các thanh khung sofa với nhau. Để ghế được chắc chắn và đạt được độ nảy nhất định, các khung sofa phải được lắp bằng lò xo xoắn được cố định bằng vít đồng, thêm nữa phải lồng dây đai trợ lực vào bên trong lò xo.

**** Cắt đệm mút, vải da***

Nguyên liệu mút, vải da được đưa vào máy cắt theo thiết kế, sau đó được may đo bề mặt phù hợp với kích thước của sofa. Cố định phần bọc bằng da, nhung hoặc nỉ vào đáy của khung gỗ bằng những chiếc đinh.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của cơ sở không thay đổi so với Giấy phép môi trường số 64/GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp.

Mục tiêu của cơ sở: sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất như giường, tủ, bàn, ghế, sofa là 495.000 sản phẩm/năm.

Các sản phẩm của Công ty được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 2. Các sản phẩm của Công ty

STT	Mục tiêu	Công suất (Sản phẩm/năm)
1	Sản phẩm giường	65.000
2	Sản phẩm tủ	100.000
3	Sản phẩm bàn	160.000
4	Sản phẩm ghế	150.000

STT	Mục tiêu	Công suất (Sản phẩm/năm)
5	Sản phẩm sofa	20.000
	Tổng cộng	495.000

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu

Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu sử dụng của Cơ sở được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nguyên phụ liệu tại Cơ sở

STT	Nguyên liệu, hóa chất	Khối lượng (Tấn/năm)	Công đoạn sử dụng
	Nguyên vật liệu chính	19.689,40	
1	Gỗ (MDF, ván ép, gỗ cao su, gỗ thông...)	7.600,04	Nguyên liệu chính
2	Ngũ kim (tay nắm, thanh trượt, bản lề, ốc vít...)	1.944,10	Linh kiện lắp ráp
3	Bao bì (thùng giấy, tốt ông tấm, mút xốp...)	10.142,75	Đóng gói
3.1	Thùng giấy	4.167,80	
3.2	Mút xốp	3.603,61	
3.3	Giấy tổ ong	2.371,34	
4	Giấy nhám	2,51	Công đoạn chà nhám
	Hóa chất sử dụng sản suất	**1.313,42**	
5	Sơn UV tinh thể trong suốt	15,00	Công đoạn sơn UV
6	Sơn UV lót trong suốt	7,00	
7	Sơn UV lăn lót cạnh	4,00	
8	Sơn UV lót trắng	12,00	
9	Sơn UV lót đen	5,00	
10	Sơn UV 15% bóng màu đen	1,20	
11	Nước rửa máy	5,22	
12	Keo Epoxy	2,20	
13	Epoxy Hardener- B46 (Keo B)	2,20	

STT	Nguyên liệu, hóa chất	Khối lượng (Tấn/năm)	Công đoạn sử dụng
14	Keo nhiệt 28820 (241)	2,00	
15	Keo AP650T	15,29	
16	Keo silicon trong suốt 9000	10,44	
17	Keo sữa màu vàng dạng lỏng (WHITE EMULSION GLUE 1360 YELLOW)	4,55	
18	Trám trét	3,56	Công đoạn sơn
19	Bột trám trét	1,12	
20	Tinh màu đen (Black 8208)	0,43	
	Hóa chất sơn + Dung môi pha sơn	**611,10**	
21	NC Dung Môi 2515 YC	227,12	
22	NC Dung Môi 2517 YC	65,28	
23	Dầu thông AT-20	5,44	
24	NC lót 059DT	48,00	
25	Glaze màu trắng (GLAZE-808)	0,36	
26	CT sơn màu đỏ (CT- 630)	0,58	
27	PU Dung môi (PU- 2310)	25,84	
28	PU chất cứng 301 x	15,81	
29	NC bóng 135-10	5,04	
30	PU Sơn lót trong (PU- 519)	5,60	
31	NC bột trét màu trắng (NC-621W)	1,08	
32	CT sơn màu vàng (CT-631)	0,72	
33	NC màu đỏ cái (NC- BP-516R)	0,36	
34	NC màu xanh lá cái (NC-BP-512G)	0,22	
35	NC bóng 135-05	4,32	
36	NC màu đen cái (NC- BP-07B)	0,50	
37	NC bóng không ngả vàng 136-10	10,08	
38	NC màu vàng cái (NC-BP-511Y)	0,14	
39	CT sơn màu đen (CT- 632)	31,46	

STT	Nguyên liệu, hóa chất	Khối lượng (Tấn/năm)	Công đoạn sử dụng
40	NC lót trắng 060A	4,36	
41	Glaze màu đen (Glaze-803)	0,22	
42	PU Sơn lót trắng (PU- 519W)	36,00	
43	NC bóng không ngả vàng 136-20	7,92	
44	Glaze base (Glaze- 807)	0,08	
45	NC Sơn lót đen (NC- 062)	6,40	
46	NC lót chỉ định không ngả vàng màu xám lợt 081#YC23E22	26,40	
47	NC lót chỉ định không ngả vàng màu xám đậm 081#YC23C20	35,20	
48	NC Sơn lót không ngả vàng màu trắng (NC- 065W)	2,40	
49	Chất chống mốc AT 45 A	1,60	
54	PAD Dung môi (PAD-2611)	0,68	
55	Dung môi AT -50A	5,44	
56	PU chất cứng 304	1,86	
57	PU Sơn lót trong PU- 519Y PM	7,20	
58	CT lót chỉ định màu đen CT-650#YC221104	17,28	
59	NC bóng chống trầy	9,36	
60	PU lót đen 519B	0,08	
61	Dầu thông AT-15	0,68	
	Tổng	**21.002,83**	

Chủ cơ sở cam kết không sử dụng các loại dung môi nguy hiểm không được đăng ký hoặc nghiêm cấm trong quá trình sản xuất.

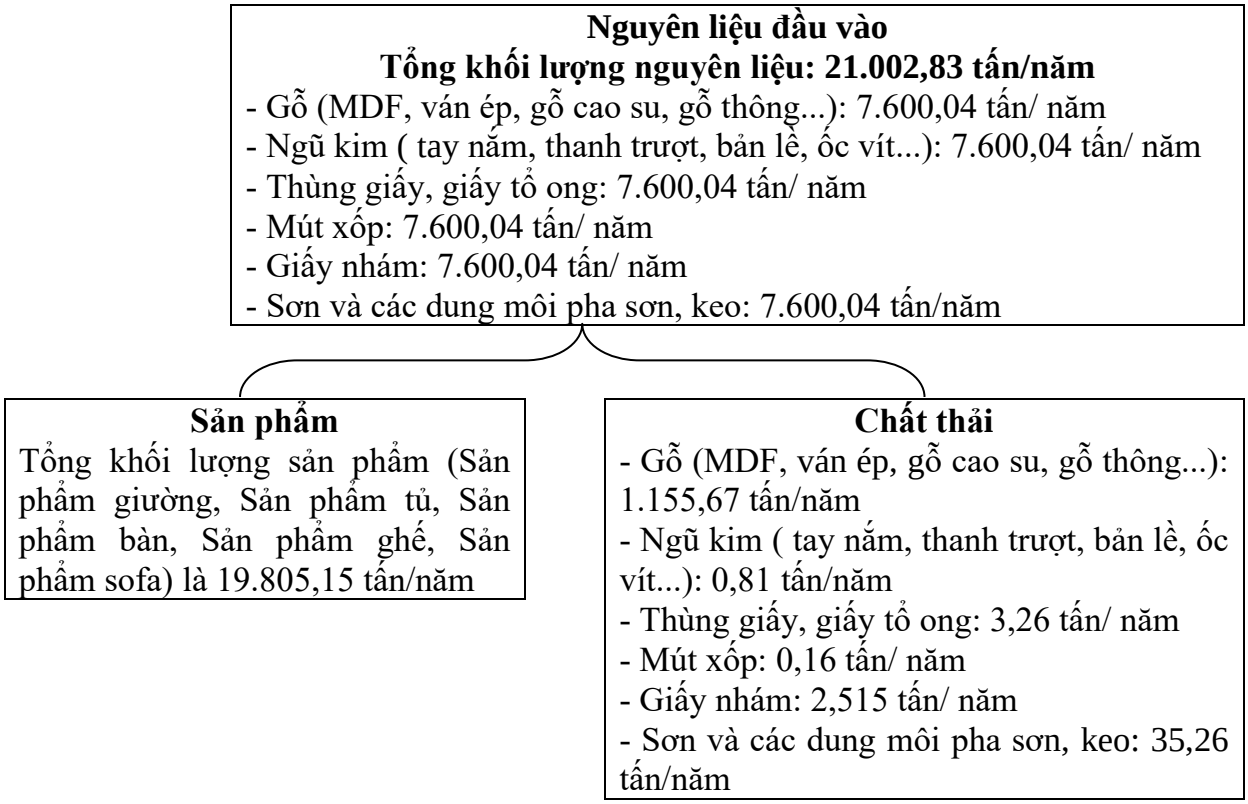
Cân bằng vật chất tại cơ sở:

Bảng 1. 4. Cân bằng vật chất nguyên liệu vật liệu trong sản xuất

STT	Nguyên liệu và hóa chất	Đầu vào (tấn/năm)	Tổng chất thải (tấn/năm)	Đi vào sản phẩm (tấn/năm)	Tỷ lệ hao hụt(%)
1	Gỗ (MDF, ván ép, gỗ cao	7.600,04	1.155,67	6.444,37	15,21

STT	Nguyên liệu và hóa chất	Đầu vào (tấn/năm)	Tổng chất thải (tấn/năm)	Đi vào sản phẩm (tấn/năm)	Tỷ lệ hao hụt(%)
	su, gỗ thông...)				
2	Ngũ kim (tay nắm, thanh trượt, bản lề, ốc vít...)	1.944,10	3,05	1.941,05	0,16
3	Thùng giấy, giấy tổ ong	6.539,14	3,26	6.535,88	0,05
4	Mút xốp	3.603,61	0,16	3.603,45	0,004
6	Giấy nhám	2,515	2,515	-	100,00
7	Sơn và các dung môi pha sơn, keo	1.313,42	35,26	1.278,17	2,68

Sơ đồ cân bằng vật chất của Nhà máy:



Hình 1. 3. Sơ dồ cân bằng vật chất tại nhà máy

Thành phần hóa học của hóa chất sử dụng:

Bảng 1. 5. Thành phần và đặc trưng các hóa chất tại Cơ sở

TT	Nguyên liệu, hóa chất	Thành phần hóa chất	Đặc tính hóa chất
1	Keo sữa màu vàng dạng lỏng (WHITE EMULSION GLUE 1360 YELLOW)	Nước: 57,69% Vinyl acrylate: 22% (chất lỏng và hơi dễ cháy Kaolin (cao lanh): 8% Ethanol: 7% Tinh bột: 5% Poly(dimethylsiloxane): 0,2% 5-Chloro-2-methyl-2H- isothiazol-3-one: 0,1%	Trạng thái vật lý: Chất lỏng Mùi: Không mùi Tính dễ cháy: Không dễ cháy Độ hòa tan: Hòa tan trong nước Tính chất nổ: Không nổ Tính chất oxy hóa: Không oxy hóa.
2	Sơn NC	Xylene (20-25%, CAS 1330-20-7; TLV là 100 ppm; LD 50 là 5000 ppm; LC 50 là 6500 ppm/4hrs); Butyl cellosolve (5-10%, CAS 111-76-2; TLV là 50 ppm; LD 50 là 1490 ppm; LC 50 là 450 ppm/8hrs); Propylene glycol (10-15%, CAS 108-65-6; TLV là 100 ppm; LD 50 là 8530 ppm); Butyl Acetate (15-20%, CAS 123-86-4; TLV là 150 ppm; LD 50 là 13000 ppm; LC 50 là 2000ppm/4hrs); Ethyl Acetate (5-10%, CAS 141-78-6, TLV là 400 ppm; LD 50 là 5620 ppm; LC 50 là 1600 ppm/4hrs);	Trạng thái vật lý: Chất Lỏng; Điểm sôi: 100-200 °C; Điểm bùng cháy: 25-30°C; Giới hạn cháy nổ (lower- uppeer): Dưới: 2% trên : 7% by volume; Áp suất hóa hơi: Nặng hơn không khí; Khối lượng riêng: 0.95~0.98; Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước; Tỷ lệ hóa hơi (BuAc = 1): <1; Thành phần,% vol: 40~50%
3	Sơn PU	Part-A: Xylene (20-25%, CAS 1330-20-7; TLV là 100 ppm; LD 50 là 5000 ppm; LC 50 là 6500 ppm/4hrs); Butyl cellosolve (5-10%, CAS 111-76-2; TLV là 50 ppm; LD 50 là 1490 ppm; LC 50 là 450 ppm/8hrs);	Trạng thái vật lý: Chất Lỏng; Điểm sôi: 100-200 °C; Điểm bùng cháy: 25-30°C; Giới hạn cháy nổ (lower- uppeer): Dưới: 2% trên : 7% by volume;

TT	Nguyên liệu, hóa chất	Thành phần hóa chất	Đặc tính hóa chất
		Propylene glycol (10-15%, CAS 108-65-6; TLV là 100 ppm; LD 50 là 8530 ppm); Butyl Acetate (15-20%, CAS 123-86-4; TLV là 150 ppm; LD 50 là 13000 ppm; LC 50 là 2000ppm/4hrs); Ethyl Acetate (5-10%, CAS 141-78-6, TLV là 400 ppm; LD 50 là 5620 ppm; LC 50 là 1600 ppm/4hrs); Part-B: Polyisocyanate (50-60%; CAS 9081-90-7); Butyl Acetate (25-30%, CAS 123-86-4, TLV là 150 ppm; LD 50 là 13000 ppm; LC 50 là 2000 ppm/4hrs); Edyl Acetate (15-20%, CAS 141-78-6, TLV là 400 ppm; LD 50 là 5620 ppm; LC 50 là 1600 ppm/4hrs)	Áp suất hóa hơi: Nặng hơn không khí; Khối lượng riêng: 0.95~0.98; Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước; Tỷ lệ hóa hơi (BuAc = 1): <1; Thành Phần,% vol: 40~50%
4	Sơn UV	Thành phần bao gồm: - Oligomer Acrylate: Epoxy acrylate, Urethane Acrylate, Polyester Acrylate... - Monomer: TPGDA, DPGDA, TMPTA, HDDA, IBOMA... -PI (chất hoạt hóa quang học): TPO, 1173, 184...	Có hại khi nuốt phải. Tiếp xúc với da lâu dài có thể gây đỏ da tạm thời Có thể gây kích thích mắt nếu tiếp xúc trực tiếp
5	Keo Epoxy	Nhựa Epoxy (60-95%, CAS 25068-38-6) Chất phụ gia (10-30%)	Trạng thái vật lý: Chất lỏng; Điểm sôi (^{0}C): > 90 ^{o}C Màu sắc: Trong; Mùi đặc trưng Điểm cháy (0C): >40 °C Độ hòa tan trong nước: Không hòa tan trong nước Khối lượng riêng: 1,0 -1,2 g/cm^3
6	Dung môi pha sơn	- Toluen: $C_6H_5CH_3$ - Butyl Axetate: $CH_3COOC_4H_9$	- Trạng thái: dạng lỏng, Màu sắc: không màu, Mùi: có mùi xăng thơm, Nhiát độ sôi: 110-111°C, Nhiệt độ nóng chảy: -95°C.

TT	Nguyên liệu, hóa chất	Thành phần hóa chất	Đặc tính hóa chất
			- Nhiệt độ tự cháy: 480-536°C, Khối lượng riêng: 871 kg/m^3, Trạng thái: dạng lỏng, Màu sắc: không màu, Mùi: có mùi thơm của trái cây (chuối), Nhiệt độ sôi: 110-126°C, Nhiệt độ nóng chảy: -74°C, Nhiệt độ tự cháy: 370°C, Khối lượng riêng: 880 kg/m^3

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp điện: Nguồn cung cấp điện cho nhà máy do Công ty Điện lực Bình Phước cung cấp thông qua trạm đấu nối và cung cấp đián của KCN Bắc Đồng Phú. Điện được sử dụng cấp cho các máy móc thiết bị của nhà máy, phục vụ chiếu sáng công trình, điện chiếu sáng toàn Công ty.

Cơ sở không sử dụng máy phát điện.

Lượng điện sử dụng cho cơ sở khoảng 600.000 kWh/tháng.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cấp nước: sử dụng nguồn nước cấp do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Phước cung cấp thông qua há thống cấp nước của KCN Bắc Đồng Phú. Mạng lưới cấp nước là mạng vòng đảm bảo cung cấp nước đến từng lô đất. Hệ thống cấp nước cho toàn bộ nhu cầu của Nhà máy chủ yếu nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất, nước tưới cây, rửa đường, PCCC. Nhu cầu sử dụng nước được tính toán dựa trên các cơ sở sau:

Nước sinh hoạt:

Nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Nhà máy: 48 m^3/ngày

- Định mức nước cấp sinh hoạt khoảng 80 lít/người.ngày, áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng - QCVN 01:2021/BXD
- Số lượng công nhân làm việc tại nhà máy: 600 người/ ca, 1 ca/ngày.
- Cơ sở không nấu ăn cho công nhân, cơ sở sử dụng suất ăn công nghiệp.

Nước sản xuất

Cơ sở sử dụng buồng sơn khô nên không dùng nước cấp cho hoạt động sản xuất.

Nước tưới cây

Diện tích cây xanh 5.121,50 m^2, Định mức sử dụng nước cho tưới cây: 3 lít/m^2/ngày (Theo QCVN 01:2021/BXD). Nước tưới cây khoảng 15,36 m^3/ngày.

Nhu cầu lượng nước của Công ty được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng nước

TT	Nhu cầu cấp nước	Sau khi nâng công suất (m^3/ngày)
1	Sinh hoạt	48
2	Nước cho sản xuất	0
2	Tưới cây, rửa đường	15,36
Tổng cộng		**63,36**

Ngoài ra, Công ty còn dự trữ một lượng nước cho PCCC. Lượng nước dự trữ cấp cho hoạt động chữa cháy khoảng 324 m^3, được tính cho 2 đám cháy trong 3 giờ liên tục với lưu lượng 15 lít/giây/đám cháy.

Wcc = 15 lít/giây/đám cháy x 3 giờ x 2 đám cháy x 3.600 giây/1.000 = 324 m^3.

Phương án cấp nước chữa cháy tại cơ sở: Nhà máy sẽ được bố trí 2 bể chứa nước chữa cháy với 1 bể 650 m^3 và 1 bể 529 m^3 thuận lợi cho quá trình chữa cháy khi có đám cháy xảy ra, đảm bảo lượng nước chữa cháy đủ cung cấp trong 3 giờ đầu khi có đám cháy xảy ra.

4.4. Nhu cầu lao động

Nhu cầu sử dụng lao động không thay đổi sau khi bổ sung thêm hoạt động sản xuất tại tầng 2 của xưởng 3 của công ty được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1. 7. Nhu cầu lao động của công ty

Nội dung	Số liệu
Nhu cầu lao động	600 (người)
Số ca hoạt động	8h/ca, 1 ca/ngày
Số ngày làm việc	6 ngày/tuần

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

5.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở

Cơ sở có diện tích 24.589,6 m^2. Cơ sở nằm hoàn toàn trong KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Cơ cấu sử dụng đất của toàn bộ Cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 8. Bảng cân bằng sử dụng dất của toàn Cơ sở

STT	Loại đất	Diện tích chiếm đất (m^2)	Tỷ lệ sử dụng đất (%)
I	Đất công trình sản xuất công nghiệp, TTCN, kho tàng và đất cơ quan, trụ sở	15.414,35	62,69
II	Đất cây xanh	5.121,50	20,83
III	Đất giao thông	4.053,750	16,49
Tổng cộng		**24.589,60**	**100,00**

Bảng 1. 9. Bảng cân bằng sử dụng dất chi tiết của toàn Cơ sở

STT	Loại đất	Chức năng	Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích hạng mục (m^2)	Số tầng (tầng)	Chiều cao tầng (m)	Tổng diện tích sàn (m^2)	Diện tích chiếm đất (m^2)	Tỷ lệ sử dụng đất (%)	Ghi chú
I	**Đất công trình sản xuất công nghiệp, TTCN, kho tàng**				**14.677,605**			**26.086,400**	**14.677,600**	**59,690**	
1	Đất công nghiệp	Nhà xưởng 1	110,000	37,000	4.070,000	2	16,105	8.140,000	4.070,000	16,552	Đã xây dựng
2	Đất công nghiệp	Nhà xưởng 2	102,225	37,000	3.782,330	2	16,105	7.564,650	3.782,325	15,382	Đã xây dựng
3	Đất công nghiệp	Nhà xưởng 2 (mở rộng)	7,775	37,000	287,675	2	16,105	575,350	287,675	1,170	Đã xây dựng
4	Đất công nghiệp	Nhà xưởng 3	102,225	32,000	3.268,800	2	16,105	6.537,600	3.268,800	13,293	Đã xây dựng
5	Đất công nghiệp	Nhà kho (nhà xưởng 4)	102,225	32,000	3.268,800	1	11,780	3.268,800	3.268,800	13,293	Đã xây dựng
II	**Đất cơ quan, trụ sở**				**736,750**			**2.788,750**	**736,750**	**2,996**	

STT	Loại đất	Chức năng	Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích hạng mục (m^2)	Số tầng (tầng)	Chiều cao tầng (m)	Tổng diện tích sàn (m^2)	Diện tích chiếm đất (m^2)	Tỷ lệ sử dụng đất (%)	Ghi chú
1	Đất hành chính	Nhà văn phòng	20,000	15,000	300,000	4	15,300	1.200,000	300,000	1,220	Đã xây dựng
		Sảnh đón	6,000	5,000	30,000	1	5,630	30,000	30,000	0,122	Đã xây dựng
2	Đất hành chính	Nhà ăn	32,000	12,000	384,000	4	15,350	1.536,000	384,000	1,562	Đã xây dựng
		Sảnh đón	6,500	3,500	22,750	1	5,630	22,750	22,750	0,093	Đã xây dựng
III	**Đất giao thông**				**4.053,750**				**4.053,750**	**16,486**	
IV	**Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác**				**540,950**			**1.145,070**	**825,170**		
1	Đất kỹ thuật	Bể nước PCCC 1 (650 m^3)	20,000	6,000	120,000	1	Chôn ngầm	120,000	Chôn ngầm	-	Đã xây dựng
2	Đất kỹ thuật	Trạm biến áp 1 (22/0,4kV-450kVA)	5,000	4,000	20,000	1	2,800	20,000	20,000	0,081	Đã xây dựng

STT	Loại đất	Chức năng	Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích hạng mục (m^2)	Số tầng (tầng)	Chiều cao tầng (m)	Tổng diện tích sàn (m^2)	Diện tích chiếm đất (m^2)	Tỷ lệ sử dụng đất (%)	Ghi chú
3	Đất kỹ thuật	Nhà bảo vệ 1	5,000	3,500	17,500	1	3,400	17,500	17,500	0,071	Đã xây dựng
4	Đất kỹ thuật	Nhà vệ sinh công nhân 1	16,200	3,600	58,320	1	2,800	58,320	Trong nhà xưởng 1	-	Đã xây dựng
5	Đất kỹ thuật	Nhà xe	20,000	6,000	120,000	1	3,400	120,000	120,000	0,488	Đã xây dựng
6.1	Đất kỹ thuật	Khu HTXL bụi gia công và chà nhám (cyclone + túi vải)	30,400	2,100	63,84	-	-	63,84	63,84	0,26	Đã xây dựng
6.2	Đất kỹ thuật	Khu HTXL bụi chà nhám túi vải	10,100	3,000	30,300	-	-	30,300	79,040	0,321	Đã xây dựng
		Khu HTXL hơi keo									Đã xây dựng
6.3	Đất kỹ thuật	Khu HTXL hơi dung môi chuyền sơn UV	5,000	1,250	6,250	-	-	6,250	6,250	0,025	Đã xây dựng
6.4	Đất kỹ thuật	Khu HTXL hơi dung môi buồng	5,800	2,000	11,600	-	-	11,600	11,600	0,047	Đã xây dựng

STT	Loại đất	Chức năng	Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích hạng mục (m^2)	Số tầng (tầng)	Chiều cao tầng (m)	Tổng diện tích sàn (m^2)	Diện tích chiếm đất (m^2)	Tỷ lệ sử dụng đất (%)	Ghi chú
		sơn									
7	Đất kỹ thuật	Nhà chứa máy nén khí, máy bơm khí	10,100	2,100	21,210	1	3,000	21,210	21,210	0,086	Đã xây dựng
			14,400	2,300	33,120	1	3,000	33,120	33,120	0,135	Đã xây dựng
8	Đất kỹ thuật	Bể nước PCCC 2 (529 m3)	24,000	5,500	132,000	1	Chôn ngầm	132,000	Chôn ngầm	-	Đã xây dựng
9	Đất kỹ thuật	Trạm biến áp 2 (22/0,4kV-450kVA)	5,000	4,000	20,000	1	2,800	20,000	20,000	0,081	Đã xây dựng
10	Đất kỹ thuật	Trạm bơm	6,000	5,500	33,000	1	3,800	33,000	33,000	0,134	Đã xây dựng
11	Đất kỹ thuật	Kho chứa chất thải công nghiệp	12,000	5,000	60,000	1	4,000	60,000	60,000	0,244	Đã xây dựng

STT	Loại đất	Chức năng	Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích hạng mục (m^2)	Số tầng (tầng)	Chiều cao tầng (m)	Tổng diện tích sàn (m^2)	Diện tích chiếm đất (m^2)	Tỷ lệ sử dụng đất (%)	Ghi chú
		Kho chứa chất thải sinh hoạt	12,000	5,000	60,000	1	4,000	60,000	60,000	0,244	
		Kho chứa chất thải nguy hại	18,600	5,000	93,000	1	4,000	93,000	93,000	0,378	
12	Đất kỹ thuật	Kho chứa hóa chất	20,000	5,000	100,000	1	4,000	100,000	100,000	0,407	Đã xây dựng
13	Đất kỹ thuật	Nhà bảo vệ 2	5,000	3,500	17,500	1	3,400	17,500	17,500	0,071	Đã xây dựng
14	Đất kỹ thuật	Nhà vệ sinh công nhân 2	16,200	3,600	58,320	1	2,800	58,320	Trong nhà xưởng 3	-	Đã xây dựng
15	Đất kỹ thuật	Khu lắp đặt HTXL bụi, khí thải	10,100	3,000	30,300	-	-	30,300	30,300	0,123	Đã xây dựng
V	**Đất cây xanh**				**5.121,50**				**5.121,50**	**20,828**	
Tổng cộng								**29.981,41**	**24.589,60**	**100,000**	

5.2.1. Các hạng mục công trình chính:

Bảng 1. 10. Hạng mục công trình chính

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng
A	**Hạng mục công trình chính**			
1	Nhà xưởng 1 - Xưởng gia công, chà nhám	4.070,000	16,552	GPXD số 54/GPXD, Đã xây dựng, 2 tầng, chiều cao công trình 16,105m
1.1	Nhà vệ sinh công nhân 1	58,320	-	Đã xây dựng
2	Nhà Xưởng 2 - Xưởng sơn	3.782,300	15,382	GPXD số 54/GPXD, Đã xây dựng, 2 tầng, chiều cao công trình 16,105m
2.1	Kho chứa chất thải công nghiệp	-	-	Đã xây dựng
2.2	Kho chứa chất thải sinh hoạt	-	-	Đã xây dựng
2.3	Kho chứa chất thải nguy hại	-	-	Đã xây dựng
2.4	Kho chứa hóa chất	-	-	Đã xây dựng
3	Nhà xưởng 2 (mở rộng)	287,675	1,170	
4	Nhà xưởng 3 - Xưởng gia công, chà nhám	3.268,800	13,293	Đã xây dựng, 2 tầng, chiều cao công trình 16,105m
4.1	Nhà vệ sinh công nhân 2	58,320	-	Đã xây dựng
5	Nhà xưởng 4 - kho chứa hàng	3.268,800	13,293	Đã xây dựng, 2 tầng, chiều cao công trình 11,780m
6	Nhà Văn phòng + sảnh đón	330,000	1,342	GPXD số 54/GPX D, Đã xây dựng, 4 tầng, chiều cao công trình 15,300m
7	Nhà ăn + sảnh đón	406,750	1,654	Đã xây dựng

❖ **Nhà xưởng 1**

- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 02

- Diện tích xây dựng tầng 1: kích thước 110m x 37m = 4.070m².
- Diện tích xây dựng tầng 2: kích thước 110m x 37m = 4.070m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 4.070m² +4070m² = 8.140m².
- Chiều cao công trình: 16,105m.
- Cốt nền công trình : Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; sàn khung thép deck sàn BTCT, tường xây gạch, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt.

❖ **Nhà xưởng số 2 và kho: 01 nhà.**

- Số tầng: 02
- Diện tích xây dựng tầng 1. 102,2225m x 37m = 3782.23m².
- Diện tích xây dựng tầng 2: 102, 2225m x 37m = 3782.23m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 3782.23m² +3782.23m² = 7.564,46m².
- Chiều cao công trình: 16,105m.
- Cốt nền công trình : Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, sàn Bê tông khung thép hệ Deck; tường xây gạch, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa nhôm, cửa sắt.

❖ **Nhà xưởng số 2 mở rộng: 01 nhà.**

- Số tầng: 02
- Diện tích xây dựng tầng 1: 287,675 m².
- Diện tích xây dựng tầng 2: 287,675 m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 575,350 m².
- Chiều cao công trình: 16,105m.
- Cốt nền công trình : Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, sàn Bê tông khung thép hệ Deck; tường xây gạch, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa nhôm, cửa sắt.

❖ **Nhà xưởng 3**

- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 02
- Diện tích xây dựng tầng 1: 3.268,8 m².
- Diện tích xây dựng tầng 2: 3.268,8m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 3.268,8m² +3.268,8m² = 6.537,6m².
- Chiều cao công trình: 16,105m.
- Cốt nền công trình : Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; sàn khung thép deck sàn BTCT, tường xây gạch, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt.

❖ **Nhà xưởng 4 - kho**

- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng tầng 1: 3.268,8 m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 3.268,8m²
- Chiều cao công trình: 11,780m.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; sàn khung thép deck sàn BTCT, tường xây gạch, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt.

❖ **Nhà văn phòng: 02 nhà.**

- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 04
- Chiều cao công trình: 15,3m.
- Cốt nền công trình : Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 là 0,45m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung BTCT; nền bê tông; tường xây gạch, sàn BTCT; trần thạch cao, hệ thống cửa sắt, cửa nhôm kính cường lực.

5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

Bảng 1. 11. Hạng mục công trình phụ trợ

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng
B	**Hạng mục công trình phụ trợ**			
1	Nhà bảo vệ 1	17,5	0,071	GPXD số 54/GPXD, Đã xây dựng
2	Nhà bảo vệ 2	17,5	0,071	Đã xây dựng
3	Nhà xe 2 bánh 1	120	0,488	GPXD số 54/GPXD, Đã xây dựng
4	Bể PCCC 1 dung tích 650 m^3 (xây ngầm)	120	-	Đã xây dựng

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng
5	Nhà xe 2 bánh 2	120	0,488	Đã xây dựng
6	Bể PCCC 2 dung tích 529 m^3 (xây ngầm)	132	-	Đã xây dựng
7	Trạm bơm	33	0,134	Đã xây dựng
8	Trạm biến áp 1 (22/0,4kV- 450kVA)	20	0,081	Đã xây dựng
9	Trạm biến áp 2 (22/0,4kV- 450kVA)	20	***0,081***	Đã xây dựng
10	Nhà chứa máy nén khí, máy bơm khí	54,33	***0,221***	Đã xây dựng
13	Diện tích đường giao thông nội bộ	4.053,75	***16,486***	Đã xây dựng

❖ **Nhà bảo vệ.**

- Cấp công trình: Cấp IV.
- Số tầng: 01
- Chiều cao công trình: 3,5m.
- Cốt nền công trình : Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 là 0,15m.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung BTCT; nền bê tông; tường xây gạch, sàn BTCT; trần thạch cao, hệ thống cửa sắt, cửa nhôm kính cường lực.

❖ **Nhà xe 2 bánh + Bể nước PCCC**

- Cấp công trình: Cấp IV.

* Nhà xe: (phía trên bê nước ngâm)

- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: 20mx 6m = 120m².
- Chiều cao công trình: 3.2m
- Cốt nền công trình : Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 là 0,8m.
- Giải pháp kết cấu : Bố trí trên bể nước PCCC. khung kèo thép hình; nền bê - tông; mái lợp tole, xà gồ thép.

* Bể nước PCCC: (phía dưới nhà xe)

- Thể tích xây dựng: 660m³ và 529 m3
- Giải pháp kết cấu: Đáy sàn bằng BTCT; tường, nắp BTCT.

❖ **Giao thông vận tải**

- Khu vực thực hiện cơ sở được xây dựng tại lô B4, B5 KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Nhà máy đảm bảo việc giao thông trong nội bộ nhà máy được thông suốt và thuận tiện. Hệ thống đường được thiết kế với kích thước đường trung tâm trong nội bộ nhà máy trải nhựa rộng 16m; đường nhánh 4m, 5m.
- Đường giao thông nội bộ chủ yếu sử dụng cho mục đích vận chuyển hàng và sử dụng cho phương tiện PCCC.

❖ **Thông tin liên lạc:**

- Hệ thống thông tin liên lạc sẽ là một hệ thống được ghép nối vào mạng viễn thông của Bưu điện tỉnh Bình Dương. Thông tin liên lạc cũng đã được đầu tư xây dựng. tạo sự phát triển nhanh chóng trong thời gian qua. Hệ thống thông tin liên lạc bao gồm: điện thoại, fax, internet sẽ được kết nối với Trung tâm bưu điện.
- Hệ thống nội bộ ở khu vực này sẽ là một mạng cáp điện thoại đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về viễn thông cho khu vực.

5.1.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Bảng 1. 12. Hạng mục công trình bảo vệ môi trường

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng
C	**Hạng mục công trình bảo vệ môi trường**			
1	Kho chứa chất thải công nghiệp	60	0,244	Đã xây dựng
2	Kho chứa chất thải sinh hoạt	60	0,244	
3	Kho chứa chất thải nguy hại	93	0,378	
4	Kho chứa hóa chất	100	0,407	Đã xây dựng
5	***Diện tích cây xanh***	***5.121,50***	***20,828***	Đã xây dựng

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Hiên trạng
6	***Hệ thống xử lý khí thải***	***127,19***	***0,517***	Đã xây dựng
6.1	***Khu HTXL bụi gia công và chà nhám (cyclone + túi vải)***	***79,04***	***0,321***	Đã xây dựng
6.2	***Khu HTXL bụi chà nhám túi vải + Khu HTXL hơi keo***	***30,3***	***0,123***	Đã xây dựng
6.3	***Khu HTXL hơi dung môi chuyền sơn UV***	***6,25***	***0,025***	Đã xây dựng
6.4	***Khu HTXL hơi dung môi buồng sơn***	***11,6***	***0,047***	Đã xây dựng

❖ **Cây xanh**

Chủ cơ sở đã quy hoạch diện tích trồng cây xanh thích hợp với diện tích khoảng 20% tổng diện tích đất nhằm tạo cảnh quan xanh, sạch đẹp và mát mẻ cho nhà máy. Việc trồng cây xanh được tiến hành với tiêu chi trồng những cây xanh thích hợp cho cảnh quan, tạo bóng mát và mặt khác giảm thiểu những tác động phát sinh từ nhà máy đến các khu vực lân cận. Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung BTCT; nền bê tông; tường xây gạch, sàn BTCT; trần thạch cao, hệ thống

5.2. Danh mục máy móc, thiết bị của Cơ sở

Máy móc sử dụng tại Nhà máy hoàn toàn đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu sử dụng về mặt công nghệ theo quy định của pháp luật.

Bảng 1. 13. Danh mục máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất của Nhà máy

STT	Tên máy	Đơn vị	Bộ phận	Số lượng	Tình trạng thiết bị	Tình trạng lắp đặt
A	**Máy móc thiết bị cho sản xuất**					
1	Máy nhám thùng	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	16	80%	Hoạt động tốt
2	Máy bào 2 mặt	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
3	Máy cắt gỗ	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt

STT	Tên máy	Đơn vị	Bộ phận	Số lượng	Tình trạng thiết bị	Tình trạng lắp đặt
4	Máy finger	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
5	Máy ghép gỗ	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
6	Máy lipxo (máy gọt biên)	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
7	Máy bào 1 mặt lớn	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
8	Máy bào 1 mặt nhỏ	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
9	Máy ghép gỗ ván tấm	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
10	Máy cắt ván lớn	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	8	80%	Hoạt động tốt
11	Máy lăn keo	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
6	Máy lipxo (máy gọt biên)	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
7	Máy bào 1 mặt lớn	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
8	Máy bào 1 mặt nhỏ	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
9	Máy ghép gỗ ván tấm	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
10	Máy cắt ván lớn	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	8	80%	Hoạt động tốt
11	Máy lăn keo	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	4	80%	Hoạt động tốt
12	Máy ép lạnh	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	8	80%	Hoạt động tốt
13	Máy dán biên	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	8	80%	Hoạt động tốt
14	Máy nâng hạ ván	Máy	Chuẩn bị nguyên liệu	8	80%	Hoạt động tốt
15	Khoan giàn	Máy	Khoan lỗ	4	80%	Hoạt động

STT	Tên máy	Đơn vị	Bộ phận	Số lượng	Tình trạng thiết bị	Tình trạng lắp đặt
						tốt
16	Khoan tay	Máy	Khoan lỗ	16	80%	Hoạt động tốt
17	Máy khoan ngang	Máy	Khoan lỗ	12	80%	Hoạt động tốt
18	Máy khoan 2 đầu	Máy	Khoan lỗ	4	80%	Hoạt động tốt
19	Máy khoan bọ tự động	Máy	Khoan lỗ	4	80%	Hoạt động tốt
20	Máy khoan đứng	Máy	Khoan lỗ	4	80%	Hoạt động tốt
21	Máy khoan đứng khoan ngang	Máy	Khoan lỗ	12	80%	Hoạt động tốt
22	Máy khoan 6 mặt	Máy	Khoan lỗ	8	80%	Hoạt động tốt
23	Máy đánh hk	Máy	Khoan lỗ	8	80%	Hoạt động tốt
24	Máy quay bọ	Máy	Khoan lỗ	4	80%	Hoạt động tốt
25	Máy cnc bàn	Máy	CNC	8	80%	Hoạt động tốt
26	Máy cnc kẹp	Máy	CNC	4	80%	Hoạt động tốt
27	Máy khoan 6 mặt	Máy	CNC	4	80%	Hoạt động tốt
28	Máy lắp ráp khung	Máy	Cài đặt	8	80%	Hoạt động tốt
29	Thang máy	Máy	Gia công	16	80%	Hoạt động tốt
30	Máy hút bụi	Máy	Gia công	8	80%	Hoạt động tốt
31	Máy hút bụi	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động

STT	Tên máy	Đơn vị	Bộ phận	Số lượng	Tình trạng thiết bị	Tình trạng lắp đặt
						tốt
32	Máy nén khí	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động tốt
33	Máy nén khí	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động tốt
34	Máy sấy khô	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động tốt
35	Bồn chứa	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động tốt
36	Máy mài dao	Máy	Gia công	8	80%	Hoạt động tốt
37	Máy cắt góc 2 đầu	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động tốt
38	Máy chảy chỉ	Máy	Gia công	12	80%	Hoạt động tốt
39	Máy tubi đơn	Máy	Gia công	32	80%	Hoạt động tốt
40	Máy cắt	Máy	Gia công	8	80%	Hoạt động tốt
41	Máy tubi đôi	Máy	Gia công	8	80%	Hoạt động tốt
42	Máy làm mộng hai đầu	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động tốt
43	Máy cưa lỏng	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động tốt
44	Máy bào 4 mặt	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động tốt
45	Máy cắt góc tam giác	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động tốt
46	Máy cắt phôi	Máy	Gia công	32	80%	Hoạt động tốt
47	Máy cắt 2 đầu	Máy	Gia công	12	80%	Hoạt động tốt
48	Máy cắt	Máy	Gia công	12	80%	Hoạt động tốt
49	Máy định	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động

STT	Tên máy	Đơn vị	Bộ phận	Số lượng	Tình trạng thiết bị	Tình trạng lắp đặt
	tuyến treo					tốt
50	Máy router	Máy	Gia công	4	80%	Hoạt động tốt
51	Máy nhám thùng	Máy	Chà nhám	4	80%	Hoạt động tốt
52	Máy nhám băng cuộn	Máy	Chà nhám	4	80%	Hoạt động tốt
53	Máy nhám băng dây	Máy	Chà nhám	4	80%	Hoạt động tốt
54	Máy nhám xốp ngang	Máy	Chà nhám	16	80%	Hoạt động tốt
55	Máy nhám xốp dọc	Máy	Chà nhám	8	80%	Hoạt động tốt
56	Máy chà nhám	Máy	Chà nhám	8	80%	Hoạt động tốt
57	Máy chà nhám cạnh tuyến tính	Máy	Chà nhám	8	80%	Hoạt động tốt
58	Máy khoan ngang dọc hai đầu tự động	Máy	Chà nhám	4	80%	Hoạt động tốt
59	Buồng sơn khô	Cái	Sơn lót và sơn hoàn thiện	15	80%	Hoạt động tốt
60	*Buồng sơn khô*	*Cái*	*Sơn lót và sơn hoàn thiện*	*05*	*Mới 100%*	*Đầu tư mới*
B	**Máy móc thiết bị cho bảo vệ môi trường**					
1	Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn công suất 30.000 m^3/giờ	Hệ thống	Sơn lót và sơn hoàn thiện cho 4 buồng sơn tại tầng 1 xưởng 2 (Mỗi hệ thống thu gom cho 2 buồng sơn)	3	90%	Hoạt động tốt
2	Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn công suất	Hệ thống	Sơn lót và sơn hoàn thiện cho 11 buồng sơn tại tầng 2	49	90%	Hoạt động tốt

STT	Tên máy	Đơn vị	Bộ phận	Số lượng	Tình trạng thiết bị	Tình trạng lắp đặt
	8.000 m^3/giờ		xưởng 2 (Mỗi ống thoát là 1 hệ thống, 1 buồng sơn có từ 4-6 hệ thống)			
3	Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - hệ 1 công suất 90.000 m^3/giờ	Hệ thống	Gia công (Bụi hệ 1 - Xưởng 1)	1	90%	Hoạt động tốt
4	Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - hệ 2 công suất 120.000 m^3/giờ	Hệ thống	Gia công (Bụi hệ 2 - Xưởng 1)	1	90%	Hoạt động tốt
8	Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - hệ 3 công suất 48.000 m^3/giờ	Hệ thống	Gia công (Bụi hệ 3 - Xưởng 2)	1	90%	Hoạt động tốt
9	Hệ thống xử lý hơi keo công suất 16.000 m^3/giờ	Hệ thống	Gia công	1	90%	Hoạt động tốt
10	Hệ thống xử lý hơi sơn từ chuyền UV công suất 15.000 m^3/giờ	Hệ thống	Gia công	1	90%	Hoạt động tốt
11	*Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn công suất 2.000 m^3/giờ*	*Hệ thống*	*Sơn lót và sơn hoàn thiện cho 05 buồng sơn mẫu tại tầng 2 xưởng 3*	*19*	*100%*	*Đầu tư mới*

Máy móc, thiết bị được nhập khẩu từ các nước tiên tiến như Đài Loan, Nhật, Mỹ, những thiết bị không yêu cầu đồng bộ và chất lượng tốt thì Doanh nghiệp mua tại thị trường Việt Nam.

CHƯƠNG II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

❖ **Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia:**

Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 13/4/2022 về viác Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:

- Về mục tiêu đến năm 2030: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoiệi môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước. Do đó, Cơ sở đầu tư là phù hợp với chiến lược BVMT quốc gia.

- Về tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn của nhân dân; đa dạng sinh học được gìn giữ, bảo tồn, bảo đảm cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2050.

❖ **Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng:**

Theo Quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 như sau:

- Mục tiêu lập quy hoạch:

+ Là vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tập trung phát triển mạnh khoa học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghiệp chế biến.

- Quan điểm quy hoạch:

+ Việc lập Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ phải bảo đảm phù hợp, thông nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030.

+ Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng dân cư. Quá trình lập quy hoạch cần kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và đảm bảo sinh kế bền vững của người dân."

❖ **Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh:**

Theo Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, liên quan đến phương hướng phát triển ngành quan trọng, phương án tổ chức kinh tế xã hội có nêu: Công nghiệp chế biến: phát triển công nghiệp chế biến sâu theo hướng cụm ngành; phát triển 03 nhóm ngành chủ lực: chế biến điều, chế biến cao su và gỗ, chế biến thực phẩm (các sản phẩm từ gia súc, gia cầm).

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/01/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kì 2021 – 2023, tầm nhìn đến năm 2050 có đề cập như sau: Công nghiệp chế biến: phát triển công nghiệp chế biến sâu phải theo hướng cụm ngành; tăng tốc phát triển 03 nhóm ngành điều, gỗ và thực phẩm xuất khẩu chủ lực (các sản phẩm chế biến từ gia súc, gia cầm) một cách bền vững trước năm 2025, đóng góp cao vào tỷ trọng trong GRDP, thu ngân sách và tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

KCN Bắc Đồng Phú đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 516/QĐ- UBND ngày 18/03/2022 của dự án: "Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú, diện tích 189,053369 ha (bổ sung ngành nghề thu hút vào KCN Bắc Đồng Phú) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài và thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước". Địa điểm tại lô B4, B5 KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

KCN Bắc Đồng Phú với vị trí đắc địa, khoảng cách từ KCN tới các đối tượng kinh tế - xã hội:

Khoảng cách dến một số KCN trong khu vực:

- Cách KCN VSIP 2 A khoảng 6 km.
- Cách KCN VSIP 2 khoảng 10 km.

- Cách KCN Mỹ Phước 3 khoảng 15 km.

Khoảng cách dến các trung tâm đô thị

- Cách Tòa nhà trung tâm Thành phố mới Bình Dương khoảng 22 km.
- Cách Thành phố Thủ Dầu Một khoảng 26 km.
- Cách thành phố Hồ Chí Minh 59 km.
- Cách trung tâm tỉnh Đồng Nai 35 km.

Khoảng cách đến bến cảng:

- Cách cảng Thạnh Phước khoảng 25 km.
- Cách cảng Sài Gòn khoảng 61 km.
- Cách sân bay Tân Sơn Nhất khoảng 60 km.
- Cách ga hàng hoá Sóng Thần khoảng 45 km.

Khoảng cách dến khu dân cư, công trình văn hóa, di tích lịch sử

- Cơ sở cách khu dân cư gần nhất khoảng 2km về hướng Đông.
- Trong khu vực cơ sở không có công trình văn hóa, di tích lịch sử nào. Các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào KCN Bắc Đồng Phú như:
- Công nghiệp chế biến nông lâm sản, đặc biệt là sản phẩm từ mủ cao su như lốp xe, phụ tùng ôtô, xe máy, đồ gia dụng, đồ nhựa,...;
- Các ngành công nghiệp sản xuất đồ gỗ, đặc biệt từ nguồn gỗ cao su;
- Công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp, chế tạo cơ khí, máy móc nông cụ, phân bón,...;
- Sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ trong nước và xuất khẩu như may mặc, đồ điện, đồ gia dụng, kim khí, các loại bao bì...
- Sản xuất vật liệu xây dựng: vật liệu trang trí nội thất vật liệu xây dựng, khung cấu kiện, tấm lợp, tấm bao che...;
- Sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm ...;
- Chế biến thực phẩm, hương liệu, hóa chất, ...

Cơ sở hoạt động sản xuất đồ gỗ, kim loại là phù hợp với quy hoạch ngành nghề của KCN Bắc Đồng Phú.

Cơ sở được đầu tư tại lô đất Lô B4, B5 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước là nhà máy của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam hoạt động sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất. Vì vậy, là hoàn toàn phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi

trường trong quy hoạch vùng quy hoạch tỉnh và quy hoạch KCN và quy hoạch khác có liên quan, nên không ảnh hưởng gì đến quy hoạch chung của khu vực..

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

❖ **Môi trường không khí**

Cơ sở khi đi vào hoạt động làm phát sinh khí thải phát tán ra môi trường bao gồm: bụi và khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào cơ sở; bụi từ công đoạn cắt, khoan, sơn...

Lượng bụi và khí thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu là bụi gỗ và hơi dung môi từ công đoạn sơn, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc tại khu vực này. Thành phần chủ yếu là bụi gỗ này có kích thước tương đối lớn và nặng, mặc dù khó phát tán ra xa nhưng cũng có một phần nhỏ các bụi lơ lửng này tồn tại trong không khí khu vực sẽ gây ảnh hưởng đến sức khoẻ của công nhân lao động trực tiếp tại phân xưởng này như là một số bệnh về mắt, hệ hô hấp (xốn mắt, viêm mắt, viêm phổi,…). Thành phần bụi từ quá trình cưa chủ yếu là bụi thô có kích thước trên 10 µm; trong đó bụi từ cắt biên kích thước từ 10 – 50 µm. Bụi từ quá trình cưa, cắt chủ yếu sa lắng tại chỗ, ít phát tán vào không khí.

Tuy nhiên Chủ cơ sở cam kết sẽ lắp đặt các hạng mục công trình bảo vệ môi trường không khí trước khi đi vào hoạt động nhằm đảm bảo xử lý lượng bụi và hơi dung môi phát sinh trước khi thải ra môi trường. Đảm bảo sức khỏe cho công nhân làm việc tại cơ sở nói riêng và môi trường không khí xung quanh cơ sở nói chung. Ngoài ra, cơ sở nằm trong KCN Bắc Đồng Phú được quy hoạch ngành nghề sản xuất nội thất.

❖ **Môi trường nước**

Nước thải phát sinh tại cơ sở là nước thải sinh hoạt được thu gom bằng ống PVC Ø114mm và xử lý tại bể tự hoại 5 ngăn và khử trùng đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Bắc Đồng Phú (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi theo đường ống thoát vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Bắc Đồng Phú.

Hiện tại KCN đã xây dựng hoàn thiện nhà máy XLNT tại Khu A của KCN với công suất là 2.000 m3/ngày.đêm. Tuy nhiên Công ty chỉ mới thực hiện lắp đặt thiết bị và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN với công suất 1.500 m3/ngày.đêm. Với thiết kế như trên, trạm XLNT tại Khu A có thể đáp ứng nhu cầu xử

lý của cả Khu B của KCN khi lấp đầy tất cả diện tích đất còn lại. Vì vậy, KCN đã chuyển chủ trương từ xây dựng nhà máy XLNT tại Khu B (lô B15, B16) với công suất 1.100 m3/ngày.đêm thành thi công xây dựng hố thu gom nước thải tại vị trí nêu trên và đường ống thu gom nước thải phát sinh từ khu B tập trung về Nhà máy XLNT của Khu A để xử lý.

Trong quá trình hoạt động của KCN khi các doanh nghiệp thứ cấp phát sinh lượng nước thải với khối lượng bằng 85% công suất hiện tại 1.500 m3/ngày đêm thì KCN sẽ tiến hành triển khai lắp đặt thiết bị của 500 m3/ngày.đêm còn lại để đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của KCN. Trường hợp nếu nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp tại KCN Bắc Đồng Phú phát sinh lớn hơn khả năng xử lý của nhà máy XLNT hiện tại (2.000 m^3/ngày.đêm), thì Công ty sẽ tiến hành xây dựng 1 nhà máy với công suất 2.000 m^3/ngày.đêm (giai đoạn 2) để dự phòng và đảm bảo xử lý tất cả nước thải phát sinh cả 2 Khu của KCN Bắc Đồng Phú.

Nước thải chủ yếu chứa của cơ sở là nước thải sinh hoạt có lưu lượng nước thải lớn nhất là 48 m^3/ngày (sau khi nâng công suất) với các thành phần ô nhiễm gồm: pH, BOD5 (20oC), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hoà tan, Sunfua (tính theo H2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO3-) (Tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO43-) (tính theo P), tổng coliforms. Nên HTXL nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú đảm bảo khả năng tiếp nhận nước thải của Cơ sở.

❖ **Môi trường đất**

Cơ sở không có thải chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải trực tiếp ra môi trường đất, không có các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại, doanh nghiệp tự ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định. Cam kết về việc quản lý chất thải theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Như vậy, nhìn chung cơ sở phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tại khu vực KCN.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hiện tại hệ thống thu gom nước mưa được xây dựng hoàn thiện, tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom nước thải.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước ở khu vực đất mở rộng, kết nối với hệ thống thu gom nước mưa hiện hữu.

- Nước mưa trên mái được thu gom vào các ống xối nhựa PVC Ø90. Các ống xối này thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng, dẫn thẳng xuống các hố ga trên mặt đất. Các hố ga này được nối với nhau bằng các ống dẫn nước mưa BTCT dưới mặt đất, hòa chung với dòng nước mưa được thu gom dưới đất.

- Nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, cũng như qua bề mặt của cơ sở,... sẽ được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại hố ga trước khi chảy vào hệ thống công thoát nước mưa.

- Cống thoát nước mưa chảy tràn khu vực mở rộng tại Cơ sở được xây dựng bê tông cốt thép có đường kính từ D300, D400 và D500, đi âm dưới đất, dẫn qua 23 hố ga mới xây dựng để thu gom để nâng tổng số hố ga của toàn cơ sở là 57 hố ga và đưa về 02 điểm đấu nối nước mưa trên đường N2. Trong đó 01 hố ga đấu nối nước mưa hiện hữu Kí hiệu hố ga đấu nối: Hố ga GP180 trên tuyến N2-KCN Bắc Đồng Phú được chấp thuận đấu nối vào ngày 20 tháng 09 năm 2023. (Biên bản đấu nối được đính kèm tại Phụ lục). Chủ đầu tư đã bổ sung thêm 01 hố ga đấu nối và liên hệ KCN Bắc Đồng Phú để tiến hành nghiệm thu hố ga đấu nối nước mưa số 02.

+ Vị trí đấu nối nước mưa 01: X = 1269823,1m; Y = 568461,6 m (tọa độ VN2000, Múi chiếu 3^{o} tỉnh Bình Phước)

+ Vị trí đấu nối nước mưa 02: X = 1269838,5 m; Y = 568357,8 m (tọa độ VN2000, Múi chiếu 3^{o} tỉnh Bình Phước)

Tiếp tục định kỳ nạo vét bùn cát lắng tại các hố ga nước mưa để tránh gây ứ đọng nước.

Tiếp tục quản lý chất thải phát sinh đúng theo quy định để nước mưa nhiễm bẩn khi rơi trên mặt đường và khuôn viên khu đất cơ sở.

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mưa

TT	Loại	Số lượng	Ghi chú
1	Ống thoát nước mưa	1.157,22m	
	Ống uPVC Ø90	78,52m	
	Cống tròn BTCT Φ 300	854,6m	
	Cống tròn BTCT Φ 400	139m	
	Cống tròn BTCT Φ 500	85,1m	
2	Hố ga thu gom nước mưa	57 hố	1000x1000mm
3	Hố ga đấu nối	02 hố	



Hình 3. 1. Hệ thống thu gom nước mưa hiện hữu

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

1.2.1. Công trình thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom và xử lý nước thải được xây dựng tách biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

Hiện nay tổng số lượng bể tự hoại tại Cơ sở là 06 bể tự hoại 5 ngăn với tổng dung tích 06*24,3 m^3 = 145,8 m3.

Nước thải sau khi qua bể tự hoại 05 ngăn được dẫn qua ống PVC D200, gom về 1 điểm hố ga gần nhà bảo vệ 1 hiện hữu. Tại đây, bố trí thiết bị khử trùng tại hố ga cuối cùng trước hố ga đấu nối với khu công nghiệp, dung dịch chlorine sẽ được bơm vào nước thải tại đây để khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Bắc Đồng Phú thông qua 02 điểm đấu nối trên đường N2. Hố ga khử trùng có kết cấu BTCT với kích thước 1m x1m x 1,53m. Thiết bị lắp đặt để phục vụ cho việc châm hóa chất khử trùng là bơm định lượng và bồn hóa chất.

Tiếp tục thuê đơn vị định kỳ đến hút bùn đem đi xử lý đúng quy định để bể tự hoại không bị quá tải.

1.2.2. Điểm xả nước thải sau xử lý

02 điểm đấu nối nước thải trên đường N2. Trong đó 01 hố ga đấu nối nước thải hiện hữu gần nhà bảo vệ 1 có kí hiệu HP119 - đã được nghiệm thu ngày 06 tháng 03 năm 2023 với Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú. (Biên bản đấu nối đính kèm tại Phụ lục). Chủ đầu tư đã bổ sung thêm 01 hố ga đấu nối và liên hệ KCN Bắc Đồng Phú để tiến hành nghiệm thu hố ga đấu nối nước thải số 02.

+ Vị trí đấu nối nước thải 01: X = 1269828,1m; Y = 568440,8m (tọa độ VN2000, Múi chiếu 3^o tỉnh Bình Phước)

+ Vị trí đấu nối nước thải 02: X = 1269839,3m; Y = 568356,1m (tọa độ VN2000, Múi chiếu 3^o tỉnh Bình Phước).

1.3. Xử lý nước thải:

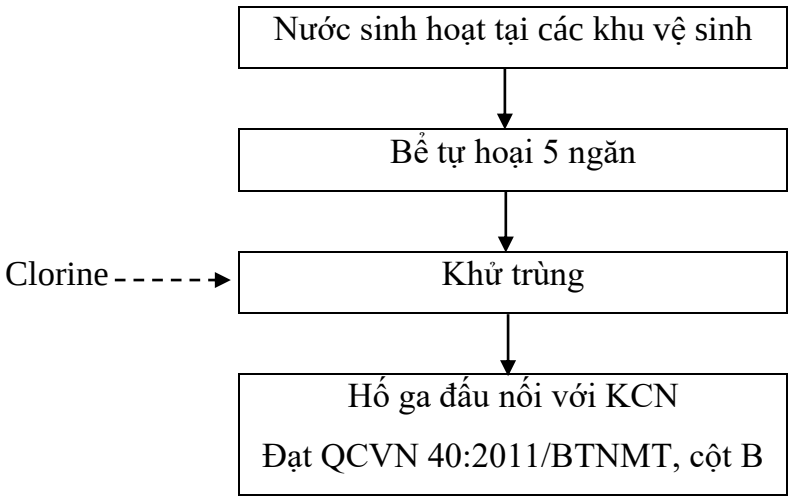
- Lưu lượng nước thải sinh hoạt của Nhà máy theo định mức hiện nay của cơ sở là 40,8 m3/ngày.
- Nhà máy đã đầu tư 6 bể tự hoại 5 ngăn với với tổng dung tích 06*24,3m3 = 145,8 m3.

Thông số bể tự hoại như sau:

Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại 5 ngăn

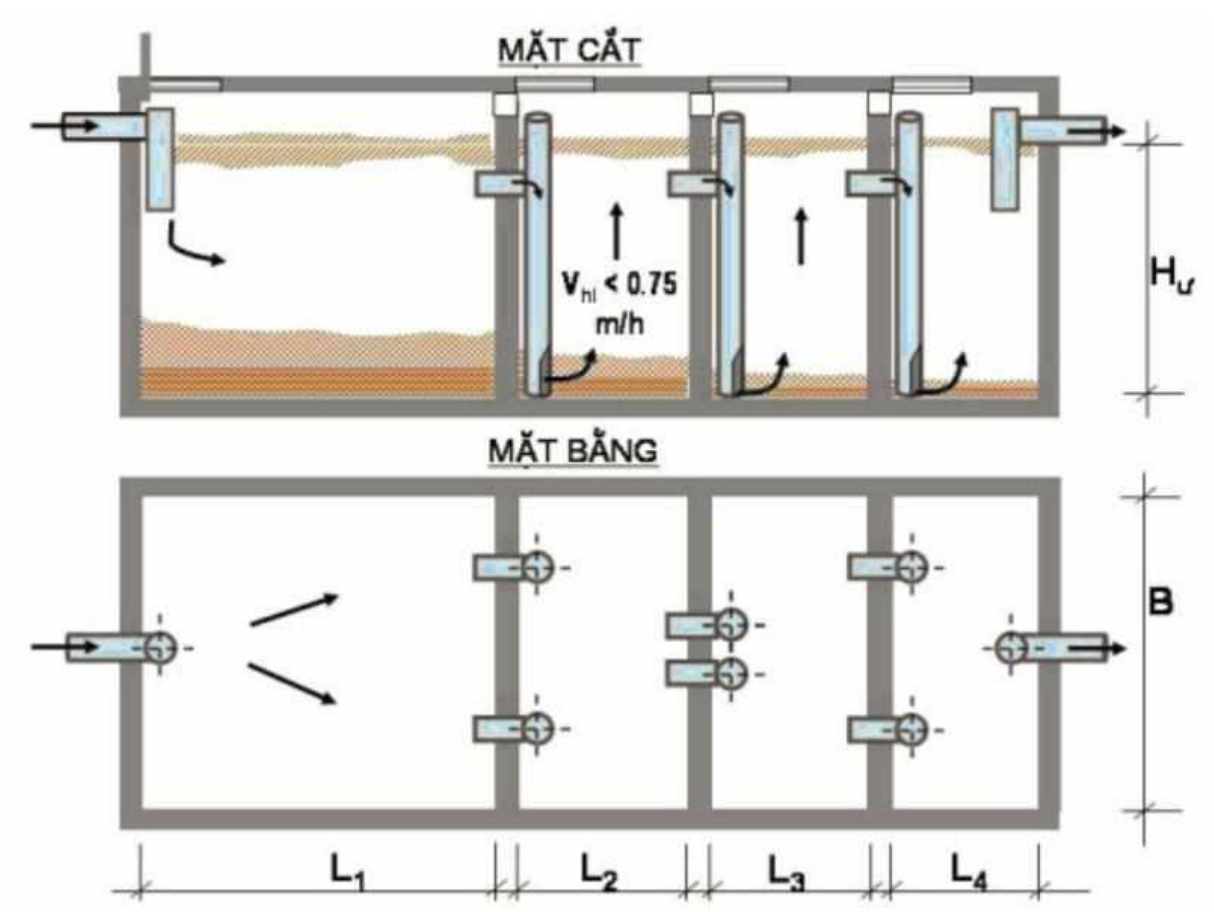
STT	Tên hạng mục	Kích thước (m)				Kết cấu
		Dài	Rộng	Cao	Thể tích	
1.	Ngăn chứa	3	2,6	1,7	13,3	BTCT
2.	Ngăn lắng	1,3	1,15	1,7	2,5	BTCT
3.	Ngăn lắng	1,35	1,3	1,7	3	BTCT
4.	Ngăn lọc	1,35	1,3	1,7	3	BTCT
5.	Ngăn lọc	1,3	1,15	1,7	2,5	BTCT
	Thể tích 1 bể tự hoại				**24,3**	
	Tổng thể tích 6 bể tự hoại				**145,8**	

Nước thải sau khi qua bể tự hoại 05 ngăn được dẫn qua ống PVC D200, gom về 2 điểm hố ga. Tại đây, bố trí thiết bị khử trùng tại hố ga cuối cùng trước hố ga đấu nối với khu công nghiệp, dung dịch chlorine sẽ được bơm vào nước thải tại đây để khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Bắc Đồng Phú thông qua 02 điểm đấu nối trên đường N2. Sử dung viên nén khử trùng trên đường ống. Hố ga khử trùng có kết cấu BTCT với kích thước 1m x 1m x 1,53m. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy được thể hiện trong hình sau:



Hình 3. 2. Quy trình xử lý nước thải của nhà máy

Cấu tạo bể tự hoại được trình bày trong hình sau:



Hình 3. 3. Cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

Nước thải sinh hoạt của công nhân sẽ được thu gom về bể tự hoại 5 ngăn cải tiến để xử lý. Chúng sử dụng hệ thống vách ngăn mỏng để hướng dòng chảy thẳng đứng trong bể. Từ đó giúp điều hòa lưu lượng chất bẩn trong dòng nước thải và ngăn chặn sự lắng đọng của chất thải hiệu quả. Các bể tự hoại cải tiến thường có thiết kế 3 đến 6 ngăn, tuy nhiên chủ đầu tư sẽ xây dựng bể tự hoại 5 ngăn. Trong đó, cấu tạo chính là 3 ngăn chính là ngăn chứa, ngắn lắng và ngăn lọc.

Nước thải sinh hoạt của của cán bộ, công nhân sẽ được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn chứa theo áp lực nước. Ngăn này có thể tích lớn nhất là nơi chứa chất thải và rồi sau đó các chất thải sẽ được phân hủy, những chất dễ phân hủy như đạm, chất béo, protein, nước tiểu sẽ lên men và phân hủy thành sẽ bùn, các chất khó phân hủy sẽ được qua ngăn lắng. Ngăn lắng sẽ lọc những chất thải khó phân hủy ở ngăn chứa và chỉ có thể tích bằng ¼ tổng thể tích của 3 ngăn. Các cặn rắn được giữa lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật ky khí. Sau đó, nước qua ngăn chứa nước. Tại đây, các thành phần hữu cơ

có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật ky khí. Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau cùng là qua khoang khử trùng trước khi xả thải và hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%. Sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất tác động BOD_5, COD và SS giảm đáng kể.

Sau đó, tại hố ga cuối cùng, trước khi đấu nối với KCN sẽ được khử trùng châm clorine để khử trùng toàn bộ nước thải sinh hoạt. Chất lượng nước thải đầu ra đạt quy định QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

Tính toán bể tự hoại cho 600 nhân viên:

Kích thước ngăn lưu bùn:

$$W1 = A \times N \times t_b/1000 \ (m^3)$$

Trong đó:

A: Hệ số phát thải cặn lắng: A = 0,4 lít/người/ngày N: Số nhân viên: N = 600 người

t_1: Thời gian lưu bùn: 90 – 720 ngày, chọn t = 180 ngày

$W_1 = 43.2m^3$, Chọn $W_1 = 45\ m^3$.

- Kích thước mỗi ngăn lắng:

$$W2 = Q * t2$$

Trong đó:

- Q: Lưu lượng nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh vào hầm tự hoại xử lý, không bao gồm nước rửa chân tay của công nhân, $Q = 10,8\ m^3$/ngày

- t_2: thời gian lưu nước, t_2 = 1 ngày W2 = 10,8 m3, Chọn $W2 = 11\ m^3$

- Kích thước mỗi ngăn lọc sinh học ky khí:

$$W_3 = Q * t_3$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh vào hầm tự hoại xử lý, không bao gồm nước rửa chân tay của công nhân, $Q = 10,8\ m^3$/ngày

t_3: thời gian lưu nước, t_3 = 1 ngày $W_3 = 10,8\ m^3$, Chọn $W_3 = 11\ m^3$

Tổng thể tích bể tự hoại: $W = W_1 + W_2 + W_3 = 67\ m^3$. Chọn $W = 70\ m^3$

Kết luận: Bể tự hoại với tổng thể tích nhỏ nhất là 70 m^3 để đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt cho 600 công nhân viên.

Chủ đầu tư đã xây dựng 06 bể tự hoại 5 ngăn với mỗi bể tự hoại có dung tích 24,3 m^3/bể. Tổng thể tích của 06 bể tự hoại hiện hữu là 145,8 m^3 > 70 m^3 đảm bảo khả năng xử lý.

• Khối lượng hóa chất (Clorine) sử dụng cho xử lý:

Theo tiêu chuẩn XDVN 51:2008, hàm lượng chlorine hoạt tính trong nước thải từ 3- 8 mg/l, chọn C = 3,5 mg/l

Sử dụng chlorine dạng bột $CaOCl_2$ nồng độ 70%. Lượng chlorine sử dụng trong 1 ngày là:

Lượng Chlorine sử dụng = *145,8 m^3× 3,5 mg/l)x 70% = 7,29 (kg/ngày) = 2,2 (tấn/năm)

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại 5 ngăn

STT	Tên hoá chất	Thành phần hóa hQc	Đơn vị	Mục đích sử dụng	Khối lượng
1	Chlorine	$CaOCl_2$	Tấn/ năm	Xử lý nước thải	2,2

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bảng 3. 4. Hệ thống xử lý khí thải

STT	Hệ thống	Công trình xử lý
1	Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công	01 Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - Bụi hệ số 1 công suất 90.000 m^3/giờ (Xưởng 1)
		01 Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - Bụi hệ số 2 công suất 120.000 m^3/giờ (Xưởng 1)
		01 Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - công suất 90.000 m3/giờ (Xưởng 3)
	Hệ thống xử lý bụi từ quá trình chà nhám	01 Hệ thống xử lý bụi từ quá trình chà nhám - Bụi hệ số 3 công suất 48.000 m3/giờ (Xưởng 2)
3	Hơi dung môi tại buồng sơn	03 Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn công suất 30.000 m^3/giờ: Sơn lót và sơn hoàn thiện cho 4 buồng sơn tại tầng 1 xưởng 2 (Mỗi hệ thống thu gom cho 2 buồng sơn) (Xưởng 2)
		49 Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn

STT	Hệ thống	Công trình xử lý
		công suất 8.000 m3/giờ: Sơn lót và sơn hoàn thiện cho 11 buồng sơn tại tầng 2 xưởng 2 (Mỗi ống thoát là 1 hệ thống, 1 buồng sơn có từ 4-6 hệ thống) (Xưởng 2)
		19 Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn công suất 2.000 m^3/giờ: Sơn lót và sơn hoàn thiện cho 05 buồng sơn tại tầng 2 xưởng 3 (Mỗi ống thoát là 1 hệ thống, 1 buồng sơn có từ 3-4 hệ thống) (Xưởng 3)
4	Hệ thống xử lý hơi keo	01 Hệ thống xử lý hơi keo công suất 16.000 m3/giờ (Xưởng 2)
5	Hệ thống xử lý sơn chuyền sơn UV	01 Hệ thống xử lý khí thải chuyền UV công suất 15.000 m^3/giờ (Xưởng 2)

2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi gỗ từ quá trình gia công (cắt, cưa, bào, khoan,…) và chà nhám:

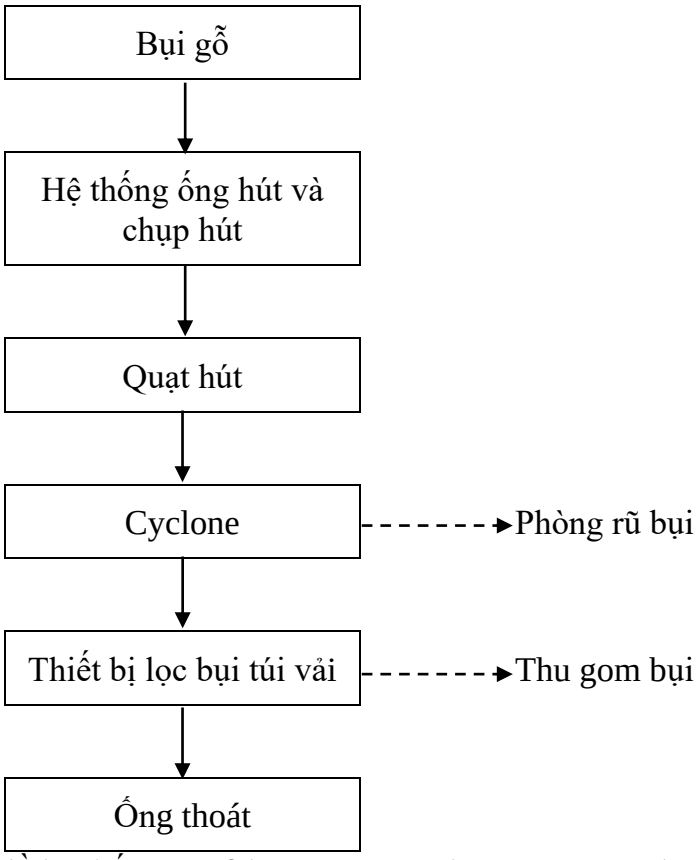
Bụi và khí thải sinh ra chủ yếu từ các công đoạn gia công (cưa, cắt tỉa, khoan, …): Thành phần chủ yếu là bụi gỗ này có kích thước tương đối lớn và nặng, mặc dù khó phát tán ra xa nhưng cũng có một phần nhỏ các bụi lơ lửng này tồn tại trong không khí khu vực sẽ gây ảnh hưởng đến sức khoẻ của công nhân lao động trực tiếp tại phân xưởng này như là một số bánh về mắt, há hô hấp (xốn mắt, viêm mắt, viêm phổi,…). Thành phần bụi từ quá trình cưa chủ yếu là bụi thô có kích thước trên 10 µm; trong đó bụi từ cắt biên kích thước từ 10 – 50 µm. Bụi từ quá trình cưa, cắt chủ yếu sa lắng tại chỗ, ít phát tán vào không khí.

2.1.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi gỗ từ quá trình gia công (cắt, cưa, bào, khoan,…) và chà nhám tại xưởng 1, xưởng 2, xưởng 3:

Công ty đã lắp đặt 02 hệ thống xử lý bụi bằng Cyclone kết hợp túi vải công suất lần lượt là 90.000 m3/h và 120.000 m^3/h để xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám tại nhà xưởng 1 (Biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình đính kèm phụ lục), lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi bằng túi vải công suất 48.000 m^3/h để xử lý bụi từ quá trình gia công và quá trình chà nhám tại nhà xưởng 2.

a. Hệ thống xử lý bụi bằng Cyclone kết hợp túi vải từ quá trình gia công và chà nhám tại nhà xưởng 1:

Công ty đã lắp đặt 02 hệ thống xử lý bụi bằng Cyclone kết hợp túi vải từ quá trình gia công và chà nhám ở nhà xưởng 1 (Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - hệ 1 công suất 90.000 m^3/giờ và Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - hệ 2 công suất 120.000 m^3/giờ) (Biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình đính kèm phụ lục). Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám tại xưởng 1.

Thuyết minh công nghệ:

Khí thải lẫn bụi gỗ từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan,..) và chà nhám được thu gom về hệ thống xử lý tập trung thông qua chụp hút, đường ống và quạt hút vào Cyclone. Chụp hút là chụp hút cố định và hở được bố trí các tại các máy móc gia công chi tiết và chà nhàm. Sau khi được đưa vào cyclone, dòng khí sẽ chuyển động xoắn ốc theo dạng hình tròn. Đây là nơi xảy ra sự tách biệt. Do vận tốc khí càng ngày càng tăng, gây ra bởi lực ly tâm, các hạt bụi trong khi có kích thước lớn được đẩy xuyên tâm hướng tới thành cyclone. Điều này xảy ra với tất cả các hạt có kích thước ≥ 500µm, do vượt quá lực ly tâm. Các hạt bụi đó khi va chạm vào thành nó sẽ di chuyển chậm lại do lực ma sát và các hạt đó sẽ được tách ra khỏi dòng khí và bị đẩy xuống; từ đó các hạt rắn tách khỏi cyclone tại đầu ra bụi và rơi xuống ngăn chứa bụi phía dưới và bụi tiếp tục rơi xuống phía dưới (phòng rũ bụi).

Tại Cyclone, sau khi tách có hạt bụi có kích thước lớn thì còn lại những hạt bụi có kích thước nhỏ. Những hạt bụi này sẽ được thu theo ống trung tâm dưới tác dụng của quạt hút đẩy sang hệ thống lọc bụi bằng túi vải.

Các hạt bụi có kích thước nhỏ sẽ được dẫn tới buồng lọc. Tại đây khí thải luân

chuyển theo sức hút của quạt đi qua các túi vải. Bụi và tạp chất bị giữ lại trên bề mặt túi và khísạch bay ra ngoài. Khi ngưng hoạt động của quạt sẽ làm túi xẹp lại, chúng ta cần gõ nhẹ và các túi, bụi rơi xuống phễu bên dưới được gom lại và định kỳ được thu gom ra ngoài. Hiệu quả xử lý bụi đạt từ 92-97%, kể cả các loại bụi có kích thước nhỏ hơn 5µm. Bụi sau khi thu hồi được chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

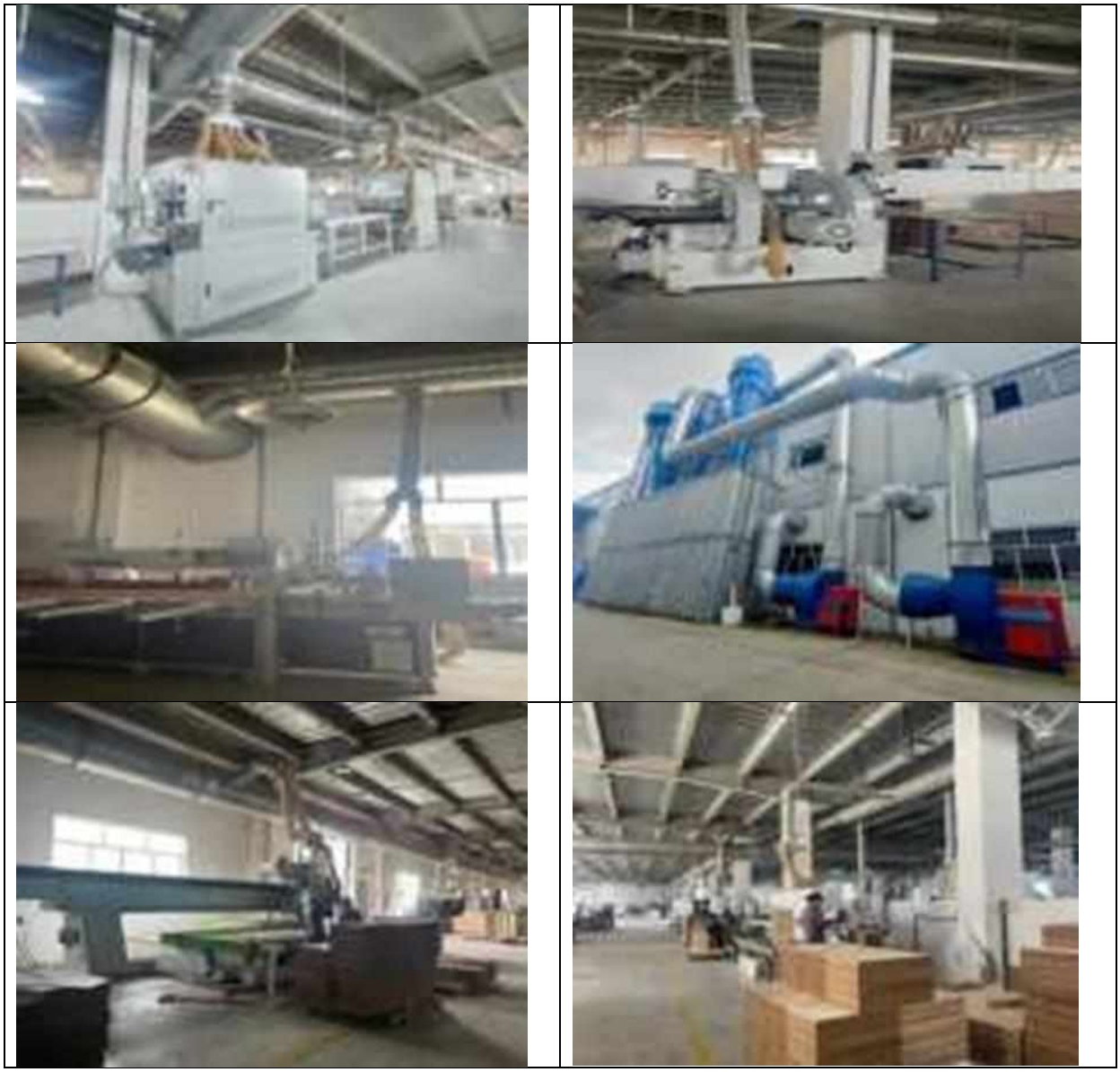
Thông số công trình của HTXL bụi gỗ từ công đoạn gia công và chà nhám thực tế tại xưởng 1 đã lắp đặt được trình bày như sau:

Bảng 4. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám tại xưởng 1

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Tình trạng thiết bị
A	**Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - hệ 1 công suất 90.000 m³/giờ**		Hoạt động tốt, 90%
1	Hệ thống chụp hút	01 hệ thống - Kích thước: D x R = 0,35m x 0,7m - Vật liệu: Thép CT3 tại khu vực gia công	
2	Ống thu gom	- Inox/thép không rỉ, Ø250-800mm. 01 hệ thống	
3	Quạt hút	Số lượng: 01 cái với công suất 75HP-55KW Lưu lượng: 90 000 m³/h	
4	Cyclon đứng	Số lượng: 01 cyclon Kích thước: D x H: Ø2300mm x 4800mm	
5	Phòng rũ bụi thô	Kích thước: L10500×W2400×H5000 Số lượng: 1 phòng	
	Ống dẫn khí có kích thước nhỏ	Đường kính 1000mm. Vật liệu: Tôn hoa sen	

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Tình trạng thiết bị
	sang bồn xử lý bụi bằng túi vải		
	Thiết bị lọc bụi túi vải	Kích thước: DxRxC = 2600mm x 2100mm x 5150mm Kích thước 1 túi vải: ĐK x D = Ø200mm x 3000mm Số lượng túi vải: 80 túi vải	
B	**Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - hệ 2 công suất 120.000 m³/giờ**		Hoạt động tốt, 90%
1	Hệ thống chụp hút	02 hệ thống Kích thước: D x R = 0,35m x 0,7m Vật liệu: Thép CT3 tại khu vực gia công	Đã lắp, mới 100%, xuất xứ Việt Nam
2	Ống thu gom	Inox/thép không rỉ, Ø250-800mm. 02 hệ thống	
3	Quạt hút	Số lượng: 02 cái với công suất: 50HP 37.5kW Lưu lượng: 60 000 m³/h Số lượng: 02 cyclon	
4	Cyclon đứng	Số lượng: 02 cyclone Kích thước cyclone 1: D x H: Ø2300mm x 4800mm Kích thước cyclone 2: D x H: Ø2000mm x 4600mm	
5	Phòng rũ bụi thô	Kích thước: L10500×W2400×H5000 Số lượng: 1 phòng	
6	Ống dẫn khí có kích thước nhỏ sang bồn xử lý bụi	Đường kính 700mm. Vật liệu: Tôn hoa sen	

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Tình trạng thiết bị
	bằng túi vải		
7	Thiết bị lọc bụi túi vải	Kích thước: DxRxC 2100mm x 5150mm = 4000mm x Kích thước 1 túi vải: ĐK x D = Ø200mm x 3000mm Số lượng túi vải: 120 túi vải	

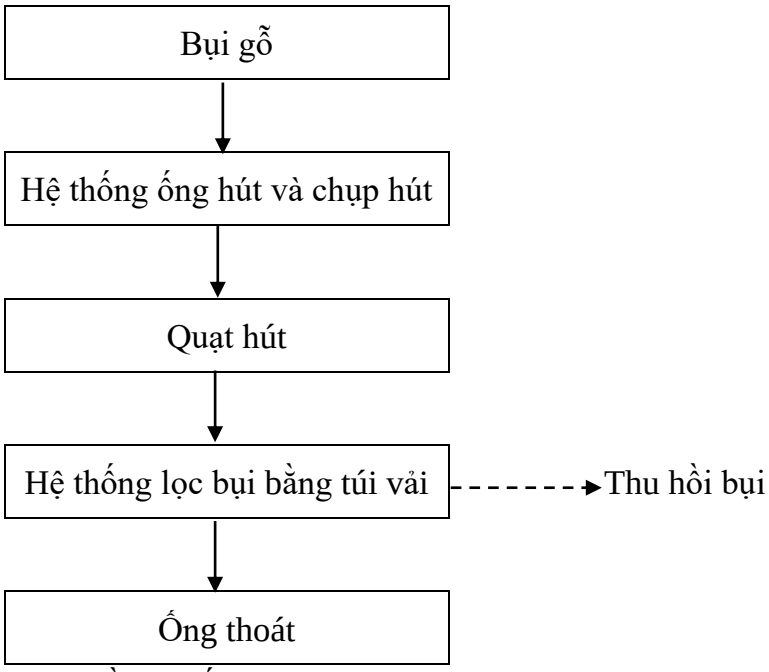


Hình 3. 5. Hệ thống thu gom và xử lý bụi bằng Cyclon và túi vải tại xưởng 1.

b. Hệ thống xử lý bụi bằng túi vải từ quá trình gia công và chà nhám tại nhà xưởng 2:

Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi bằng túi vải từ quá trình gia công và chà nhám ở nhà xưởng 2 (Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - hệ 3 công suất 48.000 m^3/giờ) (Biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình đính kèm phụ lục).

Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám tại xưởng 2.

Thuyết minh công nghệ:

Công ty bố trí các chụp hút tại khu vực chà nhám, chụp hút sẽ hút tất cả bụi qua các đường ống dẫn đưa về thiết bị lọc túi vải. Dưới tác dụng của quạt hút, dòng bụi và khíđược đưa qua các túi vải trong thiết bị lọc túi vải. Tại đây, các hạt bụi có kích thước lớn hơn kích thước lỗ của vật liệu lọc sẽ được giữ lại và định kỳ được thu gom ra ngoài.

Dòng khí sau khi qua các túi vải sẽ được quạt hút đưa lên ống thoát phát thải ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B với K_P = 1,0; K_V = 1,0. Hiệu quả xử lý bụi đạt từ 92-97%, kể cả các loại bụi có kích thước nhỏ hơn 5µm. Bụi sau khi thu hồi được chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

Thông số công trình của HTXL bụi gỗ từ công đoạn gia công và chà nhám thực tế tại xưởng 2 đã lắp đặt được trình bày như sau:

Bảng 4. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám tại xưởng 2

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Tình trạng thiết bị

	Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám - hệ 1 công suất 48.000 m³/giờ		Hoạt động tốt, 90%
1	Hệ thống chụp hút	01 hệ thống - Kích thước: D x R = 0,35m x 0,7m - Vật liệu: Thép CT3 tại khu vực gia công	
2	Ống thu gom	- Inox/thép không rỉ, Ø250-400mm. 01 hệ thống	
3	Quạt hút	Số lượng: 01 cái với công suất 40HP-30KW Lưu lượng: 48 000 m³/h	
4	Ống dẫn khí có kích thước nhỏ sang bồn xử lý bụi bằng túi vải	Đường kính 400mm. Vật liệu: Tôn hoa sen	
5	Thiết bị lọc bụi túi vải	Kích thước: DxRxC = 2500mm x 1500mm x 6000mm Kích thước 1 túi vải: ĐK x D = Ø100mm x 2000mm Số lượng túi vải: 60 túi vải	
6	Ống thoát khí thải	Đường kính D500mm. Chiều cao: 15m	

- Ngoài ra, Công ty còn chú trọng quản lý lượng bụi phát sinh từ các công đoạn sản xuất rơi vãi trực tiếp xuống sàn nhà làm ảnh hưởng đến môi trường, công nhân trực tiếp lao động. Công nhân tại các khâu sản xuất này sẽ thực hiện vệ sinh khu vực làm việc, quét dọn và thu gom lượng bụi này, lưu chứa trong các bao bì chứa và chuyển về khu vực lưu chứa CTR thông thường để tiếp tục được xử lý theo đúng quy định. Định kỳ thực hiện vào cuối mỗi buổi làm việc trong ngày.

- Kiểm tra và lắp đặt, đấu nối các chụp hút, ống hút bụi vào hệ thống đường ống thu gom bụi chính, đảm bảo hút toàn bộ lượng bụi phát sinh trong nhà xưởng.

- Trang bị quần áo, khẩu trang, mắt kín và phương tiện bảo hộ lao động cho nhân viên, đặc biệt là các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dùng dành cho công nhân làm việc, tiếp xúc trực tiếp với bụi; tạo điều kiện cho nhân viên làm việc thoải mái, dễ chịu theo các quy định hiện hành của Bộ Lao động và Thương binh Xã hội.

- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Công ty cam kết bụi môi trường không khí khu vực sản xuất nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT và các quy định hiện hành.

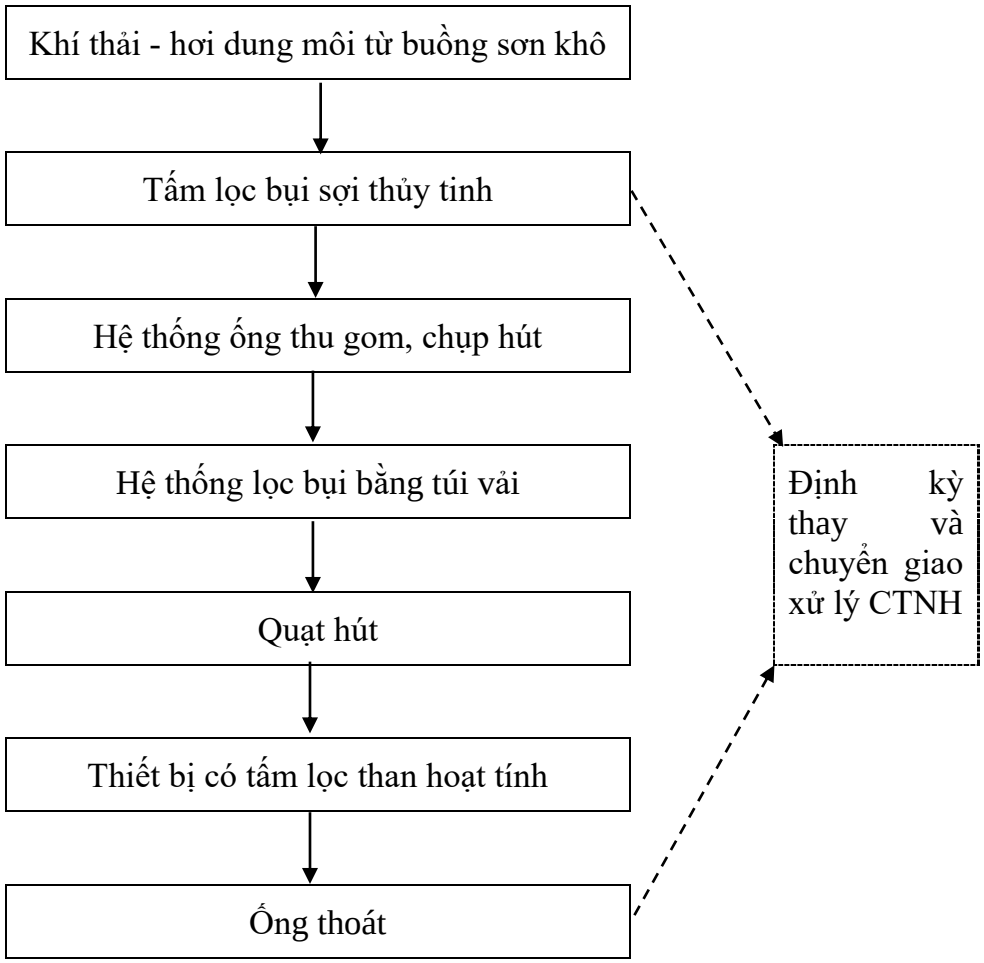
2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng sơn

2.2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng sơn tại Xưởng 2

a. Theo nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp

Tại Xưởng 2 nhà máy, mỗi buồng sơn có số lượng ống thoát khác nhau, dao động từ 4-6 ống thoát/buồng sơn. Cơ sở đã lắp đặt 15 buồng sơn và 51 hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ quá trình sơn. Cơ sở sử dụng hoàn toàn 15 buồng sơn khô, sử dụng tấm lọc bụi sợi thuỷ tinh để thu hồi bụi để tránh phát sinh thêm lượng nước.

Công ty đã lắp đặt 52 hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn sơn để xử lý lượng khí thải phát sinh (Biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình đính kèm phụ lục). Tất cả đều dùng có cùng sơ đồ công nghệ xử lý như sau:



Hình 3. 7. Quy trình xử lý khí thải và hơi dung môi phát sinh tại công đoạn phun sơn khô thực tế tại cơ sở

Thuyết minh công nghê:

Buồng sơn khô: bụi được giữ lại ở tấm lọc bụi sợi thuỷ tinh. Sau đó khí thải có hơi dung môi được dẫn qua tháp hấp phụ than hoạt tính. Định kỳ tấm lọc bụi sợi thuỷ tinh sẽ được thu gom xử lý CTNH.

Ở tháp hấp phụ xảy ra quá trình hấp phụ các hơi dung môi này bằng than hoạt tỉnh, khí thải được đưa từ dưới tháp lên, giữa thân tháp có lắp đặt các lớp than hoạt tính để thực hiện quá trình hấp phụ. Nhờ lực hút của quạt ly tâm nên dòng khí thải được dẫn vào buồng lọc khí. Lúc này, không khi tiếp xúc với các khay lọc có bố trí lớp than hoạt tính cố định nhằm loại bỏ hoàn toàn dòng khí gây mùi. Yêu cầu kỹ thuật đối với các khay này đòi hỏi phải được bố trí sao cho có thể lọc tất cả dòng khí trong phạm vi tiết diện của buồng lọc. Thậm chí những vi khuẩn gây hại cũng có thể được giữ lại trên bề mặt lớp than hoạt tính này.

Hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính có hiệu quả xử lý cao trong việc hấp thụ những chất khí dễ bay hơi, giữ lại chất khí gây ô nhiễm và thải ra môi trường nguồn khi sạch. Khí thải sau khi đi qua lớp than hoạt tính được thải ra ngoài môi trường thông qua ống phát thải Inox, D600, cao qua mái nhà xưởng. Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1, Kp theo lưu lượng của nguồn thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

Định kỳ 6 tháng thay tấm than hoạt tính 1 lần để đảm bảo xử lý khí thải luôn nằm trong tiêu chuẩn xả thải. Ở mặt trước của bồn hấp phụ được thiết kế là cánh cửa để phục vụ cho quá trình mở ra để thay tấm than. Tấm than được thiết kế như dạng ngăn kéo, có thể kéo ra – đầy vào.

Các thông số kỹ thuật của HTXL khí thải từ công đoạn sơn như sau:

Bảng 4. 3. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ quá trình sơn tại buồng sơn khô đã lắp đặt

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Tình trạng thiết bị
	Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn công suất 30.000 m³/giờ		**03 hệ thống**	Hoạt động tốt, 90%
1	Buồng sơn	Kích thước buồng sơn: 04 buồng sơn tại tầng trệt	02 buồng sơn/01 hệ	Đã lắp, mới 100%, xuất xứ

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Tình trạng thiết bị
		Xưởng 2	thống 03 hệ thống	Việt Nam
2	Quạt hút	03 quạt hút công suất 25HP/quạt Lưu lượng khí thải 30.000 m^3/h/ quạt	01 quạt/hệ thống * 03 hệ thống	
3	Bồn hấp phụ	03 bồn Kích thước: D x R x C = 700mm x 700mm x 1000mm Vật liệu: Tôn 1.2mm hoa sen Mỗi bồn hấp phụ sẽ có 3 khay than hoạt tính Kích thước: D x R x C = 850mm x 700mm x 5mm Tấm than được để chéo	01 bồn/hệ thống * 03 hệ thống	
4	Ống thoát khí thải	Đường kính 700 mm. Vật liệu: Thép CT3. Chiều cao 9 m	01 ống/hệ thống * 03 hệ thống	
B	**Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn công suất 3.600 m^3/giờ**		**49 hệ thống**	Hoạt động tốt, 90%
1	Buồng sơn	Kích thước buồng sơn: 11 buồng sơn tại tầng 2 Xưởng 2: + 09 buồng sơn: 04 ống thải = 36 ống thải + 01 buồng sơn: 06 ống thải	01 ống thải/ 01 hệ thống * 49 hệ thống	

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Tình trạng thiết bị
		= 06 ống thải + 01 buồng sơn 07 ống thải 07 ống thải		
2	Quạt hút	01 quạt hút công suất 3HP/quạt Lưu lượng khí thải 3.600 m^3/h/ quạt	01 quạt/ống thải/01 hệ thống * 49 hệ thống	
3	Bồn hấp phụ	49 bồn Kích thước: D x R x C = 700mm x 1000mm x 700mm Vật liệu: Tôn 1.2mm hoa sen Mỗi bồn hấp phụ sẽ có 3 khay than hoạt tính Kích thước: D x R x C = 850mm x 700mm x 5mm Tấm than được để chéo	01 bồn/ống thải/hệ thống * 49 hệ thống	
	Ống thoát khí thải	Đường kính 600 mm. Vật liệu: Thép CT3. Chiều cao 9 m	01 ống thải hệ thống * 49 hệ thống	

(Nguồn: Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, 2024)

Tính toán lương tấm lọc bụi sơi thuỷ tỉnh:

Tấm lọc bụi sợi thủy tinh sẽ được sử dụng trong khoảng 1 tháng để hấp thụ bụi sơn phát sinh trong quá trình phun sơn tại buồng phun sơn, sau đó sẽ được thay bằng tấm lọc bụi sợi thủy tinh mới. Tấm lọc bụi sợi thủy tinh bão hòa sẽ được thu gom, lưu trữ trong kho chất thải nguy hại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Khối lượng 1 tấm lọc bụi sợi thủy tinh khoảng 1,2 kg. Số lượng buồng phun sơn là 15 buồng. Tần suất thu gom: 1 tháng/lần. Vì vậy,

khối lượng tấm lọc bụi sợi thủy tinh sử dụng tại cơ sở khoảng 216 kg/năm.

Tính toán lượng than hoạt tính sử dụng:

Khối lượng sơn sử dụng tại cơ sở tối đa khoảng 633,5 tấn/năm, tương đương 1,79 tấn/ngày.

Căn cứ vào phiếu an toàn hóa chất của các loại sơn và dung môi pha sơn do chủ đầu tư cung cấp, thành phần hóa chất chính của các loại hóa chất sử dụng như sau: Xylene (C_8H_{10}); Butyl cellosolve ($C_6H_{14}O_2$); Propylene glycol ($C_3H_8O_2$); Mono methyl ether ($C_4H_{10}O_2$); Acetate; Butyl acetate ($C_6H_{12}O_2$); Ethyl Acetate ($C_4H_8O_2$).

Sử dụng hệ số phát thải của WHO, 1993 để tính toán tải lượng khí thải phát sinh từ quá trình sơn. Báo cáo sẽ tham khảo hệ số sơn của WHO để đánh giá nhanh. Hệ số phát sinh VOC (trong đó có hợp chất dễ bay hơi là butyl acetate; propylene glycol; butyl cellosolve; Xylen; Butyl acetate; Ethyl acetate; Polyisocyanate) do sơn của WHO là 560 kg/tấn. Giả sử 1 tấn sơn sẽ sinh ra 560 kg VOC/tấn trong quá trình sơn. Hơi dung môi phát thải ra môi trường sẽ từ 2 quá trình:

- Quá trình sơn: Hơi dung môi phát tán ra môi trường trong quá trình phun sơn do tia sơn không bám dính được vào bề mặt chi tiết. Lượng hơi dung môi này chiếm khoảng 80% lượng hơi dung môi phát thải.

- Quá trình làm khô sơn (sấy): Trong quá trình này, hơi dung môi thoát ra khỏi bề mặt chi tiết (nhờ gió, nhiệt độ phòng). Lượng dung môi này chiếm khoảng 20% lượng hơi dung môi phát thải.

Tải lượng VOC phát sinh tối đa từ quá trình sơn được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4. 4. Tải lượng ô nhiễm VOC

TT	Chỉ tiêu	Khối lượng (tấn/năm)	Tải lượng (Kg/h)
1	Butyl acetate	32,0	7,2
2	Propylene glycol	32,0	7,2
3	Butyl cellosolve	21,4	4,8
4	Xylen	42,7	9,6
5	Ethyl acetate	21,4	4,8
6	Polyisocyanate	64,1	14,4
	Tổng	**213,4**	**47,9**

Tổng tải lượng hơi dung môi bay hơi là 47,9 kg/giờ. Trong đó, các hơi dung môi như n-butyl acetate; Xylen; Propylene glycol; Butyl cellosolve; Xylen; Ethyl acetate;

Polyisocyanate. Hiệu suất hấp phụ của than hoạt tính đạt 80%, vì vậy tổng lượng VOCs mà các tháp hấp phụ than hoạt tính có thể hấp phụ được khoảng 38,32 kg/giờ. Có 52 bồn chứa than hoạt tính và mỗi bồn than lấp 3 tấm lọc than hoạt tính. Như vậy, khối lượng tấm lọc than hoạt tính sử dụng khoảng 3.069 kg/năm.

b. Phương án thay đổi so với Giấy phép môi trường:

Hệ thống thu gom, quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sơn tại buồng sơn khô không thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp.

Để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Công ty đề xuất điều chỉnh gom ống của 49 hệ thống xử lý khí thải số 9 đến số 57 (nguồn số 08 đến nguồn số 56). Do đó, dòng khí thải sẽ giảm từ 49 dòng xuống còn 13 dòng khí thải đảm bảo việc quan trắc bụi, khí thải

Ngoài ra, trong quá trình kiểm tra, Công ty nhận thấy thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý không thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, tuy nhiên lưu lượng đo đạc có thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp.

Bảng 4. 5. Nội dung thay đổi hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sơn tại buồng sơn khô so với Giấy phép môi trường đã được cấp

TT	Hạng mục	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Theo phương án thay đổi	
		Thông số kỹ thuật	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Số lượng
	Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn		**49 hệ thống**		**49 hệ thống**
1	Buồng sơn	Kích thước buồng sơn: 11 buồng sơn tại tầng 2 Xưởng 2: + 09 buồng sơn: 04 ống thải = 36 ống thải + 01 buồng sơn: 06 ống thải = 06	01 ống thải/ 01 hệ thống * 49 hệ thống	Kích thước buồng sơn: 11 buồng sơn tại tầng 2 Xưởng 2: + 09 buồng sơn: 04 ống thải gom lại thành 01 ống thải = 09 ống thải	13 ống thải/49 hệ thống

TT	Hạng mục	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Theo phương án thay đổi	
		Thông số kỹ thuật	**Số lượng**	**Thông số kỹ thuật**	**Số lượng**
		ống thải + 01 buồng sơn 07 ống thải 07 ống thải		+ 01 buồng sơn: 06 ống thải, gom 03 ống thải thành 01 ống thải = 02 ống thải + 01 buồng sơn 07 ống thải, gom 04 ống thải thành 01 ống thải và 03 ống thải thành 01 ống thải = 02 ống thải	
2	Quạt hút	01 quạt hút công suất 3HP/quạt Lưu lượng khí thải 3.600 m³/h/ quạt	01 quạt/ống thải/01 hệ thống * 49 hệ thống	01 quạt hút công suất 3HP/quạt Lưu lượng khí thải 8.000 m³/h/ quạt	01 quạt/ống thải/01 hệ thống * 49 hệ thống
3	Bồn hấp phụ	49 bồn Kích thước: D x R x C = 700mm x 1000mm x 700mm Vật liệu: Tôn 1.2mm hoa sen Mỗi bồn hấp phụ sẽ có 3 khay than	01 bồn/ống thải/hệ thống * 49 hệ thống	Không thay đổi	Không thay đổi

TT	Hạng mục	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Theo phương án thay đổi	
		Thông số kỹ thuật	**Số lượng**	**Thông số kỹ thuật**	**Số lượng**
		hoạt tính Kích thước: D x R x C = 850mm x 700mm x 5mm Tấm than được để chéo			
	Ông thoát khí thải	Đường kính 600 mm. Vật liệu: Thép CT3. Chiều cao 9 m	01 ống thải hệ thống * 49 hệ thống	Đường kính 700 mm -930mm. Vật liệu: Thép CT3. Chiều cao 18,5m (tính từ mặt đ đất) Gom các ống thoát khí với số lượng 03 -04 ống thành 01 ống thoát khí.	13 ống thải/49 hệ thống

Về lưu lượng ống thoát khí của hệ thống xử lý sau khi gom ống:

Bảng 4. 6. Bảng tính toán lưu lượng ống thoát khí sau khi gộp

	$V_{đo\ đạc\ thực\ tế}$ (m/s)	**Đường kính (d - mm)**	**Lưu lượng thực tế L (m^3/h)**	**Tổn thất sau khi gộp ống 30-40%**	**Vận tốc (V) qua sau khi gộp ống còn lại (giảm 20%) (m/s)**	**Lưu lượng mỗi ống sau khi qua ống góp D930mm (m^3/giờ - làm tròn)**	**Lưu lượng của HTXL ống thoát D930mm** (m^3/giờ)

	$V_{đo\ đạc\ thực\ tế}$ (m/s)	**Đường kính (d - mm)**	**Lưu lượng thực tế L (m^3/h)**	**Tổn thất sau khi gộp ống 30-40%**	**Vận tốc (V) qua sau khi gộp ống còn lại (giảm 20%) (m/s)**	**Lưu lượng mỗi ống sau khi qua ống góp D930mm (m^3/giờ - làm tròn)**	**Lưu lượng của HTXL ống thoát D930mm** (m^3/giờ)
3 ống thoát vào 1 ống góp chung	8,2	700	11.355	3.406	6,56	8.000	24.000
	8,2	700	11.355	3.406	6,56	8.000	
	8,2	700	11.355	3.406	6,56	8.000	
4 ống thoát vào 1 ống góp chung	8,2	700	11.355	3.406	6,56	8.000	32.000
	8,2	700	11.355	3.406	6,56	8.000	
	8,2	700	11.355	3.406	6,56	8.000	
	8,2	700	11.355	3.406	6,56	8.000	

Theo Kỹ thuật thông gió - GS. Trần Ngọc Chấn - NXB Xây dựng và thiết kế thông gió Công nghiệp - Hoàng Thị Hiền - NXB Xây dựng thì lưu lượng hút được xác định dựa vào đường kính ống hút và vận tốc hút theo công thức:

$$L = 3.600\ x\ V\ x\ \frac{\pi d^2}{4}$$ (m^3/h)

Trong đó:

+ v: Vận tốc ống hút, vận tốc đo đạc: v = 8,2m/s

+ d: Đường kính ống hút (m)

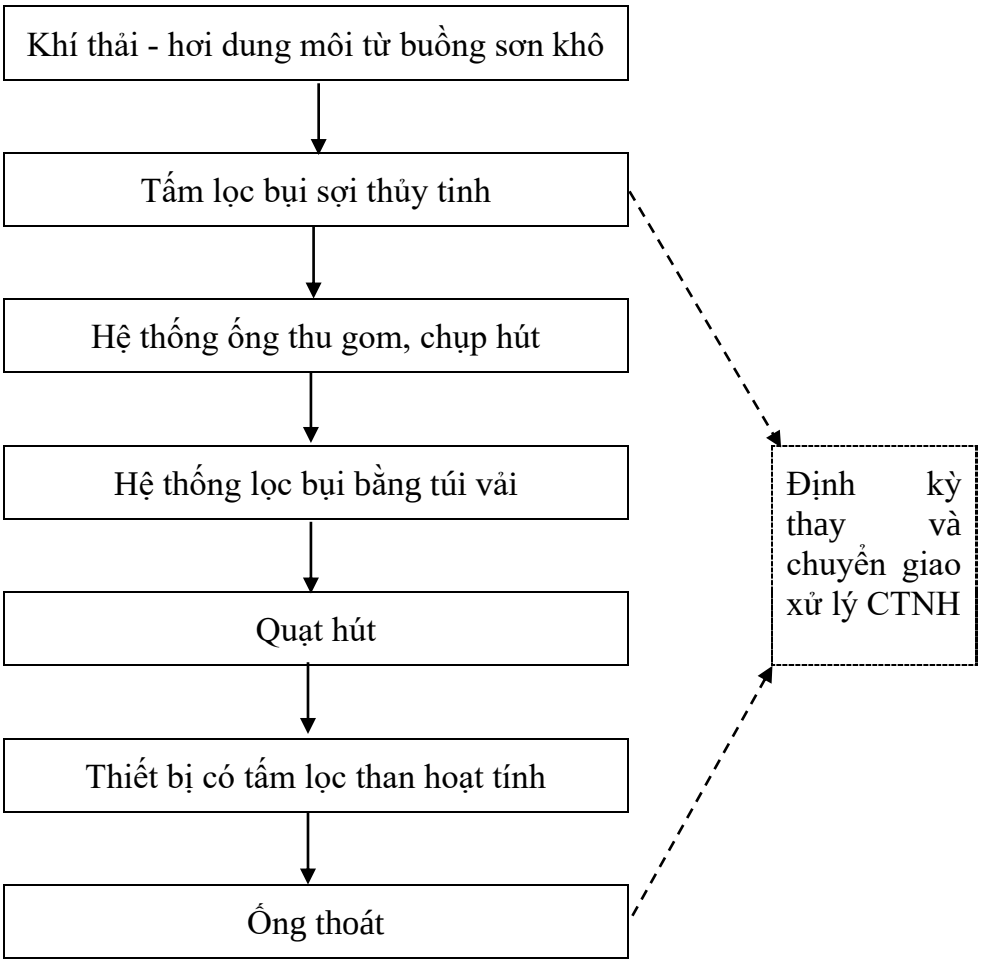
Theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất thì quạt hút có công suất 3HP. Theo thông số của nhà cung cấp Huifeng, tương ứng với quạt hút 3 HP thì lưu lượng tối đa là 15.000 m^3/giờ. Sau khi hút qua hệ thống xử lý khí thải, gom đường ống thì lưu lượng thoát khí tương ứng khoảng 8.000 m^3/giờ. Như vậy với 03 ống thoát gom thành 01 ống thì lưu lượng khoảng 24.000 m^3/giờ và 04 ống thoát gom thành 01 ống thì lưu lượng khoảng 32.000 m^3/giờ.

2.2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng sơn tại tầng 2 Xưởng 3

Tại tầng 2 Xưởng 3, Nhà máy sẽ trang bị 05 buồng sơn, trong đó 04 buồng sơn có 04 hệ thống xử lý/buồng được gom về 01 ống thoát/buồng và 01 buồng sơn có 03

hệ thống xử lý được gom về 01 ống thoát. Cơ sở sẽ sử dụng 05 buồng sơn khô, sử dụng tấm lọc bụi sợi thuỷ tinh để thu hồi bụi để tránh phát sinh thêm lượng nước.

Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:



Hình 3. 8. Quy trình xử lý khí thải và hơi dung môi phát sinh tại công đoạn phun sơn khô thực tế tại cơ sở

Thuyết minh công nghệ:

Buồng sơn khô: bụi được giữ lại ở tấm lọc bụi sợi thuỷ tinh. Sau đó khí thải có hơi dung môi được dẫn qua tháp hấp phụ than hoạt tính. Định kỳ tấm lọc bụi sợi thuỷ tinh sẽ được thu gom xử lý CTNH.

Ở tháp hấp phụ xảy ra quá trình hấp phụ các hơi dung môi này bằng than hoạt tỉnh, khí thải được đưa từ dưới tháp lên, giữa thân tháp có lắp đặt các lớp than hoạt tính để thực hiện quá trình hấp phụ. Nhờ lực hút của quạt ly tâm nên dòng khí thải được dẫn vào buồng lọc khí. Lúc này, không khi tiếp xúc với các khay lọc có bố trí lớp than hoạt tính cố định nhằm loại bỏ hoàn toàn dòng khí gây mùi. Yêu cầu kỹ thuật đối với các khay này đòi hỏi phải được bố trí sao cho có thể lọc tất cả dòng khí trong phạm vi tiết diện của buồng lọc. Thậm chí những vi khuẩn gây hại cũng có thể được giữ lại

trên bề mặt lớp than hoạt tính này.

Hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính có hiệu quả xử lý cao trong việc hấp thụ những chất khí dễ bay hơi, giữ lại chất khí gây ô nhiễm và thải ra môi trường nguồn khi sạch. Khí thải sau khi đi qua lớp than hoạt tính được thải ra ngoài môi trường thông qua ống phát thải Inox, D600, cao qua mái nhà xưởng. Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1, Kp theo lưu lượng của nguồn thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

Định kỳ 6 tháng thay tấm than hoạt tính 1 lần để đảm bảo xử lý khí thải luôn nằm trong tiêu chuẩn xả thải. Ở mặt trước của bồn hấp phụ được thiết kế là cánh cửa để phục vụ cho quá trình mở ra để thay tấm than. Tấm than được thiết kế như dạng ngăn kéo, có thể kéo ra – đầy vào.

Các thông số kỹ thuật của HTXL khí thải từ công đoạn sơn như sau:

Bảng 4. 7. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ quá trình sơn tại buồng sơn khô tại tầng 2 Xưởng 3

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Buồng sơn	Kích thước buồng sơn: 05 buồng sơn tại tầng 2 Xưởng 3: + 04 buồng sơn: 04 ống thải/buồng của 04 buồng thoát ra 01 ống thải/buồng = 04 ống thải + 01 buồng sơn: 03 ống thải của buồng này thoát ra 01 ống thải = 01 ống thải	05 ống thải/05 buồng sơn
2	Quạt hút	01 quạt hút công suất 1-2HP/quạt Lưu lượng khí thải 2.000 m^3/h/ quạt	01 quạt/ống thải/01 hệ thống * 19 hệ thống
3	Bồn hấp phụ	Kích thước: D x R x C = 700mm x 1000mm x 700mm	19 bồn

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
		Vật liệu: Tôn 1.2mm hoa sen Mỗi bồn hấp phụ sẽ có 3 khay than hoạt tính Kích thước: D x R x C = 850mm x 700mm x 5mm Tấm than được để chéo	
	Ống thoát khí thải	Đường kính 700 mm - 930mm. Vật liệu: Thép CT3. Chiều cao 18,5m (tính từ mặt đất)	05 ống thải/19 hệ thống (05 buồng sơn)

Tính toán lương tấm lọc bụi sơi thuỷ tỉnh:

Tấm lọc bụi sợi thủy tinh sẽ được sử dụng trong khoảng 1 tháng để hấp thụ bụi sơn phát sinh trong quá trình phun sơn tại buồng phun sơn, sau đó sẽ được thay bằng tấm lọc bụi sợi thủy tinh mới. Tấm lọc bụi sợi thủy tinh bão hòa sẽ được thu gom, lưu trữ trong kho chất thải nguy hại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Khối lượng 1 tấm lọc bụi sợi thủy tinh khoảng 1,2 kg. Số lượng buồng phun sơn là 5 buồng. Tần suất thu gom: 1 tháng/lần. Vì vậy, khối lượng tấm lọc bụi sợi thủy tinh sử dụng tại cơ sở khoảng 72 kg/năm.

Tính toán lượng than hoạt tính sử dụng:

Khối lượng sơn sử dụng tại khu vực sơn mẫu khoảng 100 kg/ngày.

Căn cứ vào phiếu an toàn hóa chất của các loại sơn và dung môi pha sơn do chủ đầu tư cung cấp, thành phần hóa chất chính của các loại hóa chất sử dụng như sau: Xylene (C_8H_{10}); Butyl cellosolve ($C_6H_{14}O_2$); Propylene glycol ($C_3H_8O_2$); Mono methyl ether ($C_4H_{10}O_2$); Acetate; Butyl acetate ($C_6H_{12}O_2$); Ethyl Acetate ($C_4H_8O_2$).

Sử dụng hệ số phát thải của WHO, 1993 để tính toán tải lượng khí thải phát sinh từ quá trình sơn. Báo cáo sẽ tham khảo hệ số sơn của WHO để đánh giá nhanh. Hệ số phát sinh VOC (trong đó có hợp chất dễ bay hơi là butyl acetate; propylene glycol; butyl cellosolve; Xylen; Butyl acetate; Ethyl acetate; Polyisocyanate) do sơn của WHO là 560 kg/tấn. Giả sử 1 tấn sơn sẽ sinh ra 560 kg VOC/tấn trong quá trình sơn. Hơi dung môi phát thải ra môi trường sẽ từ 2 quá trình:

- Quá trình sơn: Hơi dung môi phát tán ra môi trường trong quá trình phun sơn do tia sơn không bám dính được vào bề mặt chi tiết. Lượng hơi dung môi này chiếm khoảng 80% lượng hơi dung môi phát thải.

- Quá trình làm khô sơn (sấy): Trong quá trình này, hơi dung môi thoát ra khỏi bề mặt chi tiết (nhờ gió, nhiệt độ phòng). Lượng dung môi này chiếm khoảng 20% lượng hơi dung môi phát thải.

Tải lượng VOC phát sinh tối đa từ quá trình sơn mẫu được trình bày trong bảng sau:

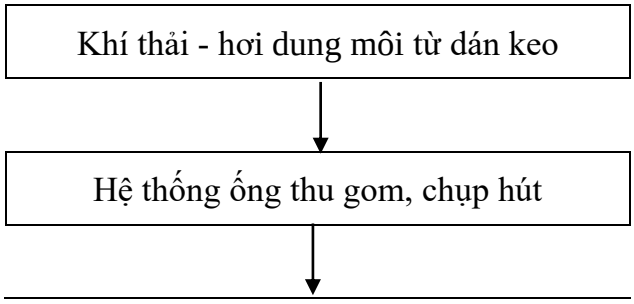
Bảng 4. 8. Tải lượng ô nhiễm VOC

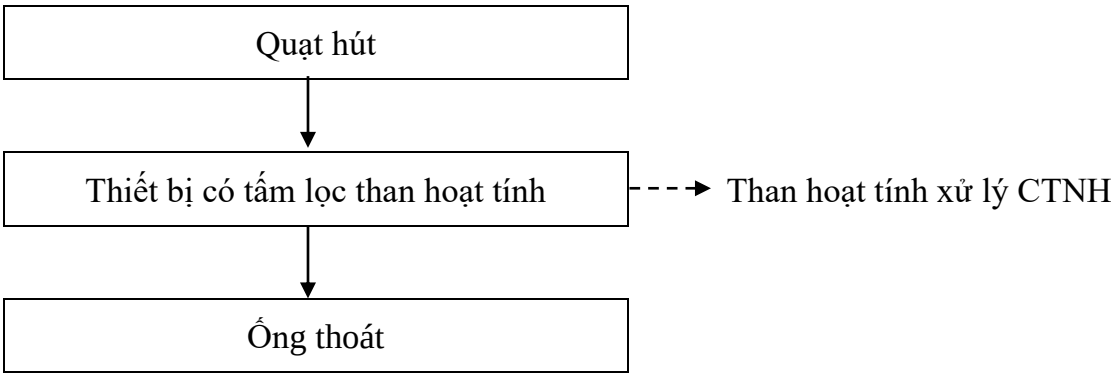
TT	Chỉ tiêu	Khối lượng (tấn/năm)	Tải lượng (Kg/h)
1	Butyl acetate	1,79	0,40
2	Propylene glycol	1,79	0,40
3	Butyl cellosolve	1,20	0,27
4	Xylen	2,39	0,54
5	Ethyl acetate	1,20	0,27
6	Polyisocyanate	3,58	0,80
	Tổng	11,93	2,68

Tổng tải lượng hơi dung môi bay hơi là 2,68 kg/giờ. Trong đó, các hơi dung môi như n-butyl acetate; Xylen; Propylene glycol; Butyl cellosolve; Xylen; Ethyl acetate; Polyisocyanate. Hiệu suất hấp phụ của than hoạt tính đạt 80%, vì vậy tổng lượng VOCs mà các tháp hấp phụ than hoạt tính có thể hấp phụ được khoảng 2,14 kg/giờ. Có 19 bồn chứa than hoạt tính và mỗi bồn than lấp 3 tấm lọc than hoạt tính. Như vậy, khối lượng tấm lọc than hoạt tính sử dụng khoảng 2.600 kg/năm.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi keo từ quá trình dán keo

Nhà máy đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình sản xuất công suất 16.000m³/giờ. Quy trình xử lý như sau:





Hình 3. 9. Quy trình xử lý bụi và hơi dung môi phát sinh tại công đoạn dán keo

Thuyết minh quy trình xử lý:

Tại khu vực keo phát sinh hơi keo, Chủ đầu tư đã lắp đặt các chụp hút tại điểm phát sinh, sau đó sẽ được thu gom về hệ thống xử lý hơi keo bằng phương pháp hấp phụ thông qua hệ thống đường ống PVC D250 và D400.

Ở tháp hấp phụ xảy ra quá trình hấp phụ các hơi dung môi này bằng than hoạt tính, khí thải được đưa từ dưới tháp lên, giữa thân tháp có lắp đặt các lớp than hoạt tính để thực hiện quá trình hấp phụ. Nhờ lực hút của quạt ly tâm nên dòng khí thải được dẫn vào buồng lọc khí. Lúc này, không khi tiếp xúc với các khay lọc có bố trí lớp than hoạt tính cố định nhằm loại bỏ hoàn toàn dòng khí gây mùi. Yêu cầu kỹ thuật đối với các khay này đòi hỏi phải được bố trí sao cho có thể lọc tất cả dòng khí trong phạm vi tiết diện của buồng lọc. Thậm chí những vi khuẩn gây hại cũng có thể được giữ lại trên bề mặt lớp than hoạt tính này.

Hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính có hiệu quả xử lý cao trong việc hấp thụ những chất khí dễ bay hơi, giữ lại chất khí gây ô nhiễm và thải ra môi trường nguồn khí sạch. Khí thải sau khi đi qua lớp than hoạt tính được thải ra ngoài môi trường thông qua ống phát thải Inox, D600, cao qua mái nhà xưởng. Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt và QCVN 20:2009/BTNMT.

Bảng 4. 9. Thông số kỹ thuật của HTXL hơi dung môi từ công đoạn dán keo

TT	Công trình	Thông số	Số lượng
1	Ống hút khí	Ống nhánh D250 Ống chính D400	01 hệ thống
2	Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tinh	Kích thước: 1,2m x 1,0mx1,0m Vật liệu: Tôn 1.2mm hoa sen Bồn hấp phụ sẽ có 3 khay than hoạt	01 hệ thống

TT	Công trình	Thông số	Số lượng
		tính Kích thước: D x R x C = 1,2m x 1,0m x 0,5m Tấm than được để chéo	
3	Quạt hút	Lưu lượng: 16.000 m³/giờ Công suất 13Hp - 380V	01 hệ thống
4	Ống thoát	Đường kính: 0,4 m Chiều cao: 15m	01 hệ thống

(Nguồn: Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, 2024)

Tính toán lương than hoạt tính sử dung:

Khối lượng than hoạt tính sử dụng cho HTXL hơi keo trong 01 năm là:

$$M_{Than} = \frac{M_{Hơi\ keo}}{M^*} = \frac{1,38}{0,175}\ x\ 300 = 2.365,7\ (kg/năm)$$

M* = 0,175 kg hơi/kg than (Theo sổ tay quá trình và thiết bị công nghệ hóa chất tập 2)

Nhà máy sử dụng than hoạt tính có độ xốp hấp phụ lớn E = 37%, đường kính của hạt than d = 0,004 m, khối lượng riêng xốp: P_k = 350-400 (kg/m³). Chọn P_k = 400 kg/m³.

Chọn chiều cao lớp than trong tháp hấp thụ chứa than hoạt tính là: h = 0,5 m

Thể tích lớp than trong Tháp hấp thụ chứa than hoạt tính:

V_{Than} = L x R x H = 1,2 x 1,0 x 0,5 ≈ 0,6 m^3

Khối lượng than sử dụng cho 01 lần: M_{than} 1 lần =V_{than} x P_k = 0 ,6 x ≈ 240 kg/lần

Số lượng tấm lọc than bố trí trong 01 hộp lọc: 03 tấm

Số lượng Tháp hấp thụ chứa than hoạt tính: 01 hộp

Tổng khối lượng than sử dụng trong 1 lần: 56 × 3 × 1 = 720 (kg/lần)

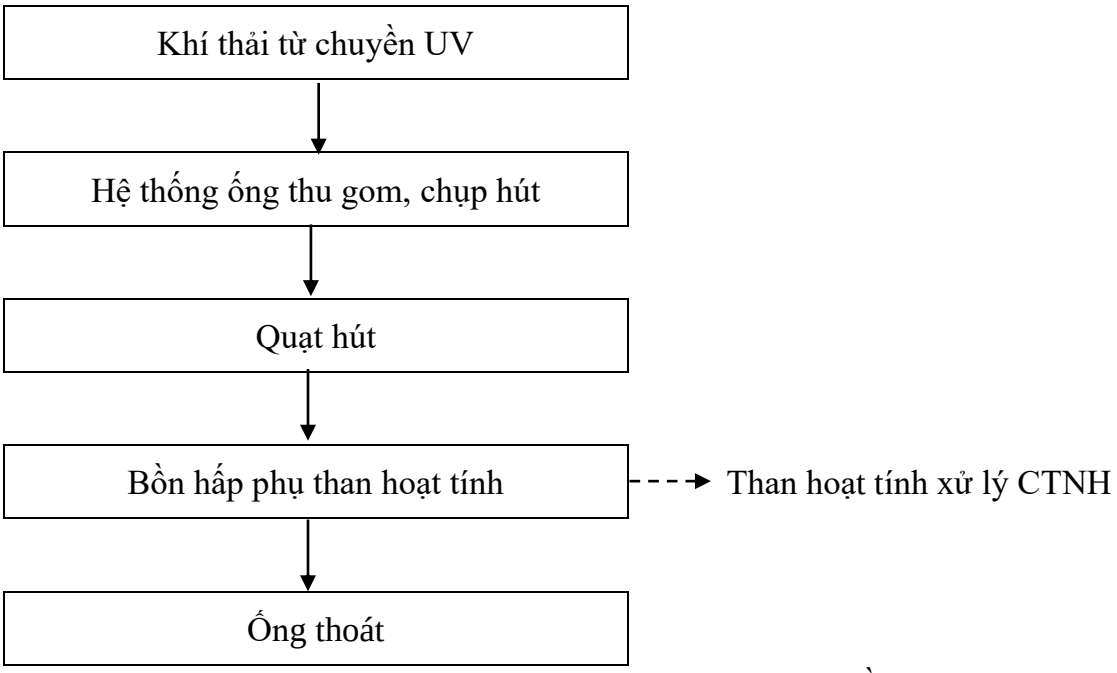
Tần suất thay than:

$$T = \frac{M_{Than}}{M_{Than\ 1\ lần}} = \frac{12.365,7}{720} = 3\ (lần/năm)$$

2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động khí thải từ chuyền UV

Nhà máy đã lắp đặt 01 hệ thống công suất 15.000m³/giờ.

Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 10.. Quy trình xử lý hơi dung môi phát sinh tại chuyền sơn UV

Thuyết minh quy trình xử lý:

Dưới tác động lực hút của quạt ly tâm, các dòng khí thải gây mùi được dẫn vào Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính.

Tại đây không khí sẽ được đi qua các khay lọc chứa than hoạt tính để loại bỏ các tạp chất gây mùi. Vị trí lắp đặt các khay than hoạt tính được bố trí sao cho có thể lọc tất cả các dòng khí nằm trong tiết diện của buồng lọc. Ngay cả những vi khuẩn gây hại vô tình bay trong luồng khí cũng bị than hoạt tính giữ chặt lại.

Sau khoảng thời gian nhất định, các vật liệu than hoạt tính sẽ bão hòa và không hấp phụ được nữa. Đến lúc ấy, ta thay mới lớp than hoạt tính này (thường là định kỳ) để đảm bảo quá trình xử lý khí thải luôn nằm trong tiêu chuẩn xả thải.

Hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính có hiệu quả xử lý cao trong việc hấp thụ những chất khí dễ bay hơi, giữ lại chất khí gây ô nhiễm và thải ra môi trường nguồn khi sạch. Khí thải sau khi đi qua lớp than hoạt tính được thải ra ngoài môi trường thông qua ống phát thải Inox, D600, cao qua mái nhà xưởng. Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt và QCVN 20:2009/BTNMT.

Bảng 4. 10. Thông số kỹ thuật của HTXL hơi dung môi sơn chuyền sơn UV

TT	Công trình	Thông số kỹ thuật
1	Ống thu gom	Tôn Hoa Sen, Ø120-400mm. Dày 0.8mm 01 hệ thống

TT	Công trình	Thông số kỹ thuật
2	Bồn hấp phụ bằng than hoạt tính	Số lượng: 01 Bồn Vật liệu: Tôn Hoa Sen dày 1.2mm Kích thước: D x R x H: 1m x 1m x 1m
3	Quạt hút	Số lượng: 01 cái với công suất: 15HP - 10.5kW Lưu lượng: 15000-18000 m³/h
4	Khay đựng than hoạt tính	Số lượng: 6 khay - thiết kế so le nhau Kích thước mỗi khay: D x R x C: 1m x 0.6m x 0.05m
5	Ống thoát	Đường kính: 0,4 m Vật liệu: Tôn hoa sen Chiều cao: 15m

(Nguồn: Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, 2024)

Tính toán lượng than hoạt tính sử dung:

Khối lượng than hoạt tính sử dụng cho HTXL hơi keo trong 01 năm là:

$$M_{Than} = \frac{M_{kt}}{M^*} = \frac{1,47}{0,175} \; x \; 300 = 2.526 \; (kg/năm)$$

M* = 0,175 kg hơi/kg than (Theo sổ tay quá trình và thiết bị công nghệ hóa chất tập 2)

Nhà máy sử dụng than hoạt tính có độ xốp hấp phụ lớn E = 37%, đường kính của hạt than d = 0,004 m, khối lượng riêng xốp: P_k = 350-400 (kg/m³). Chọn P_k = 400 kg/m³.

Chọn chiều cao lớp than trong tháp hấp thụ chứa than hoạt tính là: h = 0,05 m

Thể tích lớp than trong Tháp hấp thụ chứa than hoạt tính:

V_{Than} = L x R x H = 1,0 x 0,6 x 0,05 ≈ 0,03 m^3

Khối lượng than sử dụng cho 01 lần: M_{than} 1 lần =V_{than} x P_k = 0 ,03 x 400 ≈ 12 kg/lần

Số lượng tấm lọc than bố trí trong 01 hộp lọc: 06 tấm

Số lượng Tháp hấp thụ chứa than hoạt tính: 01 hộp

Tổng khối lượng than sử dụng trong 1 lần: 56 × 6 × 1 = 72 (kg/lần)

Tần suất thay than:

$$T = \frac{M_{Than}}{M_{Than\ 1\ lần}} = \frac{2.526}{72} = 35 \; (lần/năm)$$

2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động môi trường không khí từ các nguồn khác

a. Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy

Để giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tián vận chuyển, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Biện pháp quản lý:

Đối với xe chở hàng của nhà máy, người phụ trách lái xe phải được học đầy đủ các luật về giao thông và các quy định về vận chuyển. Lái xe được giao trách nhiệm chăm sóc và quản lý xe cụ thể.

Đối với các phương tiện là xe máy ra vào nhà máy phải tắt máy, dắt bộ.

Khi ký hợp đồng vận chuyển yêu cầu các chủ xe phải đảm bảo về tình trạng kỹ thuật của xe, trình độ lái xe, chấp hành các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông.

Bố trí bãi đậu xe hợp lý trong khuôn viên nhà máy.

Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên.

Phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng do khả năng hấp thu nhiệt của bê tông gây ra, nhất là vào mùa nắng.

Duy trì diện tích cây xanh xung quanh nhà máy nhằm hạn chế phát tán bụi và khí thải ra môi trường, đồng thời tạo cảnh quan và điều hòa vi khí hậu khu vực nhà máy.

- Biện pháp kỹ thuật:

Xe của nhà máy được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng đúng kỹ thuật, đảm bảo các thông số khói thải của xe đạt yêu cầu quy định về môi trường.

Xe chở đúng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông như chằng, neo đảm bảo an toàn, thời gian lưu thông, phủ bạt chống bụi, không bóp còi nơi cần yên tĩnh.

b. Mùi từ nhà vệ sinh

Đối với bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động bao gồm:

- Nguyên liệu nhập về, sản phẩm xuất xưởng của nhà máy đã được đóng gói theo đúng quy cách, cẩn thận.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như găng tay, khẩu trang,…

- Bố trí hệ thống làm mát và thông gió nhà xưởng để giảm thiểu bụi bên trong khu vực sản xuất.

- Hệ thống giao thông, sân đường nội bộ, kho chứa đã được bê tông hóa.

- Duy trì diện tích cây xanh khu vực bao quanh phân xưởng sản xuất để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí.

c. Kiểm soát ô nhiễm không khi từ hoạt động nhập kho, lưu trữ và xuất kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất

Việc nhập các nguyên vật liêu sẽ được bổ trí hợp lý về thời gian và không gian như:

- Không nhập kho vào thời tiết xấu, gió mạnh, chỉ nhập kho các nguyên liáu đã chọn vào vị trí chứa thích hợp.

- Không nhập và xuất nguyên vật liệu quá nhiều: Dự kiến các loại nguyên vật liệu cần thiết sẽ được xuất và nhập kho đủ dùng.

- Thiết kế nhà kho và nhà chứa phải hợp lý: Đường nội bộ vào kho chứa phải đảm bảo phân phối sản phẩm, khu vực sản xuất có trang thiết bị phải đảm bảo hai bên các thiết bị trống ít nhất khoảng 10m đế xe vào.

- Quá trình nhập kho và xuất kho nguyên vật liệu sẽ được công ty sử dụng xe nâng do đó sẽ hạn chế được ảnh hưởng đến công nhân lao động.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

CTR phát sinh tại nhà máy được thu gom và xử lý đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trường Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Các loại chất thải được phân loại ngay tại Cơ sở, tái sử dụng hoặc lưu trữ trong những khu vực riêng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý phù hợp với từng loại chất thải.

3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

Phân loại rác thải theo quy định thời gian tới là 03 loại. Mỗi loại đựng trong 01 thùng rác, 3 thùng đặt kế nhau tại mỗi vị trí bố trí.

Đối với chất thải thực phẩm và các loại phế liệu khác phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh, văn phòng bao gồm bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thửa... Với khối lượng CTRSH phát sinh cho 600 người là khoảng 720

kg/ngày. Công ty bố trí các thùng rác ngay tại nơi phát sinh sau đó thu gom về kho chứa CTSH có mái che mưa nắng; kho chứa rác được tráng nền xi măng; tường và mái tole bao xung quanh và chứa trong 03 thùng chứa loại 660 lít có nắp đậy. Và giao cho đơn vị có chức năng thu gom định kỳ 01 lần/ ngày mang đi xử lý đúng quy định.

Công ty hiện tại đã bố trí 01 kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 60m². (Vị trí được thể hiện trong bản vẽ mặt bằng tổng thể). Chủ cơ sở duy trì tần suất thu gom 01 lần/ngày để chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý theo quy định.

Công ty đã ký hợp đồng với HKD Dịch vụ vệ sinh đô thị - vận tải Nguyễn Xuân Lộc để chuyển giao chất thải cho đơn vị thu gom, xử lý theo đúng quy định.

3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Công ty hiện tại đã bố trí 01 kho chứa chất thải công nghiệp có diện tích 60m². (Vị trí được thể hiện trong bản vẽ mặt bằng tổng thể). Chủ cơ sở duy trì tần suất thu gom để chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý theo quy định.

Thường xuyên dọn dẹp, giám sát, lưu trữ, gọn gàng, tránh tràn ra bên ngoài khu vực.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Long Trường Sinh để chuyển giao chất thải công nghiệp cho đơn vị thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Chủ Cơ sở tuân thủ theo các quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Lượng phát sinh chất thải công nghiệp phát sinh của cơ sở:

Bảng 4. 11. Khối lương thành phần chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy carton, Bao bì thải các loại: nilon thải, bao bì giấy thải, phế liệu thải từ công đoạn đóng gói	18 01 05	Rắn	3.468	TT-R

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
2	Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composite) Mút xốp....	18 01 11	Rắn	162	TT-R
3	Các vật liệu mài thái khác với các loại trên (Giấy nhám đã qua sử dụng)	07 03 17	Rắn	1.464	TT
4	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH (Ngũ kim, phụ kiện thải)	11 04 03	Rắn	810	TT-R
5	Thành phần gồm mùn cưa, phoi bào, đầu mẫu, gỗ thừa, ván, gỗ dán vụn thải, bụi gỗ sau hệ thống xử lý bụi (trường hợp kết quả phân định là chất thải rắn công nghiệp thông thường)	09 01 03	Rắn	1.155.668,57	TT-R

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
	Tổng			**1.161.572,57**	

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4. 12. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của cơ sở

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	
				Theo GPMT đã được cấp	Tối đa
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	9,2	9,2
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	11,0	11,0
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, vải, bao tay nhiễm các thành phần nguy hại và màng lọc bụi sơn thải)	Rắn	18 02 01	1.680,0	1.680,0
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa sơn, Rắn thùng chứa phụ gia...)	Rắn	18 01 03	22,0	22,0
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia...)	Rắn	18 01 02	22,0	22,0
6	Pin ắc quy thải	Rắn	19 06 01	7,3	7,3
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	3.073,8	**5.673,8**
8	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải có các thành phần nguy hại khác với các loại trên (Bông chống sơn)	Rắn	05 02 09	374,4	**446,4**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	
				Theo GPMT đã được cấp	Tối đa
9	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	3,7	3,7
10	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc có thành phần nguy hại khác	Rắn	08 01 01	1.800,0	1.800,0
	Tổng cộng			**7.003,4**	**9.675,4**

(Nguồn: Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, 2024)

Phân loại và thu gom:

Các loại CTNH: dầu nhớt, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, ac quy, giẻ lau...thu gom đến nơi quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xửlý- tuân thủ theo hướng dẫn của Thông tư 02/2022/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mỗi loại chất thải nguy hại sẽ được lưu trữ riêng vào các thùng chứa, có dán nhãn và viết tên chất thải, mã chất thải nguy hại.

Phân loại CTNH, không để lẫn CTNH khác loại với nhau hoặc với chất thải khác; bố trí nơi lưu giữ tạm thời CTNH an toàn, kho chứa có diện tích 10 m²; đóng gói, bảo quản CTNH theo chủng loại trong các bồn, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin:

- Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.
- Tên và dịa chỉ của chủ nguồn thải.
- Mô tả về nguy cơ do chất thải có thể gây ra.
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707-2000 về CTNH.
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.
- Quy cách nhà chứa chất thải nguy hại:

+ Công ty hiện tại đã bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 93m². (Vị trí được thể hiện trong bản vẽ mặt bằng tổng thể). Kho chứa đảm bảo khả năng lưu chứa nên tiếp tục sử dụng. Chủ cơ sở duy trì tần suất thu gom để chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý theo quy định.

+ Kho lưu chứa CTNH được lắp đặt thêm ổ khóa và có gắn ký hiệu cảnh báo. Việc lưu giữ phải đảm bảo về tính an toàn: không bị rò rỉ, không bay hơi phát tán,

không chảy tràn (kín), bên ngoài có dán nhãn cảnh báo theo đặc tính nguy hại của chất thải, để riêng biệt theo từng loại trong kho bãi. Việc thu gom, đóng gói, dán nhãn là khâu có ý nghĩa, có tầm quan trọng đáng kể cho việc chọn lựa phương pháp xử lý phù hợp và đảm bảo an toàn trong lưu giữ, vận chuyển.

Công ty cam kết sẽ thu gom, phân loại theo quy định theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Công ty đã ký hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương để chuyển giao chất thải công nghiệp cho đơn vị thu gom, xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom theo khối lượng chất thải phát sinh.

Công ty thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường và gửi báo cáo đến các cơ quan thẩm quyền theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Để giảm thiểu tiếng ồn, rung từ quá trình sản xuất, Chủ Dự án thực hiện các biện pháp sau:

❖ *Đối với tiếng ồn, rung do phương tiện giao thông:*

- Đối với xe của nhà máy, lái xe phải được học đầy đủ các luật về giao thông và các quy định về vận chuyển. Lái xe sẽ được giao trách nhiệm chăm sóc và quản lý xe cụ thể.
- Khi ký hợp đồng vận chuyển yêu cầu các chủ xe phải đảm bảo về tình trạng kỹ thuật xe, trình độ lái xe, chấp hành các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông.
- Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không bóp còi.
- Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.
- Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và thu gom chất thải, các loại phương tiện đều phải gửi ngoài bãi xe.

❖ *Đối với tiếng ồn, rung trong sản xuất:*

- Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Lắp đệm chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 – 6 tháng/lần.
- Kiểm tra, đo đạc các thông số về môi trường hằng năm nhằm đảm bảo theo qui định của nhà nước và cải thiện điều kiện làm việc.
- Trang bị bảo hộ lao động: tai nghe, khẩu trang, bao tay… cho công nhân. Trang bị nút tai cho người lao động phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao, đây là biện pháp vừa hiệu quả vừa kinh tế vừa dễ thực hiện. Nút tai có thể giảm độ ồn từ 8 – 10dB. Trang bị các bao tay có đệm đàn hồi, giày có đế chống rung cho người lao động tại các khu vực có phát sinh.

Biện pháp khác: Duy trì diện tích cây xanh trong khuôn viên để hạn chế lan truyền tiếng ồn đi xa.

❖ *Về đảm bảo tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường của dự án:*

Tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Dự án luôn được kiểm soát và khống chế đảm bảo đạt theo yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung..

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

❖ **Đối với bể tự hoại**

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

-Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

❖ **Đối với sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước**

Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn.

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

b. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải

Để phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải, Chủ đầu tư đã thực hiện các biện pháp như sau:

❖ *Các biện pháp phòng ngừa:*

Cán bộ vận hành phải thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị thu gom, xử lý và phát tán bụi từ các hệ thống xử lý. Đặc biệt tại hệ thống Cyclon thu bụi, các tháp hấp thụ và tháp hấp phụ. Chi tiết một số biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố được thực hiện gồm:

- Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: đinh, ốc vít, các loại đai thép bọc ống, van điều khiển, quạt hút… Đồng thời, thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.
- Tính toán và thiết kế ứng với trường hợp lưu lượng khí thải cao nhất.
- Chuẩn bị một số thiết bị dự phòng đối với một số máy móc dễ hư hỏng như: bơm dự phòng, hệ thống van, đường ống và các phụ tùng khác.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, tình trạng hoạt động để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Thực hiện quan trắc định kỳ để giám sát và theo dõi chất lượng khí thải.
- Luôn có người giám sát và vận hành hệ thống để kịp thời xác định và xử lý sự cố.

❖ *Các phương án ứng phó:*

- Bộ phận phụ trách chuyên môn tại nhà xưởng sẽ xác định rủi ro xảy ra và có các biện pháp ứng phó kịp thời.
- Báo cáo với người phụ trách quản lý đề xử lý các vấn đề có liên quan như, giải tán công nhân khu vực có sự cố, tách biệt, khống chế lan truyền sự cố đến các khu vực khác, hạn chế thiệt hại.
- Tạm dừng hoạt động để kiểm tra và khắc phục sự cố.
- Thuê đơn vị chuyên môn cao để cùng xử lý sự cố.
- Vận hành và giám sát hệ thống xử lý sau khi được khắc phục và xử lý.

- Sau khi kiểm tra sự cố đã được khắc phục, nhà máy trở lại hoạt động bình thường..

c. Đối với quá trình lưu giữ chất thải rắn và chất thải nguy hại

Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước theo đúng quy định;

Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có xây dựng mương bao quanh đề phòng trường hợp chất thải lỏng bị rò rỉ. Khi chất thải lông bị rò rỉ sẽ chảy vào mương rồi chảy vào hố thu gom. Chủ Cơ sở sẽ thu gom chất thải này chứa vào thùng chứa giao cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại.

Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

d. Phòng chống cháy nổ

Để quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, Chủ Dự án sẽ thực hiện ban hành và thực hiện nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ như sau:

- Các máy móc, thiết bị phải có lý lịch kèm theo và được đo đạc, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.
- Định kỳ kiểm tra hệ thống điện, hệ thống PCCC để đảm bảo các hoạt động này luôn hoạt động tốt.
- Đặt biển báo dễ cháy nổ tại khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, nổ.
- Công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.

❖ *Biện pháp ứng phó với sự cố cháy nổ:*

- Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, cát, nước để dập lửa;

- Áp dụng các hướng dẫn xử lý sự cố cháy nổ hóa chất, sự cố tai nạn lao động theo khuyến cáo của nhà sản xuất;

- Dọn dẹp: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được vận chuyển ra khỏi khu vực;

- Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Công ty sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Công ty sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

e. Phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố tai nạn lao động:

Để đảm bảo an toàn lao động trong nhà máy, các biện pháp sau đây đã được thực hiện:

❖ *Phòng ngừa tai nạn lao động:*

Các biện pháp để bảo vệ an toàn lao động cho người công nhân là không thể thiếu. Vì vậy, Chủ Dự án luôn đặc biệt quan tâm đến các yếu tố vi khí hậu nhằm đảm bảo môi trường lao động an toàn và hợp vệ sinh cho công nhân như sau:

- Từng máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn lập thành bảng gắn tại vị trí hoạt động và thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thì đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị sản xuất và xử lý môi trường.

- Toàn bộ máy móc thiết bị sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt.

- Về an toàn kỹ thuật điện: nhà máy sẽ chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận của các phân xưởng. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy.

- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động.

- Trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho sức khỏe công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng,...

- Điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn cũng cần được tuân thủ chặt chẽ.

- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa

chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng: địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa,...

❖ *Ứng phó tai nạn lao động:*

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết để sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động.

- Ghi rõ các địa chỉ liện hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,…. tại vị trí dễ thấy để liên hệ.

- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gấn nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

f. Phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm:

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, Chủ Dự án sẽ ký kết với nhà thầu nấu ăn uy tín, có giấy phép và giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ứng phó khi xảy ra ngộ độc thực phẩm:

- Ghi rõ các địa chỉ liện hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,…. tại vị trí dễ thấy để liên hệ;

- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị ngộ độc hoặc chuyển người bị ngộ độc đến trạm xá, bệnh viện gấn nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị ngộ độc.

g. Phương án phòng ngừa, ứng phó đối với Sự cố hóa chất:

❖ ***Phương án phòng ngừa sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:***

- Thiết bị lưu giữ phù hợp với từng loại hóa chất, khu vực lưu giữ hóa chất được sắp xếp ngay ngắn, cẩn thận cho từng loại riêng biệt, không lưu giữ các hóa chất có phản ứng chung với nhau. Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, thùng, can để đảm bảo không có hiện tượng nứt, vỡ, rách thủng. Phân loại và ghi nhãn hóa chất theo đúng Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Hàng năm, công nhân được tham gia lớp đào tạo về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

❖ ***Lưu ý trong việc bảo quản, lưu trữ hóa chất:***

- Đối với các hóa chất nguy hiểm chỉ để tại nơi làm việc số lượng vừa đủ cho yêu cầu sử dụng trong ca. Số còn lại sẽ được bảo quản trong kho. Kho hóa chất phải đảm bảo được yêu cầu an toàn cho thủ kho, cho những người làm việc ở gần và không gây ô nhiễm môi trường.

❖ ***Yêu cầu kỹ thuật đối với kho hóa chất:***

Kho chứa hoá chất đảm bảo khoảng cách an toàn với khu dân cư và cuối nguồn nước theo đúng quy định TCVN 5507:2002 - Hoá chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển;

- Kho lưu giữ hóa chất được đặt tại vị trí cách xa khu nhà ăn, nhà sinh hoạt chung của cán bộ, công nhân viên.

- Chịu được lửa, nhiệt độ cao, không phản ứng hóa học và không thấm chất lỏng. Sàn kho được thiết kế có chỗ chứa hóa chất rò rỉ hoặc tràn đổ và bề mặt bằng phẳng, không gồ ghề để dễ dọn sạch. Tường bên ngoài kho được xây dựng với yêu cầu chịu được lửa ít nhất là 30 phút và tất cả các bức tường đều không thấm nước, bề mặt bên trong của tường được ốp gạch trơn nhẵn, có thể rửa một cách dễ dàng và không bắt bụi.

- Lối ra, vào được lắp đặt cửa chịu lửa, mở hướng ra ngoài; kho còn được bố trí các cửa thoát hiểm thiết kế mở hướng thẳng ra bên ngoài nhà xưởng.

- Được thiết kế hệ thống thông gió bằng các cửa sổ và lỗ thông gió để làm loãng hoặc hút sạch lượng khí độc sinh ra khi có sự cố.

- Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp tuân thủ yêu cầu của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Tại kho có đặt bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất, những lưu ý cần tuân theo khi xắp xếp, vận chuyển, san rót, đóng gói.

❖ ***Đối với phương tiện vận chuyển hóa chất:***

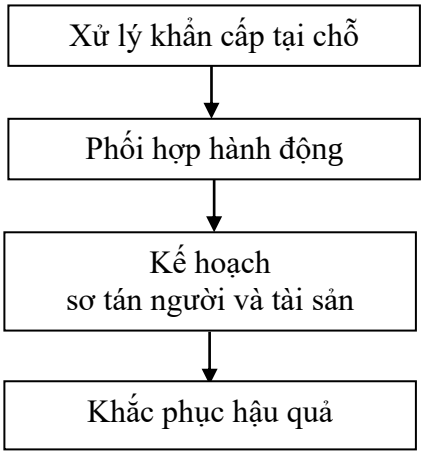
Tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Thông tư số 52/2013/TT-BTNMT ngày 27/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc vận chuyển hóa chất, cụ thể:

- Có trang thiết bị che, phủ kín; trang thiết bị che phủ phải phù hợp với yêu cầu chống thấm, chống cháy, không bị phá hủy khi tiếp xúc với hóa chất được vận chuyển; chịu được sự va đập và đảm bảo an toàn, hạn chế sự rò rỉ các chất độc hại và lây nhiễm ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Đảm bảo đầy đủ thiết bị, vật liệu ứng phó sự cố trong quá trình vận chuyển theo quy định.

❖ ***Phương án ứng phó, khắc phục sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:***

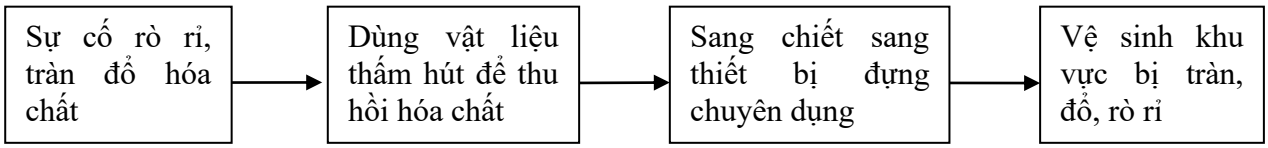
Khi xảy ra sự cố tràn, đổ hóa chất và trở thành nguồn gây ô nhiễm môi trường thì việc đầu tiên Công ty thực hiện là xác định mức độ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người sau đó thực hiện các biện pháp ngăn chặn, hạn chế sự lan rộng cùng các tác động của hóa chất. Khi xảy ra sự cố, Công ty sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các công tác ứng phó như sau:



Hình 4. 1. Sơ đồ mô phỏng công tác ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

Bước 1: ***Xử lý khẩn cấp tại chỗ***

Biện pháp xử lý sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất có thể khái quát bằng sơ đồ sau:



+ *Trường hợp rò rỉ, tràn đổ ở mức nhỏ:*

Khi sự cố xảy ra, để ngăn chặn sự tiếp xúc của hóa chất tới cơ thể con người thì cần trang bị bảo hộ lao động và các thiết bị chuyên dụng cho người lao động. Hấp phụ hóa chất bằng bằng vật liệu trơ (cát), không sử dụng chất liệu dễ cháy sau đó thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng kín để thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý. Dùng nước sạch rửa khu vực bị tràn đổ, rò rỉ sau đó thu gom lượng nước này và xử lý như chất thải nguy hại mà không xả vào hệ thống thoát nước chung. Dùng các thiết bị để khử hơi hóa chất bay vào không khí.

+ *Trường hợp tràn đổ, rò rỉ lớn trên diện rộng:*

Thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, hủy bỏ tất cả các nguồn phát lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn, đổ hóa chất. Hấp phụ hóa chất bằng vật liệu trơ, không sử dụng vật liệu dễ cháy sau đó thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng kín rồi thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý. Dùng nước sạch rửa khu vực bị tràn đổ, rò rỉ sau đó thu gom lượng nước này và xử lý như chất thải nguy hại mà không xả vào hệ thống thoát nước chung. Dùng các thiết bị để khử hơi hóa chất bay vào không khí.

+ *Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hóa chất khi vận chuyển:*

Trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ khi đang vận chuyển thì nhân viên lái xe phải thực hiện phương án nhằm cách ly hóa chất xa khu dân cư sau đó phối hợp với nhân viên kỹ thuật thu gom hóa chất vào các thùng chứa chuyên dụng rồi thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

Bước 2: Phối hợp hành động:

Tùy vào tình hình sự cố mà Chủ dự án sẽ thông báo khẩn cấp tới các cơ quan chức năng của địa phương và các cơ sở sản xuất xung quanh để phối hợp khắc phục.

<u>Bước 3:</u> Kế hoạch sơ tán người và tài sản:

Khi xảy ra sự cố hóa chất thì lập tức sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực tràn đổ, rò rỉ và các khu vực có khả năng chịu tác động. Sơ tán những nguồn có thể gây nguy hiểm hoặc là tác nhân gây ra các sự cố tiếp theo (nguồn lửa, nhiệt, …) và cắt cầu dao điện. Sau khi sơ tán người và tài sản ra thì cô lập vùng nguy hiểm.

Bước 4: Khắc phục hậu quả sự cố:

Khi sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất thì việc đầu tiên Chủ dự án cần thực hiện là đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người, thực hiện các biện pháp ngăn chặn, hạn chế sự lan rộng và tác động của hóa chất, đưa người bị thương đến cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu trong trường hợp nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng nhanh chóng chuyển nạn nhân lên các cơ sở y tế tuyến trên để chữa trị chuyên sâu. Hỗ trợ, đền bù thiệt hại cho nạn nhân và công tác xử lý môi trường.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

a. Phương án thu gom nước mưa chảy tràn:

Để giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn, Chủ Dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Hạ tầng thu gom nước mưa được bố trí tách biệt hệ thống thu gom và thoát nước thải.
- Nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, cũng như qua bề mặt của dự án,… sẽ được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại hố ga trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước mưa sau đó đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.
- Từng nhà xưởng, thiết kế máng thu nước trên mái theo đường ống dọc tường.
- Thường xuyên kiểm tra, tu bổ hệ thống thoát nước mưa, thu dọn rác tránh hiện tượng tắc nghẽn gây ngập úng.
- Hệ thống thoát nước mưa được định kì nạo vét, bùn thải thu gom thuê đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:

Vấn đề khống chế ô nhiễm nhiệt bao gồm việc kiểm soát các nguồn phát tán nhiệt cũng như đảm bảo điều kiện vi khí hậu thuận lợi trong môi trường lao động của công nhân. Chủ dự án cũng đã áp dụng các biện pháp khống chế tác động của nhiệt thừa từ quá trình sản xuất như sau:

-Bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, các cửa mái để thông gió tự nhiên tốt, bố trí hướng nhà hợp lý nhằm sử dụng tối đa khả năng thông gió tự nhiên.

-Áp dụng các biện pháp thông gió cưỡng bức trong hệ thống nhà xưởng, lắp đặt trần mái cách nhiệt, chụp thoát gió tự nhiên hay cơ khí để thoát nhiệt, các hệ thống thông gió làm mát phục vụ cho công nhân ở những khu vực có nhiệt độ cao. Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư..

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Không thay đổi.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp:

Hiện nay, theo nhu cầu thực tế, Công ty sẽ bổ sung thêm các hệ thống buồng sơn mẫu tại tầng 2 Xưởng 3. Ngoài ra, Công ty dự kiến gom ống thải của 49 hệ thống xử lý khí thải số 9 đến số 57 (nguồn số 08 đến nguồn số 56) tại Xưởng 2 theo Giấy phép môi trường số 64/GPMT-UBND đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 02 tháng 10 năm 2024 thành 13 dòng khí thải. Các nội dung thay đổi cụ thể như sau:

TT	**Theo GPMT số 64/GPMT-UBND ngày 02/10/2024**	**Phương án thay đổi, bổ sung**
	TẠI XƯỞNG 2:	
	11 buồng phun sơn tại tầng 2 của Xưởng 2 + 49 hệ thống xử lý thoát ra 49 ống thoát. + Công suất 3.600 m^3/giờ/hệ thống (ống thoát). Tổng lưu lượng các ống thoát: **176.400 m^3/giờ**.	11 buồng phun sơn tại tầng 2 của Xưởng 2 + 49 hệ thống xử lý thoát ra 13 ống thoát. + Công suất: 03 ống thoát có lưu lượng 24.000 m^3/giờ/ống thoát và 10 ống thoát 32.000 m^3/giờ/ống thoát. Tổng lưu lượng các ống thoát: **392.000 m^3/giờ.**
	TẠI XƯỞNG 3:	
	Bố trí 06 hệ thống thu gom, xử lý bụi công suất 12.000 m^3/giờ/hệ thống từ quá trình	Bố trí 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình

TT	**Theo GPMT số 64/GPMT-UBND ngày 02/10/2024**	**Phương án thay đổi, bổ sung**
	gia công và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 3 với quy trình công nghệ: Bụi → Họng hút bụi → Quạt hút → Túi vải di động → Môi trường. Tổng lưu lượng 06 hệ thống: **72.000 m^3/giờ.**	gia công (cắt, cưa, khoan,...) và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 3, công suất **90.000 m^3/giờ** với quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát.
	Tại tầng 2 của Xưởng 3: Không bố trí sản xuất	Bổ sung 05 buồng phun sơn hàng mẫu (04 buồng mỗi buồng 04 hệ thống xử lý/buồng và 01 buồng 03 hệ thống xử lý: + 19 hệ thống xử lý thoát ra 05 ống thoát. + 04 buồng công suất 8.000 m^3/giờ/buồng và 01 buồng công suất 6.000 m^3/giờ.

Công ty sẽ thực hiện gộp các ống thải của hệ thống xử lý khí thải số 9 đến số 57 (nguồn số 08 đến nguồn số 56). Do đó, dòng khí thải sẽ giảm từ 49 dòng xuống còn 13 dòng. Chi tiết thay đổi cụ thể như sau:

STT	Nguồn phát sinh khí thải	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Sau điều chỉnh	
		Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải
1	Nguồn số 08 đến số	Dòng khí thải số 09	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí	Dòng khí thải số 09	Tại ống thoát khí của hệ thống xử

STT	Nguồn phát sinh khí thải	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Sau điều chỉnh	
		Dòng khí thải	**Vị trí xả thải**	**Dòng khí thải**	**Vị trí xả thải**
	56: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 05 đến buồng phun sơn số 15 tại tầng 2 xưởng 2		thải số 9, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 08)		lý khí thải số 9 đến 11, công suất 24.000 m³/giờ (nguồn số 08 đến 10)
		Dòng khí thải số 10	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 10, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 9)		
		Dòng khí thải số 11	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 11, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 10)		
		Dòng khí thải số 12	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 12, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 11)	Dòng khí thải số 10	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 12 đến 15, công suất 32.000 m³/giờ (nguồn số 11 đến 14)
		Dòng khí thải số 13	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 13, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 12)		
		Dòng khí thải số 14	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 14, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn		

STT	Nguồn phát sinh khí thải	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Sau điều chỉnh	
		Dòng khí thải	**Vị trí xả thải**	**Dòng khí thải**	**Vị trí xả thải**
			số 13)		
		Dòng khí thải số 15	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 15, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 14)		
		Dòng khí thải số 16	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 16, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 15)	Dòng khí thải số 11	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 16 đến 18, công suất 24.000 m³/giờ (nguồn số 15 đến số 17)
		Dòng khí thải số 17	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 17, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 16)		
		Dòng khí thải số 18	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 18, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 17)		
		Dòng khí thải số 19	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 19, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 18)	Dòng khí thải số 12	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 19 đến 21, công suất 24.000 m³/giờ (nguồn số 18 đến
		Dòng khí	Tại ống thoát khí của		

STT	Nguồn phát sinh khí thải	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Sau điều chỉnh	
		Dòng khí thải	**Vị trí xả thải**	**Dòng khí thải**	**Vị trí xả thải**
		thải số 20	hệ thống xửlý khí thải số 20, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 19)		số 20)
		Dòng khí thải số 21	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 21, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 20)		
		Dòng khí thải số 22	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 22, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 21)	Dòng khí thải số 13	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 22 đến số 25, công suất 32.000 m³/giờ (nguồn số 21 đến số 24)
		Dòng khí thải số 23	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 23, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 22)		
		Dòng khí thải số 24	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 24, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 23)		
		Dòng khí thải số 25	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 25, công suất		

STT	Nguồn phát sinh khí thải	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Sau điều chỉnh	
		Dòng khí thải	**Vị trí xả thải**	**Dòng khí thải**	**Vị trí xả thải**
			3.600 m³/giờ (nguồn số 24)		
		Dòng khí thải số 26	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 26, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 25)	Dòng khí thải số 14	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 26 đến số 29, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 25 đến số 28)
		Dòng khí thải số 27	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 27, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 26)		
		Dòng khí thải số 28	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 28, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 27)		
		Dòng khí thải số 29	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 29, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 28)		
		Dòng khí thải số 30	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 30, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 29)	Dòng khí thải số 15	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 30 đến số 33, công suất 3.600 m³/giờ

STT	Nguồn phát sinh khí thải	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Sau điều chỉnh	
		Dòng khí thải	**Vị trí xả thải**	**Dòng khí thải**	**Vị trí xả thải**
		Dòng khí thải số 31	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 31, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 30)		(nguồn số 29 đến số 32)
		Dòng khí thải số 32	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 32, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 31)		
		Dòng khí thải số 33	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 33, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 32)		
		Dòng khí thải số 34	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 34, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 33)	Dòng khí thải số 16	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 34 đến số 37, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 33 đến số 36)
		Dòng khí thải số 35	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 35, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 34)		
		Dòng khí thải số 36	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí		

STT	Nguồn phát sinh khí thải	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Sau điều chỉnh	
		Dòng khí thải	**Vị trí xả thải**	**Dòng khí thải**	**Vị trí xả thải**
			thải số 36, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 35)		
		Dòng khí thải số 37	Tại ông thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 37, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 36)		
		Dòng khí thải số 38	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 38, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 37)	Dòng khí thải số 17	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 38 đến số 41, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 37 đến số 40)
		Dòng khí thải số 39	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 39, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 38)		
		Dòng khí thải số 40	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 40, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 39)		
		Dòng khí thải số 41	Tại ông thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 41, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn		

STT	Nguồn phát sinh khí thải	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Sau điều chỉnh	
		Dòng khí thải	**Vị trí xả thải**	**Dòng khí thải**	**Vị trí xả thải**
			số 40)		
		Dòng khí thải số 42	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 42, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 41)	Dòng khí thải số 18	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 42 đến số 45, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 41 đến số 44)
		Dòng khí thải số 43	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 43, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 42)		
		Dòng khí thải số 44	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 44, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 43)		
		Dòng khí thải số 45	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 45, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 44)		
		Dòng khí thải số 46	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 46, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 45)	Dòng khí thải số 19	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 46 đến số 49, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 45 đến
		Dòng khí	Tại ống thoát khí của		

STT	Nguồn phát sinh khí thải	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Sau điều chỉnh	
		Dòng khí thải	**Vị trí xả thải**	**Dòng khí thải**	**Vị trí xả thải**
		thải số 47	hệ thống xử lý khí thải số 47, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 46)		số 48)
		Dòng khí thải số 48	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 48, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 47)		
		Dòng khí thải số 49	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 49, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 48)		
		Dòng khí thải số 50	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 50, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 49)	Dòng khí thải số 20	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 50 đến số 53, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 49 đến số 52)
		Dòng khí thải số 51	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 51, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 50)		
		Dòng khí thải số 52	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 52, công suất		

STT	Nguồn phát sinh khí thải	Theo Giấy phép môi trường đã được cấp		Sau điều chỉnh	
		Dòng khí thải	**Vị trí xả thải**	**Dòng khí thải**	**Vị trí xả thải**
			3.600 m³/giờ (nguồn số 51)		
		Dòng khí thải số 53	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 53, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 52)		
		Dòng khí thải số 54	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 54, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 53)	Dòng khí thải số 21	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 54 đến số 57, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 53 đến số 56)
		Dòng khí thải số 55	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 56, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 55)		
		Dòng khí thải số 56	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 57, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 56)		
		Dòng khí thải số 57	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 57, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 56)		

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

Không thuộc đối tượng.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

A. Nội dung cấp phép xả nước thải

A.1. Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở sau xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đấu nối nước thải phát sinh từ cơ sở vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú với Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú tại các văn bản: Hợp đồng thuê đất số 08/2019/HĐ-BĐP ngày 31/7/2019, Hợp đồng thuê đất số 06/2019/HĐ-BĐP ngày 08/7/2019 và Văn bản số 177/BĐP-CNMT ngày 23/9/2024.

B.2. Nước thải sản xuất: Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất.

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

B.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

B.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại lô B4 với lưu lượng tối đa 28 m^3/ngày (24 giờ) được thu gom và dẫn về bể tự hoại 05 ngăn (kết hợp khửtrùng). Nước thải sinh hoạt phát sinh sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm trên đường số N2 của KCN Bắc Đồng Phú) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đấu nối nước thải: X(m) = 1.269.826; Y(m) = 568.453

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại lô B5 với lưu lượng tối đa 20 m^3/ngày (24 giờ) được thu gom và dẫn về bể tự hoại 05 ngăn (kết hợp khử trùng). Nước thải sinh hoạt phát sinh sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm trên đường số N2 của KCN Bắc Đồng Phú) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải

tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đấu nối nước thải: X(m) = 1.269.838 Y(m) = 568.352.

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại cơ sở sau khi xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú tại 02 vị trí đấu nối như trên để tiếp tục xử lý.

B.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

B.1.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 5 ngăn → Khử trùng → Đấu nối vào hệ thống thu gom dẫn vào nhà máy xử lý nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

- Dung tích bể tự hoại: 145,8 m^3; trong đó:

+ 03 bể với dung tích 24,3 m^3/bể (thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại lô B4).

+ 03 bể với dung tích 24,3 m^3/bể (thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại lô B5).

- Hóa chất sử dụng: Clorine.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

B.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

B.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc công.

- Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại. Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắt nghẽn. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể tự hoại.

- Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú..

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

A. Nội dung cấp phép xả khí thải:

A.1. Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...) và chà nhám tại tâng 1 của xưởng 1.

+ Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ quá trình chà nhám tại tầng 1 của xưởng 2.

+ Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ quá trình dán keo tại tầng 1 của xưởng 2.

+ Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ dây chuyền UV tại tầng 1 của xưởng 2.

+ Nguồn số 05 đến số 07: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 01 đến buồng phun sơn số 04 tại tầng 1 của xưởng 2.

+ Nguồn số 08 đến số 56: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 05 đến buồng phun sơn số 15 tại tầng 2 của xưởng 2.

+ Nguồn số 57: Bụi phát sinh từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...) tại tầng 1 của xưởng 3.

+ Nguồn số 58 đến số 76: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 16 đến buồng phun sơn số 20 tại tầng 2 của xưởng 3.

A.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

A2.1. Vị trí xả khí thải

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3^0	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi số 1, công suất 90.000 m³/giờ (nguồn số 01)	1.269.905	568.448
2	Dòng khí thải số 02	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi số 2, công suất 120.000 m³/giờ (nguồn số 01)	1.258.781	563.293
3	Dòng khí thải số 03	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi số 3, công suất 48.000 m³/giờ (nguồn số 02)	1.269.894	568.402

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3^0	
			X(m)	Y(m)
4	Dòng khí thải số 04	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 4, công suất 16.000 m³/giờ (nguồn số 03)	1.269.907	568.404
5	Dòng khí thải số 05	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 5, công suất 15.000 m³/giờ (nguồn số 04)	1.269.940	568.407
6	Dòng khí thải số 06	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 6, công suất 30.000 m³/giờ (nguồn số 05)	1.269.954	568.409
7	Dòng khí thải số 07	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 7, công suất 30.000 m³/giờ (nguồn số 06)	1.269.956	568.409
8	Dòng khí thải số 08	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 8, công suất 30.000 m³/giờ (nguồn số 07)	1.269.958	568.409
9	Dòng khí thải số 09	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 9 đến 11, công suất 24.000 m³/giờ (nguồn số 08 đến 10)	1.269.959	568.421
10	Dòng khí thải số 10	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 12 đến 15, công suất 32.000 m³/giờ (nguồn số 11 đến 14)	1.269.958	568.425
11	Dòng khí thải số 11	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 16 đến 18, công suất 24.000 m³/giờ (nguồn số 15 đến số 17)	1.269.949	568.413
12	Dòng khí thải số 12	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 19 đến 21, công suất 24.000 m³/giờ (nguồn số 18 đến số 20)	1.269.942	568.412

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3^0	
			X(m)	Y(m)
13	Dòng khí thải số 13	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 22 đến số 25, công suất 32.000 m³/giờ (nguồn số 21 đến số 24)	1.269.944	568.419
14	Dòng khí thải số 14	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 26 đến số 29, công suất 32.000 m³/giờ (nguồn số 25 đến số 28)	1.269.944	568.425
15	Dòng khí thải số 15	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 30 đến số 33, công suất 32.000 m³/giờ (nguồn số 29 đến số 32)	1.269.945	568.435
16	Dòng khí thải số 16	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 34 đến số 37, công suất 32.000 m³/giờ (nguồn số 33 đến số 36)	1.269.935	568.412
17	Dòng khí thải số 17	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 38 đến số 41, công suất 32.000 m³/giờ (nguồn số 37 đến số 40)	1.269.922	568.416
18	Dòng khí thải số 18	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 42 đến số 45, công suất 3.600 m³/giờ (nguồn số 41 đến số 44)	1.269.921	568.415
19	Dòng khí thải số 19	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 46 đến số 49, công suất 32.000 m³/giờ (nguồn số 45 đến số 48)	1.269.920	568.429
20	Dòng khí thải số 20	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 50 đến số 53, công suất 32.000 m³/giờ (nguồn số 49 đến số 52)	1.269.920	568.435
21	Dòng khí thải số 21	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 54 đến số 57, công suất 32.000 m³/giờ (nguồn số 53 đến số 56)	1.269.864	568.419

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3^0	
			X(m)	Y(m)
22	Dòng khí thải số 22	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi số 58, công suất 90.000 m³/giờ (nguồn số 57)	1.269.905	568.448
23	Dòng khí thải số 23	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 59 đến 62, công suất 8.000 m³/giờ (nguồn số 58 đến 61)	1.269.959	568.421
24	Dòng khí thải số 24	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 63 đến 66, công suất 8.000 m³/giờ (nguồn số 62 đến 65)	1.269.959	568.421
25	Dòng khí thải số 25	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 67 đến 70, công suất 8.000 m³/giờ (nguồn số 66 đến 69)	1.269.959	568.421
26	Dòng khí thải số 26	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 71 đến 74, công suất 8.000 m³/giờ (nguồn số 70 đến 73)	1.269.959	568.421
27	Dòng khí thải số 27	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 75 đến 77, công suất 6.000 m³/giờ (nguồn số 74 đến 76)	1.269.959	568.421

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, địa chỉ tại lô B4, B5, đường N2, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

A.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 90.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 120.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 48.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 16.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 06 đến số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m^3/giờ/dòng.

- Dòng khí thải số 09: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 24.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 10: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 32.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 11: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 24.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 12: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 24.000 m^3/giờ/dòng.

- Dòng khí thải số 13 đến số 21: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 32.000 m^3/giờ/dòng.

- Dòng khí thải số 22: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 90.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 23 đến số 26: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 8.000 m^3/giờ/dòng.

- Dòng khí thải số 27: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 6.000 m^3/giờ/dòng.

A.2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xã ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 600 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 600 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 03: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 800 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 04: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 400 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 05: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tỉnh từ mặt đất, đường kính 400 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 06 đến số 08: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 700 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 09 đến 21: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 17,5 m; chiều cao các ống khói được tỉnh từ mặt đất, đường kính 600 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 22: Khí thải được xã ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 600 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 23 đến 27: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 17,5 m; chiều cao các ống khói được tính từ mặt đất, đường kính 600 mm), xả liên tục khi hoạt động.

A.2.2.2. Chất lượng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, các hệ số Kp = 0,8 và Kv = 1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Bảng 6. 1. Giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	**Dòng khí thải số 01 đến số 03, số 22**				
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	160		
II	**Dòng khí thải số 04**				
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-		
2	Toluen	mg/Nm^3	750		
3	Etylaxetat	mg/Nm^3	1.400		
III	**Dòng khí thải số 05**				
	Lưu lượng	m^3/giờ	-		
	Vinyl toluen	mg/Nm^3	480		
	Toluen	mg/Nm^3	750		
II	**Dòng khí thải số 06 đến số 21, số 23 đến số 27**				
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	160		
3	n-Butyl acetate	mg/Nm^3	950		
4	Etylaxetat	mg/Nm^3	1.400		
5	Xylen	mg/Nm^3	870		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
6	Toluen	mg/Nm^3	750		
7	Etylbenzen	mg/Nm^3	870		
8	Cyclohexanon	mg/Nm^3	400		
9	n-propanol	mg/Nm^3	980		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

B.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

B.1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...) và chà nhám tại tầng 1 xưởng 1 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi số 01 (dòng khí thải số 01 và 02).

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ quá trình chà nhám tại tầng 1 xưởng 1 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi số 03 (dòng khí thải số 03).

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ quá trình dán keo tại tầng 1 xưởng 2 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 04 (dòng khí thải số 04).

- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ dây chuyền UV tại tầng 1 xưởng 2 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 05 (dòng khí thải số 05).

- Nguồn số 05 đến số 07: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 01 đến số 04 tại tầng 1 của xưởng 2 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 06 đến số 08 (dòng khí thải số 06 đến số 08).

- Nguồn số 08 đến số 56: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 05 đến số 15 tại tầng 2 của xưởng 2 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 09 đến số 57 (dòng khí thải số 06 đến số 21).

- Nguồn số 57: Bụi phát sinh từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...), chà nhám tại tầng 1 của xưởng 3 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi số 58 (dòng khí thải số 22).

- Nguồn số 58 đến số 76: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 16 đến số 20 tại tầng 2 của xưởng 3 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 59 đến số 77 (dòng khí thải số 23 đến số 27).

B.1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

B.1.2.1. Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan,...) và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 1 (dòng khí thải số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ông thoát.

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.

- Công suất: 90.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, sử dụng lọc bụi túi vải.

B.1.2.2. Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...) và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 1 (dòng khí thải số 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ông thoát.

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.

- Công suất: 120.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, sử dụng lọc bụi túi vải.

B.1.2.3. Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình chà nhám tại tầng 1 của xưởng 2 (dòng khí thải số 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống ống hút và chụp hút→ Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ông thoát.

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.

- Công suất: 48.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, sử dụng lọc bụi túi vải.

B.1.2.4. Hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ quá trình dán keo tại tầng 1 của xưởng 2 (dòng khí thải số 04)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi → Hệ thống ống hút và chụp hút → Bồn hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ông thoát.

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.

- Công suất: 16.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

B.1.2.5. Hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ dây chuyền UV tại tầng 1 của xưởng 2 (dòng khí thải số 05)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Hệ thống ống hút và chụp hút → Bồn hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ông thoát.

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.

- Công suất: 15.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

B.1.2.6. Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 01 đến số 04 tại tầng 1 của xưởng 2 (dòng khí thải số 06 đến số 08)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi sơn, hơi dung môi → Tâm lọc bụi sợi thủy tinh → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Bồn hấp phụ bằng than hoạt tính → Ông thoát.

- Số lượng hệ thống: 03 hệ thống.

- Công suất: 30.000 m³/giờ hệ thống.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tấm lọc bụi sợi thủy tinh, than hoạt tính.

B.1.2.7. Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khi thải từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 05 đến số 15 tại tầng 2 của xưởng 2 (dòng khí thải số 09 đến số 21)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi sơn, hơi dung môi → Tấm lọc bụi sợi thủy tinh → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Bồn hấp phụ bằng than hoạt tỉnh → Ông thoát.

- Số lượng hệ thống: 49 hệ thống.

- Công suất: 8.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tấm lọc bụi sợi thủy tinh, than hoạt tính.

B.1.2.8. Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 3

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.

- Công suất: 90.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, sử dụng lọc bụi túi vải.

B.1.2.9. Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khi thải từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 15 đến số 20 tại tầng 2 của xưởng 3 (dòng khí thải số 23 đến số 27)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi sơn, hơi dung môi → Tấm lọc bụi sợi thủy tinh → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Bồn hấp phụ bằng than hoạt tỉnh → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống: 19 hệ thống.

- Công suất: 2.000 m^3/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tấm lọc bụi sợi thủy tinh, than hoạt tính.

B.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

B.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khíthải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại Nhà xưởng 1.

- Nguồn số 02: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại Nhà xưởng 2.

- Nguồn số 03: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất, thu gom bụi tại Nhà xưởng 3.

- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý bụi số 1.

- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý bụi số 2.

- Nguồn số 06: Khu vực hệ thống xử lý bụi số 3.
- Nguồn số 07: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 4.
- Nguồn số 08: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 5.
- Nguồn số 09: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 6 đến số 8.
- Nguồn số 10: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 9 đến số 15.
- Nguồn số 11: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 16 đến số 33.
- Nguồn số 12: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 34 đến số 37.
- Nguồn số 13: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 38 đến số 53.
- Nguồn số 14: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 54 đến số 57.
- Nguồn số 15: Khu vực máy nén khí, máy bơm khí số 01.
- Nguồn số 16: Khu vực máy nén khí, máy bơm khí số 02.

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

STT	**Vị trí quan trắc**	**Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3^0**	
		X (m)	**Y (m)**
1	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại Nhà xưởng 1	1.269.935	568.487
2	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại Nhà xưởng 2	1.269.914	568.449
3	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất, thu gom bụi tại Nhà xưởng 3	1.269.940	568.395
4	Khu vực hệ thống xử lý bụi số 1	1.269.941	568.365
5	Khu vực hệ thống xử lý bụi số 2	1.269.905	568.448
6	Khu vực hệ thống xử lý bụi số 3	1.269.926	568.451
7	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 4	1.269.894	568.402
8	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 5	1.269.907	568.404
9	Khu vực hệ thống xử lý khí thải	1.269.956	568.409

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3^0	
		X (m)	Y (m)
	số 6 đến số 8		
10	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 9 đến số 15	1.269.958	568.424
11	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 16 đến số 33	1.269.946	568.424
12	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 34 đến số 37	1.269.930	568.411
13	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 38 đến số 53	1.269.920	568.429
14	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 54 đến số 57	1.269.863	568.421
15	Khu vực máy nén khí, máy bơm khí số 01	1.269.949	568.448
16	Khu vực máy nén khí, máy bơm khí số 02	1.269.945	568.453

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Yêu cầu về quản lý chất thải:

A. Quản lý chất thải:

A.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

A.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	9,2
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	11,0
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, vải, bao tay nhiễm các thành phần nguy hại và màng lọc bụi sơn thải)	Rắn	18 02 01	KS	1.680,0
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia...)	Rắn	18 01 03	KS	22,0
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia...)	Rắn	18 01 02	KS	22,0
6	Pin ắc quy thải	Rắn	19 06 01	NH	7,3
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	5.673,8
8	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải có các thành phần nguy hại khác với các loại trên (Bông chống sơn)	Rắn	05 02 09	KS	446,4
9	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	KS	3,7

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
11	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc có thành phần nguy hại khác	Rắn/ Lỏng	08 01 01	KS	1.800,0
Tổng cộng		**-**	**-**		**7.003,4**

A.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy carton, Bao bì thải các loại: nilon thải, bao bì giấy thải, phế liệu thải từ công đoạn đóng gói	18 01 05	Rắn	3.468	TT - R
2	Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composite) Mút xốp,...	18 01 11	Rắn	162	TT - R
0	Các vật liệu mài thải khác với các loại trên (Giấy nhám đã qua sử dụng)	07 03 17	Rắn	1.464	TT
4	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH (Ngũ kim, phụ kiện thải)	11 04 03	Rắn	810	TT - R

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
6	Thành phần gồm mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván, gỗ dán vụn thải, bụi gỗ sau hệ thống xử lý bụi (trường hợp kết quả phân định là chất thải rắn công nghiệp thông thường)	09 01 03	Rắn	1.155.668,57	TT - R
Tổng				**1.161.572,57**	

A.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Chất thải sản xuất	Đơn vị	Khối lượng
01	Rác thải sinh hoạt	Kg/năm	234.000

A.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

A.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát:

A.2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 11 thùng nhựa PVC (có nắp đậy), thể tích 240 lít, có dán tên và mã số phân loại.

A.2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho lưu chứa: 93m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Kho lưu chứa CTNH có kết cấu bằng tường gạch, sàn không bị thẩm thấu, có gờ, rãnh rốn thu bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn theo đúng quy định, có mái che kín, được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng chữa cháy chữa cháy theo quy định; bên trong bố trí các thùng chứa và có dãn nhãn, ghi mã CTNH cho từng loại..

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu

chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước mỗi chiều tối thiểu 30 cm.

A.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

A.2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Chứa trong bao PP chống thấm được chất trên pallet nhựa bố trí một góc bên trong nhà xưởng, định kỳ bện cho đơn vị thu gom.

Bụi gỗ chứa trong nhà chứa bụi gỗ, định kỳ bán cho đơn vị thu gom.

A.2.1.2. Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho chứa chất thải rắn công nghiệp: 60 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Kho chứa khép kín, mái lợp tôn chống nóng, nền bê tông hóa, có hệ thống phần mái che tránh tác động của mưa gió; bên trong kho bố trí đầy đủ thiết bị PCCC.

A.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

A.2.3.1. Thiết bị lưu chứa: PVC 240 lít (12 thùng) có nắp đậy thu gom rác thải sinh hoạt trong khuôn viên cơ sở.

A.2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 60 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Kho chứa khép kín, mái lợp tôn chống nóng, nền bê tông hóa, có hệ thống phần mái che tránh tác động của mưa gió; bên trong kho bố trí đầy đủ thiết bị PCCC.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):

Không có.

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Công ty đã đã đầu tư các công trình xử lý chất thải theo đúng quy định và có kế hoạch thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo Điều 118, Luật bảo vệ môi trường năm 2020. Công ty phối hợp với đơn vị chuyên môn đánh giá các công trình bảo vệ môi trường, từ đó xác định những vấn đề môi trường còn tồn tại và đề ra các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm hiệu quả, đảm bảo sức khỏe người lao động và môi trường.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

Theo kết quả quan trắc môi trường năm 2023, vị trí lấy mẫu, điều kiện lấy mẫu, các thông số đo đạc và phân tích được trình bày như sau:

- Điều kiện lấy mẫu: thời tiết khô ráo, không mưa.
- Kết quả đo đạc phân tích chất lượng nước thải tại hố ga đấu nối nước thải của Nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5. 1. Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
1.	pH	mg/L	5,8	5,5-9
2.	TSS	mg/L	60	100
3.	COD	mg/L	73	150
4.	BOD	mg/L	30	50
5.	Amoni	mg/L	5,7	10
6.	Tổng P	mg/L	3,65	6
7.	Tổng N	mg/L	25,2	40
8.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	8,3	10

Ghi chú:
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Nhận xét: Qua kết quả đo đạc, phân tích chất lượng nước thải sinh hoạt tại hố ga đấu nối nước thải của nhà máy cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt Quy chuẩn về chất lượng nước thải theo QCVN 40:2011/BTNMT Cột B.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:

Theo kết quả quan trắc môi trường năm 2023 vị trí lấy mẫu, điều kiện lấy mẫu, các thông số đo đạc và phân tích được trình bày như sau:

- Điều kiện lấy mẫu: thời tiết khô ráo, không mưa.

Kết quả đo đạc phân tích chất lượng không khí của công ty được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5. 2. Vị trí các điểm lấy mẫu chất lượng môi trường không khí

STT	Vị trí lấy mẫu	Kí hiệu	Thông số quan trắc
1	Không khí khu vực gia công	KK1	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn.
2	Không khí khu vực chà nhám	KK2	
3	Không khí khu vực sơn	KK3	
4	Không khí khu vực ghép gỗ, ván	KK4	
5	Không khí khu vực lắp ráp sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế	KK5	

Diễn biến kết quả quan trắc không khí được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5. 3. Kết quả phân tích chất lượng không khí năm 2023

Ký hiệu mẫu	Nhiệt độ (ºC)	Độ ẩm (%RH)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)
KK 1	31,4	71,2	0,32	84,3
KK 2	31,4	71,2	0,34	82,6
KK 3	31,2	67,4	0,33	76,0
KK 4	31,8	65,4	0,35	78,7
KK 5	31,8	66,3	0,36	78,7
QCVN 26:2016/BYT	**18-32**	**40-80**	**0,2-1,5**	**85**

Nhận xét và đánh giá:

- Qua kết quả đo đạc, phân tích chất lượng môi trường không khí ở khu vực cơ sở cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt Quy chuẩn về chất lượng không khí theo QCVN 26:2016/BYT.

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải):

Không có.

5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất):

Không có.

6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

Chất thải phát sinh được Công ty phân loại, lưu chứa theo đúng quy định, hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng.

7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Trong 02 năm gần đây, Cơ sở không có vi phạm về kiểm tra, thanh tra đối với bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền..

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và điểm b khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

a. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Đối với nước thải: Cụm các Bể tự hoại 05 ngăn.

- Đối với khí thải:

+ 01 Hệ thống xử lý bụi số 01, công suất thiết kế 90.000 m^3/giờ.

+ 01 Hệ thống xử lý bụi số 02, công suất thiết kế 120.000 m^3/giờ.

+ 01 Hệ thống xử lý bụi số 03, công suất thiết kế 48.000 m^3/giờ.

+ 01 Hệ thống xử lý khí thải số 04, công suất thiết kế 16.000 m^3/giờ.

+ 01 Hệ thống xử lý khí thải số 05, công suất thiết kế 15.000 m^3/giờ.

+ 03 Hệ thống xử lý khí thải từ số 06 đến số 08, công suất thiết kế 30.000 m^3/giờ/hệ thống.

+49 Hệ thống xử lý khí thải từ số 09 đến số 57, công suất thiết kế 8.000 m^3/giờ/hệ thống.

+ 01 Hệ thống xử lý bụi số 58, công suất thiết kế 90.000 m^3/giờ.

+ 19 Hệ thống xử lý khí thải từ số 59 đến số 77, công suất thiết kế 2.000 m^3/giờ/hệ thống.

b. Vị trí lấy mẫu

- Đối với nước thải: 02 vị trí trên đường N2 của KCN: Tại đầu ra của bể tự hoại 5 ngăn, lấy tại hố ga đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đông Phú. Tọa độ đấu nối số 01: X(m) = 1.269.826; Y(m) = 568.453; Tọa độ đấu nối số 02: X(m) 1.269.838; Y(m) = 568.352 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiếu 3°).

- Đối với khí thải: 27 vị trí, tương ứng với 27 ống thoát khí thải của 77 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

c. Thông số quan trắc:

- Đối với nước thải: Lưu lượng, pH, Chất rắn lơ lửng, COD, BOD_5 (20°C), Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Coliforms.
- Đối với khí thải: Theo Bảng 6.1.

d. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải, khí thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

2.1. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Bắc Đồng Phú
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BODs, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ, amoni, coliforms.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

2.2. Giám sát bụi, khí thải công nghi□⌀p

- Vị trí lấy mẫu:

Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám công suất 90.000 m3/giờ - Bụi hệ số 1.

Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám công suất 120.000 m3/giờ - Bụi hệ số 2.

Hệ thống xử lý bụi từ quá trình chà nhám công suất 48.000 m3/giờ - Bụi hệ số 3.

Hệ thống xử lý hơi keo công suất 16.000 m3/giờ – hệ số 04.

Hệ thống xử lý khí thải từ chuyền UV công suất 15.000 m3/giờ – hệ số 05.

Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn công suất 30.000 m3/giờ * 3 hệ thống – hệ số 06 đến hệ số 08.

Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn công suất 3.600 m3/giờ * 49 hệ thống – hệ số 09 đến hệ số 57.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Chỉ tiêu:

Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám công suất 90.000 m3/giờ - Bụi hệ số 1: Lưu lượng, bụi

Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám công suất 120.000 m3/giờ - Bụi hệ số 2: Lưu lượng, bụi

Hệ thống xử lý bụi từ quá trình chà nhám công suất 48.000 m3/giờ - Bụi hệ số 3: Lưu lượng, bụi

Hệ thống xử lý hơi keo công suất 16.000 m3/giờ – hệ số 04: Lưu lượng, Bụi, n-butyl acetate, Etylaxetat, n-butanol, Xylen, toluen

Hệ thống xử lý khí thải từ chuyền UV công suất 15.000 m3/giờ – hệ số 05: Lưu lượng, Bụi, n-butyl acetate, Etylaxetat, n-butanol, Xylen, toluen

Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn công suất 30.000 m3/giờ * 3 hệ thống – hệ số 06 đến hệ số 08: Lưu lượng, Bụi, n-butyl acetate, Etylaxetat, n-butanol, Xylen, toluen

Hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn công suất 3.600 m3/giờ * 49 hệ thống – hệ số 09 đến hệ số 57: Lưu lượng, Bụi, n-butyl acetate, Etylaxetat, n-butanol, Xylen, toluen

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật - quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k = 0,9; k = 1)

- Đối với thông số chưa có quy chuẩn so sánh: Chủ cơ sở cần theo dõi và giám sát, khi có quy chuẩn so sánh thì so sánh theo quy định.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Không thuộc đối tượng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

- Theo quy định tại Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí khu vực sản xuất.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 6. 2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng/năm)
1	Nước thải	16.000.000
2	Không khí	28.000.000
3	Khí thải	480.000.000
4	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt	2.000.000
5	Giám sát chất thải rắn công nghiệp thông thường	10.000.000
6	Giám sát chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát	30.000.000
	Tổng cộng	**566.000.000**

CHƯƠNG VII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam- chủ cơ sở xin cam kết:

Chúng tôi xin đảm bảo tính chính xác, trung thực về các số liệu của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Chúng tôi cũng xin bảo đảm rằng các tiêu chuẩn, định mức của các nước và các tổ chức Quốc tế được trích lục và sử dụng trong Báo cáo của chúng tôi đều chính xác và đang có hiệu lực.

- Chủ đầu tư cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về Bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và thực hiện cơ sở.

- Chủ đầu tư cam kết xử lý nước thải đạt quy chuẩn Việt Nam và vận hành các hệ thống xử lý môi trường trong suốt thời gian hoạt động của Dự án, tuân thủ theo các quy chuẩn môi trường.

- Chủ đầu tư cam kết đảm bảo hệ thống kết cấu hạ tầng của cơ sở: hệ thống cấp thoát nước; hệ thống xử lý nước thải, khí thải; hệ thống giao thông; hệ thống cấp điện; hệ thống thông tin liên lạc và công trình xử lý môi trường.

- Chủ đầu tư cam kết việc xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, ...) đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu khác có liên quan (chương trình quản lý, chương trình giám sát, phân loại tại nguồn đối với chất thải rắn, ...).

- Chủ đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ các chương trình giám sát môi trường và lập báo cáo công tác môi trường định kỳ 1 năm/lần, gửi về Cơ quan có thẩm quyền.

- Chủ đầu tư cam kết tuân thủ đúng thời hạn hoạt động và mục đích sản xuất theo các văn bản pháp lý liên quan.

- Chủ đầu tư nghiêm túc các quy chuẩn môi trường trong quá trình đi vào hoạt động, cụ thể:

+ QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;

+ QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

- Chủ đầu tư cam kết tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết khắc phục các sự cố môi trường do cơ sở gây ra.

- Cam kết đền bù thiệt hại khi xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ hàng năm.

- Các cam kết về đến bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cổ, rủi ro mỗi trường xảy ra do triển khai dự án.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

PHỤ LỤC 2
CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 64 /GPMT-UBND	*Bình Phước, ngày 02 tháng 10 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số YC-2309 ngày 23/9/2024 của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường công suất 65.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn công suất 160.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế công suất 150.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa công suất 20.000 sản phẩm/năm";

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 61/TTr-BQL ngày 26/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam (sau đây gọi là Chủ cơ sở), địa chỉ: tại lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường công suất 65.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn công suất 160.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế công suất 150.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa công suất 20.000 sản phẩm/năm" (sau đây gọi là Cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường công suất 65.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn công suất 160.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế công suất 150.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa công suất 20.000 sản phẩm/năm".

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B4, B5 KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 9978241770 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 19/7/2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 19/4/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801205156 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 24/7/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24/4/2023.

1.4. Mã số thuế: 3801205156.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất như giường, tủ, bàn, ghế, sofa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại lô B4, B5 KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Tổng diện tích: 24.589,6 m^2.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

STT	Mục tiêu	Công suất (Sản phẩm/năm)
1	Sản phẩm giường	65.000
2	Sản phẩm tủ	100.000
3	Sản phẩm bàn	160.000
4	Sản phẩm ghế	150.000
5	Sản phẩm sofa	20.000
Tổng		**495.000**

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Tiến Hưng, Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Từ ngày ..02.. tháng ..10.. năm 2024 đến ngày ..02.. tháng ..10.. năm 2034.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 66, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND huyện Đồng Phú;
- Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-28GP 01/10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

Phụ lục 1.
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...64.../GPMT-UBND ngày ..02./10../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở sau xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đấu nối nước thải phát sinh từ cơ sở vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú với Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú tại các văn bản: Hợp đồng thuê đất số 08/2019/HĐ-BĐP ngày 31/7/2019, Hợp đồng thuê đất số 06/2019/HĐ-BĐP ngày 08/7/2019 và Văn bản số 177/BĐP-CNMT ngày 23/9/2024.

- Nước thải sản xuất: Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại lô B4 với lưu lượng tối đa 28 m^3/ngày (24 giờ) được thu gom và dẫn về bể tự hoại 05 ngăn (kết hợp khử trùng). Nước thải sinh hoạt phát sinh sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm trên đường số N2 của KCN Bắc Đồng Phú) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đấu nối nước thải: X(m) = 1.269.826; Y(m) = 568.453.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại lô B5 với lưu lượng tối đa 20 m^3/ngày (24 giờ) được thu gom và dẫn về bể tự hoại 05 ngăn (kết hợp khử trùng). Nước thải sinh hoạt phát sinh sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm trên đường số N2 của KCN Bắc Đồng Phú) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đấu nối nước thải: X(m) = 1.269.838; Y(m) = 568.352.

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại cơ sở sau khi xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú tại 02 vị trí đấu nối như trên để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 5 ngăn → Khử trùng → Đấu nối vào hệ thống thu gom dẫn vào nhà máy xử lý nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

- Dung tích bể tự hoại: 145,8 m^3; trong đó:

+ 03 bể với dung tích 24,3 m^3/bể (thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại lô B4).

+ 03 bể với dung tích 24,3 m^3/bể (thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại lô B5).

- Hóa chất sử dụng: Clorine.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

- Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại. Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắt nghẽn. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể tự hoại.

- Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và điểm b khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Cụm các Bể tự hoại 05 ngăn.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

02 vị trí trên đường N2 của KCN: Tại đầu ra của bể tự hoại 5 ngăn, lấy tại hố ga đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú. Tọa độ đấu nối số 01: X(m) = 1.269.826; Y(m) = 568.453; Tọa độ đấu nối số 02: X(m) = 1.269.838; Y(m) = 568.352.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $106^0 15'$, múi chiếu 3^0)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B), cụ thể:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)
1	Lưu lượng	m^3	-
2	pH	-	**5,5 – 9**
3	Chất rắn lơ lững	mg/l	**100**
4	COD	mg/l	**150**
5	BOD_5 (20^0C)	mg/l	**50**
6	Tổng Nitơ	mg/l	**40**
7	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	**6**
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	**10**
9	Amoni (tính theo N)	mg/l	**10**
10	Coliforms	Vi khuẩn/ 100ml	**5000**

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đấu nối nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B), không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào từ nước thải sinh hoạt phát sinh không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 2.

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...64.../GPMT-UBND ngày ..02./10../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...) và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 1.

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ quá trình chà nhám tại tầng 1 của xưởng 2.

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ quá trình dán keo tại tầng 1 của xưởng 2.

- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ dây chuyền UV tại tầng 1 xưởng 2.

- Nguồn số 05 đến số 07: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 01 đến buồng phun sơn số 04 tại tầng 1 xưởng 2.

- Nguồn số 08 đến số 56: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 05 đến buồng phun sơn số 15 tại tầng 2 xưởng 2.

- Nguồn số 57: Bụi phát sinh từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...) tại tầng 1 của xưởng 3.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: $106^0 15'$, múi chiếu 3^0	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi số 1, công suất 90.000 m^3/giờ (nguồn số 01)	1.269.905	568.448
2	Dòng khí thải số 02	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi số 2, công suất 120.000 m^3/giờ (nguồn số 01)	1.258.781	563.293
3	Dòng khí thải số 03	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi số 3, công suất 48.000 m^3/giờ (nguồn số 02)	1.269.894	568.402
4	Dòng khí thải số 04	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 4, công suất 16.000 m^3/giờ (nguồn số 03)	1.269.907	568.404

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: $106^0 15'$, múi chiếu 3^0	
			X(m)	Y(m)
5	Dòng khí thải số 05	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 5, công suất 15.000 m^3/giờ (nguồn số 04)	1.269.940	568.407
6	Dòng khí thải số 06	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 6, công suất 30.000 m^3/giờ (nguồn số 05)	1.269.954	568.409
7	Dòng khí thải số 07	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 7, công suất 30.000 m^3/giờ (nguồn số 06)	1.269.956	568.409
8	Dòng khí thải số 08	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 8, công suất 30.000 m^3/giờ (nguồn số 07)	1.269.958	568.409
9	Dòng khí thải số 09	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 9, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 08)	1.269.959	568.420
10	Dòng khí thải số 10	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 10, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 9)	1.269.959	568.421
11	Dòng khí thải số 11	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 11, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 10)	1.269.958	568.424
12	Dòng khí thải số 12	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 12, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 11)	1.269.958	568.425
13	Dòng khí thải số 13	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 13, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 12)	1.269.958	568.426
14	Dòng khí thải số 14	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 14, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 13)	1.269.958	568.428
15	Dòng khí thải số 15	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 15, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 14)	1.269.958	568.429
16	Dòng khí thải số 16	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 16, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 15)	1.269.949	568.413
17	Dòng khí thải số 17	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 17, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 16)	1.269.947	568.412

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3°	
			X(m)	Y(m)
18	Dòng khí thải số 18	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 18, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 17)	1.269.945	568.413
19	Dòng khí thải số 19	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 19, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 18)	1.269.942	568.412
20	Dòng khí thải số 20	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 20, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 19)	1.269.948	568.420
21	Dòng khí thải số 21	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 21, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 20)	1.269.946	568.419
22	Dòng khí thải số 22	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 22, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 21)	1.269.944	568.419
23	Dòng khí thải số 23	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 23, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 22)	1.269.942	568.419
24	Dòng khí thải số 24	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 24, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 23)	1.269.948	568.425
25	Dòng khí thải số 25	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 25, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 24)	1.269.946	568.424
26	Dòng khí thải số 26	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 26, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 25)	1.269.944	568.425
27	Dòng khí thải số 27	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 27, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 26)	1.269.941	568.424
28	Dòng khí thải số 28	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 28, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 27)	1.269.947	568.435
29	Dòng khí thải số 29	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 29, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 28)	1.269.946	568.435
30	Dòng khí thải số 30	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 30, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 29)	1.269.945	568.435

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106^{0}15', múi chiếu 3^0	
			X(m)	Y(m)
31	Dòng khí thải số 31	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 31, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 30)	1.269.941	568.435
32	Dòng khí thải số 32	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 32, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 31)	1.269.941	568.434
33	Dòng khí thải số 33	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 33, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 32)	1.269.940	568.434
34	Dòng khí thải số 34	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 34, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 33)	1.269.935	568.412
35	Dòng khí thải số 35	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 35, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 34)	1.269.933	568.412
36	Dòng khí thải số 36	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 36, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 35)	1.269.930	568.411
37	Dòng khí thải số 37	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 37, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 36)	1.269.929	568.411
38	Dòng khí thải số 38	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 38, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 37)	1.269.922	568.416
39	Dòng khí thải số 39	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 39, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 38)	1.269.919	568.415
40	Dòng khí thải số 40	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 40, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 39)	1.269.917	568.415
41	Dòng khí thải số 41	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 41, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 40)	1.269.915	568.415
42	Dòng khí thải số 42	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 42, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 41)	1.269.921	568.422
43	Dòng khí thải số 43	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 43, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 42)	1.269.919	568.421

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3°	
			X(m)	Y(m)
44	Dòng khí thải số 44	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 44, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 43)	1.269.917	568.421
45	Dòng khí thải số 45	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 45, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 44)	1.269.914	568.421
46	Dòng khí thải số 46	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 46, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 45)	1.269.920	568.429
47	Dòng khí thải số 47	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 47, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 46)	1.269.918	568.428
48	Dòng khí thải số 48	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 48, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 47)	1.269.916	568.428
49	Dòng khí thải số 49	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 49, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 48)	1.269.914	568.427
50	Dòng khí thải số 50	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 50, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 49)	1.269.920	568.435
51	Dòng khí thải số 51	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 51, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 50)	1.269.917	568.435
52	Dòng khí thải số 52	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 52, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 51)	1.269.915	568.434
53	Dòng khí thải số 53	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 53, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 52)	1.269.912	568.434
54	Dòng khí thải số 54	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 54, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 53)	1.269.864	568.416
55	Dòng khí thải số 55	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 55, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 54)	1.269.864	568.419
56	Dòng khí thải số 56	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 56, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 55)	1.269.863	568.421

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106^{0}15', múi chiếu 3^0	
			X(m)	Y(m)
57	Dòng khí thải số 57	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 57, công suất 3.600 m^3/giờ (nguồn số 56)	1.269.863	568.423

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, địa chỉ tại lô B4, B5, đường N2, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 90.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 120.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 48.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 16.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 06 đến số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m^3/giờ/dòng.

- Dòng khí thải số 09 đến số 57: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.600 m^3/giờ/dòng.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 600 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 600 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 03: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 800 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 04: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 400 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 05: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 400 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 06 đến số 08: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 13 m tính từ mặt đất, đường kính 700 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 09 đến 57: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (02 ống có chiều cao 17,5 m; 11 ống có chiều cao 15m; 39 ống có chiều cao 13,5m; chiều cao các ống khói được tính từ mặt đất, đường kính 600 mm), xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B (hệ số k_p = 0,8; k_v = 1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

SST	Vị trí	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với k_p=0,8 và k_v=1,0; QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
1	Dòng khí thải số 01 đến 03 (nguồn số 01 và 02)	Lưu lượng	m^3/giờ	-	- Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần. - Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. - Đối với thông số (*) sẽ thực hiện quan trắc khi có tiêu chuẩn so sánh.
		Bụi tổng	mg/Nm^3	**160**	
2	Dòng khí thải số 04 (nguồn số 03)	Lưu lượng	m^3/giờ	-	
		Acetone (*)	mg/Nm^3	-	
		Toluen	mg/Nm^3	**750**	
		Etylaxetat	mg/Nm^3	**1400**	
3	Dòng khí thải số 05 (nguồn số 04)	Lưu lượng	m^3/giờ	-	
		Vinyl toluen	mg/Nm^3	**480**	
		Toluen	mg/Nm^3	**750**	
4	Dòng khí thải số 06 đến 57 (nguồn số 05 đến số 56)	Lưu lượng	m^3/giờ	-	
		Bụi tổng	mg/Nm^3	**160**	
		n-Butyl acetate	mg/Nm^3	**950**	
		Etylaxetat	mg/Nm^3	**1400**	
		Xylen	mg/Nm^3	**870**	
		Toluen	mg/Nm^3	**750**	
		Etylbenzen	mg/Nm^3	**870**	
		Cyclohexanon	mg/Nm^3	**400**	
		n-propanol	mg/Nm^3	**980**	

Đối với các nguồn thải phát sinh không có dòng khí thải (nguồn số 57), phải đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy chuẩn của pháp luật hiện hành.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...) và chà nhám tại tầng 1 xưởng 1 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi số 01 (dòng khí thải số 01 và 02).

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ quá trình chà nhám tại tầng 1 xưởng 1 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi số 03 (dòng khí thải số 03).

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ quá trình dán keo tại tầng 1 xưởng 2 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 04 (dòng khí thải số 04).

- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ dây chuyền UV tại tầng 1 xưởng 2 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 05 (dòng khí thải số 05).

- Nguồn số 05 đến số 07: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 01 đến số 04 tại tầng 1 của xưởng 2 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 06 đến số 08 (dòng khí thải số 06 đến số 08).

- Nguồn số 08 đến số 56: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 05 đến số 15 tại tầng 2 của xưởng 2 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 09 đến số 57 (dòng khí thải số 09 đến số 57).

- Nguồn số 57: Bụi phát sinh từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...), chà nhám tại tầng 1 của xưởng 3 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý túi vải di động để xử lý, đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định của pháp luật hiện hành.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan,...) và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 1 (dòng khí thải số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.

- Công suất: 90.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, sử dụng lọc bụi túi vải.

1.2.2. Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...) và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 1 (dòng khí thải số 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.

- Công suất: 120.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, sử dụng lọc bụi túi vải.

1.2.3. Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình chà nhám tại tầng 1 của xưởng 2 (dòng khí thải số 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.

- Công suất: 48.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, sử dụng lọc bụi túi vải.

1.2.4. Hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ quá trình dán keo tại tầng 1 của xưởng 2 (dòng khí thải số 04)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi → Hệ thống ống hút và chụp hút → Bồn hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.

- Công suất: 16.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.5. Hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ dây chuyền UV tại tầng 1 của xưởng 2 (dòng khí thải số 05)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Hệ thống ống hút và chụp hút → Bồn hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.

- Công suất: 15.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.6. Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 01 đến số 04 tại tầng 1 của xưởng 2 (dòng khí thải số 06 đến số 08)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi sơn, hơi dung môi → Tấm lọc bụi sợi thủy tinh → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Bồn hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống: 03 hệ thống.

- Công suất: 30.000 m^3/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tấm lọc bụi sợi thủy tinh, than hoạt tính.

1.2.7. Hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn số 05 đến số 15 tại tầng 2 của xưởng 2 (dòng khí thải số 09 đến số 57)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi sơn, hơi dung môi → Tấm lọc bụi sợi thủy tinh → Hệ thống ống hút và chụp hút → Quạt hút → Bồn hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống: 49 hệ thống.

- Công suất: 3.600 m^3/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tấm lọc bụi sợi thủy tinh, than hoạt tính.

1.2.8. Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ quá trình gia công và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 3

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Họng hút bụi → Quạt hút → Túi vải di động → Môi trường.

- Số lượng hệ thống: 06 hệ thống.

- Công suất: 12.000 m^3/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, sử dụng lọc bụi túi vải di động.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường và điểm b khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- 01 Hệ thống xử lý bụi số 01, công suất thiết kế 90.000 m^3/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý bụi số 02, công suất thiết kế 120.000 m^3/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý bụi số 03, công suất thiết kế 48.000 m^3/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý khí thải số 04, công suất thiết kế 16.000 m^3/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý khí thải số 05, công suất thiết kế 15.000 m^3/giờ.

- 03 Hệ thống xử lý khí thải từ số 06 đến số 08, công suất thiết kế 30.000 m^3/giờ/hệ thống.

- 49 Hệ thống xử lý khí thải từ số 09 đến số 57, công suất thiết kế 3.600 m^3/giờ/hệ thống.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

57 vị trí, tương ứng với 57 ống thoát khí thải của 57 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, k_p = 0,8, k_v = 1) và QCVN 20:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.,2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3.
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...64.../GPMT-UBND ngày .02./10../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại Nhà xưởng 1.
- Nguồn số 02: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại Nhà xưởng 2.
- Nguồn số 03: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất, thu gom bụi tại Nhà xưởng 3.
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý bụi số 1.
- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý bụi số 2.
- Nguồn số 06: Khu vực hệ thống xử lý bụi số 3.
- Nguồn số 07: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 4.
- Nguồn số 08: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 5.
- Nguồn số 09: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 6 đến số 8.
- Nguồn số 10: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 9 đến số 15.
- Nguồn số 11: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 16 đến số 33.
- Nguồn số 12: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 34 đến số 37.
- Nguồn số 13: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 38 đến số 53.
- Nguồn số 14: Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 54 đến số 57.
- Nguồn số 15: Khu vực máy nén khí, máy bơm khí số 01.
- Nguồn số 16: Khu vực máy nén khí, máy bơm khí số 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: $106^0 15'$, múi chiếu 3^0	
		X (m)	Y (m)
1	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại Nhà xưởng 1	1.269.935	568.487
2	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại Nhà xưởng 2	1.269.914	568.449

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106^{0}15', múi chiếu 3^0	
		X (m)	Y (m)
3	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất, thu gom bụi tại Nhà xưởng 3	1.269.940	568.395
4	Khu vực hệ thống xử lý bụi số 1	1.269.941	568.365
5	Khu vực hệ thống xử lý bụi số 2	1.269.905	568.448
6	Khu vực hệ thống xử lý bụi số 3	1.269.926	568.451
7	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 4	1.269.894	568.402
8	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 5	1.269.907	568.404
9	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 6 đến số 8	1.269.956	568.409
10	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 9 đến số 15	1.269.958	568.424
11	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 16 đến số 33	1.269.946	568.424
12	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 34 đến số 37	1.269.930	568.411
13	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 38 đến số 53	1.269.920	568.429
14	Khu vực hệ thống xử lý khí thải số 54 đến số 57	1.269.863	568.421
15	Khu vực máy nén khí, máy bơm khí số 01	1.269.949	568.448
16	Khu vực máy nén khí, máy bơm khí số 02	1.269.945	568.453

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa hoặc thay mới các máy móc, thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4.
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...64.../GPMT-UBND ngày 02./10./2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát phát sinh thường xuyên

STT	Chất ô nhiễm	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	NH	16 01 06	9
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	NH	17 02 03	11
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, vải, bao tay nhiễm các thành phần nguy hại và tấm lọc bụi ợi thủy tinh thải)	Rắn	KS	18 02 01	2.981
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia...)	Rắn	KS	18 01 03	10.545
5	Bao bì kim loại cứng thải (thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia...)	Rắn	KS	18 01 02	33.456
6	Pin ắc quy chì thải	Rắn	NH	19 06 01	7
7	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	NH	12 01 04	64.819
8	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn/ Lỏng	KS	08 01 01	1.600

STT	Chất ô nhiễm	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ năm)
9	Dung môi tẩy sơn hoặc vecni thải	Lỏng	NH	08 01 05	400
10	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (đá mài, giấy ráp…)	Rắn	KS	07 03 10	1.665
11	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	Lỏng	KS	08 03 01	400
12	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	KS	09 01 01	116.557
Tổng cộng					**232.450**

Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	TT - R	18 01 05	3.415
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	TT - R	18 01 11	318
4	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH (Ngũ kim, phụ kiện thải)	Rắn	TT - R	11 04 03	2.800
5	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải khác với các loại trên	Rắn	TT - R	09 01 03	1.049.010
6	Vải, sợi	Rắn	TT - R	12 09 09	738

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
7	Sản phẩm vô cơ khác với các loại trên	Rắn	TT - R	19 03 03	5.040
8	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên (bùn thải từ bể tự hoại)	Bùn	TT	12 06 13	833
9	Chất thải từ vỏ cây, gỗ loại bỏ (pallet thải)	Rắn	TT-R	09 01 02	2.100
10	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với các loại trên	Rắn	TT	08 02 08	4
	Tổng cộng				**1.064.258**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	234
Tổng khối lượng		**234**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích: 93 m^2 (bố trí ngoài nhà xưởng).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có kết cấu vách tôn bao quanh, có mái che, nền chống thấm, có rãnh rốn thoát nước, gờ chắn, biển cảnh báo, dán nhãn, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định,...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường phát sinh.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích: 60 m^2 (bố trí ngoài nhà xưởng).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có kết cấu vách tôn bao quanh, có cửa ra vào, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, biển báo...

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Các thùng chứa, bao bì... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. Kho lưu chứa

- Diện tích: 60 m^2 (bố trí ngoài nhà xưởng).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có kết cấu vách tôn bao quanh, có cửa ra vào, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, biển báo...

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5.

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ....64..../GPMT-UBND ngày .02./10../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đảm bảo trong hoạt động dự án không phát sinh hơi hóa chất, hơi dung môi chưa qua xử lý ra môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Trồng và duy trì cây xanh đảm bảo theo đúng quy hoạch và quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3801205156

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 07 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 24 tháng 04 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YOU CHUANG VIET NAM FURNITURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: YC VN CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: *0901 245098* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 69.543.375.000 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng

tương đương 3.023.625 USD (Ba triệu hai mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi năm đô la Mỹ)

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	XU, FENG	Trung Quốc	2A5, CN7 & CN5A, Khu công nghiệp Tân Bình, Thị trấn Tân Bình, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	41.943.375.000	60.310	EF2718267	
2	ZHOU, GAOMING	Trung Quốc	2A5, CN7 & CN5A, Khu công nghiệp Tân Bình, Thị trấn Tân Bình, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	27.600.000.000	39.690	EA8554435	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: XU, FENG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *10/10/1977* Dân tộc: Quốc tịch: *Trung Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *EF2718267*

Ngày cấp: *31/01/2019* Nơi cấp: *Cục xuất nhập cảnh Trung Quốc*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 2506, tòa nhà 16, Bảo Lợi Hồng Shan Hồ, Số 6, đường số 2, khu công nghiệp Kỹ Nghệ Thông Sơn Hồ, thị trấn Đông Quan, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *2A5, CN7 & CN5A, Khu công nghiệp Tân Bình, Thị trấn Tân Bình, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Ngọc Linh

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9978241770.

Chứng nhận lần đầu: Ngày 19 tháng 07 năm 2019.

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm: Ngày 19 tháng 4 năm 2023.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801205156 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ ba ngày 17 tháng 03 năm 2023;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9978241770 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 19 tháng 7 năm 2019 và cấp điều chỉnh lần thứ tư ngày 21 tháng 7 năm 2022;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9848880017 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2019 và cấp điều chỉnh lần thứ hai ngày 16 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam nộp ngày 17 tháng 04 năm 2023.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY CỦA CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM; mã số dự án 9978241770 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 19 tháng 7 năm 2019 và cấp điều chỉnh lần thứ tư ngày 21 tháng 7 năm 2022; được đăng ký điều chỉnh lần thứ năm: Điều chỉnh sáp nhập dự án "Nhà máy của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam" và dự án "Nhà máy của Công ty TNHH Nội thất Honest Best Việt Nam".

Nhà đầu tư:

Ông Xu, Feng; sinh ngày 10/10/1977; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số EF2718267, cấp ngày 31/01/2019 tại Cục xuất nhập cảnh Trung Quốc; địa chỉ thường trú tại số nhà 2506, tòa nhà 16, Bảo Lợi Hồng Shan Hồ, số 6, đường số 2, khu công nghiệp Kỹ Nghệ Thông Sơn Hồ, thị trấn Đông Quan, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc; chỗ ở hiện nay tại 2A5, CN7 & CN5A, khu công nghiệp Tân Bình, thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; số điện thoại: + 0378.950.885; email: 258300248@qq.com.

Ông Zhou, Gaoming; sinh ngày 10/03/1980; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số EA8554435, cấp ngày 26/07/2017 tại Cục xuất nhập cảnh Trung Quốc; địa chỉ thường trú tại số 3, tổ 4, thôn Tự Nhiên, thị trấn Huang Sha, huyện Ping Yang, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc; chỗ ở hiện nay tại 2A5, CN7 & CN5A, khu công nghiệp Tân Bình, thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; số điện thoại: 0971.877.706; email: 865379612@qq.com.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801205156 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2019 và cấp thay đổi lần thứ ba ngày 17 tháng 3 năm 2023; Mã số thuế: 3801205156.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY CỦA CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM.

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất như: Giường, tủ, bàn, ghế, sofa.

3. Quy mô dự án: Sản xuất, gia công các sản phẩm giường với công suất: 65.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ với công suất: 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn với công suất: 160.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế với công suất: 150.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa với công suất: 20.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô B4, B5 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú,

xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

5. Diện tích mặt đất: 24.589,6 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư dự án: 85.100.000.000 VNĐ (tám mươi lăm tỷ, một trăm triệu đồng), tương đương 3.700.000 USD (ba triệu, bảy trăm nghìn đô la Mỹ) *(tỷ giá áp dụng tỷ giá cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu ngày 19/7/2019: USD/VNĐ=23.000)*, trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là: 85.100.000.000 VNĐ (tám mươi lăm tỷ, một trăm triệu đồng), tương đương 3.700.000 USD (ba triệu, bảy trăm nghìn đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		Tỷ VNĐ	Tương đương triệu USD			
01	Ông Xu, Feng	57,5	2,5	67,6	Tiền mặt	Đã góp 41.943.375.000 VNĐ, còn lại 15.556.625.000 VNĐ góp đủ đến tháng 7/2023.
02	Ông Zhou, Gaoming	27,6	1,2	32,4		Đã góp đủ.

- Vốn huy động: Không.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 23/11/2059.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a. Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp:

+ Ông XU, FENG: Đã góp 41.943.375.000 VNĐ, tương đương 1.823.625 USD; còn lại 15.556.625.000 VNĐ, tương đương 676.375 USD góp đủ đến tháng 7/2023.

+ Ông ZHOU, GAOMING: Đã góp đủ 27.600.000.000 VNĐ, tương đương 1.200.000 USD.

- Tiến độ huy động vốn: Không.

b. Tiến độ thực hiện các mục tiêu chủ yếu của dự án:

* Giai đoạn 1:

- Từ tháng 4/2021 đến tháng 11/2021: Hoàn thành các thủ tục đầu tư.

- Từ tháng 11/2021 đến tháng 3/2022: Xây dựng các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc thiết bị.

- Từ tháng 4/2022 đến tháng 9/2022: Vận hành thử nghiệm.

- Từ tháng 10/2022: Hoạt động chính thức.

* Giai đoạn 2:

- Từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2022: Hoàn thành các thủ tục, hồ sơ pháp lý công ty (như Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy đăng ký kinh doanh, môi trường, PCCC, Giấy phép xây dựng...)

- Từ tháng 10/2022 đến tháng 6/2023: Xây dựng nhà xưởng.

- Từ tháng 6/2023 đến tháng 7/2023: Hoàn thành việc lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử.

- Từ tháng 7/2023: Hoạt động chính thức.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và các hình thức hỗ trợ đầu tư:

Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, đất đai, lao động, các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản lý ngoại hối để góp vốn thực hiện dự án đầu tư.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ nộp để thực hiện thủ tục hành chính tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Cục thống kê tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật.

3. Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9978241770 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ tư ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9848880017 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ hai ngày 16 tháng 11 năm 2022.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 04 (bốn) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Minh Chiến

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KHU CÔNG NGHIỆP
Số: 08/2019/HĐ-BĐP

Hôm nay, ngày 31 tháng 07 năm 2019, chúng tôi gồm:

I/ BÊN CHO THUÊ LẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Địa chỉ : Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước,

Mã số Doanh nghiệp : 3800565639

Số tài khoản VND : 1004382147 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước,

Điện thoại : 02713.834.666 Fax: 02713.833.838

Do ông : **PHẠM PHI ĐIỀU,**

CMND số : 285 345 089 cấp ngày 06/3/2008 tại CA tỉnh Bình Phước,

Chức danh : TỔNG GIÁM ĐỐC làm đại diện,

(Văn bản ủy quyền số 36[a]/UQ-BĐP ngày 01/06/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị),

Sau đây viết tắt là Bên A.

II/ BÊN THUÊ LẠI:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Giấy ĐKKD : 3801205156 cấp ngày 24/07/2019 tại phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước.

Do ông : XU, FENG

Số hộ chiếu (CMND) : EF2718267 Cấp ngày 31/01/2019 tại Cục xuất nhập cảnh Trung Quốc

Chức danh : TỔNG GIÁM ĐỐC làm đại diện,

Sau đây viết tắt là Bên B.

Người phiên dịch:
Họ và tên : **Trương Thị Mỹ Duyên**
CMND số : 285360395 Cấp ngày: 20/10/2011 Tại: CA Bình Phước
Địa chỉ : An Lương, Long Giang, tx Phước Long, tỉnh Bình Phước.
Căn cứ hợp đồng lao động số: 01/HĐLĐ ngày 15/07/2019.

Trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, Hai bên đồng ý ký kết Hợp đồng với những điều khoản thỏa thuận sau:

ĐIỀU 1:
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO THUÊ LẠI

1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại một phần quyền sử dụng đất quy định cụ thể tại Điểm 2 Điều này mà Bên A đã xây dựng xong kết cấu hạ tầng (sau đây viết tắt là khu đất) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG436082, số vào sổ cấp GCNQSDĐ CT08526, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/02/2017. Cụ thể như sau:

Thửa đất số: Tờ bản đồ số:

Địa chỉ thửa đất: xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Diện tích: 219.252,5 m2 (*Bằng chữ: Hai trăm mười chín ngàn hai trăm năm mươi hai phẩy năm mét vuông*),

Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,

Mục đích sử dụng: Đất Khu công nghiệp

Thời hạn sử dụng: Đến ngày 23/11/2059,

Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Đặc điểm khu đất cho thuê lại:

- Vị trí cho thuê lại: Lô B4, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

- Diện tích cho thuê lại: **12.923,8** m^2 (*Bằng chữ: Mười hai ngàn chín trăm hai mươi ba phẩy tám mét vuông*).

Diện tích khu đất cho thuê lại được xác định theo Bản đồ là Phụ lục 01 đính kèm theo Hợp đồng này, đồng thời là một bộ phận pháp lý không thể tách rời của Hợp đồng này.

3. Khi có sự thay đổi của pháp luật liên quan tới cho thuê lại quyền sử dụng đất trong Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết để cùng thực hiện theo quy định.

4. Các Bên cam kết việc cho thuê lại khu đất không làm mất đi quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam đối với đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

5. Bên B cam kết đưa khu đất vào sử dụng ngay, đúng tiến độ, không sử dụng chậm.

ĐIỀU 2:
THỜI HẠN CHO THUÊ LẠI

Kể từ ngày ký công chứng Hợp đồng này đến ngày 23/11/2059 (*ngày hai ba tháng mười một năm hai nghìn không trăm năm chín*).

ĐIỀU 3:
MỤC ĐÍCH THUÊ LẠI

Mục đích thuê lại quyền sử dụng đất của Bên B phải phù hợp với mục đích sử dụng đất nêu tại Điều 1 trong Hợp đồng này và phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư) do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp cho Bên B.

ĐIỀU 4:
VIỆC XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP

1. Việc xây dựng:

1.1. Bên B xây dựng các công trình phải phù hợp với mục đích nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này và phải phù hợp với tiêu chuẩn xây dựng đã ghi trong Giấy phép xây dựng do Cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Bình Phước cấp. Đồng thời phải thực hiện các thủ tục về thiết kế, thi công và xây dựng theo đúng quy định về quản lý xây dựng của Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú.

1.2. Trước khi tiến hành thiết kế kỹ thuật xây dựng, Bên B phải liên hệ với Bên A để thống nhất cao trình xây dựng trên diện tích đất đã thuê lại; đảm bảo thiết kế kỹ thuật các hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, cấp nước sạch và các hạng mục xây dựng khác trên diện tích đất đã thuê lại để đảm bảo kết nối hoàn hảo với hệ thống hạ tầng chung của Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú.

1.3. Bên B cam kết đảm bảo nước thải thải ra từ các phân xưởng, nhà máy, công trình xây dựng khác trên diện tích đất thuê lại phải đạt tiêu chuẩn tối thiểu Cột B Bảng 1 của QCVN 40:2011/BTNMT quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Nước thải này phải được đấu nối với hệ thống thu gom chung của Khu Công nghiệp của Bên A để Bên A tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

1.4. Bên B phải xây dựng các công trình trên diện tích đất thuê theo đúng như cam kết trong nội dung dự án đầu tư của giấy chứng nhận đầu tư đã được BQL Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp.

1.5. Đối với những doanh nghiệp không xin giấy chứng nhận đầu tư, thời hạn cho phép tối đa không quá 02 năm doanh nghiệp phải tiến hành xây dựng công trình trên diện tích đất thuê kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại đất chính thức.

1.6. Trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng theo những cam kết của Khoản 4, Khoản 5, Điều 4 thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày đến hạn. Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, thu hồi lại diện tích đã cho thuê và tất cả các khoản thanh toán đều không được hoàn trả lại cho Bên B.

2. Việc sử dụng hạ tầng Khu công nghiệp:

Bên B được sử dụng cơ sở hạ tầng của Khu Công nghiệp theo quy định của Bên A.

ĐIỀU 5:
HÌNH THỨC TRẢ TIỀN THUÊ ĐẤT, GIÁ CHO THUÊ LẠI, PHÍ XỬ LÝ NƯỚC THẢI, PHÍ QUẢN LÝ HẠ TẦNG KCN, THANH TOÁN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Hình thức trả tiền thuê lại đất:

Trả tiền thuê đất hàng năm.

2. Giá cho thuê lại:

Giá cho thuê lại bao gồm Chi phí 1, Chi phí 2 và Phí xử lý nước thải sau đây:

2.1. Chi phí 1: Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng ban đầu, giải tỏa đền bù, giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, chuyển mục đích sử dụng đất, lệ phí trước bạ cho việc đăng ký cấp Giấy chứng nhận thuê lại đất trong Khu công nghiệp và nghĩa vụ tài chính nộp cho nhà nước. Chi phí này được xác định là **30.064** VNĐ/m^2/năm *(Bằng chữ: Ba mươi ngàn không trăm sáu mươi bốn đồng)(Đã bao gồm 10% VAT)*

* Giá trị Chi phí 1 này cho cả diện tích cho thuê lại trong 01 năm là:

30.064 VND x 12.923,8 m^2 = **388.541.123 VND**

(Bằng chữ: Ba trăm tám mươi tám triệu năm trăm bốn mươi một ngàn một trăm hai mươi ba đồng).

2.2. Chi phí 2: Khoản trả hàng năm bao gồm phí quản lý hạ tầng Khu Công nghiệp như đường giao thông, điện chiếu sáng, cây xanh….. Chi phí này được xác định là **9.304** VND/ m^2/năm (*Bằng chữ: Chín ngàn ba trăm lẻ bốn đồng)* (chưa bao gồm 10% VAT). Chi phí này được tăng lên 10% (*mười phần trăm*) cứ mỗi sau 05 (năm) năm. Bên A có trách nhiệm gửi văn bản thông báo tăng phí cho Bên B.

Giá trị Chi phí 2 này cho cả diện tích đất cho thuê lại trong 01 năm là:

9.304 VND x 12.923,8 m^2 x 1.1 = **132.267.339 VND**

(*Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm ba mươi chín đồng*).

2.3. Phí xử lý nước thải:

Bên B phải chịu **6.978** VND (*Bằng chữ: Sáu ngàn chín trăm bảy mươi tám đồng*) cho mỗi mét khối nước thải (*giá này chưa bao gồm VAT*). Tổng lượng nước thải của Bên B được tính dựa trên đồng hồ đo được lắp tại cửa xả của Bên B. Phí này sẽ tăng tối đa 10% (*mười phần trăm*) sau mỗi 05 (năm) năm.

2.4. Bên B phải thanh toán giá trị tiền thuê lại đất hàng năm cho Bên A gồm: Chi phí 1 + Chi phí 2 + Phí xử lý nước thải.

3. Thanh toán tiền thuê lại đất:

3.1. Thanh toán Chi phí 1:

Thanh toán theo Khoản 2.1, Điểm 2.

3.2. Thanh toán Chi phí 2:

Ngày mà Bên B bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh trên diện tích đất thuê lại sẽ được tính là thời điểm bắt đầu đóng phí quản lý hạ tầng (nếu có thỏa thuận khác hai bên sẽ bàn bạc, thống nhất và tất cả thỏa thuận đó phải được thể hiện bằng văn bản). Việc thanh toán được thực hiện hàng năm. Năm đầu tiên, Bên B thanh toán trước ngày 31/12 của năm Bên B bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Những năm tiếp theo Bên B thanh toán 01 lần cho Bên A chậm nhất trước ngày 30/6 hàng năm.

3.3. Thanh toán phí xử lý nước thải:

Phí xử lý nước thải được tính và thanh toán theo Hợp đồng xử lý nước thải được ký kết riêng giữa Bên A và Bên B.

4. Phương thức, đồng tiền và cách thức thanh toán:

4.1. Phương thức thanh toán:

Bằng chuyển khoản. Phí chuyển tiền do người chuyển chịu.

4.2. Đồng tiền thanh toán:

Là đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm ký Hợp đồng.

4.3. Cách thức thanh toán:

Bên A sẽ gửi Giấy đề nghị chi trả tiền đến Bên B vào trước mỗi đợt thanh toán. Trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu bất kỳ vì một lý do nào (*trừ trường hợp bất khả kháng như chiến tranh, bạo động, thảm họa thiên tai, dịch bệnh*) mà Bên B chậm thanh toán cho Bên A thì lãi suất 1%/tháng (một phần trăm một tháng) sẽ được áp dụng trên tổng số nợ đến hạn phải trả và ngày đáo hạn sẽ là ngày áp

dụng lãi suất. Mọi chi phí liên quan đến việc chậm thanh toán sẽ do Bên chậm thanh toán chịu.

4.4 Trường hợp Bên B cố ý và không thực hiện việc thanh toán tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất, phí quản lý theo như đã quy định trong Hợp Đồng thuê lại đất này cho Bên A và để những khoản nợ kéo dài quá 6 (sáu) tháng kể từ ngày các khoản nợ này đến hạn cần phải trả mà không có bất kỳ sự chấp thuận bằng văn bản chính thức nào của Bên A cho phép Bên B chậm thanh toán thì Hợp Đồng Thuê Lại Đất này sẽ tự động chấm dứt. Khi đó bên A được quyền thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng và số tiền mà Bên B đã chi trả cho Bên A sẽ không được hoàn trả lại.

4.5 Thỏa thuận khác

Trong trường hợp có sự thay đổi, cần làm rõ hơn về phương thức, cách thức thanh toán hoặc chưa đảm quyền lợi hoặc bất cứ thỏa thuận nào khác thì Bên A và Bên B thỏa thuận với nhau bằng Phụ lục Hợp đồng đính kèm trên cơ sở tự nguyện, thống nhất và hợp tác.

ĐIỀU 6:
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao diện tích đất cho thuê lại nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho Bên B theo như đề nghị của bên B và giải phóng các loại cây trồng hiện tại trên khu đất và san lấp bằng phẳng nền đất trước khi giao mặt bằng cho Bên B như đã thỏa thuận;

- Kiểm tra, nhắc nhở Bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất thuê lại đúng mục đích;

- Nộp thuế sử dụng đất;

- Đảm bảo rằng quyền sử dụng khu đất của Bên B theo Giấy chứng nhận đầu tư sẽ không bị can thiệp bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác;

- Trong suốt thời hạn cho thuê lại (trừ trường hợp quy định khác so Hợp đồng này), Bên A bằng chi phí của mình sẽ đảm bảo Bên B được cung cấp đầy đủ cơ sở hạ tầng theo yêu cầu của Bên B cho mục đích xây dựng và hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đầu tư của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn sau:

+ Đường nội bộ: Đường nội bộ trong Khu công nghiệp phải rộng ít nhất 8 mét, là đường trải nhựa nối thẳng ra đường tỉnh lộ gần nhất cho giao thông thông suốt;

+ Lắp đặt điện chiếu sáng, cây xanh giáp ranh khu đất;

+ Hệ thống cung cấp điện: Bên A sẽ hỗ trợ thủ tục cho Bên B trong việc lắp đặt hệ thống điện 22 KV. Bằng chi phí của mình, Bên A đảm bảo rằng đường dây điện 22 KV sẽ được lắp đặt dọc xung quanh hàng rào khu đất, đảm bảo rằng Bên B có thể lắp đặt hệ thống tủ điện để chuyển điện vào nhà máy. Bên A sẽ hỗ trợ Bên B ký hợp đồng cung cấp điện với Công ty điện đảm bảo cung cấp đủ và đúng thời gian với những điều khoản hợp lý;

+ Hệ thống cung cấp nước: Bằng chi phí của mình, Bên A đảm bảo rằng hệ thống cung cấp nước sẽ được cung cấp dọc đường nội bộ giáp ranh khu đất. Bên A sẽ hỗ trợ Bên B ký hợp đồng cung cấp nước với Công ty cấp nước đảm bảo cung cấp đủ và đúng thời gian với những điều khoản hợp lý;

+ Hệ thống thoát nước: Bằng chi phí của mình, Bên A sẽ cung cấp hệ thống thoát nước ngầm dọc đường nội bộ giáp ranh khu đất để đảm bảo việc thoát nước của Bên B sẽ được nối trực tiếp với hệ thống thoát nước chung;

+ Hệ thống viễn thông: Bằng chi phí của mình, Bên A đảm bảo rằng hệ thống viễn thông sẽ được cung cấp dọc đường nội bộ giáp ranh khu đất;

+ Khu vực chung: Bên A sẽ thực hiện công việc duy tu đều đặn cũng như thực hiện việc sửa chữa ngay khi có yêu cầu của Bên B để đảm bảo an ninh, vệ sinh, cây xanh, chiếu sáng, biển báo chung trong Khu công nghiệp.

- Bên A sẽ cung cấp lực lượng an ninh và bảo vệ để đảm bảo an ninh và phân luồng giao thông trong khu vực chung ngay phía ngoài khu đất;

- Bên A sẽ hỗ trợ Bên B chuẩn bị các hồ sơ liên quan đến việc xây dựng và vận hành nhà máy (bao gồm nhưng không giới hạn tới giấy phép xây dựng, báo cáo đánh giá tác động môi trường nếu được yêu cầu) nhằm giúp Bên B triển khai dự án;

- Bên A sẽ thực hiện các công việc cần thiết để hỗ trợ Bên B nộp hồ sơ xin hưởng miễn giảm thuế giá trị gia tăng theo đúng các quy định hiện hành.

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên B đưa đất vào sử dụng đúng thời hạn, chấm dứt ngay việc sử dụng đất thuê lại không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất. Nếu Bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này, yêu cầu Bên B hoàn trả đất, bồi thường thiệt hại và Bên A không phải hoàn trả bất cứ khoản tiền nào đã nhận.

ĐIỀU 7:
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Xây dựng các công trình trên thửa đất thuê lại sau khi ký hợp đồng chính thức theo đúng thời hạn xây dựng đã cam kết trong dự án với chủ đầu tư, không quá 2 năm kể từ

ngày nhận bàn giao mặt bằng, bên B phải xây dựng hoàn thiện công trình trên diện tích đất thuê lại, theo đúng mục đích sử dụng đất, đúng thời hạn thuê lại và đúng giấy phép xây dựng. trong trường hợp bên B không xây dựng theo đúng như tiến độ đã cam kết trong dự án với chủ đầu tư, bên A sẽ áp dụng các điều khoản quy định hình thức xử phạt theo như luật hiện hành quy định về việc sử dụng đất thuê lại trong Khu Công Nghiệp.

- Sử dụng đất thuê lại đúng mục đích; đúng thời hạn;

- Không được huỷ hoại đất thuê lại; không vi phạm các quy định khác của Luật đất đai;

- Thanh toán trước tiền thuê lại theo phương thức đã thoả thuận;

- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

- Không được cho thuê lại quyền sử dụng đất đối với người khác;

- Trả lại đất cho Bên B sau khi hết thời hạn thuê lại.

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất có đầy đủ hạ tầng đúng như đã thoả thuận;
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận.
- Được quyền thế chấp Quyền sử dụng đất tại ngân hàng.
- Được quyền thay đổi mục dích sử dụng đất ban đầu nhưng phải tuân thủ đúng theo Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy phép đăng ký kinh doanh của Bên B và phù hợp với các ngành nghề được phê duyệt trong đánh giá tác động môi trường của Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú.
- Bên B có thể bán toàn bộ hay một phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trên Khu đất thuê trên cơ sở tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam và được sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản. Khi đó Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao và Bên nhận chuyển nhượng (Bên thứ 3) phải ký một Hợp đồng thuê lại đất khác với Bên A trên cơ sở tuân thủ các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất này.
- Đồng thời hai bên có các quyền và nghĩa vụ theo như luật hiện hành quy định.

ĐIỀU 8:
VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ LẠI ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

- Việc đăng ký cho thuê lại đất, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê tại cơ quan có thẩm quyền do Bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

- Lệ phí liên quan đến việc đăng ký cho thuê lại đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê theo Hợp đồng này do bên A chịu trách nhiệm nộp.

- Sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Chi phí 1 cho Bên A thì Bên A sẽ làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng khu đất thuê lại cho Bên B và giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng khu đất thuê lại cho Bên B.

ĐIỀU 9:
PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau. Trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Toà án có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10:
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- Những thông tin về nhân thân, thửa đất và kết cấu hạ tầng đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

- Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê lại theo quy định của pháp luật. Quyền sử dụng đất của khu đất có thể được sử dụng như tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Bên B tại các Tổ chức tín dụng theo quy định;

- Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này và trong suốt thời hạn thuê của Hợp đồng:

+ Thửa đất cho thuê lại không có tranh chấp (trừ lỗi của Bên B gây ra tranh chấp);

+ Quyền sử dụng đất, kết cấu hạ tầng hiện không bị và sẽ không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

- Không cho bất kỳ bên thứ ba nào khác thuê lại khu đất (trừ khi đất được cấp GCNQSDĐ cho Bên B và giấy phép được cơ quan nhà nước cấp, bên B có đăng ký ngành nghề kinh doanh cho thuê lại nhà xưởng);

- Không cầm cố, thế chấp, hoặc ký kết bất kỳ giao dịch bảo đảm nào đối với khu đất khi Bên B chưa được cấp GCNQSDĐ;

- Bên A sẽ ưu tiên cho Bên B được quyền gia hạn thời hạn thuê của khu đất khi hết hạn thời hạn thuê theo quy định. Giá thuê và các điều khoản khác liên quan đến việc gia hạn sẽ được Bên A và Bên B thảo luận trên tinh thần thiện chí. Trong trường hợp Bên A không tiếp tục thuê khu đất từ Nhà nước thì Bên A sẽ hỗ trợ Bên B thực hiện việc thuê khu đất trực tiếp từ Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Trong trường hợp Bên A không khắc phục được vi phạm (nếu có) hoặc không thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này trong một khoảng thời gian hợp lý thì Bên B sẽ có quyền chấm dứt Hợp đồng này và Bên A sẽ phải bồi thường cho Bên B mọi khoản lỗ, thiệt hại về kinh tế, và/hoặc doanh thu, và/hoặc lợi nhuận, và/hoặc kinh doanh hoặc thiệt hại về hải quan mà Bên B phải chịu liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Bên A.

- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan:

- Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

- Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất thuê lại và kết cấu hạ tầng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng;

- Đưa đất vào sử dụng đúng quy định;

- Được đơn phương chấm dứt Hợp đồng này với bất kỳ lý do gì nhưng vẫn phải thanh toán toàn bộ các Chi phí nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này cho Bên A;

- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

- Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 11:
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- Hợp đồng này có giá trị từ ngày công chứng.

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này. Hợp đồng này được lập thành 11 bản giống nhau, mỗi bên giữ 5 bản, Tổ chức hành nghề công chứng lưu giữ 01 bản chính.

Bên A	Bên B
CÔNG TY CỔ PHẦN KCN BẮC ĐỒNG PHÚ	**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**
TỔNG GIÁM ĐỐC	
PHẠM PHI ĐIỀU	**XU, FENG**

Tôi Cam đoan đã dịch đúng
đề cho ông Xu Feng nghe
hiểu và đồng ý ký hợp đồng này

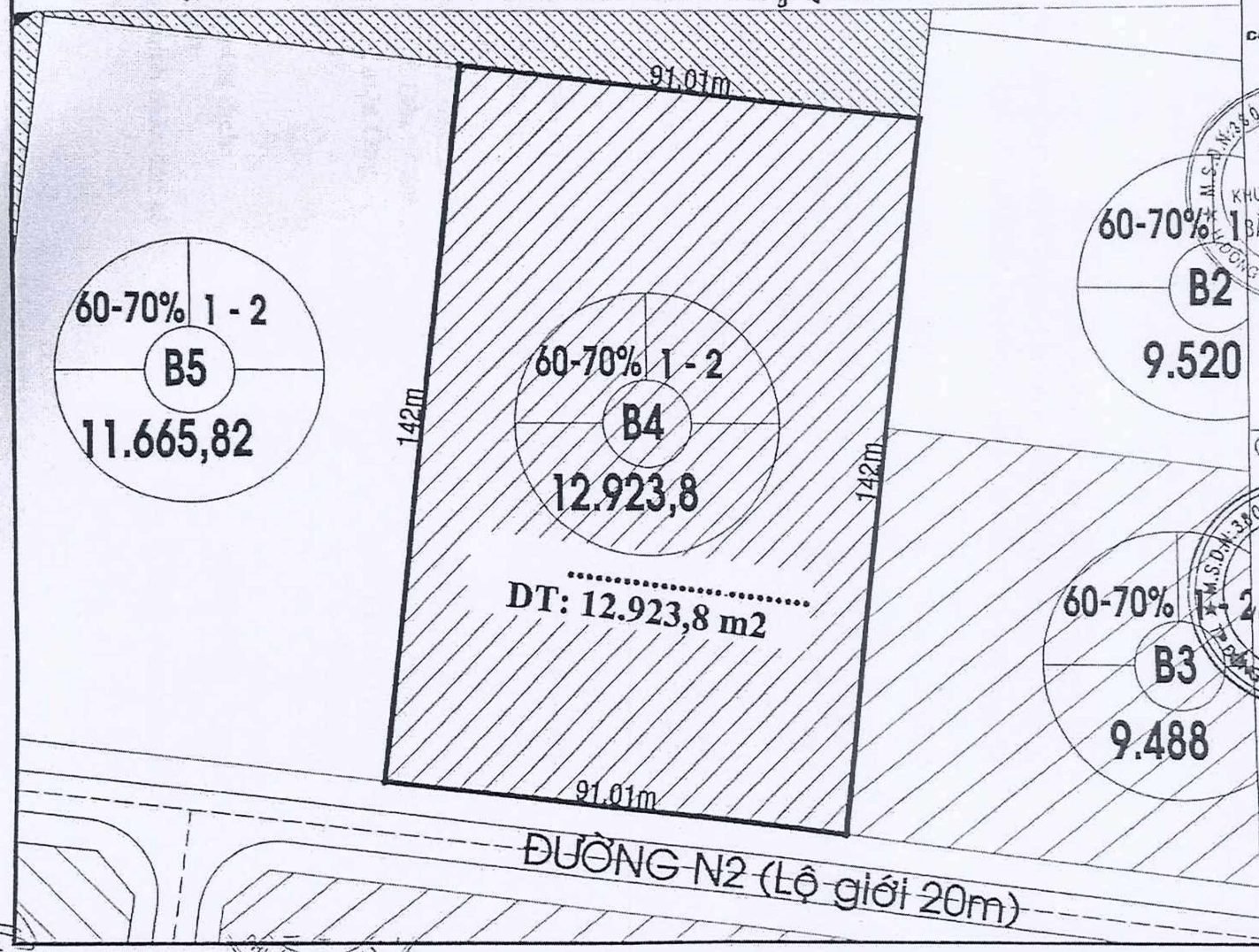
Trương Thị Kỹ Duyên

PHỤ ĐÍNH 01:

SƠ ĐỒ BÀN GIAO MẶT BẰNG CHO CTY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM.

KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

(Đính kèm theo HĐ: 08/2019/HĐ – KCN BĐP ngày 21/1/2019**)**



KCN BẮC ĐỒNG PHÚ

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM

CÔNG TY CP KCN BẮC ĐỒNG PHÚ

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Phạm Phi Diếu

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT OU CHUANG VIỆT NAM

XU,FENG

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 05 tháng 8 năm 2019 (Ngày năm, tháng tám, năm hai ngàn không trăm mười chín), tại Văn phòng công chứng Hoàng Mai Khanh, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: đường Hùng Vương, khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Tôi, **Hoàng Thị Mai Khanh**, Công chứng viên Văn phòng công chứng Hoàng Mai Khanh, tỉnh Bình Phước.

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp
Số: 08/2019/HĐ-BĐP được giao kết giữa:

I/ BÊN CHO THUÊ LẠI *(Gọi tắt là Bên A)*:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Địa chỉ: Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Mã số doanh nghiệp: 3800565639.

Số tài khoản: 1004382147 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Bình Phước.

Điện thoại: 02713.834.666 Fax: 02713.833.838

Người đại diện Ông : **PHẠM PHI ĐIỂU**

Chứng minh nhân dân số : **285 345 089**

Nơi cấp : Công an Bình Phước Cấp ngày 06/03/2008

Chức danh : Tổng Giám đốc

(Văn bản ủy quyền số 36[a]/UQ-BĐP ngày 01/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị)

II/ BÊN THUÊ LẠI *(Gọi tắt là Bên B)*:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Giấy ĐKKD: 3801205156 cấp ngày 24/7/2019, nơi cấp Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

Người đại diện Ông : **XU, FENG**

Hộ chiếu số : **EF2718267** Cấp ngày 31/01/2019

Nơi cấp : Cục xuất nhập cảnh Trung Quốc

Chức danh : Tổng Giám đốc

Người phiên dịch:

Họ và tên : **TRƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN**

Chứng minh nhân dân số : **285 360 395**

Nơi cấp : Công an Bình Phước Cấp ngày 20/10/2011

Địa chỉ : An Lương, Long Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

(Căn cứ Hợp đồng lao động số: 01/HĐLĐ ngày 15/7/2019)

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng này;

- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- Mục đích, nội dung của Hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã tự soạn thảo và đọc lại toàn bộ dự thảo Hợp đồng này, đồng ý toàn bộ nội dung dự thảo Hợp đồng, đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước mặt tôi;

- Hợp đồng này được lập thành 11 bản chính (mỗi bản chính gồm 13 tờ, 13 trang có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 05 bản chính, bên B giữ 05 bản chính, 01 bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Hoàng Mai Khanh, tỉnh Bình Phước).

Số công chứng.....2129....., quyển số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD.

CÔNG CHỨNG VIÊN

Văn phòng công chứng Võ Văn Nhân

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số:.....0102.....Quyển Số..01.....CT/BS

Tân bình,ngày 07 tháng 01 năm 20.21.

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VÕ VĂN NHÂN

Hoàng Thị Mai Khanh

ĐÀO BÁ TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 01/08/2019/HĐ-BĐP

Hôm nay, ngày tháng năm 2019, Chúng tôi gồm có:

***Bên cho thuê lại đất* (sau đây gọi là bên A) :**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Trụ sở : Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 3800565639

Do ông : **PHẠM PHI ĐIỀU**

CMND số : 285 345 089 cấp ngày 06/03/2008 tại CA tỉnh Bình Phước

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Tài khoản tiền đồng:

Tại :

Làm đại diện pháp nhân.

Bên thuê lại đất (sau đây gọi là bên B)

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Giấy ĐKKD : 3801205156 cấp ngày 24/07/2019 tại phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước.

Do ông : XU, FENG

Số hộ chiếu (CMND) : EF2718267 Cấp ngày 31/01/2019 tại Cục xuất nhập cảnh Trung Quốc

Chức danh : TỔNG GIÁM ĐỐC làm đại diện,

Người phiên dịch

Họ và tên : **Trương Thị Mỹ Duyên**

CMND số : 285360395 Cấp ngày: 20/10/2011 Tại: CA Bình Phước

Địa chỉ : An Lương, Long Giang, tx Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ hợp đồng lao động số: 01/HĐLĐ ngày 15/07/2019.

Vào ngày 31 tháng 07 năm 2019 hai bên cùng ký "Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp" số 08/2019/HĐ-BĐP được Văn phòng Công chứng Hoàng Mai Khanh tỉnh Bình Phước chứng nhận số 4129., quyển số 01.

TP/CC-SCC/HĐGD (sau đây viết tắt là Hợp đồng). Trên cơ sở tự nguyện, Hai bên đồng ý ký kết Phụ lục Hợp đồng này thỏa thuận bổ sung điều khoản thanh toán Chi phí 1 nêu tại Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng như sau:

ĐIỀU 1:
THANH TOÁN TRƯỚC TIỀN THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI CHI PHÍ 1 NÊU TẠI ĐIỂM 3.1 KHOẢN 3 ĐIỀU 5 CỦA HỢP ĐỒNG

Bên B đã nhận thức rõ rằng, quyền sử dụng đất cho thuê lại nêu trong Hợp đồng có nguồn gốc sử dụng là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm, hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Nhưng do Bên B mong muốn phối hợp với Bên A trong việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên B và đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho cả hai Bên nên Bên B cam kết tự nguyện thực hiện việc thanh toán Chi phí 1 nêu tại Điểm 3.1 khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng số: 08/2019/HĐ-BĐP bằng hình thức "*thanh toán trước chi phí 1*" như sau:

1. Thanh toán trước lần 1:

Thanh toán trước 16 *(mười sáu)* năm thuê lại đầu tiên (từ năm thứ 1 đến năm 16), tương ứng với số tiền là: **6.216.657.968** VND(*Bằng chữ: Sáu tỷ hai trăm mười sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng*)

Bên B cam kết thanh toán trước số tiền lần 1 này cho Bên A trong vòng 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng được công chứng.

2. Thanh toán trước lần 2:

Thanh toán trước 12 *(mười hai)* năm thuê lại tiếp theo (từ năm thứ 17 đến năm thứ 28) tương ứng với số tiền: **4.662.493.476** VND(*Bằng chữ: Bốn tỷ sáu trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi sáu đồng*)

Bên B cam kết thanh toán trước lần 2 cho Bên A chậm nhất ngày 01/02/2020.

3. Thanh toán trước lần 3:

Thanh toán trước 8 *(tám)* năm thuê lại tiếp theo (từ năm thứ 29 đến năm thứ 36) tương ứng với số tiền: **3.108.328.984** VND(*Bằng chữ: Ba tỷ một trăm lẻ tám triệu ba trăm hai mươi tám ngàn chín trăm tám mươi bốn đồng*)

Bên B cam kết thanh toán trước lần 3 cho Bên A chậm nhất ngày 01/08/2020.

3. Thanh toán trước lần 4:

Thanh toán trước 4 *(bốn)* năm thuê lại tiếp theo (từ năm thứ 37 đến năm thứ 40) tương ứng với số tiền: **1.554.164.492** VND(*Bằng chữ: Một tỷ năm trăm*

Bên B chuẩn bị các thủ tục cần thiết).

3.Phụ lục hợp đồng bổ sung hợp đồng thuê quyền sử dụng đất này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng số 08/2019/HĐ-BĐP ngày 31/07/2019 và công chứng số: 2129.., quyển số 01. TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Hoàng Mai Khanh tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 07/8/2019

4.Các điều khoản khác của Hợp đồng số: 08/2019/HĐ-BĐP ngày 31/07/2019 và công chứng số: 2129., quyển số .01.. TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Hoàng Mai Khanh tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 07/8/2019 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý, không thay đổi.

5. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Phụ lục Hợp đồng này.

6. Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bên A	Bên B
CÔNG TY CỔ PHẦN KCN BẮC ĐỒNG PHÚ	**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**
PHẠM PHI ĐIỀU	**XU, FENG**

Tôi cam đoan đã dịch thuật cho ông Xu Feng nghe hiểu và đồng ý ký hợp đồng này

Dương Thị Mỹ Duyên

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 2019 (Ngày ....., tháng ....., năm hai ngàn không trăm mười chín), tại Văn phòng công chứng Hoàng Mai Khanh, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: đường Hùng Vương, khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Tôi, **Hoàng Thị Mai Khanh**, Công chứng viên Văn phòng công chứng Hoàng Mai Khanh, tỉnh Bình Phước.

CHỨNG NHẬN:

Phụ lục Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp
Số: 01/08/2019/HĐ-BĐP được giao kết giữa:

I/ BÊN CHO THUÊ LẠI ĐẤT *(Gọi tắt là Bên A):*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Địa chỉ: Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Mã số doanh nghiệp: 3800565639.

Người đại diện Ông : **PHẠM PHI ĐIỀU**
Chứng minh nhân dân số : **285 345 089**
Nơi cấp : Công an Bình Phước Cấp ngày 06/03/2008
Chức danh : Tổng Giám đốc

(Văn bản ủy quyền số 36"/UQ-BĐP ngày 01/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị)

II/ BÊN THUÊ LẠI ĐẤT *(Gọi tắt là Bên B):*

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Giấy ĐKKD: 3801205156 cấp ngày 24/7/2019, nơi cấp Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

Người đại diện Ông : **XU, FENG**
Hộ chiếu số : **EF2718267** Cấp ngày 31/01/2019
Nơi cấp : Cục xuất nhập cảnh Trung Quốc
Chức danh : Tổng Giám đốc
Người phiên dịch:
Họ và tên : **TRƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN**
Chứng minh nhân dân số : **285 360 395**
Nơi cấp : Công an Bình Phước Cấp ngày 20/10/2011
Địa chỉ : An Lương, Long Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

(Căn cứ Hợp đồng lao động số: 01/HĐLĐ ngày 15/7/2019)

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Phụ lục hợp đồng này;
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết Phụ lục hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Mục đích, nội dung của Phụ lục hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã tự soạn thảo và đọc lại toàn bộ dự thảo Phụ lục hợp đồng này, đồng ý toàn bộ nội dung dự thảo Phụ lục hợp đồng, đã ký và điểm chỉ vào Phụ lục hợp đồng này trước mặt tôi;

- Phụ lục hợp đồng này được lập thành 08 bản chính (mỗi bản chính gồm 05 tờ, 05 trang có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản chính, bên B giữ 04 bản chính, 01 bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Hoàng Mai Khanh, tỉnh Bình Phước).

Số công chứng .....2146., quyển số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD.

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG MAI KHANH

Hoàng Thị Mai Khanh

Văn phòng công chứng Võ Văn Nhân

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 0103 Quyển Số 01 CT/BS

Tân Bình ngày 07 tháng 01 năm 2021

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VÕ VĂN NHÂN

ĐÀO RÁ TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801205156 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24/07/2019.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

CT 814256

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 27 , tờ bản đồ số: Khu A (KCN Bắc Đồng Phú)

b) Địa chỉ: Lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình P

c) Diện tích: 12.923,8 m², (bằng chữ: mười hai nghìn chín trăm hai mươi ba phẩy tám mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 23/11/2059

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

Bình Phước, ngày 20 tháng 11 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯ

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lê Hoàng Lâm

Số vào sổ cấp GCN: CT.../1574.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KHU CÔNG NGHIỆP
Số: 06/2019/HĐ-BĐP

Hôm nay, ngày 08 tháng 07 năm 2019, chúng tôi gồm:

I/ BÊN CHO THUÊ LẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Địa chỉ : Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước,

Mã số Doanh nghiệp : 3800565639

Số tài khoản VND : 5601201002420 tại Ngân hàng Agribank - CN Tây Bình Phước,

Điện thoại : 02713.834.666 Fax: 02713.833.838

Do ông : **PHẠM PHI ĐIỀU,**

CMND số : 285 345 089 cấp ngày 06/3/2008 tại CA tỉnh Bình Phước,

Chức danh : TỔNG GIÁM ĐỐC làm đại diện,

(Văn bản ủy quyền số 36ª/UQ-BĐP ngày 01/06/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị),

Sau đây viết tắt là Bên A

II/ BÊN THUÊ LẠI:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT HONEST BEST VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Giấy ĐKKD : 3801203494 cấp ngày 02/7/2019 tại phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước.

Do ông : **SHENG, HAIJUN**

Số hộ chiếu (CMND) : E73183286 Cấp ngày 01/09/2016 tại Cục xuất nhập cảnh Trung Quốc

Chức danh : TỔNG GIÁM ĐỐC làm đại diện,

Sau đây viết tắt là Bên B.

Scanned with CamScanner

Người phiên dịch:

Họ và tên : **Trương Thị Mỹ Duyên**

CMND số : 285360395 Cấp ngày: 20/10/2011 Tại: CA Bình Phước

Địa chỉ : An Lương, Long Giang, tx Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ hợp đồng lao động số: 01/HĐLĐ ngày 15/06/2019.

Trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, Hai bên đồng ý ký kết Hợp đồng với những điều khoản thỏa thuận sau:

ĐIỀU 1:
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO THUÊ LẠI

1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại một phần quyền sử dụng đất quy định cụ thể tại Điểm 2 Điều này mà Bên A đã xây dựng xong kết cấu hạ tầng (sau đây viết tắt là khu đất) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG436082, số vào sổ cấp GCNQSDĐ CT08526, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/02/2017. Cụ thể như sau:

Thửa đất số: Tờ bản đồ số:

Địa chỉ thửa đất: xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Diện tích: 219.252,5 m^2 (*Bằng chữ: Hai trăm mười chín ngàn hai trăm năm mươi hai phẩy năm mét vuông*),

Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,

Mục đích sử dụng: Đất Khu công nghiệp

Thời hạn sử dụng: Đến ngày 23/11/2059,

Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Đặc điểm khu đất cho thuê lại:

- Vị trí cho thuê lại: Lô B5 Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

- Diện tích cho thuê lại: **11.665,8** m^2 (*Bằng chữ: Mười một ngàn sáu trăm sáu mươi lăm phẩy tám mét vuông*).

Diện tích khu đất cho thuê lại được xác định theo Bản đồ là Phụ lục 01 đính kèm theo Hợp đồng này, đồng thời là một bộ phận pháp lý không thể tách rời của Hợp đồng này.

3. Khi có sự thay đổi của pháp luật liên quan tới cho thuê lại quyền sử dụng đất trong Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết để cùng thực hiện theo quy định.

Scanned with CamScanner

4. Các Bên cam kết việc cho thuê lại khu đất không làm mất đi quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam đối với đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

5. Bên B cam kết đưa khu đất vào sử dụng ngay, đúng tiến độ, không sử dụng chậm.

ĐIỀU 2:
THỜI HẠN CHO THUÊ LẠI

Kể từ ngày ký công chứng Hợp đồng này đến ngày 23/11/2059 (*ngày hai ba tháng mười một năm hai nghìn không trăm năm chín*).

ĐIỀU 3:
MỤC ĐÍCH THUÊ LẠI

Mục đích thuê lại quyền sử dụng đất của Bên B phải phù hợp với mục đích sử dụng đất nêu tại Điều 1 trong Hợp đồng này và phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư) do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp cho Bên B.

ĐIỀU 4:
VIỆC XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP

1. Việc xây dựng:

1.1. Bên B xây dựng các công trình phải phù hợp với mục đích nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này và phải phù hợp với tiêu chuẩn xây dựng đã ghi trong Giấy phép xây dựng do Cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Bình Phước cấp. Đồng thời phải thực hiện các thủ tục về thiết kế, thi công và xây dựng theo đúng quy định về quản lý xây dựng của Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú.

1.2. Trước khi tiến hành thiết kế kỹ thuật xây dựng, Bên B phải liên hệ với Bên A để thống nhất cao trình xây dựng trên diện tích đất đã thuê lại; đảm bảo thiết kế kỹ thuật các hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, cấp nước sạch và các hạng mục xây dựng khác trên diện tích đất đã thuê lại để đảm bảo kết nối hoàn hảo với hệ thống hạ tầng chung của Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú.

1.3. Bên B cam kết đảm bảo nước thải thải ra từ các phân xưởng, nhà máy, công trình xây dựng khác trên diện tích đất thuê lại phải đạt tiêu chuẩn tối thiểu Cột B Bảng 1 của QCVN 40:2011/BTNMT quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Nước thải này phải được đấu nối với hệ thống thu gom chung của Khu Công nghiệp của Bên A để Bên A tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

1.4. Bên B phải xây dựng các công trình trên diện tích đất thuê theo đúng như cam kết trong nội dung dự án đầu tư của giấy chứng nhận đầu tư đã được BQL Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp.

Scanned with CamScanner

1.5. Đối với những doanh nghiệp không xin giấy chứng nhận đầu tư, thời hạn cho phép tối đa không quá 02 năm doanh nghiệp phải tiến hành xây dựng công trình trên diện tích đất thuê kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại đất chính thức.

1.6. Trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng theo những cam kết của Khoản 4, Khoản 5, Điều 4 thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày đến hạn. Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, thu hồi lại diện tích đã cho thuê và tất cả các khoản thanh toán đều không được hoàn trả lại cho Bên B.

2. Việc sử dụng hạ tầng Khu công nghiệp:

Bên B được sử dụng cơ sở hạ tầng của Khu Công nghiệp theo quy định của Bên A.

ĐIỀU 5:
HÌNH THỨC TRẢ TIỀN THUÊ ĐẤT, GIÁ CHO THUÊ LẠI, PHÍ XỬ LÝ NƯỚC THẢI, PHÍ QUẢN LÝ HẠ TẦNG KCN, THANH TOÁN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Hình thức trả tiền thuê lại đất:

Trả tiền thuê đất hàng năm.

2. Giá cho thuê lại:

Giá cho thuê lại bao gồm Chi phí 1, Chi phí 2 và Phí xử lý nước thải sau đây:

2.1. Chi phí 1: Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng ban đầu, giải tỏa đền bù, giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, chuyển mục đích sử dụng đất, lệ phí trước bạ cho việc đăng ký cấp Giấy chứng nhận thuê lại đất trong Khu công nghiệp và nghĩa vụ tài chính nộp cho nhà nước. Chi phí này được xác định là **30.155** VNĐ/m^2/năm *(Bằng chữ: Ba mươi ngàn một trăm năm mươi lăm đồng)(Đã bao gồm 10% VAT)*

* Giá trị Chi phí 1 này cho cả diện tích cho thuê lại trong 01 năm là:

30.155 VND x 11.665,8 m^2 = **351.782.199 VND**

(*Bằng chữ: Ba trăm năm mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn một trăm chín mươi chín đồng*).

2.2. Chi phí 2: Khoản trả hàng năm bao gồm phí quản lý hạ tầng Khu Công nghiệp như đường giao thông, điện chiếu sáng, cây xanh ..... Chi phí này được xác định là **9.332** VND/ m^2/năm (*Bằng chữ: Chín ngàn ba trăm ba mươi hai đồng)* (chưa bao gồm 10% VAT). Chi phí này được tăng lên 10% (*mười phần trăm*) cứ mỗi sau 05 (năm) năm. Bên A có trách nhiệm gửi văn bản thông báo tăng phí cho Bên B.

Giá trị Chi phí 2 này cho cả diện tích đất cho thuê lại trong 01 năm là:

9.332 VND x 11.665,8 m^2 x 1.1 = **119.751.770 VND**

Scanned with CamScanner

(*Bằng chữ: Một trăm mười chín triệu bảy trăm năm mươi mốt ngàn bảy trăm bảy mươi đồng*).

2.3. Phí xử lý nước thải:

Bên B phải chịu **6.999** VND (*Bằng chữ: Sáu ngàn chín trăm chín mươi chín đồng*) cho mỗi mét khối nước thải (*giá này chưa bao gồm VAT*). Tổng lượng nước thải của Bên B được tính dựa trên đồng hồ đo được lắp tại cửa xả của Bên B. Phí này sẽ tăng tối đa 10% (*mười phần trăm*) sau mỗi 05 (năm) năm.

2.4. Bên B phải thanh toán giá trị tiền thuê lại đất hàng năm cho Bên A gồm: Chi phí 1 + Chi phí 2 + Phí xử lý nước thải.

3. Thanh toán tiền thuê lại đất:

3.1. Thanh toán Chi phí 1:

Thanh toán hàng năm theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2

3.2. Thanh toán Chi phí 2:

Ngày mà Bên B bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh trên diện tích đất thuê lại sẽ được tính là thời điểm bắt đầu đóng phí quản lý hạ tầng (nếu có thỏa thuận khác hai bên sẽ bàn bạc, thống nhất và tất cả thỏa thuận đó phải được thể hiện bằng văn bản). Việc thanh toán được thực hiện hàng năm theo như thông báo nộp tiền từ Bên A.

3.3. Thanh toán phí xử lý nước thải:

Phí xử lý nước thải được tính và thanh toán theo Hợp đồng xử lý nước thải được ký kết riêng giữa Bên A và Bên B.

4. Phương thức, đồng tiền và cách thức thanh toán:

4.1. Phương thức thanh toán:

Bằng chuyển khoản. Phí chuyển tiền do người chuyển chịu.

4.2. Đồng tiền thanh toán:

Là đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm ký Hợp đồng.

4.3. Cách thức thanh toán:

Bên A sẽ gửi Giấy đề nghị chi trả tiền đến Bên B vào trước mỗi đợt thanh toán. Trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu bất kỳ vì một lý do nào (*trừ trường hợp bất khả kháng như chiến tranh, bạo động, thảm họa thiên tai, dịch bệnh*) mà Bên B chậm thanh toán cho Bên A thì lãi suất 1%/tháng (một phần trăm một tháng) sẽ được áp dụng trên tổng số nợ đến hạn phải trả và ngày đáo hạn sẽ là ngày áp dụng lãi suất. Mọi chi phí liên quan đến việc chậm thanh toán sẽ do Bên chậm thanh toán chịu.

Scanned with CamScanner

4.4 Trường hợp Bên B cố ý và không thực hiện việc thanh toán tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất, phí quản lý theo như đã quy định trong Hợp Đồng thuê lại đất này cho Bên A và để những khoản nợ kéo dài quá 6 (sáu) tháng kể từ ngày các khoản nợ này đến hạn cần phải trả mà không có bất kỳ sự chấp thuận bằng văn bản chính thức nào của Bên A cho phép Bên B chậm thanh toán thì Hợp Đồng Thuê Lại Đất này sẽ tự động chấm dứt. Khi đó bên A được quyền thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng và số tiền mà Bên B đã chi trả cho Bên A sẽ không được hoàn trả lại.

4.5 Thỏa thuận khác

Trong trường hợp có sự thay đổi, cần làm rõ hơn về phương thức, cách thức thanh toán hoặc chưa đảm quyền lợi hoặc bất cứ thỏa thuận nào khác thì Bên A và Bên B thỏa thuận với nhau bằng Phụ lục Hợp đồng đính kèm trên cơ sở tự nguyện, thống nhất và hợp tác.

ĐIỀU 6:
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao diện tích đất cho thuê lại nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho Bên B theo như đề nghị của bên B và giải phóng các loại cây trồng hiện tại trên khu đất và san lấp bằng phẳng nền đất trước khi giao mặt bằng cho Bên B như đã thỏa thuận;

- Kiểm tra, nhắc nhở Bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất thuê lại đúng mục đích;

- Nộp thuế sử dụng đất;

- Đảm bảo rằng quyền sử dụng khu đất của Bên B theo Giấy chứng nhận đầu tư sẽ không bị can thiệp bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác;

- Trong suốt thời hạn cho thuê lại (trừ trường hợp quy định khác so Hợp đồng này), Bên A bằng chi phí của mình sẽ đảm bảo Bên B được cung cấp đầy đủ cơ sở hạ tầng theo yêu cầu của Bên B cho mục đích xây dựng và hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đầu tư của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn sau:

+ Đường nội bộ: Đường nội bộ trong Khu công nghiệp phải rộng ít nhất 8 mét, là đường trải nhựa nối thẳng ra đường tỉnh lộ gần nhất cho giao thông thông suốt;

+ Lắp đặt điện chiếu sáng, cây xanh giáp ranh khu đất;

+ Hệ thống cung cấp điện: Bên A sẽ hỗ trợ thủ tục cho Bên B trong việc lắp đặt hệ thống điện 22 KV. Bằng chi phí của mình, Bên A đảm bảo rằng đường dây điện 22 KV sẽ được lắp đặt dọc xung quanh hàng rào khu đất, đảm bảo rằng Bên B

Scanned with CamScanner

có thể lắp đặt hệ thống tủ điện để chuyển điện vào nhà máy. Bên A sẽ hỗ trợ Bên B ký hợp đồng cung cấp điện với Công ty điện đảm bảo cung cấp đủ và đúng thời gian với những điều khoản hợp lý;

+ Hệ thống cung cấp nước: Bằng chi phí của mình, Bên A đảm bảo rằng hệ thống cung cấp nước sẽ được cung cấp dọc đường nội bộ giáp ranh khu đất. Bên A sẽ hỗ trợ Bên B ký hợp đồng cung cấp nước với Công ty cấp nước đảm bảo cung cấp đủ và đúng thời gian với những điều khoản hợp lý;

+ Hệ thống thoát nước: Bằng chi phí của mình, Bên A sẽ cung cấp hệ thống thoát nước ngầm dọc đường nội bộ giáp ranh khu đất để đảm bảo việc thoát nước của Bên B sẽ được nối trực tiếp với hệ thống thoát nước chung;

+ Hệ thống viễn thông: Bằng chi phí của mình, Bên A đảm bảo rằng hệ thống viễn thông sẽ được cung cấp dọc đường nội bộ giáp ranh khu đất;

+ Khu vực chung: Bên A sẽ thực hiện công việc duy tu đều đặn cũng như thực hiện việc sửa chữa ngay khi có yêu cầu của Bên B để đảm bảo an ninh, vệ sinh, cây xanh, chiếu sáng, biển báo chung trong Khu công nghiệp.

- Bên A sẽ cung cấp lực lượng an ninh và bảo vệ để đảm bảo an ninh và phân luồng giao thông trong khu vực chung ngay phía ngoài khu đất;

- Bên A sẽ hỗ trợ Bên B chuẩn bị các hồ sơ liên quan đến việc xây dựng và vận hành nhà máy (bao gồm nhưng không giới hạn tới giấy phép xây dựng, báo cáo đánh giá tác động môi trường nếu được yêu cầu) nhằm giúp Bên B triển khai dự án;

- Bên A sẽ thực hiện các công việc cần thiết để hỗ trợ Bên B nộp hồ sơ xin hưởng miễn giảm thuế giá trị gia tăng theo đúng các quy định hiện hành.

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên B đưa đất vào sử dụng đúng thời hạn, chấm dứt ngay việc sử dụng đất thuê lại không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất. Nếu Bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này, yêu cầu Bên B hoàn trả đất, bồi thường thiệt hại và Bên A không phải hoàn trả bất cứ khoản tiền nào đã nhận.

ĐIỀU 7:
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Xây dựng các công trình trên thửa đất thuê lại sau khi ký hợp đồng chính thức theo đúng thời hạn xây dựng đã cam kết trong dự án với chủ đầu tư, không quá 2 năm kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, bên B phải xây dựng hoàn thiện công trình trên diện tích đất thuê lại, theo đúng mục đích sử dụng đất, đúng thời hạn thuê lại và đúng giấy phép xây dựng. trong trường hợp bên B không xây dựng theo đúng như tiến độ đã cam kết

Scanned with CamScanner

trong dự án với chủ đầu tư, bên A sẽ áp dụng các điều khoản quy định hình thức xử phạt theo như luật hiện hành quy định về việc sử dụng đất thuê lại trong Khu Công Nghiệp.

- Sử dụng đất thuê lại đúng mục đích; đúng thời hạn;

- Không được huỷ hoại đất thuê lại; không vi phạm các quy định khác của Luật đất đai;

- Thanh toán trước tiền thuê lại theo phương thức đã thoả thuận;

- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

- Không được cho thuê lại quyền sử dụng đất đối với người khác;

- Trả lại đất cho Bên B sau khi hết thời hạn thuê lại.

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất có đầy đủ hạ tầng đúng như đã thoả thuận;
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận.
- Được quyền thế chấp Quyền sử dụng đất tại ngân hàng.
- Được quyền thay đổi mục đích sử dụng đất ban đầu nhưng phải tuân thủ đúng theo Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy phép đăng ký kinh doanh của Bên B và phù hợp với các ngành nghề được phê duyệt trong đánh giá tác động môi trường của Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú.
- Bên B có thể bán toàn bộ hay một phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trên Khu đất thuê trên cơ sở tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam và được sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản. Khi đó Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao và Bên nhận chuyển nhượng (Bên thứ 3) phải ký một Hợp đồng thuê lại đất khác với Bên A trên cơ sở tuân thủ các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất này.
- Đồng thời hai bên có các quyền và nghĩa vụ theo như luật hiện hành quy định.

ĐIỀU 8:
VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ LẠI ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

- Việc đăng ký cho thuê lại đất, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê tại cơ quan có thẩm quyền do Bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

- Lệ phí liên quan đến việc đăng ký cho thuê lại đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê theo Hợp đồng này do bên A chịu trách nhiệm nộp.

- Sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Chi phí 1 cho Bên A thì Bên A sẽ làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng khu đất thuê lại cho Bên B và giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng khu đất thuê lại cho Bên B.

ĐIỀU 9:

Scanned with CamScanner

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau. Trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Toà án có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10:
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- Những thông tin về nhân thân, thửa đất và kết cấu hạ tầng đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

- Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê lại theo quy định của pháp luật. Quyền sử dụng đất của khu đất có thể được sử dụng như tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Bên B tại các Tổ chức tín dụng theo quy định;

- Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này và trong suốt thời hạn thuê của Hợp đồng:

  + Thửa đất cho thuê lại không có tranh chấp (trừ lỗi của Bên B gây ra tranh chấp);

  + Quyền sử dụng đất, kết cấu hạ tầng hiện không bị và sẽ không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

- Không cho bất kỳ bên thứ ba nào khác thuê lại khu đất (trừ khi đất được cấp GCNQSDĐ cho Bên B và giấy phép được cơ quan nhà nước cấp, bên B có đăng ký ngành nghề kinh doanh cho thuê lại nhà xưởng);

- Không cầm cố, thế chấp, hoặc ký kết bất kỳ giao dịch bảo đảm nào đối với khu đất khi Bên B chưa được cấp GCNQSDĐ;

- Bên A sẽ ưu tiên cho Bên B được quyền gia hạn thời hạn thuê của khu đất khi hết hạn thời hạn thuê theo quy định. Giá thuê và các điều khoản khác liên quan đến việc gia hạn sẽ được Bên A và Bên B thảo luận trên tinh thần thiện chí. Trong trường hợp Bên A không tiếp tục thuê khu đất từ Nhà nước thì Bên A sẽ hỗ trợ Bên B thực hiện việc thuê khu đất trực tiếp từ Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Trong trường hợp Bên A không khắc phục được vi phạm (nếu có) hoặc không thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này trong một khoảng thời gian hợp lý thì Bên B sẽ có quyền chấm dứt Hợp đồng này và Bên A sẽ phải bồi thường cho Bên B mọi khoản lỗ, thiệt hại về kinh tế, và/hoặc doanh thu, và/hoặc lợi nhuận, và/hoặc kinh

Scanned with CamScanner

doanh hoặc thiệt hại về hải quan mà Bên B phải chịu liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Bên A.

- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan:

- Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

- Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất thuê lại và kết cấu hạ tầng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng;

- Đưa đất vào sử dụng đúng quy định;

- Được đơn phương chấm dứt Hợp đồng này với bất kỳ lý do gì nhưng vẫn phải thanh toán toàn bộ các Chi phí nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này cho Bên A;

- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

- Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 11:
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- Hợp đồng này có giá trị từ ngày công chứng.

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này. Hợp đồng này được lập thành 11 bản giống nhau, mỗi bên giữ 5 bản, Tổ chức hành nghề công chứng lưu giữ 01 bản chính.

Bên A	**Bên B**
CÔNG TY CỔ PHẦN KCN BẮC ĐỒNG PHÚ	**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT HONEST BEST VIỆT NAM**
TỔNG GIÁM ĐỐC	
PHẠM PHI ĐIỀU	**SHENG, HAIJUN**

SHENG,HAIJUN

Tôi cam đoan đã dịch chính xác, đã cho ông Sheng, Haijun nghe, hiểu và đồng ý ký tên vào hợp đồng này

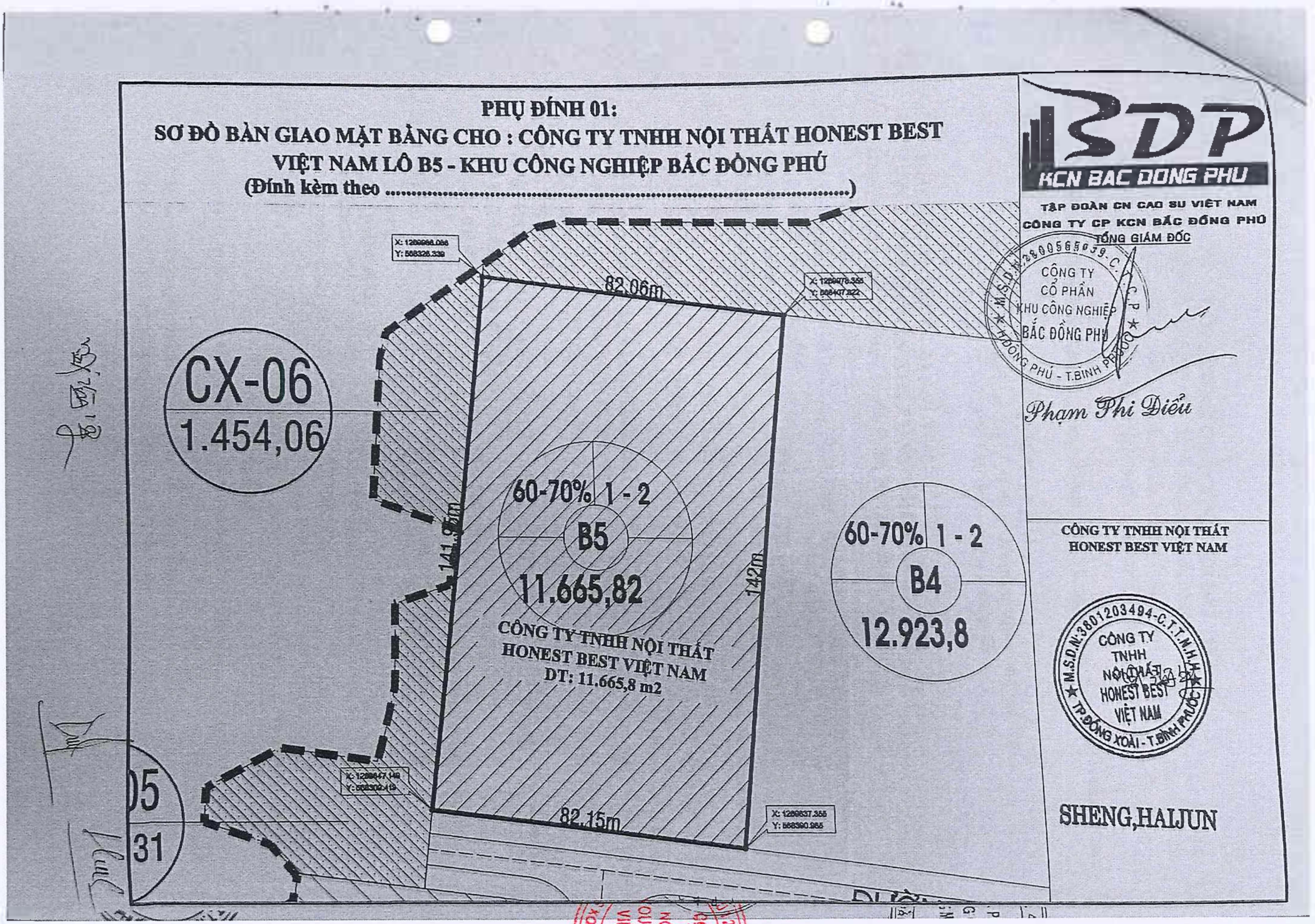
Dương Thị Mỹ Duyên

Scanned with CamScanner

PHỤ ĐÍNH 01:

SƠ ĐỒ BÀN GIAO MẶT BẰNG CHO : CÔNG TY TNHH NỘI THẤT HONEST BEST VIỆT NAM LÔ B5 - KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

(Đính kèm theo .....)



Scanned with CamScanner

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 10 tháng 7 năm 2019 (Ngày mười, tháng bảy, năm hai ngàn không trăm mười chín), tại Văn phòng công chứng Hoàng Mai Khanh, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: đường Hùng Vương, khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Tôi, **Hoàng Thị Mai Khanh**, Công chứng viên Văn phòng công chứng Hoàng Mai Khanh, tỉnh Bình Phước.

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp
Số: 06/2019/HĐ-BDP được giao kết giữa:

I/ BÊN CHO THUÊ LẠI *(Gọi tắt là Bên A)*:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Địa chỉ: Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Mã số doanh nghiệp: 3800565639.

Số tài khoản: 5601201002420 tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Tây Bình Phước.

Điện thoại: 02713.834.666 Fax: 02713.833.838

Người đại diện ông : **PHẠM PHI ĐIỀU**

Chứng minh nhân dân số : **285 345 089**

Nơi cấp : Công an Bình Phước Cấp ngày 06/03/2008

Chức danh : TỔNG GIÁM ĐỐC

(Văn bản ủy quyền số 36°/UQ-BDP ngày 01/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị)

II/ BÊN THUÊ LẠI *(Gọi tắt là Bên B)*:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT HONEST BEST VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Giấy ĐKKD: 3801203494 cấp ngày 02/7/2019, nơi cấp Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

Người đại diện ông : **SHENG, HALJUN**

Hộ chiếu số : **E73183286** Cấp ngày 01/09/2016

Nơi cấp : Cục xuất nhập cảnh Trung Quốc

Chức danh : TỔNG GIÁM ĐỐC

Người phiên dịch:

Họ và tên : **TRƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN**

Chứng minh nhân dân số : **285 360 395**

Nơi cấp : Công an Bình Phước Cấp ngày 20/10/2011

Địa chỉ : An Lương, Long Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

(Căn cứ Hợp đồng lao động số: 01/HĐLĐ ngày 15/6/2019)

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng này;
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

Scanned with CamScanner

- Mục đích, nội dung của Hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã tự soạn thảo và đọc lại toàn bộ dự thảo Hợp đồng này, đồng ý toàn bộ nội dung dự thảo Hợp đồng, đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước mặt tôi;

- Hợp đồng này được lập thành 11 bản chính (mỗi bản chính gồm 13 tờ, 13 trang có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 05 bản chính, bên B giữ 05 bản chính, 01 bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Hoàng Mai Khanh, tỉnh Bình Phước).

Số công chứng.....1984....., quyển số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD.

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 49 - C.T.H.Đ
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG MAI KHANH
TP.ĐỒNG XOÀI - T.BÌNH PHƯỚC

Hoàng Thị Mai Khanh

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Nội thất Honest Best Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801203494 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 02/07/2019.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

CT 814252

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất **III.**

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 26 , tờ bản đồ số: Khu A (KCN Bắc Đồng Phú)

b) Địa chỉ: lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

c) Diện tích: 11.665,8 m², (bằng chữ: mười một nghìn sáu trăm sáu mươi lăm phẩy tám mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 23/11/2059

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

Bình Phước, ngày 29 tháng 11 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lê Hoàng Lâm

Số vào sổ cấp GCN: CT.....12578.....

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 516 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 18 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, diện tích 189,053369 ha (bổ sung ngành nghề thu hút vào Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài và thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, diện tích 189,053369 ha (bổ sung ngành nghề thu hút vào Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài và thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 11/BĐP-CNMT ngày 17/01/2022, Công văn số 25/BĐP-CNMT ngày 08/3/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 101/TTr-STNMT ngày 10/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, diện tích 189,053369 ha (bổ sung ngành nghề thu hút vào Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng

Xoài và thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án và thực hiện các nội dung khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và thực hiện các nội dung khác theo quy định hiện hành.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, diện tích 189,053369 ha tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài và thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND xã Tiến Hưng, Chủ tịch UBND thị trấn Tân Phú, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT(BH-22-QĐPD-16/3).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ, DIỆN TÍCH 189,053369 HA (BỔ SUNG NGÀNH NGHỀ THU HÚT VÀO KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ) TẠI XÃ TIẾN HƯNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI VÀ THỊ TRẤN TÂN PHÚ, HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số ....546.../QĐ-UBND ngày ..11./..3../2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, diện tích 189,053369 ha (bổ sung ngành nghề thu hút vào Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài và thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư.

1.2. Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú.

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3800565639 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 21/5/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 01/7/2021.

Trụ sở chính: Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phi Điều, chức vụ: Tổng Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài và thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước .

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 189,053369 ha.

1.5. Công nghệ của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Đất nhà máy xí nghiệp, kho tàng, đất thương mại dịch vụ, đất hành chính quản lý, đất hành chính dịch vụ, đất hạ tầng kỹ thuật, đất cây xanh, đất giao thông, đất Công ty TNHH L.C Buffalo.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp: Gồm bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và từ các máy móc thi công; khí

thải từ hoạt động cơ khí; bụi, khí thải từ quá trình thi công; bụi, khí thải từ các nhà máy hiện hữu; nước thải sinh hoạt của công nhân và nước thải sản xuất từ các nhà máy trong Khu công nghiệp; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân trong Khu công nghiệp; chất thải rắn sản xuất không nguy hại và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn bổ sung ngành nghề:* Gồm bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án; bụi, khí thải từ các nhà máy trong Khu công nghiệp; nước thải sinh hoạt của công nhân trong Khu công nghiệp; nước thải sản xuất từ các nhà máy trong Khu công nghiệp; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất không nguy hại và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp:

- *Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình thi công các nhà máy:* Thành phần ô nhiễm chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

- *Nước thải sinh hoạt từ văn phòng, nhà điều hành quản lý của Khu công nghiệp:* Lưu lượng phát sinh khoảng 09 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là BOD_5, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform...

- *Nước thải sản xuất từ các nhà máy hiện hữu:* Lưu lượng phát sinh khoảng 750 – 850 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là nhiệt độ, độ màu, pH, BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, thủy ngân, đồng, kẽm, sắt...

2.2.2. Trong giai đoạn bổ sung ngành nghề:

- *Nước thải sinh hoạt từ văn phòng, nhà điều hành quản lý của Khu công nghiệp:* Lưu lượng phát sinh khoảng 11 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là BOD_5, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform...

- *Nước thải sản xuất từ các nhà máy:* Lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 1.133,22 – 1.233,22 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là nhiệt độ, độ màu, pH, BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, thủy ngân, đồng, kẽm, sắt...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp:

- *Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng các nhà máy trong Khu công nghiệp:* Thành phần chủ yếu là bụi, NO_x, HC, CO.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và quá trình thi công xây dựng các nhà máy trong Khu công nghiệp:* Thành phần chủ yếu

là bụi, SO_2, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông trong Khu công nghiệp:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO_2, NO_2, CO.

- *Bụi, khí thải từ các nhà máy hiện hữu:* Khí thải chứa các thành phần ô nhiễm chủ yếu như bụi, SO_2, NO_2, CO_x, H_2S, hơi dung môi…

- *Mùi hôi phát sinh từ nhà máy xử lý nước thải hiện hữu:* Thường chứa các thành phần như CH_4, SO_2, H_2S, mercaptan…

2.3.2. Trong giai đoạn bổ sung ngành nghề:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào Dự án:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO_2, NO_2, CO.

- *Bụi, khí thải từ các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp:* Khí thải chứa các thành phần ô nhiễm chủ yếu như bụi, SO_2, NO_2, CO_x, H_2S, hơi dung môi…

- *Mùi hôi phát sinh từ nhà máy xử lý nước thải tập trung:* Thường chứa các thành phần như CH_4, SO_2, H_2S, mercaptan…

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Khối lượng phát sinh khoảng 60 – 100 kg/ngày và giảm dần trong cuối quá trình xây dựng; thành phần chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, gỗ, xà bần, bao bì đựng vật liệu…

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thi công, xây dựng các nhà máy trong Khu công nghiệp khoảng 40 – 80 kg/ngày; chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại văn phòng, nhà máy xử lý nước thải tập trung khoảng 40,32 kg/ngày và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp khoảng 08 tấn/ngày; thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, giấy, vỏ đồ hộp, ni lông… Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

- *Chất thải rắn sản xuất không nguy hại:* Chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh của các nhà máy hiện hữu khoảng 2,6 tấn/ngày; thành phần chủ yếu là dăm gỗ, mùn cưa, phế liệu, phế phẩm, phụ liệu, bao bì chứa nguyên liệu, sản phẩm hỏng, carton thải, bao bì, giẻ lau…

2.4.2. Trong giai đoạn bổ sung ngành nghề của Dự án:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thi công, xây dựng các nhà máy trong Khu công nghiệp khoảng 40 – 80 kg/ngày; chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại văn phòng, nhà máy xử lý nước thải tập trung khoảng 40,32 kg/ngày và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các nhà máy thứ cấp

trong Khu công nghiệp khoảng 8,8 tấn/ngày; thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, giấy, vỏ đồ hộp, ni lông... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

- *Chất thải rắn sản xuất không nguy hại:* Chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh của các nhà máy hiện hữu khoảng 4,08 – 4,72 tấn/ngày; thành phần chủ yếu là dăm gỗ, mùn cưa, phế liệu, phế phẩm, phụ liệu, bao bì chứa nguyên liệu, sản phẩm hỏng, carton thải, bao bì, giẻ lau, các sản phẩm hư hỏng thải...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp:

- *Chất thải nguy hại:* Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công khoảng 20 kg/tháng; khối lượng chất thải nguy hại từ nhà máy xử lý nước thải tập trung hiện hữu khoảng 142 kg/năm và khối lượng chất thải nguy hại từ hoạt động hiện hữu của các nhà máy trong Khu công nghiệp khoảng 300 kg/ngà bao gồm nhớt thải; bao bì chứa dầu nhớt; giẻ lau; bóng đèn huỳnh quang thải; hộp mực in thải; pin, ắc quy chì thải...

- *Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện hữu:* Phát sinh khoảng dưới 50 kg/ngày.

2.5.2. Trong giai đoạn bổ sung ngành nghề của Dự án:

- *Chất thải nguy hại:* Lượng chất thải nguy hại từ trạm xử lý nước thải tập trung khoảng 200 – 300 kg/năm và lượng chất thải nguy hại từ hoạt động của các nhà máy thứ cấp phát sinh khoảng 560 kg/ngày bao gồm dầu nhớt thải; bóng đèn huỳnh quang thải; hộp mực in thải; pin, ắc quy chì thải; bao bì thải bằng nhựa; giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì đựng hóa chất...

- *Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:* Khối lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải dưới 50 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng:* Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom vào hố lắng tạm sơ bộ bằng đất. Bụi, đất, cát... có trong nước thải được lắng xuống, phần nước sau lắng được tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông, tưới đường.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:*

Nước thải sinh hoạt từ các công nhân tham gia thi công các nhà máy thứ cấp được thu gom và xử lý bằng các nhà vệ di động. Khi các hầm chứa tại các nhà vệ sinh di động đầy, Chủ đầu tư các nhà máy thứ cấp thuê đơn vị có chức năng đến

thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Nước thải sinh hoạt tại các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp được xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân vận hành tại nhà máy xử lý nước thải tập trung và khu văn phòng của Khu công nghiệp được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó đấu nối về hệ thống xử lý tập trung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất từ các nhà máy thứ cấp sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu A có công suất thiết kế 2.000 m^3/ngày.đêm (tuy nhiên, Chủ Dự án chỉ thực hiện lắp đặt thiết bị và vận hành hệ thống với công suất 1.500 m^3/ngày.đêm).

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho việc trộn bê tông, tưới đường. Nước thải sản xuất phải được thu gom, xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để được xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT với hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$ trước khi xả ra suối Rạt.

3.1.2. Trong giai đoạn bổ sung ngành nghề:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt tại các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp được xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu A có công suất thiết kế 2.000 m^3/ngày.đêm (tuy nhiên, Chủ Dự án chỉ thực hiện lắp đặt thiết bị và vận hành hệ thống với công suất 1.500 m^3/ngày.đêm).

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân vận hành tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung và khu văn phòng của Khu công nghiệp được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó đấu nối về hệ thống xử lý tập trung để tiếp tục xử lý.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất từ các nhà máy thứ cấp sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu A có công

suất thiết kế 2.000 m^3/ngày.đêm (tuy nhiên, Chủ Dự án chỉ thực hiện lắp đặt thiết bị và vận hành hệ thống với công suất 1.500 m^3/ngày.đêm). Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu A đáp ứng được nhu cầu xử lý của cả khu B.

Trong quá trình hoạt động của Dự án, khi các doanh nghiệp thứ cấp phát sinh lượng nước thải với khối lượng bằng 85% công suất 1.500 m^3/ngày.đêm thì Chủ Dự án triển khai lắp đặt thiết bị của 500 m^3/ngày.đêm còn lại để đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Khu công nghiệp.

Chủ Dự án đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có quy trình công nghệ như sau: Nước thải → Bể gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể anoxic và bể hiếu khí → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Bể trung gian → Mương quan trắc nước thải tự động, liên tục. Nếu nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số k_q = 0,9, k_f = 1,0 sẽ chảy về bể chứa nước thải sau xử lý; nước thải không đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số k_q = 0,9, k_f = 1,0 sẽ được bơm lên bể lọc áp lực để tiếp tục xử lý rồi chảy về bể chứa nước thải sau xử lý. Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số k_q = 0,9, k_f = 1,0 sau đó xả ra suối Rạt. Chủ Dự án đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định hiện hành.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

STT	Hạng mục	Kích thước (m)				Số lượng	Vật liệu xây dựng
		Dài	Rộng	Sâu	Cao		
1	Bể gom nước thải khu A	6,8	5,8	7,58	01	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
2	Bể gom nước thải khu B	08	04	4,5	01	01	
3	Bể tách dầu mỡ	3,6	3,6	2,5	03	01	
4	Bể điều hòa	19	06	2,5	03	01	
5	Bể keo tụ	1,7	1,7	2,5	03	01	
6	Bể tạo bông	2,5	2,5	2,5	03	01	
7	Bể lắng sơ cấp	20	4,4	2,5	03	01	
8	Bể anoxic	5,5	1,7	2,5	2,5	04	
9	Bể aerotank	11,6	5,5	2,5	2,5	04	
10	Bể lắng thứ cấp	22,9	7,1	2,5	2,5	01	
11	Bể khử trùng	4,5	3,8	2,5	1,5	01	
12	Bể trung gian	4,5	4,5	2,5	1,5	01	
13	Mương quan trắc	4,5	0,5	0	01	01	
14	Bể nén bùn	4,5	4,5	2,5	1,5	01	
15	Hồ chứa nước thải sau xử lý	- Diện tích đáy hồ: 20 m x 20 m - Diện tích mặt hồ: 30 m x 30 m - Chiều sâu: 05 m				01	Hồ đất, lót bạt HDPE
16	Hồ chứa nước phòng ngừa sự cố	- Diện tích đáy hồ: 23 m x 45 m - Diện tích mặt hồ: 30,6 m x 52,6 m - Chiều sâu: 3,8 m				01	Hồ đất, lót bạt HDPE

17	Cột lọc	- Đường kính: 02 m - Chiều cao: 2,4 m	Thép CT3 dày 05 – 06 mm, phủ epoxy

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Khu công nghiệp đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$ sau đó xả ra suối Rạt.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật…

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và từ các máy móc thi công xây dựng các nhà máy trong Khu công nghiệp:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa…

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp:* Tùy thuộc vào công nghệ sản xuất, từng nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp đều tự trang bị hệ thống xử lý khí thải đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông tại Khu công nghiệp:* Đảm bảo diện tích trồng cây xanh theo quy định; ưu tiên sử dụng các phương tiện có thùng kín; bố trí hợp lý về thời gian lưu thông…

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải tập trung:* Thường xuyên vệ sinh các tuyến đường; thường xuyên kiểm tra, giám sát môi trường xung quanh tại khu vực; vận hành và kiểm soát nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm tránh sự cố xảy ra gây ra các mùi khó chịu…

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải từ các nhà máy thứ cấp hiện hữu phải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định hiện hành trước khi xả ra môi trường.

3.2.2. Trong giai đoạn bổ sung ngành nghề:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông tại Khu công nghiệp: Đảm bảo diện tích trồng cây xanh theo quy định; ưu tiên sử dụng các phương tiện có thùng kín; bố trí hợp lý về thời gian lưu thông...

- Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp: Tùy thuộc vào công nghệ sản xuất, từng nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp đều tự trang bị hệ thống xử lý khí thải đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải tập trung: Thường xuyên vệ sinh các tuyến đường; thường xuyên kiểm tra, giám sát môi trường xung quanh tại khu vực; vận hành và kiểm soát nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm tránh sự cố xảy ra gây ra các mùi khó chịu...

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải từ các nhà máy thứ cấp trong khu công nghiệp phải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định của pháp luật hiện hành trước khi xả ra môi trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động của Khu công nghiệp hiệu hữu:

- Chất thải rắn xây dựng: Thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Đối với các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

Đối với Chủ hạ tầng Khu công nghiệp: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng HDPE có dung tích 240 lít sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom với tần suất 01 lần/ngày và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại:

Đối với các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp: Mỗi doanh nghiệp tùy

theo loại hình và quy mô hoạt động thực hiện xây dựng kho chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Đối với Chủ hạ tầng Khu công nghiệp: Thu gom chất thải rắn công nghiệp không nguy hại sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, xử lý theo đúng quy định hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn bổ sung ngành nghề:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Đối với các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

Đối với Chủ hạ tầng Khu công nghiệp: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng HDPE có dung tích 240 lít sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom với tần suất 01 lần/ngày và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại:

Đối với các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp: Mỗi doanh nghiệp tùy theo loại hình và quy mô hoạt động thực hiện xây dựng kho chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Đối với Chủ hạ tầng Khu công nghiệp: Thu gom chất thải rắn công nghiệp không nguy hại sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp:

- Chất thải nguy hại trong giai đoạn xây dựng nhà máy thứ cấp: Chủ đầu tư của các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp thu gom, lưu trữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy thứ cấp hiện hữu trong Khu công nghiệp: Mỗi doanh nghiệp tùy theo loại hình và quy mô hoạt động xây dựng kho chứa để thu gom chất thải rắn nguy hại vào các thùng chứa thích hợp sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Chủ hạ tầng Khu công nghiệp: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 55,25 m^2 kết cấu tường

gạch, mái lợp tôn, nền bê tông (dán biển cảnh báo khu lưu trữ chất thải nguy hại, thiết bị phân loại và dán mã số của từng loại chất thải nguy hại), có rãnh và hố thu gom phòng ngừa sự cố tràn đổ chất thải lỏng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải hiện hữu:* Chủ Dự án thực hiện thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn bổ sung ngành nghề:

- *Chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp:* Mỗi doanh nghiệp tùy theo loại hình và quy mô hoạt động xây dựng kho chứa để thu gom chất thải nguy hại vào các thùng chứa thích hợp sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Chủ hạ tầng Khu công nghiệp:* Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 55,25 m^2 kết cấu tường gạch, mái lợp tôn, nền bê tông (dán biển cảnh báo khu lưu trữ chất thải nguy hại, thiết bị phân loại và dán mã số của từng loại chất thải nguy hại), có rãnh và hố thu gom phòng ngừa sự cố tràn đổ chất thải lỏng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:* Chủ Dự án thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Dự án. Bố trí các thiết bị, máy móc làm việc ở khoảng cách hợp lý, tránh tập trung tiếng ồn trong khu vực. Sử dụng các loại xe chuyên dụng hiện đại, ít gây tiếng ồn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực thi công, thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt thừa từ các nhà máy hiện hữu trong Khu công nghiệp:* Trồng cây xanh, phun nước tưới đường; thiết kế nhà xưởng cao và có các giải pháp thông gió tự nhiên; lắp đặt các tấm cách nhiệt; bố trí quạt thông gió dọc theo nhà xưởng và các quạt công nghiệp; bố trí các chụp hút trên trần mái...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội:* Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của

công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy chuẩn hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp.

3.5.2. Trong giai đoạn bổ sung ngành nghề:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; máy móc vận hành đúng theo công suất thiết kế...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt thừa từ các nhà máy trong Khu công nghiệp:* Trồng cây xanh; thiết kế nhà xưởng cao và có các giải pháp thông gió tự nhiên; lắp đặt các tấm cách nhiệt; bố trí quạt thông gió dọc theo nhà xưởng và các quạt công nghiệp; bố trí các chụp hút trên trần mái...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn bổ sung ngành nghề:

- *Biện pháp khắc phục đối với hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đều có thiết bị dự phòng; định kỳ lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý...

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002 – Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

- Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án: Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm; cấp giấy phép môi trường cho Dự án để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn triển khai xây dựng và hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO_2, NO_2, CO.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

5.1.3. Chương trình giám sát đối với hoạt động hiện hữu của Khu công nghiệp:

5.1.3.1. Giám sát nước thải:

* *Giám sát định kỳ:*

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào tại hố ga thu nước của hệ thống xử lý nước thải tập trung và 01 vị trí đầu ra sau xử lý tại cửa xả nước thải của hệ thống xử lý

nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, độ màu, TSS, BOD_5, COD, tổng nitơ, tổng photpho, tổng dầu mỡ khoáng, Fe, Hg, As, coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1$.

* *Giám sát tự động, liên tục:*

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, amoni.

- *Tần suất giám sát:* Liên tục, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước theo quy định hiện hành.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1$.

5.1.3.2. Giám sát môi trường nước mặt:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại suối Rạt cách vị trí xả thải 200 m về phía Bắc và 01 điểm tại suối Rạt cách vị trí xả thải 200 m về phía Nam.

- *Thông số giám sát:* pH, DO, BOD_5, COD, TSS, NO_3^-, amoni, coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.3.3. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực hệ thống xử lý nước thải khu A.

- *Thông số giám sát:* As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép một số kim loại nặng trong đất.

5.1.3.4. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Theo các quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn bổ sung ngành nghề:

5.2.1. Giám sát nước thải:

** Giám sát định kỳ:*

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào tại hố ga thu nước của hệ thống xử lý nước thải tập trung và 01 vị trí đầu ra sau xử lý tại cửa xả nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, độ màu, TSS, BOD_5, COD, tổng nitơ, tổng photpho, tổng dầu mỡ khoáng, Fe, Hg, As, coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1$.

** Giám sát tự động, liên tục:*

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COL, amoni.

- *Tần suất giám sát:* Liên tục, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước theo quy định hiện hành.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1$.

5.2.2. Giám sát môi trường nước mặt:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại suối Rạt cách vị trí xả thải 200 m về phía Bắc và 01 điểm tại suối Rạt cách vị trí xả thải 200 m về phía Nam.

- *Thông số giám sát:* pH, DO, BOD_5, COD, TSS, NO_3^-, amoni, coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.2.3. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực hệ thống xử lý nước thải khu A.

- *Thông số giám sát:* As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép một số kim loại nặng trong đất.

5.2.4. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông

thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Theo các quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

6.1. Chủ Dự án phải thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Chủ Dự án chỉ tiếp nhận vào Khu công nghiệp các Dự án đầu tư thuộc các ngành nghề như đã đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Trường hợp có nguyện vọng thu hút các Dự án thuộc các ngành nghề khác với ngành nghề như đã đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt vào Khu công nghiệp, Chủ Dự án phải báo cáo UBND tỉnh Bình Phước và chỉ thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

6.3. Nước thải của các dự án thứ cấp đầu tư vào Khu công nghiệp phải được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

6.4. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.5. Chủ Dự án phải định kỳ thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

6.6. Các Dự án thứ cấp đầu tư vào Khu công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định.

6.7. Chủ Dự án phải thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 789/CV-UBND ngày 30/11/2021 của UBND xã Tiến Hưng và Công văn số 547/UBND-KT ngày 30/11/2021 của UBND thị trấn Tân Phú về việc ý kiến tham vấn Báo cáo ĐTM Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, diện tích 189,053369 ha và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 25/11/2021 tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài và thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.8. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.9. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

6.10. Chủ Dự án phải thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2852 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 05 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường với công suất 5.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế với công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa với công suất 10.000 sản phẩm/năm" do Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam làm Chủ đầu tư tại lô B4 KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường với công suất 5.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế với công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa với công suất 10.000 sản phẩm/năm" họp ngày 11/5/2021 tại Hội trường Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường với công suất 5.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế với công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa với công suất 10.000 sản phẩm/năm" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 251021/CVCS-YC ngày 25/10/2021 của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 79/TTr-BQL ngày 02/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường với công suất 5.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế với công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa với công suất 10.000 sản phẩm/năm" (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam (sau đây gọi là Chủ Dự án) làm Chủ đầu tư tại lô B4 KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt

Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- UBND xã Tiến Hưng;
- Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT(BH-78-QĐPD-03/11).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 7070 Quyển số: 4 SCT/BS
Ngày:.....
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG TÂN THÀNH

Vũ Ngọc Dung

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN: "NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GIƯỜNG VỚI CÔNG SUẤT 5.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM TỦ VỚI CÔNG SUẤT 10.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM BÀN VỚI CÔNG SUẤT 10.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GHẾ VỚI CÔNG SUẤT 100.000 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM SOFA VỚI CÔNG SUẤT 10.000 SẢN PHẨM/NĂM" DO CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI LÔ B4 KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, XÃ TIẾN HƯNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2152.../QĐ-UBND ngày 05/11../2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường với công suất 5.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế với công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa với công suất 10.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô B4, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

Địa chỉ liên hệ: Lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường với công suất 5.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế với công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa với công suất 10.000 sản phẩm/năm" được thực hiện trên diện tích mặt đất 12.923,8 m^2 tại lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính: Nhà xưởng 1, nhà xưởng 2 và kho, nhà văn phòng và sảnh đón, nhà bảo vệ, bể nước ngầm phòng cháy chữa cháy, nhà xe 02 bánh, trạm điện.

- Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại, hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình gia công, hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình chà nhám, hệ thống xử lý khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn, hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình sản

xuất, kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, kho chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại, kho chứa chất thải nguy hại.

- Đường giao thông nội bộ, sân; cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

a) Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế:

Gỗ nguyên liệu → Gia công gỗ → Chà nhám chi tiết gỗ (1)

Ván nguyên liệu → Gia công ván → Chà nhám chi tiết ván (2)

(1) + (2) → Lắp ráp thành phẩm → Chà nhám thành phẩm → Sơn và làm khô → Đóng gói → Nhập kho và xuất hàng.

b) Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm sofa:

Vải, da nguyên liệu → Cắt → May (1)

Gỗ, ván ép nguyên liệu → Gia công, đục lỗ → Lắp ráp → Cắt và dán mút (2)

(1) + (2) → Lắp ráp thành phẩm → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị: Gồm bụi từ quá trình đào hố móng; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và máy móc thiết bị; khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình xây dựng và lắp đặt thiết bị; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn từ quá trình xây dựng và lắp đặt thiết bị; chất thải nguy hại quá trình xây dựng và lắp đặt thiết bị.

- Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Gồm bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy; bụi gỗ từ quá trình gia công, chà nhám; khí thải từ khu vực sơn; hơi keo từ quá trình sản xuất; bụi từ quá trình cắt, may; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất không nguy hại; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng khoảng 2,3 m^3/ngày. Nước thải chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: pH, BOD_5 (20^0C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H_2S), amoni (tính theo N), nitrat (NO_3^-) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), tổng coliforms.

- Nước thải xây dựng: Gồm nước rửa máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ thi công... với lưu lượng phát sinh khoảng 5,2 m^3/ngày. Thành phần chính trong nước thải xây dựng chứa chủ yếu là bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng khoảng 25 m^3/ngày. Nước thải chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: pH, BOD_5 (20^0C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS),

tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H_2S), amoni (tính theo N), nitrat (NO_3^-) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), tổng coliforms.

- *Nước thải sản xuất:* Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

- *Bụi từ quá trình đào hố móng:* Bụi thô, có kích thước lớn.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị:* Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, VOC.

- *Khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình:* Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là bụi, khói hàn, VOC.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy:* Thành phần khí thải bao gồm bụi, NO_x, CO, THC...

- *Bụi gỗ từ quá trình gia công, chà nhám:* Thành phần khí thải chủ yếu là bụi.

- *Khí thải từ khu vực sơn:* Thành phần khí thải chủ yếu là bụi sơn, butyl acetate, isobutanol, butanol, xylene, toluene…

- *Hơi keo từ quá trình sản xuất:* Thành phần khí thải chủ yếu là vinyl acetate, methyl methacrylate, hydroquinone, cyclohexane, etylacrilat…

- *Bụi từ quá trình cắt, may:* Thành phần khí thải chủ yếu là bụi.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

- *Chất thải rắn từ quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:* Phát sinh khoảng 100,8 tấn trong suốt quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị, chủ yếu là pallet thải, sắt thép vụn, vật liệu xây dựng thải, bao bì đựng vật liệu…

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 26 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Khối lượng phát sinh như sau:

Khoảng 9.176 kg/năm, thành phần gồm pallet thải; giấy văn phòng; bao bì thừa; kính vỡ; thanh trượt kim loại, ngũ kim thải; giấy nhám thải; da vụn, vải vụn, mút xốp thừa, chỉ thừa; mặt đá bể, bồn rửa tay hư…

Khoảng 15.174,6 kg/tháng, thành phần gồm mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván, gỗ dán vụn thải, bụi gỗ sau hệ thống xử lý bụi (trường hợp kết quả phân định là chất thải rắn công nghiệp thông thường).

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 288,6 kg/ngày, gồm bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

Khối lượng phát sinh khoảng 10,5 kg/tháng, chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, bao bì mềm thải, bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia), que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại: Khối lượng phát sinh như sau:

Khoảng 9.982,1 kg/tháng, thành phần gồm bóng đèn huỳnh quang thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, vải, bao tay nhiễm các thành phần nguy hại và màng lọc bụi sơn thải); dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; hộp mực in thải; pin, ắc quy thải; mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có chứa keo; bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng đựng sơn, dung môi pha sơn); bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng đựng sơn); than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải…

Khoảng 15.174,6 kg/tháng, thành phần gồm mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván, gỗ dán vụn thải (trường hợp kết quả phân định là chất thải nguy hại).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy định hiện hành.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng: Bố trí hệ thống mương thu gom nước thải tạm thời xung quanh khu vực xây dựng; bố trí hố thu gom và lắng nước thải xây dựng; không để rơi vãi nhiên liệu, dầu nhớt, hóa chất và phụ gia xây dựng ra ngoài môi trường; tái sử dụng nước thải xây dựng phục vụ quá trình thi công, không xả ra ngoài môi trường.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo quy định, không thải bỏ ra môi trường. Nước thải xây dựng được tái sử dụng phục vụ quá trình thi công, không thải bỏ ra môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn và khử trùng. Nước thải sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Bắc Đồng Phú (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình đào hố móng:* Che chắn khu vực xây dựng, áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, tưới nước giảm thiểu bụi, trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị:* Tất cả các phương tiện vận chuyển phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; bố trí tuyến đường vận chuyển hợp lý; thường xuyên kiểm tra, bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:* Công nhân được tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như quần áo bảo hộ, khẩu trang, kính, mũ, găng tay...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi gỗ từ quá trình gia công (cắt, cưa, bào, khoan...):* Lắp đặt hệ thống xử lý bụi gỗ với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Bụi gỗ → Hệ thống ống hút → Quạt hút → Cyclone → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi gỗ từ quá trình chà nhám*: Lắp đặt hệ thống xử lý bụi gỗ với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Bụi gỗ → Hệ thống ống hút và chụp hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn*: Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Khí thải từ quá trình sơn → Quạt hút → Tấm lọc bụi sợi thủy tinh → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi keo từ quá trình sản xuất*: Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Hơi keo → Chụp hút chứa tấm lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động:* Công nhân trực tiếp sản xuất được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và đào tạo định kỳ về an toàn lao động; thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất*: Bố trí kho hóa chất theo đúng quy định; các hóa chất phục vụ cho quá trình sản xuất đều được dán tem, nhãn để công nhân lưu ý khi sử dụng; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm*: Nhập thực phẩm từ những đơn vị uy tín, đảm bảo chất lượng; công tác kiểm tra chất lượng đầu vào được thực hiện nghiêm ngặt; khám sức khỏe định kỳ cho công nhân...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải*: Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải; tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành; định kỳ thay tấm lọc sợi thủy tinh, tấm lọc than hoạt tính, than hoạt tính; trang bị các thiết bị dự phòng khi gặp sự cố...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước và bể tự hoại*: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa; tiến hành sửa chữa, thay thế đường ống cấp thoát nước bị hư hỏng; định kỳ hút bùn thải của bể tự hoại và quản lý theo đúng quy định...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.

- Bể tự hoại 05 ngăn: 03 bể tự hoại, có tổng dung tích là 72,9 m^3.

- Hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình gia công (số lượng: 03 hệ thống; công suất thiết kế: 24.000 m^3/giờ/hệ thống).

- Hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình chà nhám (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 15.000 m^3/giờ).

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn (số lượng: 12 hệ thống; công suất thiết kế: 6.500 m^3/giờ/hệ thống).

- Hệ thống xử lý hơi keo (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 16.000 m^3/giờ).

- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt (01 kho), diện tích khoảng 12 m^2.

- Kho chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại (01 kho), diện tích khoảng 21 m^2. Nhà chứa bụi (01 nhà), diện tích khoảng 60 m^2.

- Kho chứa chất thải nguy hại (01 kho), diện tích khoảng 60 m^2.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do do tiếng ồn và độ rung:* Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao; các thiết bị thi công phải có chân đế để hạn chế độ rung; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân; trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Thiết kế nhà máy thông thoáng, trong đó bố trí hệ thống thông gió và quạt hút tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí tự nhiên giữa khu vực xưởng và bên ngoài nhà máy; thiết kế mái nhà xưởng có lớp cách nhiệt, chống nóng tốt...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố về cháy nổ, sự cố hóa chất... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ:* Thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa nguyên liệu, kho thành phẩm với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất; định kỳ kiểm tra hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy để đảm bảo các hoạt động này luôn hoạt động tốt; thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất nguyên, nhiên liệu; công nhân hoặc cán bộ

diện tích khoảng 60 m^2. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

- *Chất thải nguy hại:* Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong khu vực chứa chất thải nguy hại có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rốn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải nguy hại:* Phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 60 m^2, có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rốn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình cắt, may:* Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân; sử dụng máy hút bụi di động để thu gom bụi và vải vụn….

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt cột B của QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k_p theo lưu lượng của nguồn thải; k_v = 1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

- *Chất thải rắn của quá trình thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và sản xuất hiện hữu:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và lưu chứa vào khu vực chứa chất thải rắn xây dựng với diện tích khoảng 15 m^2. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 240 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và lưu chứa tạm thời tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích khoảng 12 m^2. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Thu gom, phân loại toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh và lưu giữ tạm thời vào kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích khoảng 21 m^2, nhà chứa bụi với

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

5.1.1. Giám sát không khí khu vực thi công:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại khu vực thi công.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO_2, CO, SO_2.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định hiện hành; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.1.2. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD_5, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ, amoni, coliforms.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị (sau khi bể tự hoại đi vào hoạt động).

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.1.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:* 07 vị trí:

+ Khu vực gia công: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi.

+ Khu vực chà nhám: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi.

+ Khu vực sơn: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, butyl acetate, isobutanol, butanol, xylen, toluen.

+ Khu vực ghép gỗ, ván: Vi khí hậu, tiếng ồn, vinyl acetate, methyl methacrylate, hydroquinone, cyclohexane, etylacrilat.

+ Khu vực lắp ráp thành phẩm giường, tủ, bàn, ghế: Vi khí hậu, tiếng ồn, vinyl acetate, methyl methacrylate, hydroquinone, cyclohexane, etylacrilat.

+ Khu vực dán mút và lắp ráp thành phẩm sofa: Vi khí hậu, tiếng ồn, vinyl acetate, methyl methacrylate, hydroquinone, cyclohexane, etylacrilat.

+ Khu vực cắt, may: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định hiện hành; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

Đối với thông số chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: Chủ Dự án cần theo dõi và giám sát, khi có tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh thì so sánh theo quy định.

5.2.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:* 17 vị trí:

+ 03 vị trí tại ống thoát của 03 hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình gia công: Lưu lượng, bụi.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình chà nhám: Lưu lượng, bụi.

+ 12 vị trí tại ống thoát khí của 12 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn: Lưu lượng, bụi, butyl acetate, isobutanol, butanol, xylen, toluen.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình sản xuất: Lưu lượng, vinyl acetate, methyl methacrylate, hydroquinone, cyclohexane, etylacrilat.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k_p theo lưu lượng của nguồn thải; $k_v = 1$), QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Đối với thông số chưa có quy chuẩn so sánh: Chủ Dự án cần theo dõi và giám sát, khi có quy chuẩn so sánh thì so sánh theo quy định.

5.2.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD_5, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ, amoni, coliforms.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh*: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3. Giai đoạn giai đoạn vận hành thương mại:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:* 07 vị trí:

+ Khu vực gia công: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi.

+ Khu vực chà nhám: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi.

+ Khu vực sơn: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, butyl acetate, isobutanol, butanol, xylen, toluen.

+ Khu vực ghép gỗ, ván: Vi khí hậu, tiếng ồn, vinyl acetate, methyl methacrylate, hydroquinone, cyclohexane, etylacrilat.

+ Khu vực lắp ráp thành phẩm giường, tủ, bàn, ghế: Vi khí hậu, tiếng ồn, vinyl acetate, methyl methacrylate, hydroquinone, cyclohexane, etylacrilat.

+ Khu vực dán mút và lắp ráp thành phẩm sofa: Vi khí hậu, tiếng ồn, vinyl acetate, methyl methacrylate, hydroquinone, cyclohexane, etylacrilat.

+ Khu vực cắt, may: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định hiện hành; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

Đối với thông số chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: Chủ Dự án cần theo dõi và giám sát, khi có tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh thì so sánh theo quy định.

5.2.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:* 17 vị trí:

+ 03 vị trí tại ống thoát của 03 hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình gia công: Lưu lượng, bụi.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình chà nhám: Lưu lượng, bụi.

+ 12 vị trí tại ống thoát khí của 12 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn: Lưu lượng, bụi, butyl acetate, isobutanol, butanol, xylen, toluen.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình sản xuất: Lưu lượng, vinyl acetate, methyl methacrylate, hydroquinone, cyclohexane, etylacrilat.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k_p theo lưu lượng của nguồn thải; $k_v = 1$), QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Đối với thông số chưa có quy chuẩn so sánh: Chủ Dự án cần theo dõi và giám sát, khi có quy chuẩn so sánh thì so sánh theo quy định.

5.2.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD_5, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ, amoni, coliforms.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 436 /QĐ-BQL	*Bình Phước, ngày 18 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (Quy hoạch tổng mặt bằng) dự án: Nhà máy Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, lô B4, lô B5, khu A, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ- CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/QĐ-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 01/9/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/2000 KCN Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 16/03/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/2000 KCN Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/2000 KCN Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/2000 KCN Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/2000 KCN Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu TL 1/2000 Khu A - KCN Bắc Đồng Phú;

Căn cứ Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 10/07/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng TL 1/2000 KCN Bắc Đồng Phú - Khu A và Khu B, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 3801205156 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cấp lần đầu ngày 24/7/2019, thay đổi lần thứ tư ngày 24/4/2023 cho Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 9978241770 do Ban Quản lý Khu kinh tế chứng nhận lần đầu ngày 19/7/2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm ngày 19/4/2023 cho Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CT 18574 do Sở Tài nguyên Môi trường cấp cho Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam ngày 20/11/2019;

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CT 18578 do Sở Tài nguyên Môi trường cấp cho Công ty TNHH Nội thất Honest Best Việt Nam ngày 20/11/2019; Thay đổi quyền sử dụng đất từ "Công ty TNHH Nội thất Honest Best Việt Nam" thành "Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam" đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh xác nhận ngày 17/8/2023.

Căn cứ Giấy phép xây dựng số 54/GPXD ngày 07/12/2021 do Ban Quản lý Khu kinh tế cấp cho Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

Căn cứ Công văn số 182/BDP-ĐTXD&CNMT ngày 30/11/2023 của Công ty CP Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú về việc góp ý kiến về đấu nối hạ tầng kỹ thuật KCN cho quy hoạch tổng thể mặt bằng nhà máy Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

Căn cứ Công văn số 3966/SXD-QHKT ngày 13/12/2023 của Sở Xây dựng về việc ý kiến đối với đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 dự án: Nhà máy Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, KCN Bắc Đồng Phú.

Căn cứ Công văn số 120/PCCC&CNCH ngày 25/12/2023 do Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh về việc góp ý về phòng cháy chữa cháy tỷ lệ 1/500.

Căn cứ Công văn số 715/PCCC&CNCH-Đ1 ngày 29/8/2024 do Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh về việc phúc đáp hồ sơ góp ý điều chỉnh quy hoạch về phòng cháy chữa cháy.

Căn cứ Công văn số 2593/SXD-QHKT ngày 11/9/2024 của Sở Xây dựng về góp ý kiến đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 dự án: Nhà máy Công ty TNHH nội thất You Chuang, lô B4, B5, khu A, thuộc KCN Bắc Đồng Phú,

Xét đề nghị của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam tại Tờ trình số 01/TTr-YC ngày 29/8/2024 về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (Quy hoạch tổng mặt bằng) dự án: Nhà máy Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, lô B4, lô B5, khu A, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Thông báo kết quả thẩm định của Ban Quản lý Khu kinh tế tại Công văn số 1639/BQL-QHXDTNMT ngày 18/9/2024 và đề nghị của Trưởng phòng Quản lý QHXDTNMT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (Quy hoạch tổng mặt bằng) dự án: Nhà máy Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, lô B4, lô B5, khu A, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam làm chủ đầu tư với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, giới hạn và quy mô.

a. Phạm vi ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch.

Khu đất lập quy hoạch có vị trí tại: Lô B4, lô B5, khu A, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp: Đất cây xanh khu công nghiệp;
+ Phía Nam giáp: Đường N2 (lộ giới: 20 m);
+ Phía Đông giáp:Đất khu công nghiệp (lô B2, lô B3);
+ Phía Tây giáp:Đất cây xanh khu công nghiệp.

b. Quy mô.

Tổng diện tích khu đất: 24.589,600 (m^2).

2. Tính chất và quy mô.

a. Tính chất.

Là nhà máy sản xuất và gia công sản phẩm nội thất: Sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất như: Giường, tủ, bàn, ghế, sofa.

b. Quy mô sản xuất.

Sản xuất, gia công các sản phẩm giường với công suất: 65.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ với công suất: 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn với công suất: 160.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế với công suất: 150.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa với công suất: 20.000 sản phẩm/năm).

c. Quy mô lao động.

Quy mô lao động khoảng: 400 (người).

3. Chỉ tiêu quy hoạch.

a. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc.

- Tổng diện tích khu đất: 24.589,600 (m^2);
- Mật độ xây dựng thuần toàn khu: ≤ 70%;
- Tỷ lệ đất cây xanh: ≥ 20%;
- Tầng cao xây dựng: ≤ 04 tầng;
- Chiều cao xây dựng tối đa: ≤ 16,105m;
- Hệ số sử dụng đất toàn khu: ≤ 1,0 lần.

b. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

- Chỉ tiêu cấp nước: Cấp nước công trình sản xuất, công cộng, phụ trợ: 20 (m^3/ha); Cấp nước cho người lao động: 100 (l/người.ngày); Cấp nước tưới cây: 4 (l/m^2/ng.đêm); Cấp nước rửa đường: 0,5 (l/m^2); Cấp nước chữa cháy: 35 (l/s);
- Chỉ tiêu thoát nước thải: 80% nước cấp;
- Chỉ tiêu cấp điện: Theo nhu cầu công nghệ sản xuất 250 (kW/ha); các công trình hành chính, dịch vụ: 30 (W/m^2 sàn);
- Chỉ tiêu rác thải: 0,3 (tấn/ngày/ha).

4. Quy hoạch sử dụng đất.

Bảng 1. Cơ cấu sử dụng đất (theo m^2)

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m^2)	TỶ LỆ (%)
A	**LÔ B4 (GIAI ĐOẠN 1)**	**12.923,800**	**52,56**
I	Đất công trình sản xuất công nghiệp, TTCN, kho tàng	8.140,000	33,10
II	Đất hành chính, dịch vụ	330,000	1,34
III	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	323,820	1,32
IV	Đất cây xanh chuyên dụng	2.587,340	10,53
V	Đất giao thông	1.542,640	6,27
B	**LÔ B5 (GIAI ĐOẠN 2)**	**11.665,800**	**47,44**
I	Đất công trình sản xuất công nghiệp, TTCN, kho tàng	6.537,600	26,58
II	Đất hành chính, dịch vụ	406,750	1,65
III	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	398,650	1,61
IV	Đất cây xanh chuyên dụng	2.534,160	10,32
V	Đất giao thông	1.788,640	7,28

C	**TỔNG CỘNG 2 GIAI ĐOẠN (A + B)**	**24.589,600**	**100,00**
I	Đất công trình sản xuất công nghiệp, TTCN, kho tàng	14.677,600	59,68
II	Đất hành chính, dịch vụ	736,750	2,99
III	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	722,470	2,93
IV	Đất cây xanh chuyên dụng	5.121,500	20,85
V	Đất giao thông	3.331,280	13,55

Bảng 2. Chi tiết cơ cấu sử dụng đất giai đoạn 1 sau điều chỉnh – Lô B4: S = 12.923,8 m²

SST	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (m^2)	TẦNG CAO XD (m)	CHIỀU CAO XD (m)	DIỆN TÍCH SÀN XD (m^2)
A	**ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TÀNG**	**8.140,000**	-	-	**16.280,000**
1	Nhà xưởng 1	4.070,000	2	16,105	8.140,000
2	Nhà xưởng 2	3.782,325	2	16,105	7.564,650
3	Nhà xưởng 2 (Mở rộng)	287,675	2	16,105	575,350
B	**ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ**	**330,000**	-	-	**1.230,000**
1	Nhà văn phòng	300,000	4	15,300	1.200,000
	Sảnh đón	30,000	1	5,630	30,000
C	**ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC**	**323,820**	-	-	**323,820**
1	Bể nước PCCC 1	Chôn ngầm (S = 120 m^2)	-	-	Chôn ngầm (S = 120 m^2)
2	Nhà bảo vệ 1	17,500	1	3,40	17,500
3	Trạm biến áp 1	20,000	1	2,80	20,000
4	Nhà vệ sinh công nhân 1	Nằm trong Nhà xưởng 1 (S = 58,32 m^2)	1	2,80	Nằm trong Nhà xưởng 1 (S = 58,32 m^2)
5	Nhà xe	120,000	1	3,40	120,000
6.1	Khu HTXL bụi gia công và chà nhám (cyclone + túi vải)	63,840	-	-	63,840
6.2	Khu HTXL bụi chà nhám túi vải	30,300	-	-	30,300
	Khu HTXL hơi keo				
6.3	Khu HTXL hơi dung môi chuyền UV	6,250	-	-	6,250
6.4	Khu HTXL hơi dung môi buồng sơn	11,600	-	-	11,600

7	Nhà chứa máy nén khí, máy bơm khí	21,210	1	3,00	21,210
		33,120	1	3,00	33,120
D	**ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG**	**2.587,340**	-	-	-
E	**ĐƯỜNG GIAO THÔNG**	**1.542,640**	-	-	-
TỔNG (A+B+C+D+E)		**12.923,800**	-	-	**17.833,820**

Bảng 3. Chi tiết cơ cấu sử dụng đất giai đoạn 2 – Lô B5: S = 11.665,8 m²

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (m^2)	TẦNG CAO XD (m)	CHIỀU CAO XD (m)	DIỆN TÍCH SÀN XD (m^2)
A	**ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TÀNG**	**6.537,600**	-	-	**9.806,400**
1	Nhà xưởng 3	3.268,800	2	16,105	6.537,600
2	Nhà kho	3.268,800	1	11,780	3.268,800
B	**ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ**	**406,750**			**1.218,060**
1	Nhà ăn	384,000	4	15,350	1.195,310
	Sảnh đón	22,750	1	5,630	22,750
C	**ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC**	**398,650**	-	-	**398,650**
1	Bể nước PCCC 2	Chôn ngầm (S = 132 m^2)	-	-	Chôn ngầm (S = 132 m^2)
2	Trạm biến áp 2	20,000	1	2,800	20,000
3	Trạm bơm	33,000	1	3,800	33,000
4	Kho chứa chất thải công nghiệp	60,000	1	4,000	60,000
5	Kho chứa chất thải sinh hoạt	60,000	1	4,000	60,000
6	Kho chứa chất thải nguy hại	93,000	1	4,000	93,000
7	Kho chứa hoá chất	100,000	1	4,000	100,000
8	Nhà bảo vệ 2	17,500	1	3,400	17,500
9	Nhà vệ sinh công nhân 2	Nằm trong Nhà xưởng 3 (S = 58,32 m^2)	1	2,800	Nằm trong Nhà xưởng 3 (S = 58,32 m^2)
10	Khu dự trù lắp đặt HTXL bụi, khí thải	15,150	-	-	15,150
D	**ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG**	**2.534,160**	-	-	-
E	**ĐƯỜNG GIAO THÔNG**	**1.788,640**	-	-	-
TỔNG (A+B+C+D+E)		**11.665,800**	-	-	**11.423,110**

5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan.

Nhà máy được quy hoạch với các khu chức năng chính là:

+ Đất công trình sản xuất công nghiệp, TTCN, kho tàng (nhà xưởng, nhà kho);

+ Đất hành chính, dịch vụ (nhà văn phòng);

+ Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác (Nhà bảo vệ, nhà xe, nhà ăn, trạm bơm…);

+ Đất cây xanh chuyên dụng;

+ Đất giao thông;

+ Các công trình nhà xưởng, kho lựa chọn hình thức kiến trúc công nghiệp, kết cấu bê tông, khung cột, kèo thép và khung thép tiền chế. Tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng, chiều cao xây dựng tối đa: 16,105 (m);

+ Các khối công trình hành chính dịch vụ được bố trí mặt tiền đường gần các lối tiếp cận để thuận tiện cho giao thông và kết hợp với các mảng xanh tại khu vực này để tạo không gian mở nhằm đảm bảo sức khoẻ cho nhân viên nhà máy. Tầng cao xây dựng tối đa 4 tầng: chiều cao xây dựng tối đa: 15,35 (m);

+ Cây xanh phân tán bố trí tiếp giáp với các công trình nhà xưởng, công trình hành chính, dịch vụ và trồng dọc trục đường tiếp giáp ranh đất bên ngoài.

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

a. Quy hoạch san nền.

Nguyên tắc chính: Do khu vực quy hoạch đã được san lấp tương đối hoàn chỉnh theo đồ án quy hoạch được duyệt nên chủ yếu chỉ san nền cục bộ, tạo mặt bằng xây dựng công trình và đường giao thông. Tôn trọng cao độ tự nhiên và hướng dốc tự nhiên của nền địa hình và theo Đồ án "Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú", giữ nguyên hiện trạng tại các vị trí giao với tuyến đường N2 đã thi công hiện hữu. Tiến hành đào đắp sao cho đảm bảo thuận lợi cho xây dựng công trình mới và độ dốc thoát nước;

Thiết kế quy hoạch san nền được khống chế bằng cao độ nền tại điểm giao nhau của các tuyến đường, cao độ nền xây dựng các công trình, các điểm đặc biệt làm cơ sở cho công tác quản lý và lập dự án trong từng khu vực trong các giai đoạn tiếp theo;

Cao độ xây dựng tối thiểu của khu vực (cốt sân đường) là:

$$H_{min} \geq 87{,}00 \text{ (m)}.$$

b. Quy hoạch giao thông.

Mạng lưới giao thông trong khu quy hoạch là mạng lưới giao thông nội bộ. Mạng lưới đường nội bộ, sân bãi được thiết kế đảm bảo đáp ứng lưu lượng giao thông, xuất nhập hàng hoá cũng như tiếp cận đến các nhà xưởng và công trình phụ trợ, tách riêng đường xuất nhập hàng hoá và đường xe nhân viên;

Trục chính bao gồm đường nội bộ B2 vào khu hành chính (sân bãi xe Container và xe tải) vào khu sản xuất: là trục giao thông trung tâm kết nối các đường nội bộ thông suốt toàn nhà máy và đấu nối vào tuyến đường N2 của KCN Bắc Đồng Phú. Đối với các tuyến đường phục vụ cho xe Container ra vào xuất nhập hàng, bán kính quay xe $R \geq 15$ (m);

Các tuyến giao thông phụ bao gồm đường: A1, A2, A3, A4, A5, B1, B2 bố trí kết nối xung quanh các khối nhà xưởng sản xuất chính và các công trình phụ trợ. Tạo thành mạng lưới giao thông liên tục kết nối toàn khu vực;

Đối với đường giao thông nội bộ không quy định về khoảng lùi công trình, không tổ chức vỉa hè, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đi dưới lòng đường hoặc trong

phần đất cây xanh thảm cỏ, phần đi ngầm dưới lòng đất được thiết kế chịu lực phù hợp theo quy định.

Bảng 2. Thông số thiết kế quy hoạch giao thông nội bộ

STT	TÊN ĐƯỜNG	MẶT CẮT	BỀ RỘNG (m)	GHI CHÚ	KHOẢNG LÙI ĐƯỜNG NỘI BỘ (m)
1	Đường A1	1 - 1	3,50	Đường xây mới	0,00
2	Đường A2	2 - 2	3,50	Đường xây mới	0,00
3	Đường A3	3 - 3	3,50	Đường xây mới	0,00
4	Đường A4	4 - 4	3,50	Đường xây mới	0,00
5	Đường A2	5 - 5	25,50	Đường xây mới	0,00
6	Đường A2	6 - 6	3,50	Đường xây mới	0,00
7	Đường B1	7 - 7	3,50	Đường xây mới	0,00
8	Đường B2	8 - 8	3,50	Đường xây mới	0,00
9	Đường B3	9 - 9	3,50	Đường xây mới	0,00

c. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa.

Nguồn tiếp nhận: mạng lưới thoát nước mưa của khu vực là thoát nước riêng với thoát nước thải. Nước mưa được thu gom vào cống tròn BTCT Ø300, Ø400, Ø500 (mm) thu nước từ trong các khu nhà máy, khu văn phòng, dịch vụ tuyến cống này nằm song song với các tuyến đường giao thông nội bộ trong khu nhà máy, thu nước mặt từ các vị trí này xuống sau đó chảy ra hệ thống tuyến cống Ø600 nằm trên đường nội bộ B2 sau đó đấu nối vào hố ga thoát nước trên tuyến đường N2 của KCN Bắc Đồng Phú;

Thiết kế hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, nước mưa và nước thải chảy trong hai hệ thống cống riêng;

Toàn bộ hệ thống thoát nước bám theo hướng dốc thoát nước của nền thiết kế;

Bố trí hệ thống hố ga kích thước: 1400x1400, 1600x1600 và cống thoát nước mưa Ø500, Ø600 (mm) thu nước dọc theo các trục đường giao thông dọc các nhà xưởng trong khu quy hoạch;

Tại các vị trí băng đường và lối vào kho bố trí cống ngầm chịu lực để đảm bảo thoát nước an toàn;

Độ sâu chôn cống tối thiểu: H = 0,7 (m);

Độ dốc cống tối thiểu: imin = 1/D với D: đường kính cống thiết kế (mm).

d. Quy hoạch hệ thống cấp nước.

Tổng nhu cầu cấp nước khu quy hoạch (làm tròn): 121,850 (m3/ngày đêm);

Nguồn nước: hệ thống cấp nước của khu quy hoạch được cấp nước từ đường ống cấp nước hiện hữu Ø200 (mm) trên tuyến đường N2 ở phía Nam khu vực quy hoạch;

Mạng lưới đường ống:

+ Mạng lưới ống bố trí mạng lưới vòng, cấp nước sinh hoạt và chữa cháy được bố trí riêng, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho việc cấp nước;

+ Nước từ đường ống cấp nước bên ngoài được cấp vào bể nước chữa cháy bố trí tại đường nội bộ B2 của khu vực quy hoạch, nước từ bể chữa cháy sẽ được cấp đến hệ thống bơm tăng áp và mạng lưới đường ống để cấp nước chữa cháy cho xưởng khi có sự cố;

+ Những nơi ống đi qua đường được đi ngầm và lắp đặt ống lồng bên ngoài (ống kim loại) và đệm cát trên lưng cũng như dưới đáy ống;

+ Tại vị trí nhà xưởng ngoài hệ thống ống chữa cháy bên ngoài xưởng, sẽ bố trí các hệ thống chữa cháy bên trong và sẽ được thiết kế chi tiết khi triển khai xây dựng hệ thống nhà xưởng;

+ Giai đoạn này chủ đầu tư chỉ đầu tư đường ống cấp nước vào bể, hệ thống bể chữa cháy. Đường ống cấp nước chữa cháy cho hệ thống xưởng sẽ được đầu tư theo giai đoạn khi triển khai xây dựng hệ thống xưởng;

+ Ống cấp nước vào bể dùng ống đường kính Ø42, Ø50 (mm);

+ Đường ống cấp nước chữa cháy của nhà xưởng sử dụng ống kim loại kích thước Ø100 (mm);

+ Ở những vị trí các nhà xe sẽ được bố trí các bình PCCC để phục vụ nhu cầu chữa cháy khi có sự cố xảy ra;

+ Bố trí các trụ chữa cháy Ø150 (mm) trên các tuyến ống cấp nước, khoảng cách 2 trụ không quá 120 (m);

+ Phụ tùng thiết bị: phụ tùng gang và thép mạ kẽm.

e. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải.

Tổng lưu lượng nước thải trong khu vực thiết kế: 97,480 (m^3/ngày đêm);

Nguyên tắc thoát nước thải:

+ Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn (nước mưa được thu gom theo hệ thống riêng);

+ Các tuyến cống thu gom nước thải cũng được đặt theo các tuyến đường nhằm thu gom được toàn bộ lượng nước thải trong khu quy hoạch. Các tuyến thu gom nước thải phải đảm bảo đặt gần công trình nhất, có chiều dài cống ngắn nhất. Một cách tổng quát, tuyến cống thu gom nước thải sẽ được đặt phía bên trong và song song với tuyến cống thu nước mưa.

Nguồn xả nước thải: Nguồn tiếp nhận: Mạng lưới thoát nước thải được thiết kế thoát nước riêng, nước thải sau khi được thu gom vào các cống PVC Ø200 (mm). Sau khi thu gom vào hệ thống cống thoát nước quy hoạch sẽ được thoát vào tuyến cống thoát nước thải hiện hữu của khu công nghiệp, đường kính cống Ø600 (mm) hiện hữu nằm trên tuyến đường N2 nằm ở phía Nam khu vực quy hoạch.

Chỉ tiêu đảm bảo nước xả thải: Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú (QCVN 40:2011/BTNMT) theo bảng dưới:

Giải pháp thoát nước thải:

+ Nước thải trong khu vực nghiên cứu sau khi đi qua bể tự hoại xử lý cục bộ tại các công trình thì sẽ thoát ra hệ thống thoát nước thải riêng biệt ở bên ngoài có kích thước cống: Ø200 (mm);

+ Chiều sâu chôn cống điểm đầu tối thiểu là: 0,7 (m), tối đa là: 4,0 (m);

+ Hệ thống đường cống thoát nước bao gồm cỡ đường kính: Ø200 (mm) độ dốc tối thiểu 0,5 (%). Các đoạn đường có độ dốc lớn, độ dốc cống bám sát với độ dốc đường giao thông và địa hình khu vực.

f. Quy hoạch hệ thống xả khí thải.

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 555.400 m^3/giờ.

Bụi, khí và hơi dung môi phát sinh từ quá trình sản xuất được thu gom dẫn về hệ thống thu gom/xử lý bụi, khí thải để xử lý.

Sau xử lý các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đảm bảo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

g. Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường.

Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại: 3.077.392,39 kg/năm;

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường: 1.161.572,57 kg/năm;

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: 234.000 kg/năm;

Giải pháp thu gom: Các thùng đựng rác thải, chất thải rắn sẽ được phân bố đều, đảm bảo bán kính phục vụ. Các thiết bị chứa và vận chuyển rác được thiết kế cho phù hợp với thẩm mỹ chung. Chất thải sau đó được tập kết về các kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại.

Chất thải rắn sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trong khu quy hoạch đạt 100%.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất được hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định;

Chất thải nguy hại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom đến thu gom, vận chuyển và xử lý. Đối với chất thải nguy hại thì cần được phân loại, lưu trữ, thu gom, vận chuyển đúng quy trình tránh rò rỉ, vương vãi

h. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng.

Tổng công suất yêu cầu cấp cho khu quy hoạch: 894,048 (kVA);

Nguồn điện: Nguồn cung cấp điện cho nhà máy từ các tuyến trung thế 22 (kV) hiện hữu của Khu công nghiệp trên tuyến đường N2;

Lưới điện 22 (kV): Trạm biến áp lưới căn cứ vào kết quả tính toán nhu cầu phụ tải của nhà máy xây dựng 2 trạm biến áp T1-22/0,4kV - 450VA đảm bảo cấp điện cho hoạt động của toàn nhà máy;

Lưới điện 0,4 (kV):

+ Từ trạm biến áp xây dựng các tuyến hạ thế đi ngầm để cung cấp cho các khu nhà xưởng, hành chính;

+ Đường dây 3P-1N được thiết kế theo tiêu chuẩn đường dây cáp ngầm (3P+1N)–0,4kV;

+ Dây dẫn: chọn dây dẫn trung bình có quy cách và chủng loại cáp CXV/DSTA để đi đến các tủ điện phân phối, hành lang phải đảm bảo cho tuyến đường dây. Cáp ngầm hạ thế được luồn trong ống nhựa và chôn trong đất dưới lòng đường.

i. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc.

Nguồn cung cấp: Hệ thống thông tin liên lạc sẽ được kết nối vào tuyến thông tin hiện hữu đi ngầm dọc theo tuyến đường N2 của Khu công nghiệp;

Lấy hướng cáp thông tin quốc gia trên tuyến đường N2 của Khu công nghiệp, chọn giải pháp đi ngầm hoá cung cấp cho từng hạng mục của công trình.

j. Quy hoạch thu gom chất thải rắn.

Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trong khu quy hoạch đạt 100%;

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất được kí kết hợp đồng với các đơn vị thu gom và các loại chất thải này đều được tái chế và tái sử dụng;

Chất thải rắn sinh hoạt của nhà máy được phân loại và có đăng ký chủ nguồn thải với Khu công nghiệp, được các đơn vị có chức năng thu gom đến thu gom, vận chuyển và xử lý. Đối với chất thải nguy hại thì cần được phân loại, lưu trữ, thu gom, vận chuyển đúng quy trình tránh rò rỉ, vương vãi.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường.

a. Giải pháp về kỹ thuật.

Khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả đất đai và nguồn lực tự nhiên;

Khai thác sử dụng đất đai phải thực hiện sử dụng đúng mục đích, quy mô và tiêu chí đã đề ra trong quy hoạch;

Khai thác các nguồn lực tự nhiên: khai thác nguồn lực tự nhiên thông qua đầu tư, phát triển phải thực hiện đồng bộ, tập trung đúng theo quy hoạch chuyên ngành, tuân thủ chặt chẽ theo quy trình kỹ thuật, công nghệ và các giải pháp bảo vệ môi trường.

b. Giải pháp về quản lý.

Quản lý các nguồn, các tác nhân gây ô nhiễm phát sinh trong quá trình hoạt động, khai thác, sử dụng đất đai, các nguồn lực tự nhiên, quản lý khai thác nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm, quản lý hệ thống thu gom và xử lý nước thải, quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh phát ra tiếng ồn và ô nhiễm không khí;

Tổ chức bộ máy quản lý: giáo dục và nâng cao nhận thức, tham gia bảo vệ và gìn giữ môi trường trong cộng đồng người lao động.

c. Biện pháp chống ồn và xử lý khí thải.

Trồng cây xanh, sân vườn để ngăn cản gió bụi và điều hoà nhiệt độ không khí, làm sạch đẹp đô thị;

Phân luồng, tuyến giao thông phù hợp, lắp đặt hệ thống biển báo an toàn giao thông, giảm tiếng ồn và giảm lượng khí thải.

8. Thành phần hồ sơ quy hoạch:

Thành phần hồ sơ thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn, gồm:

Thuyết minh tổng hợp kèm bản vẽ thu nhỏ khổ A3; phụ lục kèm theo thuyết minh (Các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán); Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

Thành phần bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất;
- Bản đồ quy hoạch cơ cấu sử dụng đất tỉ lệ 1/500;
- Bản vẽ chuẩn bị kỹ thuật khu đất tỉ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch đánh giá môi trường chiến lược tỉ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch giao thông tỉ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện tỉ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống chiếu sáng tỉ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước tỉ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa tỉ lệ 1/500;

- Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải tỉ lệ 1/500;
- Bản vẽ quản lý chất thải rắn tỉ lệ 1/500;
- Bản đồ hệ thống thông tin liên lạc tỉ lệ 1/500.

Điều 2. Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam:

Tổ chức công bố đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (Quy hoạch tổng mặt bằng) dự án: Nhà máy Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, lô B4, lô B5, khu A, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; triển khai cắm mốc ngoài thực địa để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

Thực hiện các bước tiếp theo về đầu tư dự án Nhà máy Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, lô B4, lô B5, khu A, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 08/QĐ-BQL ngày 17/01/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (Quy hoạch tổng mặt bằng) dự án: Nhà máy Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam, lô B4, lô B5, khu A, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng; Trưởng phòng QHXDTNMT; Trưởng phòng ĐTDNLĐ - Ban Quản lý Khu kinh tế; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú; Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Như điều 4;
- TB, các PTB;
- Lưu: VT, P.QHXDTNMT.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Hưng Hoàng

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: YC/2009/2024	*Bình Phước, ngày 20 tháng 09 năm 2024*

CTY CP KCN BẮC ĐỒNG PHÚ
CV ĐẾN Số:.....
Ngày 20/9/2024

CÔNG VĂN

(V/v: Đấu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải vào hệ thống hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú)

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Trước đây Công ty TNHH Nội thất You Chuang thực hiện dự án **tại lô B4**, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã được xác nhận **01 vị trí đấu nối nước thải** tại Biên bản thỏa thuận đấu nối ngày 20/2/2023 giữa Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú.

Sau đó, Công ty sáp nhập với Công ty TNHH Nội thất Honest có địa chỉ **lô B5** nên được xác nhận **01 vị trí đấu nối nước mưa, 01 vị trí đấu nối nước thải** tại Văn bản số 119/BĐP-ĐTXD ngày 20/9/2024 của CP KCN Bắc Đồng Phú.

Hiện nay, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ cấp GPMT cho dự án tại lô B4 và B5. Theo thực tế nhà máy có 02 điểm đấu nối nước mưa và 02 điểm đấu nối nước thải. Do đó, để thống nhất vị trí, số lượng các điểm đấu nối trong hồ sơ môi trường. Công ty đề nghị Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú xác nhận lại các vị trí đấu nối nước mưa, nước thải của Công ty.

Ngoài ra, phương án xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty như sau: Công ty tính toán dự kiến lưu lượng nước thải sinh hoạt phát xin xin phép đấu nối vào KCN Bắc Đồng Phú khoảng 48 m^3/ngày. Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 05 ngăn → Khử trùng (Chlorine) → Đấu nối KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối vào KCN Bắc Đồng Phú. Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam rất mong Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú hỗ trợ xác nhận lại các vị trí đấu nối nước mưa, nước thải tại lô B4 và B5 và chấp thuận tiếp nhận nước thải phát sinh từ nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN với phương án nêu trên.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu	**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM** CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM Xu Feng

CÔNG TY CỔ PHẦN **KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: 111/BĐP-CNMT V/v xác nhận lại vị trí đấu nối nước thải và tiếp nhận nước thải	*Bình Phước, ngày 23 tháng 9 năm 2024*

Kính gửi: Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú;

Căn cứ Quy định quản lý xây dựng trong KCN Bắc Đồng Phú ban hành theo Quyết định số: 62/QĐ-BĐP ngày 08/6/2015 của Tổng giám đốc Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú;

Căn cứ Quy chế bảo vệ môi trường trong KCN Bắc Đồng Phú ban hành theo Quyết định số: 44/QĐ-BĐP ngày 21/4/2023 của Tổng giám đốc Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú;

Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú có nhận được công văn số: YC/2009/2024 ngày 20/9/2024 của Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam về việc đề nghị Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú xác nhận lại các vị trí đấu nối nước thải tại dự án lô B4 và lô B5 KCN Bắc Đồng Phú.

Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú trả lời về các điểm đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghiệp Bắc Đồng Phú cụ thể như sau:

- Vị trí đấu nối nước thải:

+ Tại dự án lô B4, Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam, đường N2, KCN Bắc Đồng Phú: Phòng CNMT – Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú đã bàn giao vị trí hố ga đấu nối nước thải ký hiệu HP119 và đã xây dựng hoàn thiện, được nghiệm thu, ký hợp đồng xử lý thải.

+ Tại dự án lô B5, Công ty TNHH nội thất Honest (hiện tại đã xác nhập vào Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam), đường N2, KCN Bắc Đồng Phú: Phòng CNMT – Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú đã bàn giao vị trí hố ga đấu nối nước thải ký hiệu HP122. Nhưng chưa được nghiệm thu và ký hợp đồng xử lý nước thải vì chưa hoạt động và chưa phát sinh nước thải.

- Đồng ý tiếp nhận nước thải sinh hoạt với lưu lượng 48m^3/ngày sau khi xử lý qua bể tự hoại 5 ngăn đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT.

* Lưu ý:

+ Hầm tự hoại của Doanh nghiệp xây dựng phải có khả năng chống thấm. Đồng thời đường ống thu gom, thoát nước thải phải kín nhằm đảm bảo thu gom triệt để lượng nước thải phát sinh của Doanh nghiệp.

Trên đây là trả lời của Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú. Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam căn cứ vào công văn này để hoàn thiện hồ sơ cấp GPMT và các thủ tục liên quan.

Trân trọng!

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3800565639 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ
H. ĐỒNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC

Phan Văn Trinh

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công ty TNHH nội thất You Chuang VN;
- Lưu: VT, Phòng CNMT.

CÔNG TY CỔ PHẦN
KCN BẮC ĐỒNG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 11 tháng 9 năm 2024

BIÊN BẢN XÁC NHẬN ĐẤU NỐI HỆ THỐNG NƯỚC MƯA TẠI KHU CÔNG NGHIỆP

Dự án : Nhà máy công ty TNHH Nội Thất You Chuang Việt Nam
Địa điểm: Lô B4, B5 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú – xã Tiến Hưng, thành Phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Hôm nay, ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại văn phòng Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú, gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

- Ông: Phan Văn Trinh Chức vụ: Phó tổng giám đốc
- Ông: Phạm Thanh Sang Chức vụ: Phó phòng Đầu tư – Xây dựng
- Ông: Trần Quang Hiền Chức vụ: Chuyên viên

BÊN B: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

- Ông: ..... Chức vụ: Giám đốc

I. NỘI DUNG:

1) Xác nhận đấu nối thoát nước mưa:

- Căn cứ công văn số 52/BĐP-ĐTXD ngày 28/03/2022 và công văn số : 119/52/BĐP-ĐTXD ngày 20/9/2023 của Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú về việc chấp thuận đấu nối đường ống thoát nước mưa, cổng đấu nối vào khu công nghiệp cho Công ty TNHH Nội Thất You Chuang Việt Nam tại Lô B4, B5.

- Sau khi kiểm tra công việc đấu nối thoát nước mưa của Công ty TNHH Nội Thất You Chuang Việt Nam vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú tại hố ga GP176 và GP180 trên tuyến N2. Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú xác nhận đã đấu nối đúng theo thỏa thuận tại công văn số 52/BĐP-ĐTXD ngày 28/03/2022 và công văn số : 119/52/BĐP-ĐTXD ngày 20/9/2023 với chi tiết như sau:

+ Tại hố ga GP176 và GP180 đã bố trí nắp đan hở để quan trắc.

2) Yêu cầu về đấu nối thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa trong nhà máy của Bên B phải được xây dựng đảm bảo tách riêng hoàn toàn và chịu sự kiểm soát của Bên A trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động.

- Tại các vị trí đấu nối nước mưa từ mái nhà xuống hệ thống thoát nước mưa nhà máy phải thông qua hố ga kiểm tra, không được đấu nối trực tiếp vào đường cống nước mưa ngầm dưới đất.

- Trong quá trình vận hành nước đầu ra, nếu có vấn đề bất thường thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B và yêu cầu khắc phục trong vòng 7 ngày. Sau thời gian này nếu Bên B không khắc phục triệt để Bên A sẽ tạm ngưng tiếp nhận nguồn nước và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

II. KẾT LUẬN:

- Hai bên thống nhất thực hiện đúng các nội dung trên. Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
P. TỔNG GIÁM ĐỐC	
Phan Văn Trinh	Xu Feng

CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HỐ GA ĐẤU NỐI NƯỚC THẢI

Công trình: Hố ga đấu nối nước thải Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam

Hạng mục: Hố ga đấu nối, van khóa

Hôm nay, vào lúc 8h00 ngày 06 tháng 03 năm 2023 tại Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam (Địa chỉ: Lô B4 đường N2 KCN Bắc Đồng Phú), chúng tôi gồm có:

+ Đại diện (Bên A): Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú

Ông: Phan Văn Trinh – Chức vụ: P. Tổng Giám Đốc

Ông: Nguyễn Viết Khanh – Chức vụ: T. Phòng CN – MT

Ông: Trần Trung Hiếu – Chức vụ: CV. Phòng CN – MT

+ Đại diện (Bên B): Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam

Ông/Bà: XU FENG – Chức vụ: Tổng Giám Đốc

I/ Nội dung làm việc:

Chúng tôi tiến hành kiểm tra và xác nhận tại hố ga đấu nối nước thải của Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam như sau:

1. Phần xây dựng:

- Đã thi công hoàn thiện phần hố ga đấu nối theo biên bản bàn giao vị trí đấu nối ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam.

2. Phần thiết bị:

- Đã lắp đặt 1 van khóa DN60.

3. Phần hồ sơ:

- Biên bản bàn giao vị trí đấu nối nước thải ngày 20/02/2023 giữa Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam.

II/ Kết luận: Bên A đồng ý nghiệm thu phần xây dựng hố ga đấu nối nước thải tại vị trí hố ga đấu nối thoát nước thải (ký hiệu: HP119) giữa bên B và bên A.

Người kiểm tra và xác nhận nếu có hư hỏng:

Bên A: Các Ông/Bà là nhân viên của Phòng Phòng CN – MT, SĐT liên hệ: 02713834789

Bên B: Ông Miền SĐT liên hệ: 0376874739

Biên bản kết thúc vào lúc 9h15 cùng ngày, được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị ngang nhau. Các bên đồng ý ký tên.

CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ	**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	**XU FENG**
Phan Văn Trinh	

CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 20 tháng 2 năm 2023

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẤU NỐI

Hôm nay, vào lúc 14h00 ngày 20 tháng 2 năm 2023 tại vị trí đường N2 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, chúng tôi tiến hành bàn giao vị trí mặt bằng xây dựng hố ga nước thải như sau:

1. Đại diện Bên A: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú

Ông: Nguyễn Viết Khanh – Chức vụ: T. Phòng CN – MT

Ông: Trần Trung Hiếu – Chức vụ: CV. Phòng CN – MT

2. Đại diện Bên B: Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam

Ông/Bà: WANG PENG – Chức vụ: phó giám đốc

Ông/Bà: – Chức vụ:

3. Nội dung bàn giao:

Các bên cùng thống nhất bàn giao một số nội dung sau:

Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú bàn giao vị trí mặt bằng và quy cách xây dựng hố ga nước thải cho Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam theo 2 bản vẽ cụ thể như sau:

+ Bản vẽ mặt bằng vị trí xây hố ga nước thải (theo bản vẽ đính kèm).

+ Bản vẽ hố ga nước thải (theo bản vẽ đính kèm).

+ Vị trí hố ga đấu nối: HP119 (đường N2, KCN Bắc Đồng Phú).

Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam phải xây dựng đúng quy cách, kích thước hố ga mà Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú đã gửi.

Người kiểm tra và giám sát công tác xây dựng hố ga và đấu nối:

Ông: Trần Trung Hiếu Chức vụ: CV. Phòng CN – MT

Biên bản này là cơ sở để xây dựng và nghiệm thu hố ga, nếu xây dựng sai quy cách trong bản vẽ đính kèm mà không được sự đồng ý của Phòng Công nghiệp Môi trường thì sau này không được nghiệm thu đấu nối nước thải.

Biên bản kết thúc vào lúc 15h00 phút cùng ngày. Biên bản này được 02 bên thống nhất và thông qua, lập thành 04 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ	CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM
Nguyễn Viết Khanh	

HÀNG RÀO CTY

CTY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VN

HP 119

VỊ TRÍ HỐ GA NƯỚC THẢI
CỦA CTY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VN

6000

VỈA HÈ

BÓ VỈA ĐƯỜNG N2

8000

ĐƯỜNG N2

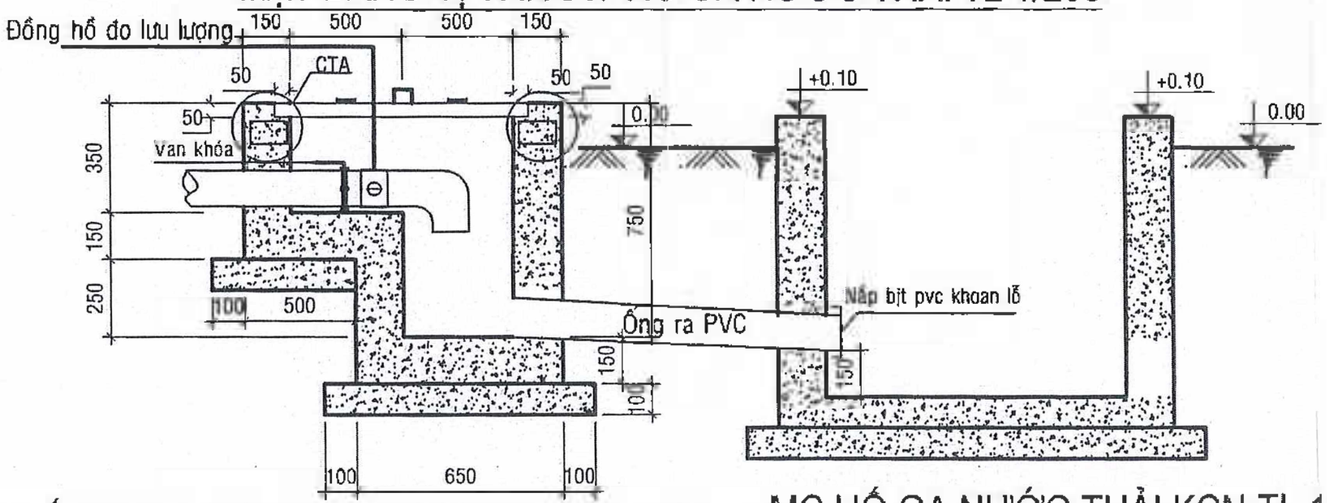
ĐƯỜNG NHỰA BTNN

BÓ VỈA ĐƯỜNG N2

6000

VỈA HÈ

MẶT BẰNG VỊ TRÍ XÂY HỐ GA NƯỚC THẢI TL 1/200



MC A - A HỐ GA NT CTY YOU CHUANG VN TL 1/10

MC HỐ GA NƯỚC THẢI KCN TL 1/10

CTY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VN

KIỂM TRA

NGUYỄN VIẾT KHANH

THIẾT KẾ

TRẦN TRUNG HIẾU

CÔNG TRÌNH: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ
HẠNG MỤC: HỐ GA NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG VỊ TRÍ XÂY HỐ GA NƯỚC THẢI

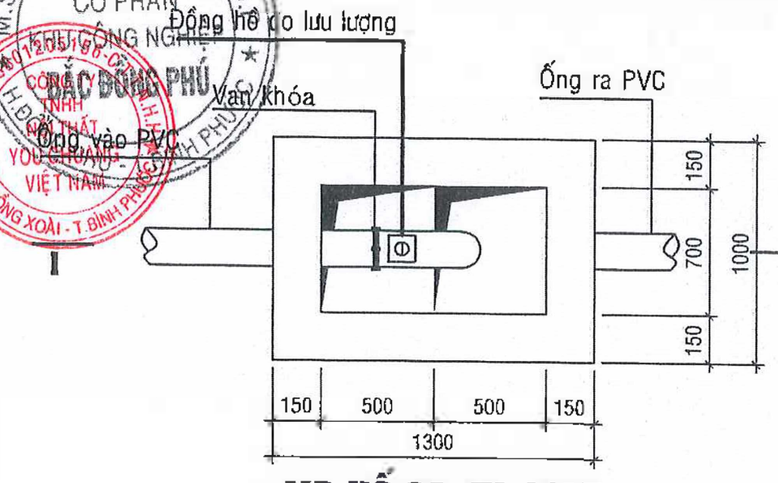
HOÀN THÀNH: 02 - 2026

BẢN VẼ 01

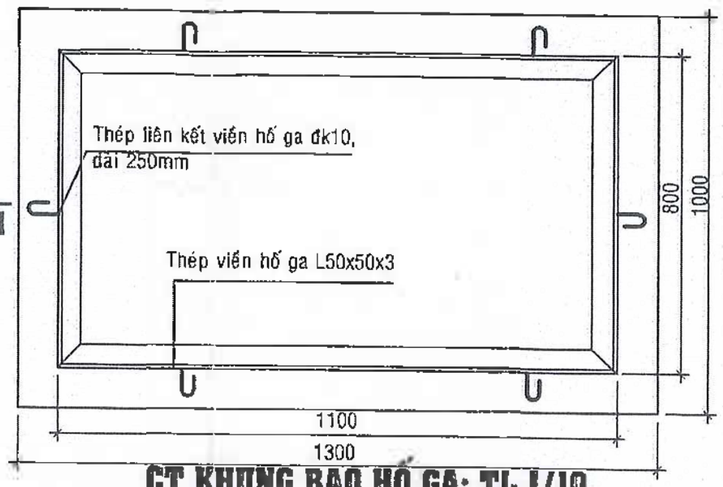
01

Xu Feng

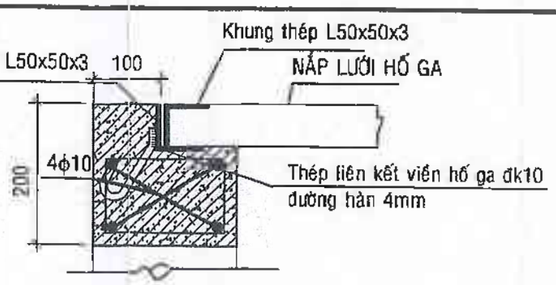
HỐ GA NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ



MB HỐ GA; TL 1/25



CT KHUNG BAO HỐ GA; TL 1/10



CT A BÀ VIỀN HỐ GA
TL 1/10

MC 1-1; TL 1/25

CT NẮP LƯỚI HỐ GA; TL 1/10



MC A-A; TL 1/10

Ghi chú:

- Ống đầu vào hố ga doanh nghiệp sử dụng ống PVC ph ụ thuộc vào tiết diện mà doanh nghiệp lắp đặt. Ống ra sử dụng ống PVC lớn hơn ống đầu vào, phải có độ nghiêng chảy ra hố ga của KCN và phải có nắp bịt có nhiều lỗ khoan phi 6
- Đồng hồ đo lưu lượng: doanh nghiệp tự tính toán để lắp đặt đồng hồ cho phù hợp.
- Thành hố ga đổ toàn khối bằng BTCT đá 1x2 M200 và Các cấu kiện bằng thép được sơn 2 lớp chống sét và 2 lớp sơn màu.
- Van khóa: Doanh nghiệp lắp trước đồng hồ và sử dụng van theo kích thước phù hợp.
- Độ sâu hố ga doanh nghiệp phải cao hơn độ sâu hố ga của KCN.

CTY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VN

KIỂM TRA

NGUYỄN VIẾT KHANH

THIẾT KẾ

TRẦN TRUNG HIẾU

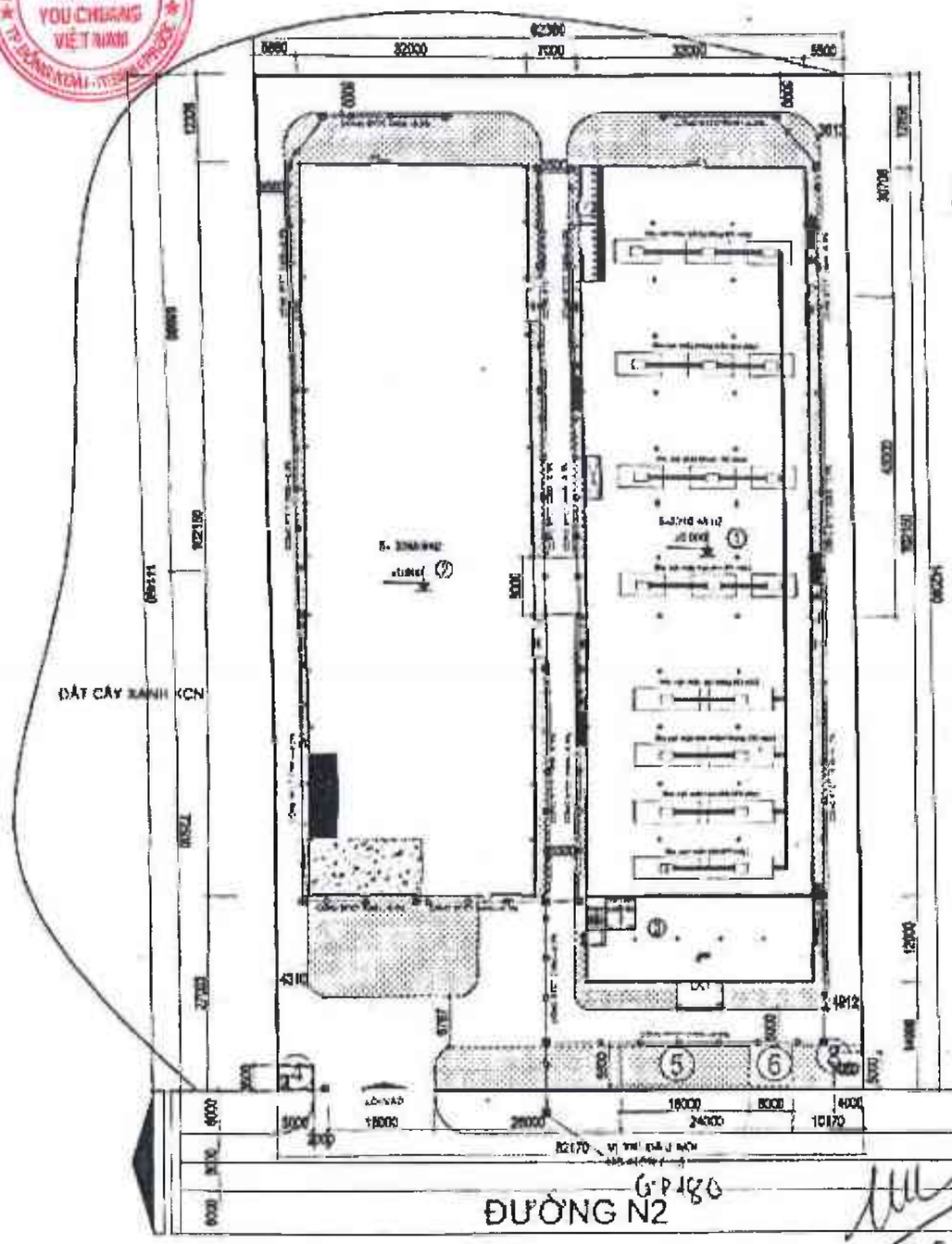
CÔNG TRÌNH: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ
HẠNG MỤC: HỐ GA NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

HỐ GA NƯỚC THẢI

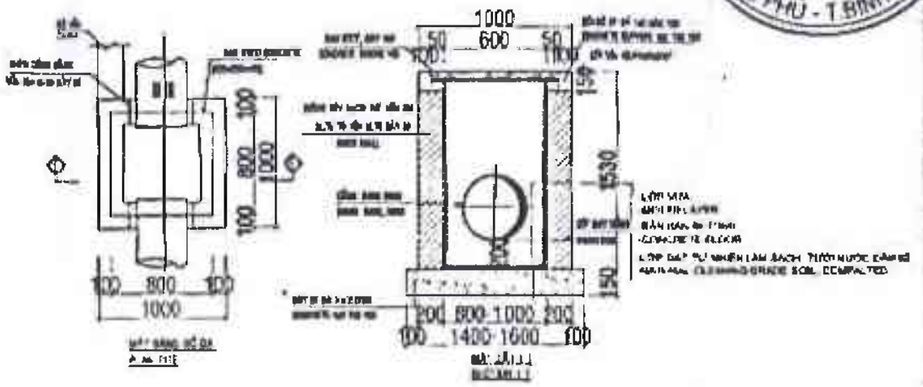
HOÀN THÀNH: 02 - 2023	BVCN	02
		02

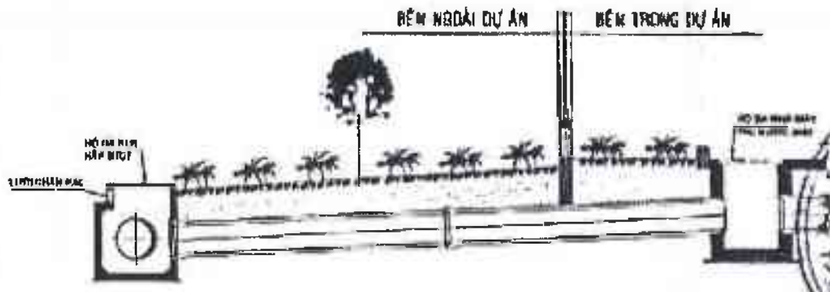
Xu Feng



MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

TL : 1/500





KÝ HIỆU:

- HỐ GA NƯỚC MƯA KCN
- HỐ GA NỘI BỘ
- HỐ GA NƯỚC THẢI KCN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

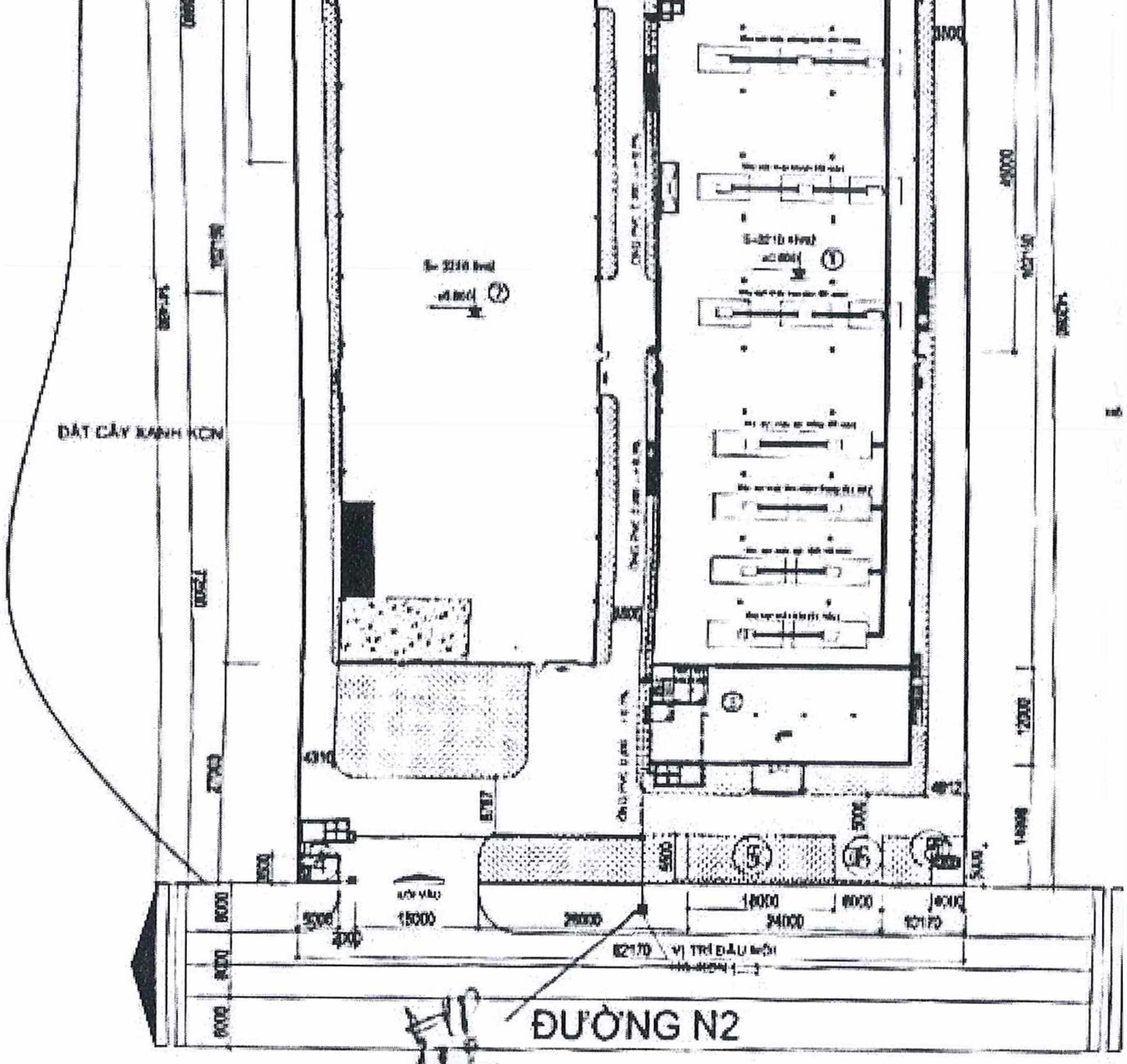
CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOUCHUANG VIỆT NAM

TỔNG THỂ

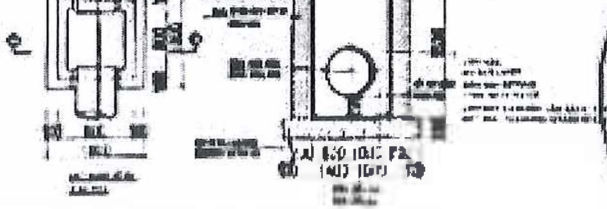
CHI TIẾT ĐẤU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

Xu Feng

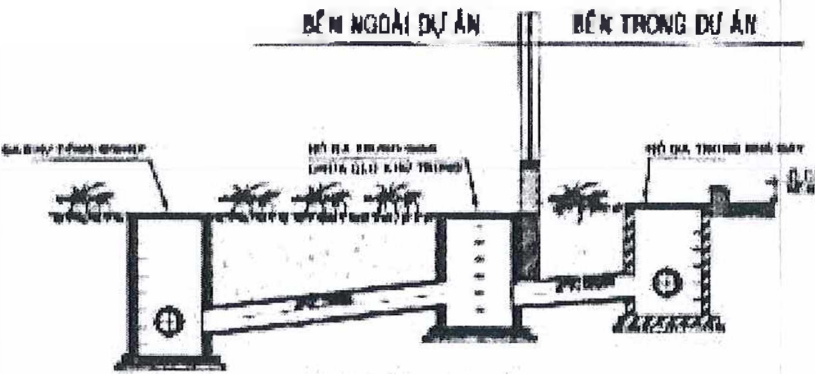


MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

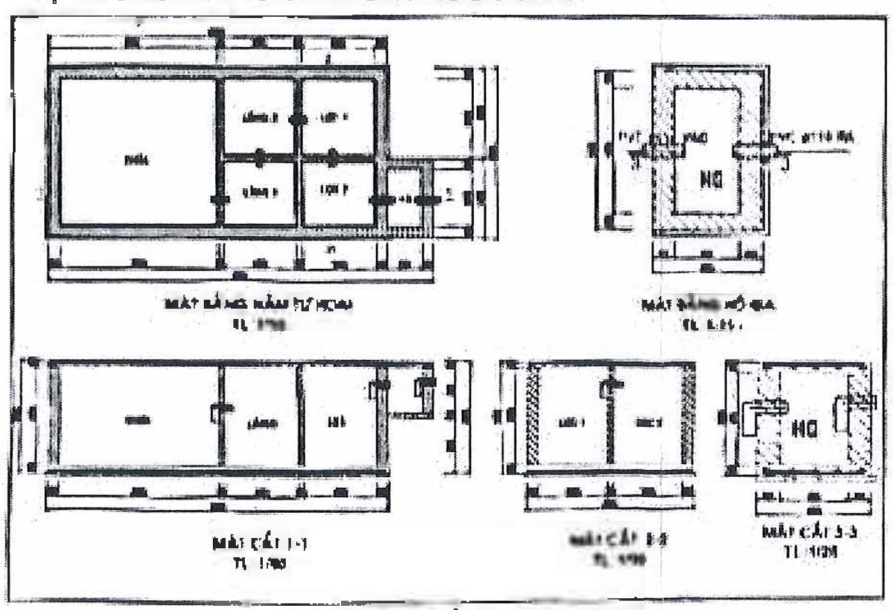
TỈ : 1/500



CHI TIẾT HỐ GA NƯỚC THẢI



MẶT CẮT CHI TIẾT
VỊ TRÍ ĐẤU NỐI HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI



CHI TIẾT HẦM TỰ HOẠI

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH
NỘI THẤT YOUCHUANG VIỆT NAM

TỔNG THỂ

CHI TIẾT ĐẤU NỐI
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOUCHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 07 tháng 12 năm 2021

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 54 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

Địa chỉ: Lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giường với công suất 5.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm tủ với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm bàn với công suất 10.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm ghế với công suất 100.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các sản phẩm sofa với công suất 10.000 sản phẩm/năm".

- Theo thiết kế: Đã được Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD tại Công văn số 1830/BQL-QHXDTNMT ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Thương mại Dịch vụ Phạm Gia.

- Chủ trì thiết kế: Ông Nguyễn Duy Văn.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiến Vỹ thẩm tra tại Báo cáo kết quả thẩm tra số 01/TTr-KV ngày 01/12/2021.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế: Ông Lê Văn Hợi.

- Vị trí xây dựng: Lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

+ Cách 13,5m tính từ tim đường số N2;

- Mật độ xây dựng: 64,53%;

- Tổng số công trình: 05 hạng mục công trình

2.1. Nhà xưởng 1: 01 nhà.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 02

- Diện tích xây dựng tầng 1: kích thước 110m x 37m = 4.070m^2.

- Diện tích xây dựng tầng 2: kích thước 110m x 37m = 4.070m^2.

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 4.070m^2 + 4070m^2 = 8.140m^2.

- Chiều cao công trình: 15,905 m.

- Cốt nền công trình : Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; sàn khung thép deck sàn BTCT, tường xây gạch, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt.

2.2. Nhà xưởng số 2 và kho: 01 nhà.

- Số tầng: 02

- Diện tích xây dựng tầng 1. 102,2225m x 37m = 3782.23m^2.

- Diện tích xây dựng tầng 2: 102, 2225m x 37m = 3782.23m^2.

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 3782.23m^2 + 3782.23m^2 = 7.564,46m^2.

- Chiều cao công trình: 15,905 m.

- Cốt nền công trình : Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, sàn Bê tông khung thép hệ Deck; tường xây gạch, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa nhôm, cửa sắt.

2.3. Nhà văn phòng: 01 nhà.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 04

- Diện tích xây dựng tầng 1: kích thước (20m x 15m) + (5,1m x 5,2m) = 326,52m^2.

- Diện tích xây dựng tầng 2,3,4: 20m x 15m = 300m^2.

- Tổng diện tích sàn: (300m^2 x 3 tầng) + 326,52m^2 = 1.226,52m^2.

- Chiều cao công trình: 14,9m.

- Cốt nền công trình : Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 là 0,45m.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung BTCT; nền bê tông; tường xây gạch, sàn BTCT; trần thạch cao, hệ thống cửa sắt, cửa nhôm kính cường lực.

2.4. Nhà bảo vệ: 01 nhà.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: 3,5m x 5m = 17,5m^2.

- Chiều cao công trình: 3,5m.

- Cốt nền công trình : Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 là 0,15m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung BTCT; nền bê tông; tường xây gạch, sàn BTCT; trần thạch cao, hệ thống cửa sắt, cửa nhôm kính cường lực.

2.5. Nhà xe 2 bánh + Bể nước PCCC: 01 nhà.

- Cấp công trình: Cấp IV.

** Nhà xe: (phía trên bể nước ngầm)*

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: 20mx 6m = 120m^2.

- Chiều cao công trình: 3.2m

- Cốt nền công trình : Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 là 0,8m.

- Giải pháp kết cấu : Bố trí trên bể nước PCCC. khung kèo thép hình; nền bê tông; mái lợp tole, xà gồ thép.

** Bể nước PCCC: (phía dưới nhà xe)*

- Thể tích xây dựng: 20m x 6m x 5,5m = 660m^3.

- Giải pháp kết cấu: Đáy sàn bằng BTCT; tường, nắp BTCT.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Diện tích 12.923,8m^2, theo Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất trong Khu công nghiệp số 08/2019/HĐ-BĐP ngày 31/7/2019 giữa Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Không

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam;
- Lưu: VT, PQHXDTNMT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Huy Hoàng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....

..., ngày... tháng ...năm ...

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 108 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ..... *ngày* 05 /4 /2021 *của:* Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Xu, Feng *Chức vụ:* Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỨNG NHẬN

Công trình: nhà máy của Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải: Lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần xây dựng đầu tư TM DV Phạm Gia

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:
Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thăng, đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, trang bị bình chữa cháy./.

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 004141 Quyển ——— Bình Phước, ngày 26 tháng 4 năm 2021
Ngày 11 tháng 01 năm 2023
Chủ tịch UBND Phường Thuận Giao

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- .....;
- Lưu: PC07.

TRƯỞNG PHÒNG

Mã Thị Thu Hà

Thượng tá Nguyễn Văn Vinh

QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số 108 /TD-PCCC, ngày 26 / 4 /2021 của Phòng CS. PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bình Phước).

TT	Nội dung	Ghi chú
I	**QUY MÔ CÔNG TRÌNH:**	
1	- Mục tiêu dự án: sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất như: Giường, tủ, bàn , ghế, sofa - Quy mô công trình được thẩm duyệt: + nhà xưởng 1: DTXD 4.070m^2, 02 tầng; tổng diện tích sàn là 8.140m^2 công năng là xưởng sản xuất + Nhà xưởng 2 và kho: DTXD 3.782,33m^2, 02 tầng; tổng diện tích sàn là 7.564,65m^2 ; công năng là xưởng sản xuất và kho chứa hàng. + Nhà văn phòng + sảnh đón: DTXD 330m^2; 04 tầng; tổng diện tích sàn là 1.230m^2; công năng là nhà văn phòng + nhà bảo vệ 17.5m^2; 01 tầng + bể nước PCCC: 120m^2; nhà xe 2 bánh 120m^2; trạm điện 20m^2; kho chứa chất thải số1: 12m^2; số 2: 21m^2; số 3: 60m^2	
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ**	
1	Bản vẽ kiến trúc: KT:01 đến KT:08	
2	Bản vẽ kết cấu: KC:01 đến KC:13	
3	Bản vẽ thiết kế PCCC	Đơn vị tư vấn thiết kế PCCC: Công ty TNHH thương mại dịch vụ lắp đặt Nhật Nguyên
	Hệ thống chữa cháy tự động Sprinler	
	Hệ thống chữa cháy vách tường	
	Hệ thống báo cháy tự động	
	Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn	
	Bình chữa cháy các loại	
	Hệ thống chống sét đánh thẳng	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

Mẫu PC09

CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG CS. PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 146/TD-PCCC

Bình Phước, ngày 14 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 108/TD-PCCC ngày 26/4/2021 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) - Công an tỉnh Bình Phước.

Xét hồ sơ thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam, ngày 14 tháng 11 năm 2023 trên cổng Dịch vụ công Bộ Công an về việc thẩm duyệt điều chỉnh đối với hạng mục hệ thống hút khói, hệ thống báo cháy tự động nhà xưởng 1, 2 thuộc công trình nhà máy Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam, địa chỉ: Lô B4, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Phòng Cảnh Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) - Công an tỉnh Bình Phước đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

- Thiết kế hệ thống báo cháy tự động cho hệ thống hút khói nhà xưởng 1 và nhà xưởng 2.
- Thiết kế bổ sung hệ thống hút khói tầng 1 nhà xưởng 1 và tầng 1 nhà xưởng 2.

II. NỘI DUNG THẨM DUYỆT

Hệ thống hút khói, hệ thống báo cháy tự động nhà xưởng 1, 2 thuộc công trình nhà máy Công ty TNHH nội thất You Chuang Việt Nam .

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt điều chỉnh thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: PCCC&CNCH.

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Thọ Bài

Scanned with CamScanner

QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo văn bản thẩm duyệt điều chỉnh thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 146/TD-PCCC ngày 17/11/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Bình Phước)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**	
1	*** Nội dung đã được thẩm duyệt về PCCC:** - Mục tiêu dự án: Sản xuất gia công các sản phẩm như: giường, tủ, bàn, ghế, sofa. - Nhà xưởng 1: DTXD: 4.070m^2, 02 tầng, tổng diện tích sàn là 8.140m^2, khối tích: 134.310m^3; công năng là nhà xưởng sản xuất. Kết cấu chủ yếu: móng, đà kiềng, cổ cột bê tông cốt thép, nền bê tông, cột thép hình I xây gạch bao quanh cao đến mái, sàn BTCT, dầm, kèo thép hình I sơn chống cháy, xà gồ thép, mái lợp tôn. - Nhà xưởng 2 và kho: DTXD 3.782,33m^2, 02 tầng, tổng diện tích sàn là 7.764,65m^2, khối tích: 124.542m^3; công năng là nhà xưởng sản xuất và kho chứa hàng, kết cấu chủ yếu: móng, đà kiềng, cổ cột bê tông cốt thép, nền bê tông, cột thép hình I xây gạch bao quanh cao đến mái, sàn BTCT, dầm, kèo thép hình I sơn chống cháy, xà gồ thép, mái lợp tôn. - Nhà văn phòng + sảnh đón: DTXD 330m^2; 04 tầng; tổng diện tích sàn là 1.230m^2, khối tích: 4.410m^3; công năng là nhà văn phòng, kết cấu chủ yếu: móng, đà kiềng, cổ cột bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 200mm, tô vữa, bả ma tít, lăn sơn. - Nhà bảo vệ: 17,5 m^2; 01 tầng; kết cấu nhà bê tông cốt thép mái lợp tôn. - Hạng mục khác: Sân, đường giao thông nội bộ, bể nước, nhà xe nhân viên, nhà chứa rác thải...	
2	*** Nội dung điều chỉnh thiết kế:** - Thiết kế hệ thống báo cháy cho hệ thống hút khói nhà xưởng 1 và nhà xưởng 2. - Thiết kế bổ sung hệ thống hút khói tầng 1 nhà xưởng 1 và tầng 1 nhà xưởng 2.	
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH**	
1	Thuyết minh PCCC: 01 quyển.	
2	Bản vẽ mặt bằng lắp đặt hệ thống báo cháy tự động xưởng 1: BC-01.	
3	Bản vẽ mặt bằng lắp đặt hệ thống báo cháy tự động xưởng 2: BC-02.	
4	Bản vẽ sơ đồ nguyên lý hệ thống báo cháy: BC-03.	
5	Bản vẽ chi tiết lắp đặt hệ thống báo cháy: BC-04 đến BC-07.	
6	Bản vẽ mặt bằng hệ thống hút khói tầng 1 xưởng 1: HK-01.	
7	Bản vẽ mặt bằng hệ thống hút khói tầng 1 xưởng 2: HK-02.	
8	Bản vẽ sơ đồ nguyên lý hệ thống hút khói xưởng 1 và xưởng 2: HK-03.	
9	Bản vẽ chi tiết điển hình hệ thống hút khói: HK-04.	

Scanned with CamScanner

Mẫu số PC07

CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ngày 12 tháng 8 năm 2024 của: Công ty TNHH Nội Thất You Chuang Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông: XU, FENG; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỨNG NHẬN

Tên công trình: Nhà máy Công ty TNHH Nội Thất You Chuang Việt Nam.

Địa điểm xây dựng: Lô B4, lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nội Thất You Chuang Việt Nam.

Cơ quan thiết kế: Công Ty CP Xây Dựng Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Phạm Gia và Công ty TNHH MTV Nguyên Ngọc.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Đường giao thông cho xe chữa cháy; khoảng cách an toàn PCCC; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;

2. Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy nổ; Bố trí công năng của hạng mục công trình liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;

3. Đường, lối thoát nạn; phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;

4. Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước; hệ thống hút khói cưỡng bức; dụng cụ phá dỡ thô sơ, phương tiện chữa cháy ban đầu; giải pháp cấp điện cho PCCC;

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2, 3./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- Lưu: PCCC&CNCH.

Bình Phước, ngày 21 tháng 8 năm 2024
TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Thọ Bài

Scanned with CamScanner

QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số 159 /TD-PCCC, ngày 21 /8/2024 của Phòng CS. PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bình Phước).

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	**QUY MÔ CÔNG TRÌNH**	
1	Công trình xây dựng tại lô B4, lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước có diện tích đất là 24.589,60m^2. Bao gồm các hạng mục: - Nhà xưởng 3: 02 tầng, diện tích xây dựng 3.269m^2; chiều cao 15,58m (tính từ cos nền đến đỉnh mái), chiều cao PCCC 7,2m; khối tích khoảng 42.597m^3. Kết cấu chính: Móng, đà kiềng, nền, sàn bằng bê tông cốt thép, tầng 1 cột, dầm bê tông cốt thép; tầng 2 khung kèo thép hình I, cột thép hình I được bọc bảo gạch dày 100mm. Tường xây bằng gạch nung trát vữa sơn nước dày 200mm, phía trên ốp tole, mái lợp tole, xà gồ thép hình. Bậc chịu lửa IV (S0), công năng: nhà xưởng sản xuất nội thất (không có quy trình sản xuất và chế biến gỗ) - Nhà kho: 01 tầng, diện tích xây dựng 3.269m^2; chiều cao 11,38m (tính từ cos nền tới đỉnh mái); khối tích khoảng 28.806m^3. Kết cấu chính: Móng, đà kiềng, nền bằng bê tông cốt thép, khung kèo, cột thép hình I (đảm bảo chỉ số Am/V <250m^{-1}), tường xây bằng gạch nung trát vữa sơn nước, phía trên ốp tole, mái lợp tole, xà gồ thép hình. Bậc chịu lửa IV (S0), công năng: kho thành phẩm, có chiều cao hàng hóa tới 5m (không có giá đỡ). - Nhà ăn: 03 tầng, cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà S0; diện tích xây dựng 384m^2; chiều cao đến mái 9,3m; khối tích 4.532m^3; Kết cấu chính: Móng, đà kiềng, nền, dầm sàn, cột bê tông cốt thép. Tường xây bằng gạch nung trát vữa sơn nước. Bậc chịu lửa II, công năng: nhà ăn của nhân viên. - Các hạng mục phụ trợ khác: bể nước PCCC (720m^3), nhà bơm PCCC (5mx6m), nhà vệ sinh, trạm điện, kho chất thải công nghiệp (60m^2), kho rác thải sinh hoạt (60m^2)…	
2	Quy mô hệ thống phòng cháy chữa cháy và hệ thống kỹ thuật khác liên quan: - Công trình được trang bị hệ thống báo cháy tự động địa chỉ 1 loop; - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước (sprinkler), hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà được cấp nước từ cụm bơm gồm 01 bơm động cơ điện (bơm chính) và 01 bơm động cơ diezel (bơm dự phòng) có cùng thông số kỹ thuật điểm làm việc Q= 130l/s, H= 100 m.c.n, 01 bơm bù áp động cơ điện có thông số kỹ thuật	

Scanned with CamScanner

	điểm làm việc Q= 3l/s, H= 110 m.c.n. Bể nước PCCC được trang bị bể nước ngầm có trữ lượng 720m^3; - Hệ thống hút khói cưỡng bức bao gồm: + Tầng 1 nhà xưởng 3: 16 quạt lưu lượng Q=9.700m^3/h; cột áp 100Pa. + Nhà ăn: 06 quạt lưu lượng Q=20.000m^3/h; cột áp 100Pa. + Trang bị máy phát điện làm nguồn điện dự phòng cho hệ thống hút khói cưỡng bức. - Phương tiện chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; phương tiện chữa cháy ban đầu, bình chữa cháy các loại, dụng cụ phá dỡ thô sơ.	
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ**	
1	Thuyết minh kiến trúc, kết cấu: 1 bộ.	
2	Thuyết minh PCCC: 1 bộ.	
3	Bản vẽ mặt bằng tổng thể: TT-01 đến TT-11	
4	Bản vẽ kiến trúc kết cấu: Nhà xưởng 3 (KT-NX3-00 đến KT-NX3-11; GCC-NX3-01 đến GCC-NX3-04; KC-NX3-01 đến KC-NX3-17). Nhà kho (KT-NK-00 đến KT-NK-07; KC-NK-01 đến KC-NK-07). Nhà ăn (KT-NA-00 đến KT-NA-17; KC-NA-01 đến KC-NA-01 ĐẾN KC-NA-28). Nhà bảo vệ 2 (KT-NBV2-01 đến KT-NBV2-04; KC-NBV2-01 đến KC-NBV2-03). Bể nước ngầm PCCC (KC-BPCCC2-01 đến KC-BPCCC2-03). Nhà vệ sinh công nhân 2 (KT-WCCN3-01 đến KC-WCCN3-01 đến KC-WCCN3-02). Nhà trạm bơm (KT-NTB-01 đến KT-NTB-02; KC-NTB-01). Kho chứa chất thải công nghiệp (KT-CTCN-01 đến KT-CTCN-03; KC-CTCN-01). Kho chứa chất thải sinh hoạt (KT-CTSH-01 ĐẾN KT-CTSH-03; KC-CTSH-01). Trạm biến áp: (KT-TBA-01).	
5	Bản vẽ giao thông phục vụ PCCC: GT-01 đến GT-04;	
6	Bản vẽ hệ thống chữa cháy tự động bằng nước (Sprinkler), hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: CC-01 đến CC-21;	
7	Bản vẽ hệ thống hút khói cưỡng bức: HK-01 đến HK-12;	
8	Bản vẽ phương tiện chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; bình chữa cháy xách tay: SC-01 đến SC-11;	
9	Bản vẽ giải pháp chống sét: CS-01 đến CS-02	
10	Bản vẽ hệ thống báo cháy tự động: BC-01 đến BC-18	
11	Bản vẽ giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC: Đ-01	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các tiêu chuẩn về quy hoạch, xây dựng./.

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
V/v vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý
(Số 11 / Năm 2024 / HĐKT)

- *Căn cứ vào Bộ luật dân sự và Luật thương mại đã được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/06/2015;*
- *Căn cứ vào Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*
- *Căn cứ vào Nghị định 80/CP/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Thủ tướng Chính phủ;*
- *Căn cứ vào nhu cầu của hai bên,*

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN A:HKD DỊCH VỤ VỆ SINH ĐÔ THỊ - VẬN TẢI NGUYỄN XUÂN LỘC

Do ông: **Nguyễn Xuân Lộc** – Làm đại diện

Địa chỉ: Kp Tân An,TT. Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0918.035.246

Số tài khoản: 25101986 – tại Ngân hàng Á CHÂU (ACB)– Chi nhánh tỉnh Bình Phước

MST: 3800788963

BÊN B: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:YOU CHUANG VIET NAM FURNITURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết Tắt: YC VN CO.,LTD

Do ông/bà **XU,FENG** – Chức vụ:**Tổng giám đốc**

Địa chỉ:Lô B4, Lô B5, khu công nghiệp Bắc đồng phú,xã tiến hưng,Thành phố Đồng xoài,Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại:0901245098

MST: 3801205156

Số tài khoản:..... – tại Ngân hàng.....

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

I. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1) Nội dung hợp đồng:

- Bên B giao cho Bên A vận chuyển đi xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trong hoạt động kinh doanh của bên B
- Bên A chịu trách nhiệm vận chuyển đi xử lý rác thải sinh hoạt của bên B theo quy trình, 01 tuần thu rác 02 lần, không để quá 04 ngày (trừ chủ nhật và lễ tết)
- Khối lượng dao động khoảng 1 tấn/tháng.
- Bên B phải đảm bảo vệ sinh trong khu vực tập kết rác của bên B
- Địa điểm tập kết: Tại nhà máy của bên B, sau đó bên A vận chuyển đi xử lý

2) **Giá trị hợp đồng:**

Được tính theo tháng, với giá trị là 3.000.000 đ/ tháng

(Bằng chữ: ba triệu đồng chẵn)Đã bao gồm hóa đơn

3) **Hình thức và phương thức thanh toán:**

- Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thanh toán hàng tháng vào từ ngày mùng 1 đến ngày mùng 10 của tháng sau đó (nếu ngày thanh toán trúng vào ngày chủ nhật thì thanh toán vào ngày tiếp theo)

II. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN:

1) **Trách nhiệm của bên B:**

Chịu trách nhiệm thu gom và tập kết rác đến địa điểm tập kết tại **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

- Thanh toán cho bên A theo đúng giá trị hợp đồng
- Không để lẫn rác thải sinh hoạt với các loại rác thải công nghiệp, rác thải y [illegible] rác thải nguy hại khác……

2) **Trách nhiệm của bên A:**

- Vận chuyển đi xử lý rác của bên B theo đúng quy trình và luật định
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có bất kỳ sự cố xảy ra nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý rác sinh hoạt đã nhận
- Trang bị bảo hộ lao động, công cụ, dụng cụ cho người lao động

III. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị trong vòng 01 năm
- Hai bên quan hệ chặt chẽ với nhau trên tinh thần hợp tác cùng hoàn thành trách nhiệm theo nội dung hợp đồng
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
DỊCH VỤ VỆ SINH ĐÔ THỊ-VẬN TẢI NGUYỄN XUÂN LỘC MST: 3800788963 Thị Trấn Tân Phú-Đồng Phú-Bình Phước ĐT: 0918.035.246	CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM
Nguyễn Xuân Lộc	**Xu Feng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

独立-自由-幸福

HỢP ĐỒNG
THU MUA PHẾ LIỆU
THU GOM RÁC CÔNG NGHIỆP

工業垃圾收集、廢料收購合約

(Số 編號: 31/2024/HD.YC-LTS)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015.
  依據由越南國會於 2015/11/24 通過的民法 No.91/2015/QH13。
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua ngày 14/06/2005.
  依據由越南國會於 2005/06/14 通過的商貿法 No.36/2005/QH11。
- Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014;
  依據由越南國會於 2014/06/23 通過的環境保護法 No.55/2014/QH13
- Căn cứ vào Hợp đồng số 643/RCN/HĐ -KT23 (hợp tác, tiếp nhận, xử lý chất thải công nghiệp) giữa Công ty TNHH Long trường Sinh và Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương ký ngày 14/04/2023;
  根据隆长生责任有限公司与平阳水环境股份公司废物处理分公司于 2023 年 4 月 14 日签署的第 643/RCN/HD -KT23 号合同（工业废物的合作、接收和处理）
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các Bên.
  依據雙方的能力與需求。

Hôm nay, ngày 01.. tháng 04 năm 2024, tại Văn phòng **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM** , chúng tôi gồm:

今天，……月……2024，在友创越南家具有限公司的办公室，我们包括：

BÊN A : CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

甲方：友创越南家具有限公司

Địa chỉ trụ sở : Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

地址：越南平福省东赛市天兴公社北东富工业园 B4 地块。

Điện thoại 電話: Fax:

Mã số thuế 稅號: 3801205156

Đại diện 代表 : **XU, FENG**

Chức vụ 職務: **Tổng Giám đốc 总经理**

BÊN B : CÔNG TY TNHH LONG TRƯỜNG SINH

乙方: 隆长生责任有限公司

Địa chỉ trụ sở : 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, TP.Thuận An, Tỉnh Bình Dương。

地址：平阳省，顺安市，安富坊，4区，新万美福路，319/5号。

Điện thoại 電環 : 090.1881.999

Mã số thuế 稅號 : 3702349728

Người đại diện 代表: **NGUYỄN VĂN SINH** （阮文生先生）

Chức vụ 職務 : Giám Đốc 经理

Tài khoản số 帳號 : 5590888999999, ngân hàng Agrbank chi nhánh KCN Sóng Thần Bình Dương.

Hai Bên đã thảo luận và nhất trí ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ về việc thu mua phế,thu gom rác công nghiệp của công ty (sau đây được gọi là "Hợp đồng") với các điều khoản và điều kiện như sau: 雙方經討論達成一致，一起簽署該工業垃圾收集、廢料收購合約（以下稱為"合約"），具體條款如下：

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第一條：合約內容

Theo yêu cầu của Bên A, Bên B đồng ý đảm nhiệm việc thu gom, vận chuyển, phế liệu , rác công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A .依甲方要求，乙方同意收集及運輸甲方生產過程中所發生的廢料、工業垃圾。

Thời gian thực hiện thu gom: Thời gian cụ thể theo số lượng phế liệu, rác công nghiệp thực tế phát sinh. Bên A thông báo cho Bên B về thời gian thu gom trước ít nhất 01 ngày làm việc.

回收時間：依實際所發生的廢料、工業垃圾量決定具體時間。甲方需提前至少一天向乙 方通知回收時間。

Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực 01 năm, kể từ ngày ký

合同有效期：合同自签订之日起 1 年内有效

ĐIỀU 2. GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第 2 條：收購價格及付款方式

2.1 Giá cả : Bên B sẽ chủ động gửi bảng báo giá cho Bên A 3 tháng một lần và được bên A chấp thuận giá bằng văn bản. Bên A bán phế liệu tại xưởng. Bên B chủ động sắp xếp người và xe chở phế liệu.

價格：乙方將每 3 個月向甲方主動發送報價，並經甲方書面批准。甲方在工廠銷售廢料。乙方積極安排攜帶垃圾的人員和車輛。

Khi giá cả trên Thị trường có sự biến động lớn, các Bên thống nhất để điều chỉnh lại Đơn giá này thông qua các Phụ lục Hợp đồng mới có sự xác nhận của cả hai Bên. Các Phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này. 若市場價格有巨大變動，雙方將以由雙方確認的附錄合約調整前述單價。這些附錄合約是合同不可分開的一部分。

2.2. Hình thức thanh toán 付款方式及定金

Bên B thu mua phế liệu sẽ thanh toán theo từng lần phát sinh. 乙方购买的废料将在每次发生时支付

Tiến độ thu gom 收集進度 : Tất cả các loại phế liệu,rác công nghiệp thu gom theo thực tế 根據實際情況收集各類廢料、工業垃圾。

Các loại khác 其他 : theo thỏa thuận 依雙方的協商結果.

Sau khi ký hợp đồng, Bên B sẽ đặt cọc cho Bên A số tiền : 1.000.000.000 (Một ti) đồng . Số tiền này sẽ được Bên A hoàn trả lại cho Bên B khi hết hạn hợp đồng.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

第三條：雙方的 責任

3.1. Trách nhiệm của Bên A 甲方的責任:

- Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B về thời gian thu gom trước ít nhất 01 ngày làm việc; khi giao nhận phế liệu, rác công nghiệp Bên A phải đảm bảo giao đúng số xe và Nhân viên giao nhận của Bên B.

甲方有責任提前至少 1 個工作天向乙方通知收集時間。當交接廢料，甲方需確保正確地交接給乙方的車及人員。

- Bên A phải bố trí điểm lấy phế liệu, rác công nghiệp ở vị trí xe ra vào thuận tiện.

甲方需在車輛出入方便的地方安排廢料、工業垃圾收集點

- Khi có những mặt hàng mà bên A muốn thanh lý thì phải ưu tiên cho Bên B thu mua các mặt hàng mà bên A thanh lý .

当有甲方要清算的物品时，乙方必须优先购买甲方清算的物品。

- Sau khi vận chuyển phế liệu, rác công nghiệp đại diện các Bên phải cùng ký vào Biên bản xác nhận khối lượng phế liệu, rác công nghiệp để làm cơ sở thanh toán và thanh lý Hợp đồng sau này.

廢料運輸後，雙方負責人需一起簽署廢料、工業垃圾數量確認記錄，以作為付款根據及後續合約終止的根據。

- Trong khi Hợp đồng này còn hiệu lực, Bên A không được giao các loại phế liệu, rác công nghiệp này cho các đơn vị khác để thu gom, vận chuyển,thu mua.

甲方不得在合約有效期內讓其他夥伴收集、運輸及收購甲方的廢料、工業垃圾。

- Bên A có trách nhiệm trả lại số tiền mà Bên B đã cọc cho Bên A khi hết hạn hợp đồng.

3.2. Trách nhiệm của Bên B 乙方的責任:

Bên B cam kết trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị, dụng cụ và nhân công để phục vụ cho việc thu mua phế liệu. Nếu không bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế cũng như thiệt hại về con người. Giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận tư cách pháp nhân là bản phụ lục của hợp đồng này

乙方致力於配備齊全的設施，設備，工具和勞務力，以便購買廢料。否則乙方將對經濟損失和人身傷害承擔全部責任。營業執照，合法身份證明是本合同的附錄

- Bên B tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển phế liệu, rác công nghiệp.

乙方對其收集及運輸廢料、工業垃圾服務的合法性自負法律責任。

- Bên B không chịu trách nhiệm khi Bên A giao các loại phế liệu,rác công nghiệp không đúng với số xe và Nhân viên giao nhận có trong Lệnh điều động lấy hàng của Bên B.

若甲方未按乙方指派的人員及車輛交接廢料、工業垃圾，乙方將不接受及不承擔任何責任。

- Trong quá trình thực hiện việc thu gom, vận chuyển phế liệu, rác công nghiệp Bên B phải tuyệt đối tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật.

收集及運輸廢料、工業垃圾過程中，乙方需徹底遵循法律相關的現行規定。

- Cán bộ, nhân viên của Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của Bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A để đảm bảo trật tự an toàn cho nơi làm việc của Bên A; nhân viên của Bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom phế liệu, rác công nghiệp.

每次出入甲方的工作區域時，乙方的人員必須遵守甲方的規定，按照甲方的安全管理及環境保護的規定辦理，以確保甲方工作區域的安全。若違反將要負全責。乙方的員工必須嚴格遵守甲方代表的關於出入及廢料、工業垃圾收集地點的引導。

- Có trách nhiệm ký vào Biên bản xác nhận khối lượng phế liệu, rác công nghiệp để làm cơ sở thanh toán và thanh lý Hợp đồng sau này.

有責任簽署廢料、工業垃圾數量確認記錄，以作為付款的根據及合約後續終止的根據。

- Nghiêm cấm hành vi câu kết gian lận trong quá trình thu gom phế liệu và rác công nghiệp. Nếu vi phạm Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng không cần báo trước.

廢料及工業垃圾收集過程中，嚴格禁止各種欺詐行為。若違反，甲方有權終止合約而不必提前通知

ĐIỀU 4. BẤT KHẢ KHÁNG

第四條：不可抗

4.1. Bất khả kháng là bất kỳ sự kiện hay hoàn cảnh nào hoặc tập hợp của các sự kiện, hoàn cảnh nào vượt ra ngoài sự kiểm soát của các Bên làm cho Bên đó không thể thực hiện một phần hay toàn bộ trách nhiệm của mình theo Hợp đồng bao gồm nhưng không hạn chế ở: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự thay đổi của luật pháp, thay đổi chính sách và các quy định khác có tính chất tương tự của Nhà nước liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp đồng. Những khó khăn về sản xuất như mất điện, thiếu nguyên liệu, thiếu lao động, bãi công... không được xem là Bất khả kháng và không giải phóng các Bên khỏi trách nhiệm thực hiện Hợp đồng hay là lý do chính đáng để các Bên trì hoãn hoặc kéo dài việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

不可抗為超過任何一方的控管能力的任何環境或事件，導致任何一方不能履行合約的一部分或全部義務，包括但不限於天災、戰爭、火災、法律的變更、與履行合約直接有關的政府其他類似性質政策及規定的變更。停電、缺少原料、缺少人力、罷工等與生產相關的各種困難就不視為不可抗，且不解除雙方履行合約的義務或是雙方推遲或延長履行合約義務的正當理由。

4.2. Bên gặp phải Bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia biết trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày. Nếu quá thời hạn trên mà không có thông báo thì sẽ không được chấp nhận là Bất khả kháng và bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng sẽ mất quyền miễn trách về Bất khả kháng. Nếu Bên nào bị ảnh hưởng của Bất khả kháng thì nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng của Bên đó sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả Bất khả kháng. Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng có trách nhiệm sử dụng những nỗ lực hợp lý để khắc phục ảnh hưởng của Bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hậu quả của ảnh hưởng đó trong thời gian sớm nhất có thể.

受不可抗影響的一方必須在 07（七）天內通知另一方。若逾越上述期限仍未通知，將不視為不可抗，且受不可抗影響的一方將失去不可抗的豁免權。若任何一方受到不可抗影响，該方的履行合約的義務將在发生不可抗的時間加上克服不可抗的合理时间内被暫停。

4.3. Xác nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là bằng chứng pháp lý xác nhận sự kiện và khoảng thời gian kéo dài của sự kiện Bất khả kháng.

權責機關的確認將是確認不可抗情況及其持續時間的法律證據。

ĐIỀU 5. BẢO MẬT THÔNG TIN

第五條：資訊保密

5.1. Tất cả các thông tin, bí quyết kỹ thuật và bất cứ tài liệu kỹ thuật bảo mật nào khác xuất phát từ bản Hợp đồng này sẽ là tài sản của cả hai Bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng

không được phép tiết lộ cho Bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của cả Bên A và Bên B.
與該合約相關的任何資訊、技術秘訣及任何保密的技術資訊將為雙方的財產，並在任何情況下，若沒有雙方的書面同意將不允許泄露給任何第三方。

5.2. Trong trường hợp không có thoả thuận khác, Bên nào vi phạm sẽ phải đền bù cho Bên bị vi phạm toàn bộ những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do những vi phạm đó gây ra.
在沒有其他協商的情況下，任何一方若違反前述規定，將需賠償起因於違反行為的所有直接或間接損失給另一方。

5.3. Trách nhiệm giữ bảo mật của hai Bên trong điều khoản này sẽ không được áp dụng cho việc trình, báo cáo Công ty, Tổng công ty và các Công ty thành viên, Kiểm toán của cả hai Bên hoặc khi các cơ quan đại diện pháp luật yêu cầu.
雙方的保密義務將不適用於雙方向其公司、總公司、成員公司、稽核或權責機關呈報及報告。

ĐIỀU 6. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG
第六條：合約爭議的處理手續

6.1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản như đã thỏa thuận trong Hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hay hủy bỏ Hợp đồng (trừ trường hợp pháp luật quy định). Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây, không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng mà không có lý do chính đáng, sẽ bị phạt với mức phạt cụ thể dựa trên khung phạt Nhà nước quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng.
雙方承諾將嚴格遵守合約的條款，不得單方更改或終止合約（法律規定除外）。違反前述條款或不履行或未有正當理由而單方終止合約的任何一方將被處罰。具體罰額將依照國家於合約相關的法令中所規定的罰額。

6.2. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương phân xử, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai Bên cùng tuân thủ. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí toà án do bên có lỗi chịu.合約的任何爭議若不能透過協商解決，將由巴地頭頓省的人民法院處理，法院的生法律效力的判決將是最終決定並約束雙方執行。檢查、確認及法院等相關費用將由敗訴方承擔。

ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN CHUNG
第七條：一般條款

7.1. Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng. Trong trường hợp gặp khó khăn trở ngại, hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi để đi tới thống nhất bằng văn bản và văn bản này được coi là một

điều khoản của Hợp đồng. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung hợp đồng chỉ có giá trị khi được lập bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên.雙方需主動互相通知合約履行進度。若有困難，雙方將本著合作、平等及互利的精神進行討論並以書面達成一致，該書面將被視為合約的部分條款。

Khi hiệu lực của Hợp đồng kết thúc thì hai bên sẽ ngồi lại đàm phán về hợp đồng sau này. 合同有效期届满，双方稍后坐下来协商合同

7.2. Khi hiệu lực của Hợp đồng kết thúc và khi các Bên đã thực hiện đầy đủ các cam kết như đã thoả thuận thì Hợp đồng coi như đã được thanh lý.

當合約的有效期終止，且當雙方已落實其於合約中所承諾的內容，該合約將被視為已終止。

7.3. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 本合約未提及或未盡事宜，雙方將依越南社會主義共和國現行法令的規定執行。

7.4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản và có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 2 (Hai) bản để làm cơ sở thực hiện.

本合同一式四份（四）份，具有同等法律效力，甲方留存二（二）份，乙方留存二（二）份作为执行依据。

ĐẠI DIỆN BÊN A **甲方代表** **Tổng Giám đốc 总经理**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **乙方代表** **Giám đốc 协理**
XU, FENG	**NGUYỄN VĂN SINH**

CTY TNHH TMDV CAO MÔI TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01-2024HĐRCN/VS-YC

HỢP ĐỒNG

V/v thu gom xử lý rác thải công nghiệp của
CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về Quản lý Chất thải và phế liệu;
- Căn cứ theo nhu cầu của Công Ty TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM.

*Hôm nay, ngày **01** tháng **01** năm **2024** tại Bình Dương, chúng tôi gồm:*

BÊN A: CÔNG TY TNHH TMDV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0961035995 Fax :

MST: 3702794609

Do Ông: CAO THÀNH HƯNG Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

BÊN B: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B4, Lô B5, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Điện thoại: 0271. 627 0088 – 0271. 627 0099

MST: 3801205156

Do Ông: XU FENG Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng tiếp nhận và xử lý rác thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên B đồng ý giao cho bên A tiếp nhận và xử lý rác thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên B.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Rác thải công nghiệp được bên B thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải công nghiệp thông thường do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do bên B tự trang bị.

- Rác thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động phải được lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không rò rỉ ra môi trường.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân điện tử của bên A, có xác nhận của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- **Thời gian thu gom**: theo sự thỏa thuận và sự thông báo của bên B, tiếp nhận sáng từ 8g; chiều từ 14g (trừ ngày lễ và ngày tết).
- **Địa điểm giao nhận:** Lô B4, Lô B5, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá thu gom xử lý chất thải công nghiệp:

Stt	Loại chất thải công nghiệp	Trạng thái	Đơn giá Xử Lý (VNĐ)/kg	Ghi chú
1	Thu gom rác thải công nghiệp (không nguy hại)	Rắn	2.000	

Ghi chú:

- *Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.*
- *Khi có thay đổi đơn giá, bên A sẽ báo cho bên B trước 30 ngày bằng văn bản*

2.2. Phương thức thanh toán

- Bên A sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên B.
- Bên B thanh toán cho bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên B chi trả). Thời gian thanh toán 05 ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn điện tử do bên A phát hành.
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ emai nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ

- **Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản. Nếu bên B không thông báo thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.**

- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên A được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên B không thanh toán cho Bên A theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên A sẽ ngưng tiếp nhận chất thải cho Bên B đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1 Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được nhận tiền do bên B thanh toán theo Điều 02.
- Bên A có quyền thông báo tạm ngưng tiếp nhận chất thải bằng văn bản trước 30 ngày nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
  - Tạm ngưng tiếp nhận chất thải do bên B vi phạm hợp đồng.
  - Tạm ngưng do bên B thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
  - Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
  - Tạm ngưng theo yêu cầu của cơ quan có chức năng.
  - Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Bảo đảm tuân thủ thu gom xử lý chất thải đúng như Điều 1; quy định về xử lý rác thải công nghiệp.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Tạm ngưng việc giao rác thải công nghiệp cho bên A bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên A vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao rác thải công nghiệp cho bên A xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Tạm ngưng theo yêu cầu của cơ quan có chức năng.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Chịu trách nhiệm phân định chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho bên A.
- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 1.
- Thanh toán tiền, xử lý chất thải cho bên A theo Điều 2.
- Phân loại chất thải theo quy định. Không để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động của người lao động, chất thải công nghiệp từ quá trình sản xuất, bùn thải hoặc các loại chất thải khác vào các loại chất thải thuộc Danh mục chất thải công nghiệp quy định tại Điều 2, Khoản 1.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A trong quá trình tiếp nhận chất thải. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên A có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải hoặc phế liệu (nếu có)
- Trong trường hợp bên B tạm ngưng giao rác thải cho bên A xử lý theo mục 3.2.1 Điều 3 thì bên B phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên A trong vòng 15 (mười

lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.

- Trong thời gian giá trị hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.
- Đối với rác thải nguy hại (nếu có) bên B phải thông báo cho bên A để bên A có phương tiện thu gom phù hợp.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ngày **01** tháng **01** năm **2024** ký đến ngày **31** tháng **12** năm **2024**. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên B không tiếp tục giao chất thải cho bên A thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 04 (bốn) trang, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ (01) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
M.S.D.N: 3702794609 - C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TNHH TMDV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG ★ TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG	M.S.D.N: 3801205156 - C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM ★ TP. DĨ AN - T. BÌNH PHƯỚC
CAO THÀNH HƯNG	**XU FENG**

CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY
NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 654.. -**RNH/HĐ – KT/24**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công Ty TNHH Nội Thất You Chuang Việt Nam

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 539/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương ngày 25 tháng 12 năm 2023.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo bảng phân định chất thải ngày 03 /04 /2023 của Công Ty TNHH Nội Thất You Chuang Việt Nam.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công Ty TNHH Nội Thất You Chuang Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3801205156 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước (cấp chứng nhận thay đổi lần 1) ngày 08/06/2021.

Hôm nay, ngày 04 tháng 04 năm 2024 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B4, B5 Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: : 02716270066 ~ 02716270000 Fax:

Tài khoản số: 180580689000073 Tại: Ngân hàng Eximbank CN Bình Phước

MST: 3801205156

Do Ông/Bà: **XU, FENG** Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng: 3801205156BP00

Ngành sản xuất: Nội thất.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29 Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CTY CP – TỔNG CTY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 650.006.9090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG** Chức vụ: Giám đốc CN Làm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom,vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A .

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 1 lần/ tháng vào ngày thứ bảy tuần thứ ba hàng tháng (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại Công Ty TNHH Nội Thất You Chuang Việt Nam (Địa chỉ: Lô B4, B5 Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Cặn sơn, sơn và vécni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/ Lỏng	08 01 01	Thiêu đốt	5.000	
02	Bùn thải lẫn sơn hoặc vecni có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Bùn	08 01 02	Thiêu đốt	7.000	
03	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	10.000	
04	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Lỏng	08 03 01	Thiêu đốt	6.000	
05	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/ Chôn	20.000	
06	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	4.000	
07	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	17 08 03	Tái chế	4.000	1.200.000
08	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt	4.000	
09	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	Thiêu đốt/ Tẩy rửa	4.000	
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	Thiêu đốt/ Tẩy rửa	4.000	
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	5.000	
12	Pin, Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa	10.000	
13	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại hữu cơ	Rắn	19 12 03	Thiêu đốt	7.000	

Ghi chú: *- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.*

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại **0274. 6566.292**.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: **www.biwase.com.vn** để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Thu Đại	**youchuangvn@gmail.com**	**Tel : 02716270066** **DĐ : 0974544967**

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi trên hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1– khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2– Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.

- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
  + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
  + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
  + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt…
  + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép môi trường được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.

- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 04 tháng 04 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
M.S.D.N: 3801205156-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG	M.S.C.N: 3700145601 - C.T.C.P CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG
Xu Feng	Ngô Chí Thắng

Trang 6

CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE

Số: 654 - RNH/ PL – HĐ/24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

V/v thay đổi thông tin Công ty (Bên B)

Căn cứ hợp đồng số: 654-RNH/HĐ-KT/24 ngày 04 tháng 04 năm 2024 được ký giữa Công Ty TNHH Nội Thất You Chuang Việt Nam (Bên A) và Chi nhánh Xử Lý Chất Thải (Bên B) về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

Căn cứ theo nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương số 37/NQ-HĐQT ngày 06/06/2024.

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công Ty TNHH Một Thành Viên Liên Hợp Khoa Học - Công Nghệ - Môi Trường Biwase, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2024.

Căn cứ Thông báo số 03A/TB-KHCNMT.KD ngày 01 tháng 07 năm 2024 về việc thay đổi thông tin pháp nhân.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2024 tại Bình Dương, Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B4, B5 Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: : 02716270066 ~ 02716270000 Fax:

Tài khoản số: 180580689000073 Tại: Ngân hàng Eximbank CN Bình Phước

MST: 3801205156

Do Ông/Bà: **XU, FENG** Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện.

Mã khách hàng: 3801205156BP00

Ngành sản xuất: Nội thất.

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE

Địa chỉ: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3543527 Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE**

Tài khoản số: 8600413939 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Mã số thuế: 3703221375

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG** Chức vụ: Giám đốc Làm Đại Diện

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký phụ lục thay đổi thông tin Công ty (Bên B) cho hợp đồng xử lý chất thải số: 654-RNH/HĐ-KT/24 ngày 04 tháng 04 năm 2024 với các điều khoản như sau:

Điều I: Hai bên đồng ý ký phụ lục thay đổi thông tin Công ty (Bên B) cho hợp đồng số: 654-RNH/HĐ-KT/24 ngày 04 tháng 04 năm 2024 như sau:

THÔNG TIN CŨ	THÔNG TIN MỚI
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ chi nhánh : Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0274. 6564528/29 Fax: 02743.542907 Tên tài khoản : **CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Tài khoản số 1: 6500069090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương Mã số thuế: 3700145694-008 Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG** Chức vụ: Giám đốc CN Làm Đại Diện	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE** Địa chỉ: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0274.3543527 Fax: 02743.542907 Tên tài khoản : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE** Tài khoản số: 8600413939 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương Mã số thuế: 3703221375 Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG** Chức vụ: Giám đốc Làm Đại Diện

MẪU CON DẤU CŨ	MẪU CON DẤU MỚI

Điều II: Các Nội dung và các điều khoản khác trong hợp đồng số: 654-RNH/HĐ-KT/24 ngày 04 tháng 04 năm 2024 vẫn không thay đổi.

Điều III: Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và là một phần không thể tách rời của hợp đồng số: 654-RNH/HĐ-KT/24 ngày 04 tháng 04 năm 2024.

Điều IV Các bên có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký.

Điều V: Phụ lục hợp đồng bao gồm 3 (ba) trang, được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xu Feng	Ngô Chí Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN **KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: 101/BDP-ĐTXD V/v chấp thuận đấu nối đường giao thông, thoát nước mưa cho Công ty TNHH nội thất YouChuang Việt Nam	*Bình Phước, ngày 20 tháng 09 năm 2023*

Kính gửi: Công ty TNHH nội thất YouChuang Việt Nam

Căn cứ vào Công văn số: 15092023/CV/YOUCHUANG của Công ty TNHH nội thất YouChuang Việt Nam ký ngày 15/09/2023 về việc xin đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật vào mạng lưới hạ tầng kỹ thuật của KCN Bắc Đồng Phú;

Căn cứ Quy định quản lý xây dựng trong KCN Bắc Đồng Phú ban hành theo Quyết định số: 62/QĐ-BDP ngày 08/6/2015 của Tổng giám đốc Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú.

Sau khi Phòng Đầu tư – Xây dựng kiểm tra hồ sơ xin phép đấu nối của Công ty TNHH nội thất YouChuang Việt Nam. Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú thống nhất các điểm đấu nối hạ tầng cụ thể như sau:

- Điểm đấu nối hệ thống nước mưa được đấu trực tiếp vào vị trí hố ga GP180 trên tuyến N2 – KCN Bắc Đồng Phú. Công ty TNHH nội thất YouChuang Việt Nam thay thế một nắp đan bê tông bằng một nắp đan thép hở tại vị trí đấu nối.
- Đấu nối giao thông 01 cổng trên tuyến đường N2 (theo bản vẽ của Công ty TNHH nội thất YouChuang Việt Nam cung cấp.)

Công ty TNHH nội thất YouChuang Việt Nam căn cứ vào các vị trí này để gửi Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước xin giấy phép xây dựng. Trong quá trình thiết kế xin phép xây dựng Quý Công ty lưu ý tuân thủ Quy định quản lý xây dựng trong KCN Bắc Đồng Phú. Sau khi bản vẽ xây dựng được cấp phép thì Quý Công ty gửi 01 bản phô tô giấy phép xây dựng kèm bản vẽ cho Phòng Đầu tư – Xây dựng Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú quản lý và giám sát đấu nối về sau.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận: – Như trên; – Lưu: VT, Phòng ĐT- XD.	**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC** **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC** CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ *Phan Văn Trình*

Scanned with CamScanner

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 01/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: So 21/VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.380 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.380 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 04 tháng 01 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Uu	*Bình Dương, ngày 04 tháng 01 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 02/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	5.920 Kg	
	Tổng khối lượng	**5.920 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Khải	*Bình Dương, ngày 08 tháng 01 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 03/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	10.100 Kg	
2	Củi vụn	-	
	Tổng khối lượng	**10.100 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 12 tháng 01 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 12 tháng 01 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 04/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tân Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: số 21, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.300 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.300 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 13 tháng 01 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 13 tháng 01 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 05/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP.4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231 tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.210 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.210 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 16 tháng 01 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 16 tháng 01 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 06/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 24 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.460 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.460 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 19 tháng 01 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 07/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 31 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	10.170 Kg	
2	Củi vụn		
	Tổng khối lượng	**10.170 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 22 tháng 01 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 22 tháng 01 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 08/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.590 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.590 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 24 tháng 01 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 24 tháng 01 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 09/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 2 / VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.920 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.920 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 26 tháng 01 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Hiếu	*Bình Dương, ngày 26 tháng 01 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 10/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	10.180 Kg	
2	Củi vụn	-	
	Tổng khối lượng	**10.180 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 31 tháng 01 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 31 tháng 01 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 11/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô 28, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.580 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.580 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 01 tháng 02 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 01 tháng 02 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 12/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP.4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.380 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.380 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 02 tháng 02 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 02 tháng 02 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 13/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 26 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.150 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.150 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 04 tháng 02 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 04 tháng 02 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 14/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 31, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP.4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.050 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.050 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 27 tháng 02 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 27 tháng 02 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 15/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.920 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.920 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 04 tháng 03 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 04 tháng 03 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 16/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: So 21/VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Cùi vụn	6.910 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.910 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 07 tháng 03 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 07 tháng 03 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 17/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.990 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.990 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 12 tháng 03 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 18/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 2/1 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	11.450 Kg	
2	Củi vụn	-	
	Tổng khối lượng	**11.450 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 14 tháng 03 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 14 tháng 03 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 19/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.550 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.550 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 15 tháng 03 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 15 tháng 03 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 20/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 2 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.930 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.930 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 19 tháng 03 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 19 tháng 03 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 21/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	11.570 Kg	
2	Củi vụn		
	Tổng khối lượng	**11.570 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 20 tháng 03 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 20 tháng 03 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 22/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân/Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.830 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.830 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 22 tháng 03 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 22 tháng 03 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 23/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.480 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.480 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Khải	*Bình Dương, ngày 28 tháng 03 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 24/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 2/1 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	11.730 Kg	
2	Củi vụn	-	
	Tổng khối lượng	**11.730 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Đào Quang Thọ	*Bình Dương, ngày 29 tháng 03 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 25/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.720 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.720 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 01 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 01 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 26/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô O, 01/VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tan Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Cũi vụn	6.480 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.480 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 02 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 02 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 27/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tân Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.940 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.940 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 04 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Đăng Khu	*Bình Dương, ngày 04 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 28/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: 2/ VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tan Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	10.520 Kg	
2	Củi vụn	7.840 Kg	
	Tổng khối lượng	**18.360 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 06 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 06 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 29/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	11.980 Kg	
	Tổng khối lượng	**11.980 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 08 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 08 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 30/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	8.030 Kg	
2	Củi vụn	9.260 Kg	
	Tổng khối lượng	**17.290 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 09 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Vu	*Bình Dương, ngày 09 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 31/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.140 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.140 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 10 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 32/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 24 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.940 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.940 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 13 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 13 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 33/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21/VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	7.580 Kg	
2	Củi vụn	-	
	Tổng khối lượng	**7.580 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 16 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 16 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 34/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21/VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.220 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.220 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 19 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** B Tú Quang Hà	*Bình Dương, ngày 19 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 35/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, PAn Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.450 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.450 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 24 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 24 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 36/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 2, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	8.730 Kg	
2	Củi vụn	6.790 Kg	
	Tổng khối lượng	**15.520 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 27 tháng 04 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 27 tháng 04 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**
	CAO NHÃ VY

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 50/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phu, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào		
2	Củi vụn	7.280 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.280 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 31 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 31 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 37/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	8.050 Kg	
	Tổng khối lượng	**8.050 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 05 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 05 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 38/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tạn Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.930 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.930 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 08 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 08 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 39/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô 50A/ II/VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP.4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.950 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.950 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 09 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 09 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 40/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bảo Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 27 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	8.080 Kg	
	Tổng khối lượng	**8.080 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 13 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 13 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 41/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 27 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	7.900 Kg	
2	Củi vụn	-	
	Tổng khối lượng	**7.900 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày14 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 14 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 42/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 25 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.670 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.670 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 17 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 17 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 43/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	18.290 Kg	
	Tổng khối lượng	**19.290 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 20 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 20 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 44/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	10.200 Kg	
2	Củi vụn		
	Tổng khối lượng	**10.200 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 22 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 22 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 45/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 2/1, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn,, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương.	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.870 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.870 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 23 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 23 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 46/2024/BBBGCTRYC-LTS
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**	
Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh	
Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	8.520 Kg	
	Tổng khối lượng	**8.520 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 25 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 25 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 47/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 31/VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tan Van, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.110 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.110 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 27 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Chu	*Bình Dương, ngày 27 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 48/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	8.230 Kg	
2	Củi vụn	-	
	Tổng khối lượng	**8.230 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 28 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 28 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 49/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào		
2	Củi vụn	6.880 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.880 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 30 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 30 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 50/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tấn Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, T231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào		
2	Củi vụn	7.280 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.280 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 31 tháng 05 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Lê	*Bình Dương, ngày 31 tháng 05 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 51/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP.4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.550 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.550 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 03 tháng 06 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Hà	*Bình Dương, ngày 03 tháng 06 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 52/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Vàng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	8.030 Kg	
2	Củi vụn	7.770 Kg	
	Tổng khối lượng	**18.800 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 06 tháng 06 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 06 tháng 06 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 53/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: So 31/VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Cùi vụn	7.370 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.370 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 08 tháng 06 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 08 tháng 06 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 54/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đường Phố Xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 2 P.VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP.4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	8.360 Kg	
	Tổng khối lượng	**8.360 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 10 tháng 06 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 10 tháng 06 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 55/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	14.190 Kg	
2	Củi vụn	-	
	Tổng khối lượng	**14.190 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 13 tháng 06 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Chí	*Bình Dương, ngày 13 tháng 06 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 56/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.310 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.310 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 15 tháng 06 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Chu	*Bình Dương, ngày 15 tháng 06 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 57/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG-VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP.4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	8.640 Kg	
	Tổng khối lượng	**8.640 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 18 tháng 06 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 18 tháng 06 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**
Bùi Quang Lực	**CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 58/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 31/VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	7.560 Kg	
2	Củi vụn		
	Tổng khối lượng	**7.560 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 20 tháng 06 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 20 tháng 06 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 59/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21/VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương.	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	13.250 Kg	
	Tổng khối lượng	**13.250 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 24 tháng 06 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 24 tháng 06 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 60/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 2, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	6.600 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.600 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 27 tháng 06 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 27 tháng 06 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**
	CAO NHÃ VY

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 61/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	13.760 Kg	
2	Củi vụn	9.550 Kg	
	Tổng khối lượng	**23.310 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 28 tháng 06 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 28 tháng 06 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 62/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21/VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Cùi vụn	6.910 Kg	
	Tổng khối lượng	**6.910 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 02 tháng 07 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 02 tháng 07 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 63/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	8.960 Kg	
	Tổng khối lượng	**8.960 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 06 tháng 07 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Chí	*Bình Dương, ngày 06 tháng 07 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 64/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bac Đồng Phú, Xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 2, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	13.180 Kg	
2	Củi vụn		
	Tổng khối lượng	**13.180 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 07 tháng 07 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Trần Quang Chu	*Bình Dương, ngày 07 tháng 07 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 65/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 41 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.660 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.660 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 08 tháng 07 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 08 tháng 07 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 66/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	7.200 Kg	
	Tổng khối lượng	**7.200 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 12 tháng 07 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Lực	*Bình Dương, ngày 12 tháng 07 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 67/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	9.750 Kg	
2	Củi vụn	10.820 Kg	
	Tổng khối lượng	**20.570 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 15 tháng 07 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 68/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương.	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	11.980 Kg	
	Tổng khối lượng	**11.980 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 18 tháng 07 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 69/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 2, VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương.	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	12.680 Kg	
2	Củi vụn	-	
	Tổng khối lượng	**12.680 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 23 tháng 07 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 23 tháng 07 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 70/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: So 21 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	9.960 Kg	
	Tổng khối lượng	**9.960 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 26 tháng 07 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 26 tháng 07 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 71/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 27 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	8.790 Kg	
2	Củi vụn	-	
	Tổng khối lượng	**8.790 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên**	*Bình Dương, ngày 29 tháng 07 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

TỈNH BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 72/2024/BBBGCTRYC-LTS

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô B4, Khu công nghệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Số 27 VSIP II-A, Đường số 27, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Long Trường Sinh

Địa chỉ văn phòng: 319/5, đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP 4, P.An Phú, Thuận An, Bình Dương	ĐT: 0961616868
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290,, 1231, tờ bản đồ số 46, đường Khánh Bình 71, Phường Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐT: 0961616868

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Dăm bào	-	
2	Củi vụn	9.700 Kg	
	Tổng khối lượng	**9.700 Kg**	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 30 tháng 07 Năm 2024 **Bên giao** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** Bùi Quang Lâm	*Bình Dương, ngày 30 tháng 07 Năm 2024* **Bên nhận** *(Chữ ký, đóng dấu nếu có)* **Họ và tên** **CAO NHÃ VY**

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 01

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận (Chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Mút xốp	2kg	
2	Giấy Vụn	63kg	
3	Bịch nilong	4kg	
4	Nhám phế	27kg	
5	Thùng phuy	28 cái	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 20 tháng 02 năm 2024	Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Vũ Văn Hải	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 02

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961015995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Giấy Vụn	51 Kg	
2	Nhôm phế	19 Kg	
3	Bịch nilong	4 Kg	
4	Thùng phuy	39 Cái	
5	Mút Xốp	3 Kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 29 tháng 02 năm 2024	Bình Dương, ngày 29 tháng 02 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 01

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Bịch nilong	4,5 kg	
2	Giấy Vun	73 kg	
3	Nhám phế	29 kg	
4	Mút Xốp	3 kg	
5	Thùng phuy	45 Cái	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 10 tháng 03 năm 2024	Bình Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Ly Văn Sơn	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 02

1. Bên giao : (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 241 Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Thùng phuy	4 Cái	
2	Giấy Vun	63 kg	
3	Mút Xốp	7 Kg	
4	Nhám phế	39 kg	
5	Bịch nilong	7 Kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 20 tháng 03 năm 2024	**Bình Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2024**
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Nguyễn Văn Sơn	Cao Quy Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 03

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Bịch nilong	6 kg	
2	Thùng phuy	45 Cái	
3	Giẻ Vụn	93 kg	
4	Thảm phế	21 kg	
5	Mút Xốp	4 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 31 tháng 03 năm 2024	Bình Dương, ngày 31 tháng 03 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Nguyễn Thị Sông	Cao Công Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 01

1. Bên giao : (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B4, Lô B3, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Nhám phế	47 kg	
2	Nút xốp	5,5 kg	
3	Thùng phuy	47 Cái	
4	Giấy Vun	71 kg	
5	Bịch nilong	4 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 10 tháng 04 năm 2024	**Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2024**
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Nguyễn Văn Sáng	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 02

1. Bên giao : (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Nhám phê	42 kg	
2	Thùng phuy	61 Cái	
3	Bịch nilong	5,5 kg	
4	Mút xốp	3 kg	
5	Giấy Vụn	89 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 20 tháng 04 năm 2024	Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Ly Văn Sơ	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 03

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Thùng phuy	48 Cái	
2	Giấy Vụn	53 kg	
3	Bịch nilong	55 kg	
4	Mút Xốp	35 kg	
5	Nhám phế	35 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 29 tháng 04 năm 2024	**Bình Dương, ngày 29 tháng 04 năm 2024**
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
8/14	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 01

1. Bên giao : (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 31/Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Mút xốp	4,5 kg	
2	Thùng phuy	67 Cái	
3	Giấy Vụn	73 kg	
4	Bịch rút long	6 kg	
5	Nhám phế	24 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 10 tháng 05 năm 2024	Bình Dương, ngày 10 tháng 05 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Nguyễn Văn Sáu	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 02

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4; Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Giấy Vụn	48 kg	
2	Bịch nilong	3,5 kg	
3	Nhám phế	32 kg	
4	phuông phuy	54 Cái	
5	Mút Xốp	3,5 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 20 tháng 05 năm 2024	Bình Dương, ngày 20 tháng 05 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Nguyễn Văn Sáng	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 03

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 34, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Nhám phế	39 kg	
2	Thùng phuy	43 Cái	
3	Giấy Vụn	65 kg	
4	Bịch nilong	4 kg	
5	Mút Xốp	3 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 31 tháng 05 năm 2024	**Bình Dương, ngày 31 tháng 05 năm 2024**
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Ngô Văn Sửa	Cao Quy Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 01

1. Bên giao : (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Mút Xốp	3 kg	
2	thùng phuy	52 Cái	
3	Giấy Vun	92 kg	
4	Nhám phế	28 kg	
5	Bịch nilong	8 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 10 tháng 06 năm 2024	**Bình Dương, ngày 10 tháng 06 năm 2024**
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Vũ Văn Sáo	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 02

1. Bên giao : (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Bịch nilong	5 kg	
2	Nhám phế	17 kg	
3	Thùng phuy	47 cái	
4	Mút Xốp	4,5 kg	
5	Giấy Vun	87 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 20 tháng 06 năm 2024	**Bình Dương, ngày 20 tháng 06 năm 2024**
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Nguyễn Văn Sông	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 03

1. Bên giao : (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Mút xốp	6kg	
2	Giấy Vụn	93kg	
3	Thùng phuy	53 cái	
4	Bịch nilong	4kg	
5	Nhám phế	34 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 30 tháng 06 năm 2024	Bình Dương, ngày 30 tháng 06 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
N. V. Việt Sơn	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 01

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B1, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Phuy phuy	47 Cái	
2	Giấy Vụn	63 kg	
3	Nhám phế	33 kg	
4	Bịch nilong	6 kg	
5	Mút Xốp	4 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2024	Bình Dương, ngày 10 tháng 07 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Vũ Văn Sơn	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 02

1. Bên giao : (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số nhà 24, Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Giấy Vụn	61kg	
2	Mút Xốp	4kg	
3	Nhám phế	48kg	
4	Thùng phuy	52 Cái	
5	Bịch nilong	35kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 20 tháng 07 năm 2024	Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Vũ Văn Sơn	Cao Quang Anh

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC CÔNG NGHIỆP

Số : 03

1. Bên giao : (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B4, Lô B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02716270088

2. Bên nhận : (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CAO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : 30 Đường DX24, Tổ 15, Khu Phố 3, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0961035995

3. Khối lượng : Rác công nghiệp chuyển giao :

TT	Các loại rác công nghiệp	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Mút Xốp	4kg	
2	Thùng phuy	48 Cái	
3	Nhám phế	39 kg	
4	Bịch nilong	6,5 kg	
5	Giấy Vun	81 kg	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Phước, ngày 31 **tháng** 07 **năm 2024**	**Bình Dương, ngày** 31 **tháng** 07 **năm 2024**
Bên giao	**Bên nhận**
(Chữ ký, đóng dấu nếu có)	**(Chữ ký, đóng dấu nếu có)**
Vũ Văn Sáu	Cao Anh

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 18, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT: 02743.542.906 Số Giấy phép môi trường
ĐT: 02743.543.644 539/GPMT-BTNMT
Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: .....Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn Phòng: .....ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: .....ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải:.....Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn Phòng:.....ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:**.....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: .....Ký:.....Ngày.....
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....Ký:.....Ngày.....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày.....tháng.....năm.....

ZHOU GAOMING

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày.....tháng.....năm.....

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:...../202.4...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trườn 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty INFI Yau Chuang VN Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn sơn				08 01 01	450	TD
2	Bao bì nhiễm thành phần nguy hại	x			18 01 01	450	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** .....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ..... Ký: ..... Ngày 16/7/24
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày ..... tháng ..... năm .....
CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YAU CHUANG VIỆT NAM
ZHOU GAOMING

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
..... ngày 22 tháng 7 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG – BẾN CÁT – T. BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3201 /202-...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743.542.986

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743.543.64 Fax: 02743.542.907

Số Giấy phép môi trường 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc	✓			18 02 01	90	TH
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp		✓		08 01 01	1	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 24H07377

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Duy Tân Ký: Tân Ngày 18-5-2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 17 tháng 05 năm 2024

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 17 tháng 5 năm 2024

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1041 /2024

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Số giấy phép môi trường: 539/GPMT-BTNMT
ĐT: 02743.542.906
ĐT: 02743.543.644
Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty ... Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Bao bì ...				08601	50	TD
	Chất hấp thụ ...				18701	50	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C-32425

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Huỳnh Phúc Hậu Ký: Hậu Ngày 15/06/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 15 tháng 06 năm 2024
CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM
Chu Gao Ming

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 17 tháng 6 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 0516/2024

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE Số giấy phép môi trường: 539/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743.542.906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743.543.644
Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH MTV You Chuang VN Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): 1DCT
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Lô BU B5 KCN B... Tân Hi... xã Thiện Hưng ĐT: .....
Tổ 36, ... khối B5

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ vật liệu lọc	✓			180104	50	TD
2	Cặn sơn và sơn rắc rì	✓			080101	45	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 51H-047.72

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Văn Đức Ký: ..... Ngày 16/7/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 16 tháng 07 năm 2024
CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM
ZHOU GAOMING

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày 16 tháng 7 năm 2024
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

VIMCERTS 308

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Trụ sở: 54E, Đường 18, KP.3, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP. HCM
Phòng TN: 33A/4, Đường 12, KP.2, Hiệp Bình Phước, Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (028) 6650 5455 - 0933.603.356 - E-mail: moitruongvietnam@dautumoitruong.com.vn
Website: www.dautumoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: VN230400078.01-05

Khách hàng	Công ty TNHH Nội Thất YOU CHUANG Việt Nam		
Địa điểm lấy mẫu	Lô B4, khu công nghệ Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, Tp. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam		
Tên mẫu thử	Mẫu không khí	Số lượng mẫu	05
Ngày lấy mẫu	10/05/2023	Ngày trả kết quả	17/05/2023
Thông tin mẫu	**KK1:** Không khí khu vực gia công **KK2:** Không khí khu vực chà nhám **KK3:** Không khí khu vực sơn **KK4:** Không khí khu vực gép gỗ, ván **KK5:** Không khí khu vực lắp ráp sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế		

Phương pháp và Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả					QCVN 26:2016/BYT
				KK1	KK2	KK3	KK4	KK5	
1	Nhiệt độ[(a)]	^{0}C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,4	31,4	31,2	31,8	31,8	**18 - 32**
2	Độ ẩm tương đối[(a)]	%RH	QCVN 46:2012/BTNMT	71,2	71,2	67,4	65,4	66,3	**40 - 80**
3	Tốc độ gió[(a)]	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,32	0,34	0,33	0,35	0,36	**0,2 - 1,5**
4	Tiếng ồn[(a)]	dBA	TCVN 7878-2:2010	84,3	82,6	76,0	78,7	78,7	**85**[(1)]

Ghi chú:

1. *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Mọi thông tin trên phiếu kết quả được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Hết thời hạn lưu mẫu Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.*
2. *[(a)]: Các chỉ tiêu đã được chứng nhận Vimcerts 308.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh; 05 ngày làm việc kể từ ngày trả kết quả đối với các mẫu còn lại.*

4. *KPH: Không phát hiện.*
5. *(1): QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.*
6. *(1):QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.*

Phụ trách Phòng thử nghiệm

Nguyễn Đức Chung

Giám đốc

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Lê Thị Hằng

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

VIMCERTS 308

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Trụ sở: 54E, Đường 18, KP.3, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP. HCM
Phòng TN: 33A/4, Đường 12, KP.2, Hiệp Bình Phước, Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (028) 6650 5455 - 0933.603.356 - E-mail: moitruongvietnam@dautumoitruong.com.vn
Website: www.dautumoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: VN230500078.06

Khách hàng	Công ty TNHH Nội Thất YOU CHUANG Việt Nam		
Địa điểm lấy mẫu	Lô B4, khu công nghệ Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, Tp. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam		
Tên mẫu thử	Mẫu nước thải	Số lượng mẫu	01
Ngày lấy mẫu	10/05/2023	Ngày trả kết quả	17/05/2023
Thông tin mẫu	NT: Nước thải của nhà máy		

Phương pháp và Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1	pH (a)	-	TCVN 6492:2011	5,8	5,5 - 9
2	TSS (a)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	60	100
3	COD (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	73	150
4	BOD_5 (a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	30	50
5	NH_4^+-N (a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	5,7	10
6	Tổng P (a)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	3,65	6
7	Tổng N (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	25,2	40
8	Tổng dầu, mỡ khoáng (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	8,3	10

Ghi chú:

1. *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Mọi thông tin trên phiếu kết quả được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Hết thời hạn lưu mẫu Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.*
2. *(a): Các chỉ tiêu đã được chứng nhận Vimcerts 308.*
3. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh; 05 ngày làm việc kể từ ngày trả kết quả đối với các mẫu còn lại.*
4. *KPH: Không phát hiện.*

5. QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Phụ trách Phòng thử nghiệm

Nguyễn Đức Chung

Giám đốc

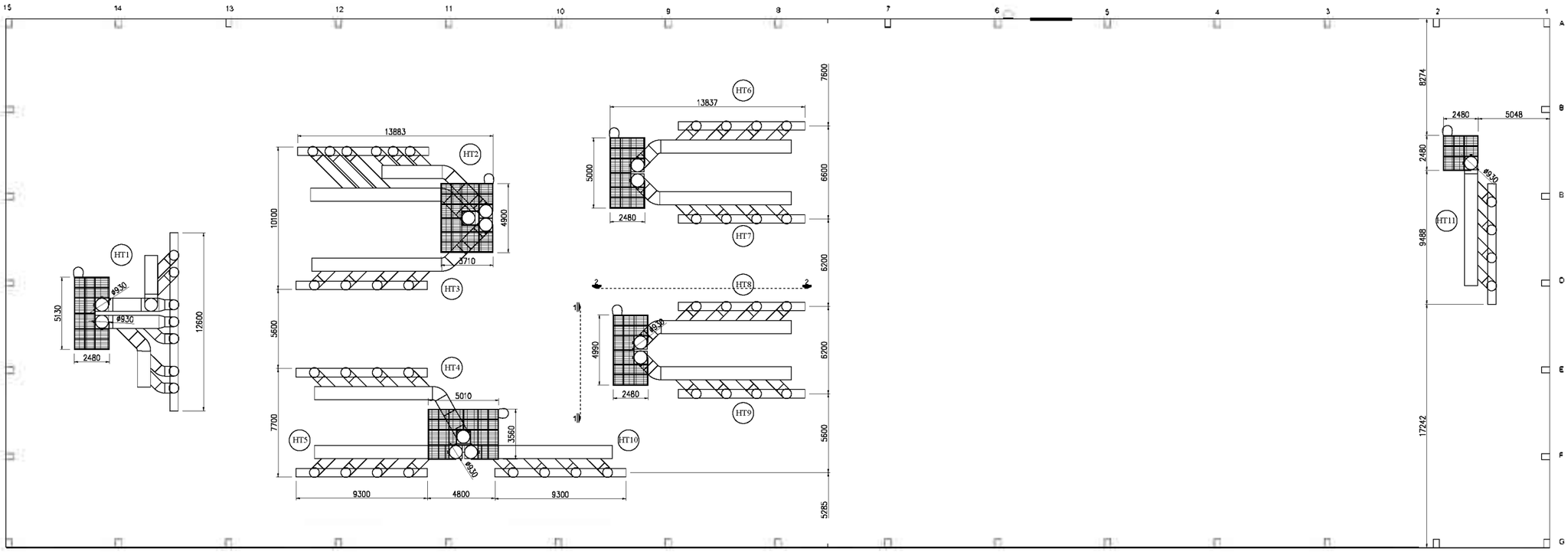
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Tô Thị Hằng

PHỤ LỤC 4: BẢN VẼ

1. Bản vẽ mặt bằng tổng thể.
2. Bản vẽ mặt bằng bố trí máy móc, thiết bị.
3. Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa.
4. Bản vẽ mặt bằng thoát nước thải.
5. Bản vẽ hệ thống xử lý bụi tại xưởng 1 và xưởng 2.
6. Bản vẽ hệ thống xử lý hơi keo.
7. Bản vẽ hệ thống xử lý khí thải từ chuyền UV.
8. Bản vẽ hệ thống xử lý khí thải từ buồng sơn.
9. Bản vẽ bể tự hoại 5 ngăn
10. Bản vẽ kho chứa chất thải sinh hoạt
11. Bản vẽ kho chứa chất thải công nghiệp
12. Bản vẽ kho chứa chất thải nguy hại
13. Bản vẽ kho chứa hóa chất
14. Bản vẽ giám sát môi trường.

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ



GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TRÌNH :

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỒ

Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức, TP. HCM

Tel.(84-28) 6685 2239 - Website : www.vietdojsc.com

GIÁM ĐỐC

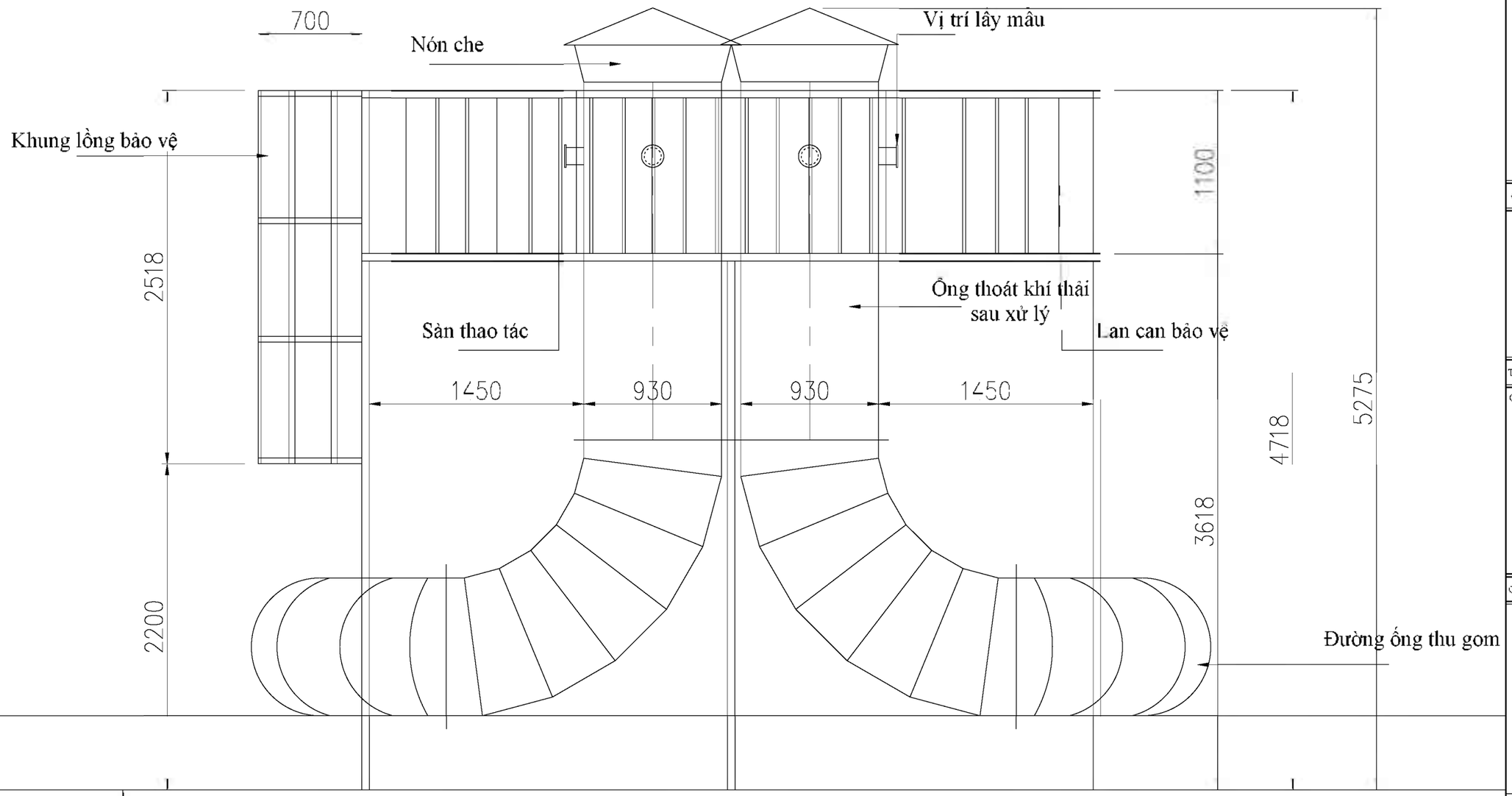
CHỦ TRÌ : **VÕ MINH SANG**	
VẼ **TRẦN THỊ DIỄM HÂN**	
KIỂM TRA **TRẦN VĂN CƯ**	

TÊN BẢN VẼ :

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ

TỶ LỆ 1:100	NGÀY HOÀN THÀNH 10/03/2025	
BẢN VẼ SỐ	ETS - TK - 01	THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
MẶT CẮT 1 - 1



MẶT CẮT 1 - 1

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TRÌNH :

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỒ

Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức, TP. HCM

Tel:(84-28) 6685 2239 Website : www.vietdojsc.com

GIÁM ĐỐC

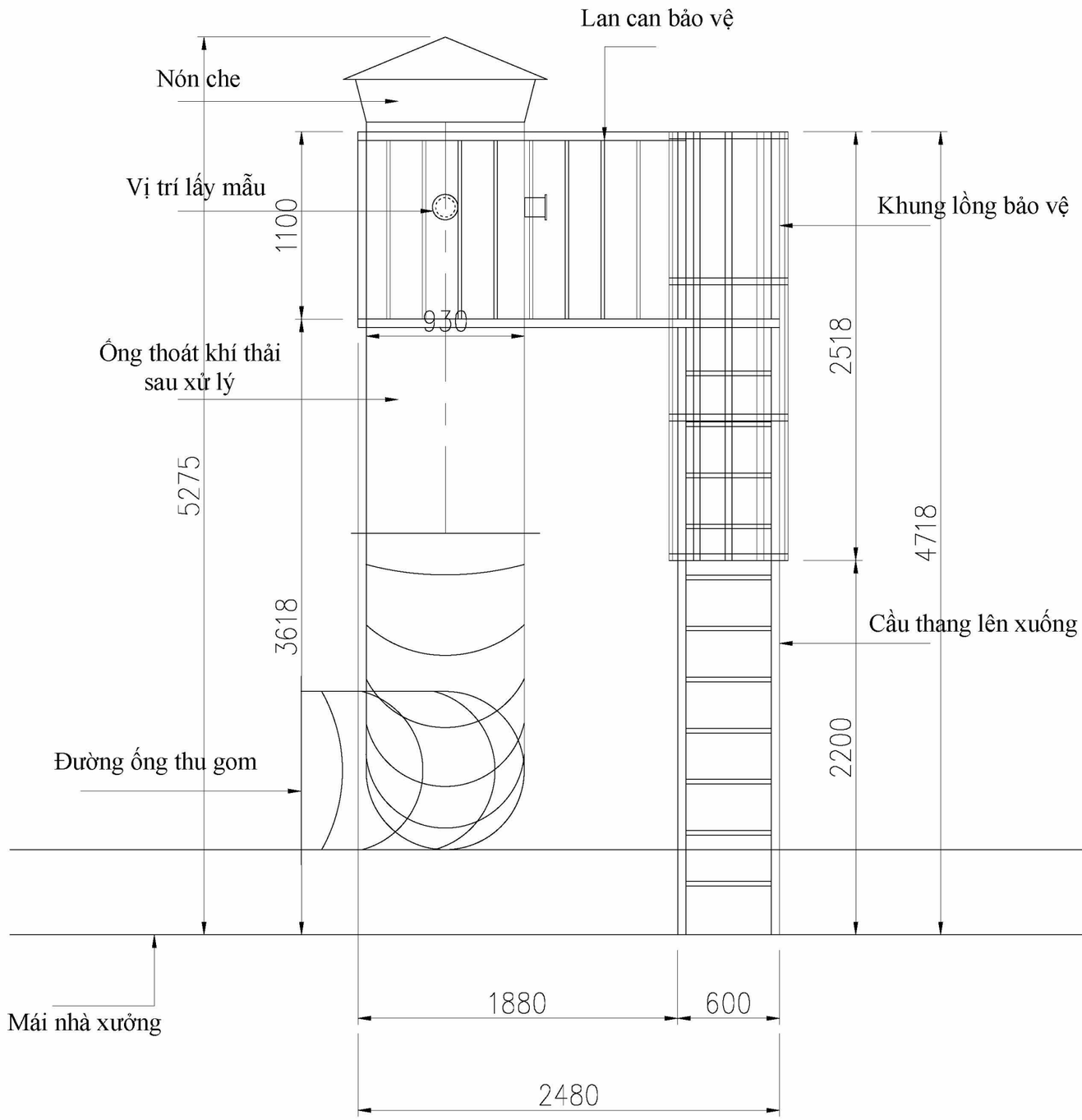
CHỦ TRÌ : **VÕ MINH SANG**	
VẼ **TRẦN THỊ DIỄM HÂN**	
KIỂM TRA **TRẦN VĂN CƯ**	

TÊN BẢN VẼ :

MẶT CẮT 1 - 1

TỶ LỆ 1:100	NGÀY HOÀN THÀNH 10/03/2025	
BẢN VẼ SỐ	ETS - TK - 02	THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
MẶT CẮT 2 - 2



MẶT CẮT 2 - 2

GHI CHÚ :

CHỦ ĐẦU TƯ :

CÔNG TRÌNH :

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỖ

Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
Tel:(84-28) 6685 2239/ Website : www.vietdojsc.com

GIÁM ĐỐC:

CHỦ TRÌ : **VÕ MINH SANG**	
VẼ : **TRẦN THỊ DIỄM HÂN**	
KIỂM TRA : **TRẦN VĂN CƯ**	

TÊN BẢN VẼ :

MẶT CẮT 2 - 2

TỶ LỆ: 1/100	NGÀY HOÀN THÀNH 10/03/2025	
BẢN VẼ SỐ	ETS - TK - 03	THAY ĐỔI .....

PHÒNG XỬ LÝ BỤI BẰNG TÚI VẢI CỦA HTXL BUI SỐ 1

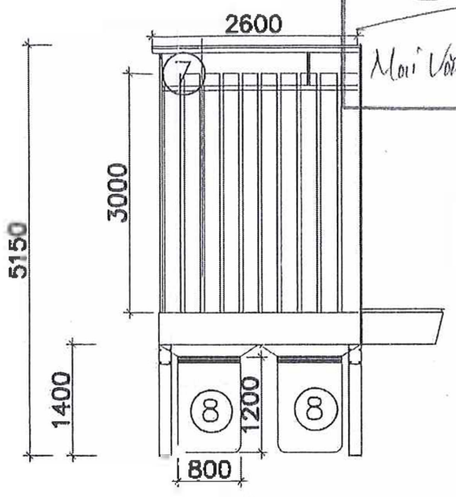
TẠI XƯỞNG 1

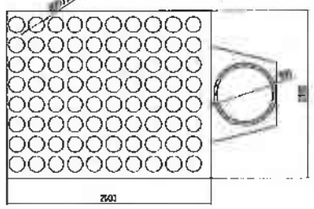
CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 11 Tháng 09 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
Mai Văn Công	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hà





- Đây không phải hệ thống rũ bụi tự động bằng khí nén mà là hệ thống rũ bụi bằng tay.
- Nguyên lý hoạt động:

Các hạt bụi có kích thước nhỏ sẽ được dẫn tới buồng lọc. Tại đây khí thải luân chuyển nhau theo sức hút- đẩy của quạt đi qua các túi vải. Bụi và tạp chất bị chặn lại trên bề mặt túi vải và không khí sachjbay ra ngoài qua khi hở của phòng xử lý. Khi ngưng hoạt động của quạt sẽ làm túi vải xẹp lại và gây tác động tới các hạt bụi làm chúng rơi xuống phễu bên dưới.

KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	NGUỒN PHÁT SINH BỤI	③	VỊ TRÍ THOÁT KHÍ SẠCH
②	TÚI VẢI: 120 CÁI; D x H: 200 x 3000	④	TÚI VẢI ĐỰNG BỤI

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

SỬA ĐỔI / EDIT	STT / No.	NGÀY HC / DATE	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY
SỬA ĐỔI / EDIT	01		
SỬA ĐỔI / EDIT	02		
SỬA ĐỔI / EDIT	03		
SỬA ĐỔI / EDIT	04		

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

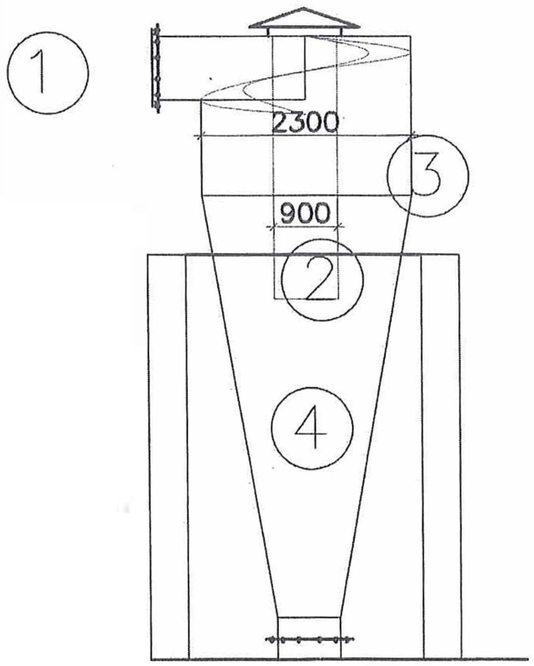
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECH. MANAGER

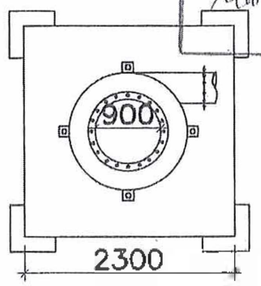
CHỦ TRÌ / MAIN ARCH		
TK CÔNG NGHỆ / P. DESIGNED BY	BSc. NGUYỄN VĂN TIẾN	
TK XÂY DỰNG / C. DESIGNED BY	KS. MAI VĂN CÔNG	
DRAWN BY	KS.MAI VĂN CÔNG	
KIỂM TRA / CHECKED BY	GĐ. ĐỖ VĂN PHAN	
HỒ SƠ THIẾT KẾ / DOCUMENT		BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO. 01 / TỔNG SỐ BV / TOTAL DRAWINGS 01
NGÀY HT / DATE COMPLETE	16/09/2024	TỶ LỆ / SCALE 1/50

Xu Feng

HTXL BẰNG THÁP CYCLONE TẠI HTXL BUI SỐ 1

TẠI XƯỞNG 1





KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
1	NGUỒN PHÁT SINH BỤI	3	THÂN THÁP CYCLONE
2	ỐNG TRUNG TÂM	4	PHỄU THU BỤI

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 16 Tháng 09 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
Mai Văn Công	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hà

GHI CHÚ FOUNDRAL NOTES:

	NGÀY HC DATE	NGƯỜI CHỈNH REVISED BY
BẢN VẼ XD/T	0	
BẢN ĐỒI XD/T	0	
BẢN VẼ XD/T	0	
BẢN VẼ XD/T	0	
BẢN VẼ XD/T	0	

TIÊU ĐỀ / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH. MANAGER

CHỦ TRÌ LEAD ARCH		
TK CÔNG NGHỆ T. DESIGNED BY	Kỹ sư: NGUYỄN VĂN VIỆN	0
TK XÂY DỰNG C. DESIGNED BY	CS. MAI VĂN CÔNG	
DRAWN BY	CS.MAI VĂN CÔNG	
CHECKED BY	LÝ HOÀNG	
NGÀY IN DATE	16/09/2024	09

Xu Feng

HTXL BẰNG THÁP CYCLONE TẠI HTXL BỤI SỐ 2

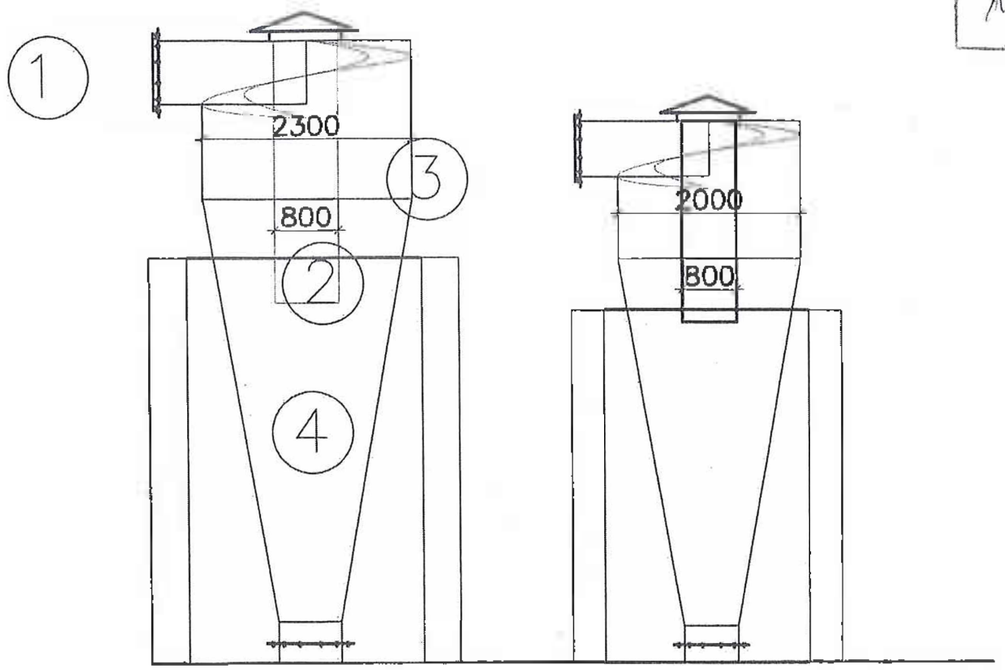
TẠI XƯỞNG 1

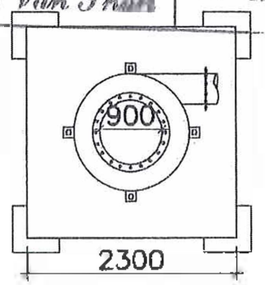
CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

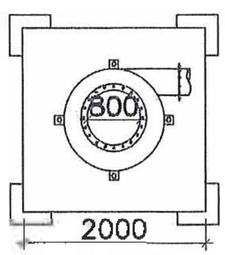
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 16 Tháng 09 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
Mai Văn Công	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hà







KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	NGUỒN PHÁT SINH BỤI	③	THÂN THÁP CYCLONE
②	ỐNG TRUNG TÂM	④	PHỄU THU BỤI

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

SỬA ĐỔI / EDIT	STT / NO	NGÀY / DATE	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY
SỬA ĐỔI / EDIT	01		
SỬA ĐỔI / EDIT	02		
SỬA ĐỔI / EDIT	03		
SỬA ĐỔI / EDIT	04		

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECH. MANAGER

GIÁM SÁT / SUPERVISOR	BS. NGUYỄN VĂN TIẾN	
THIẾT KẾ / DESIGNED BY	KS. MAI VĂN CÔNG	
VẼ / DRAWN BY	KS.MAI VĂN CÔNG	
KIỂM TRA / CHECKED BY	GIÁM ĐỐC VÕ THỊ KIM HÀ	
NGÀY HT / DATE COMPLETED	16/09/2024	

Xu Feng

PHÒNG XỬ LÝ BỤI BẰNG TÚI VẢI CỦA HTXL BUI SỐ 2

TẠI XƯỞNG 1

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

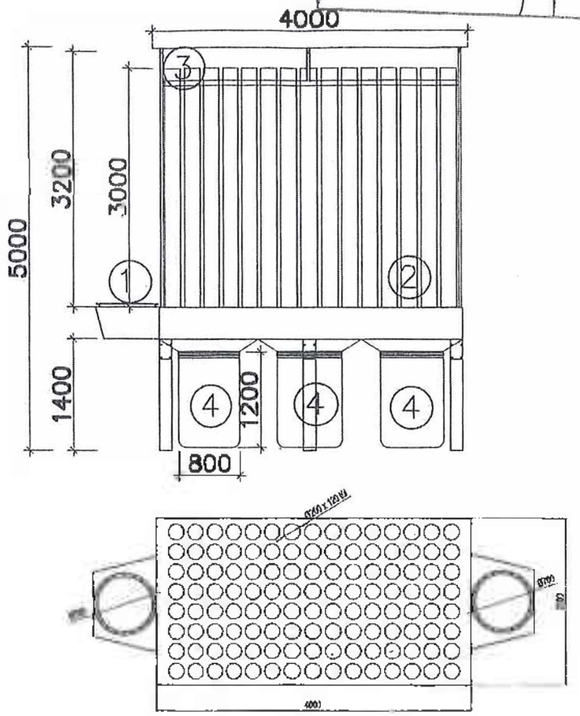
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 16 Tháng 09 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
Mai Văn Công	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hà

- Đây không phải hệ thống rũ bụi tự động bằng khí nén mà là hệ thống rũ bụi bằng tay.
- Nguyên lý hoạt động:

Các hạt bụi có kích thước nhỏ sẽ được dẫn tới buồng lọc. Tại đây khí thải luân chuyển nhau theo sức hút- đẩy của quạt đi qua các túi vải. Bụi và tạp chất bị chặn lại trên bề mặt túi vải và không khí sachjbay ra ngoài qua khi hở của phòng xử lý. Khi ngưng hoạt động của quạt sẽ làm túi vải xẹp lại và gây tác động tới các hạt bụi làm chúng rơi xuống phễu bên dưới.



KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	NGUỒN PHÁT SINH BỤI	③	VỊ TRÍ THOÁT KHÍ SẠCH
②	TÚI VẢI: 120 CÁI: D x H: 200 x 3000	④	TÚI VẢI ĐỰNG BỤI

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

HIỆU ĐỒ LẦN	STT No	NGÀY HC DATE	NGƯỜI CHỈNH REVISED BY
BẢN VẼ LẦN	01		
BẢN VẼ LẦN	02		
BẢN VẼ LẦN	03		
BẢN VẼ LẦN	04		

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH. MANAGER

CHỦ TRÌ MANAGER	
TK CÔNG NGHỆ P. DESIGNED BY	ĐSc. NGUYỄN VĂN TIẾN
TK XÂY DỰNG C. DESIGNED BY	KS. MAI VĂN CÔNG
DRAWN BY	KS. MAI VĂN CÔNG
KIỂM TRA CHECKED BY	GĐ. ĐỖ VĂN PHAN
HỒ SƠ THIẾT KẾ DOCUMENT	BẢN VẼ DRAWING
NGÀY HT DATE COMPLETE	16/09/2024

Xu Feng

BẢN VẼ HỆ THỐNG SỐ 2 XỬ LÝ BỤI GỖ BẰNG CYCLONE

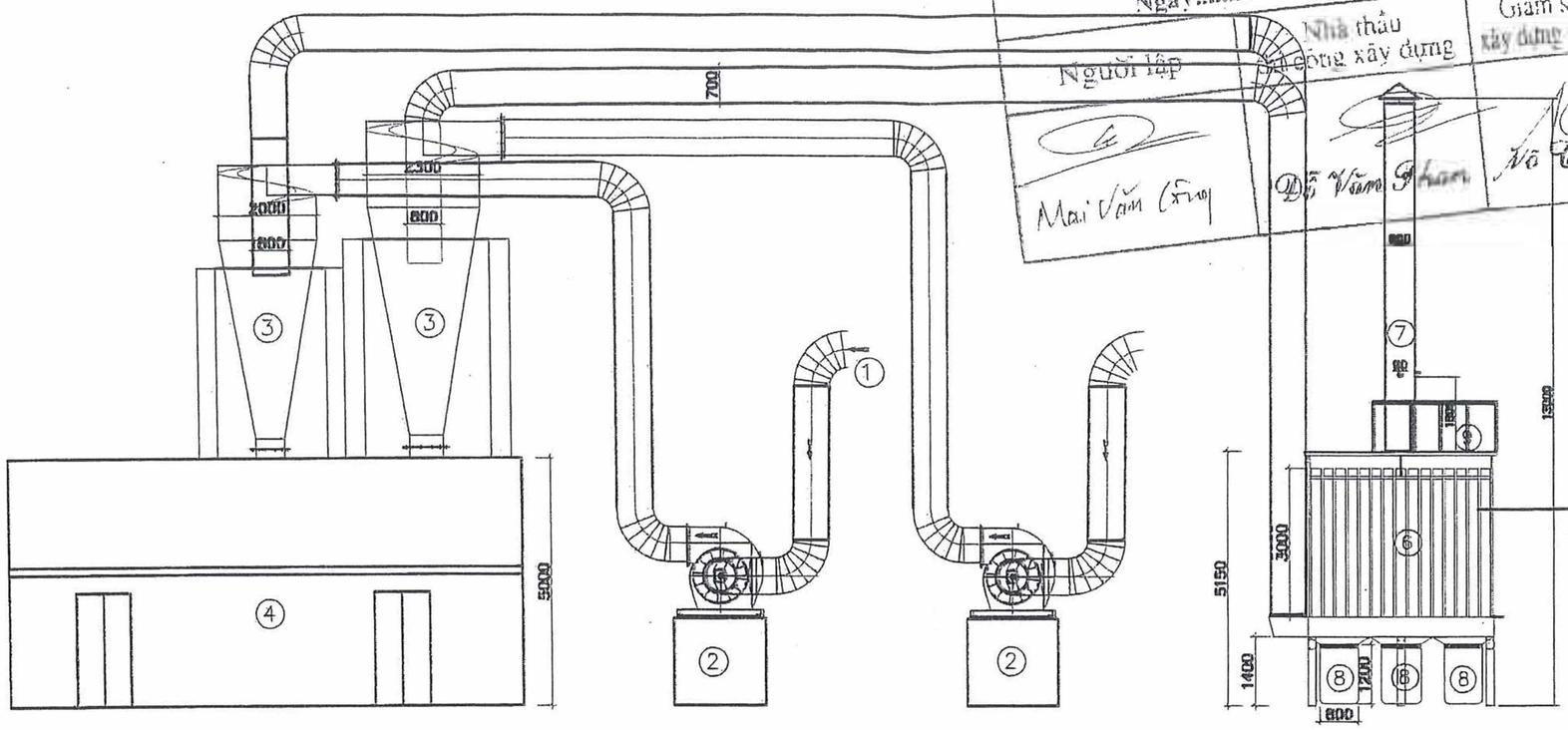
VÀ TÚI VẢI TẠI XƯỞNG 1 - LƯU LƯỢNG 120000 M3/ GIỜ

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
Mai Văn Cường	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hà



Hệ thống túi vải :

Số lượng: 120 túi vải

Kích thước của 1 túi vải: D x H

Ø200mm x 3000mm

KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	NGUỒN PHÁT SINH BỤI	⑤	ỐNG DẪN BỤI
②	QUẠT HÚT: MỖI QUẠT CÓ CÔNG SUẤT Q = 50HP - 37.5KW	⑥	THIẾT BỊ LỌC BỤI TÚI VẢI
③	THÁP XỬ LÝ BỤI THÔ CYCLONE	⑦	HƯỚNG THOÁT KHÍ SẠCH
④	PHÒNG RŨ BỤI CỦA CYCLONE	⑧	BỒN ĐỰNG BỤI SAU KHI BỤI RƠI XUỐNG
		⑨	SÀN THAO TÁC VÀ LỖ QUAN TRẮC

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

	NGÀY HC DATE	NỘI DUNG CHỈNH SỬA/ISSUED BY

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH. MANAGER

KHỔ TỜ MAKER (SIZE)		
TK PHÒNG KỸ THUẬT DESIGNED BY	ThS. NGUYỄN VĂN THẾT	
TK XÂY DỰNG DESIGNED BY	KS. MAI VĂN	
VẼ DRAWN BY		
KIỂM TRA CHECKED BY		
DUYỆT APPROVED BY		

Xu Feng

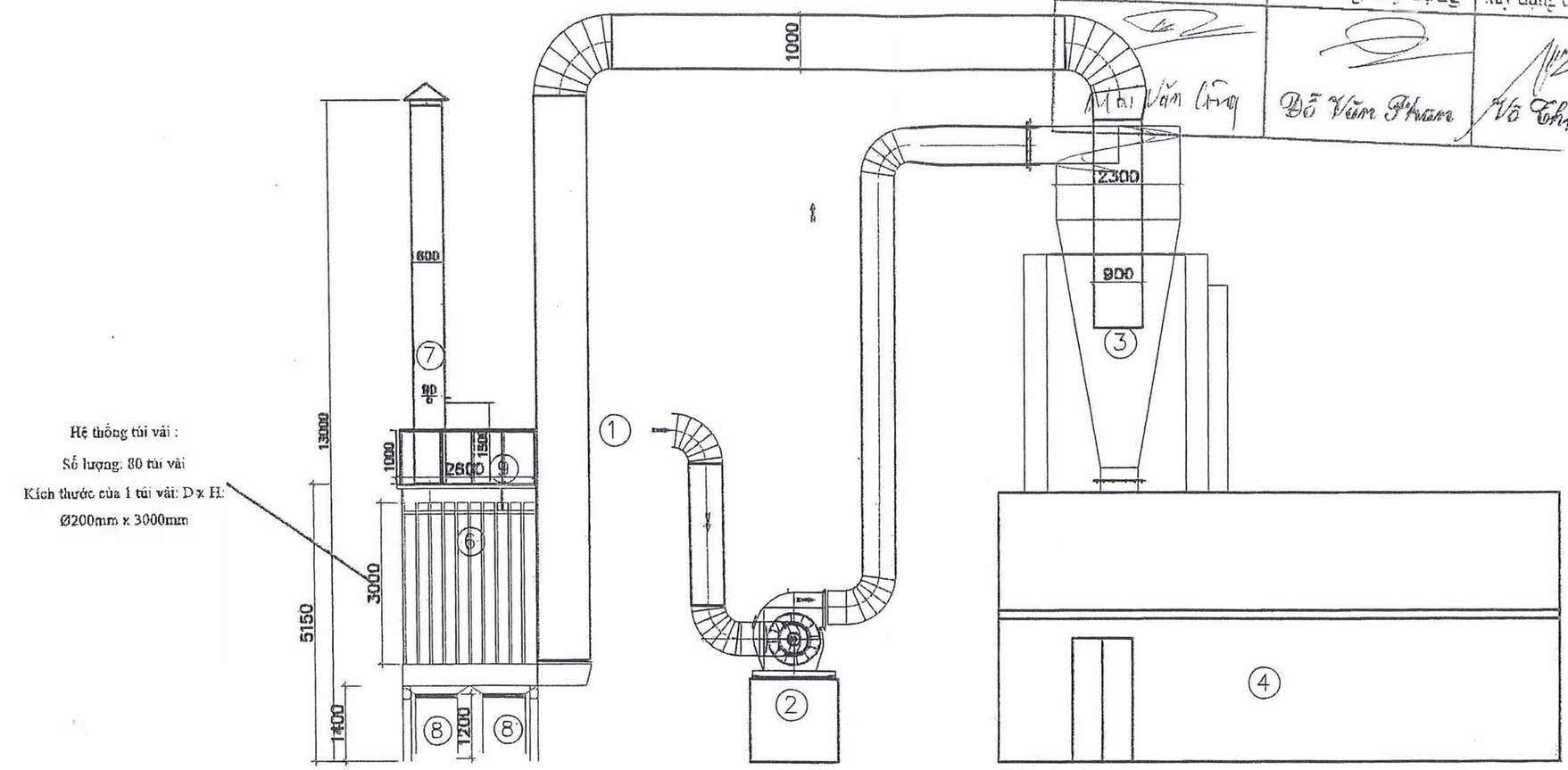
BẢN VẼ HỆ THỐNG SỐ 1 XỬ LÝ BỤI GỖ BẰNG CYCLONE VÀ TÚI VẢI TẠI XƯỞNG 1 - LƯU LƯỢNG 90.000 M3/GIỜ

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu
Mai Văn Công	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hà



KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	NGUỒN PHÁT SINH BỤI	⑤	ỐNG DẪN BỤI
②	QUẠT HÚT Q= 75HP - 55KW (90000 m3/giờ)	⑥	THIẾT BỊ LỌC BỤI TÚI VẢI
③	THÁP XỬ LÝ BỤI THÔ CYCLONE	⑦	HƯỚNG THOÁT KHÍ SẠCH
④	PHÒNG RŨ BỤI CỦA CYCLONE	⑧	BỒN ĐỰNG BỤI SAU KHI BỤI RƠI XUỐNG
		⑧	SÀN THAO TÁC VÀ LỖ QUAN TRẮC

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

KÝ HIỆU	STT No.	NGÀY SỬA THAY	NGƯỜI CHỈNH SỬA/STA BY
BẢN ĐỒ EDIT	01		
BẢN ĐỒ EDIT	02		
BẢN ĐỒ EDIT	03		
BẢN ĐỒ EDIT	04		

TÊN GỌI / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECH. MANAGER

CHỦ TRÌ / DESIGNED BY		
TỶ LỆ / SCALE		
NGÀY / DATE		
BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.		

Xu Feng

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

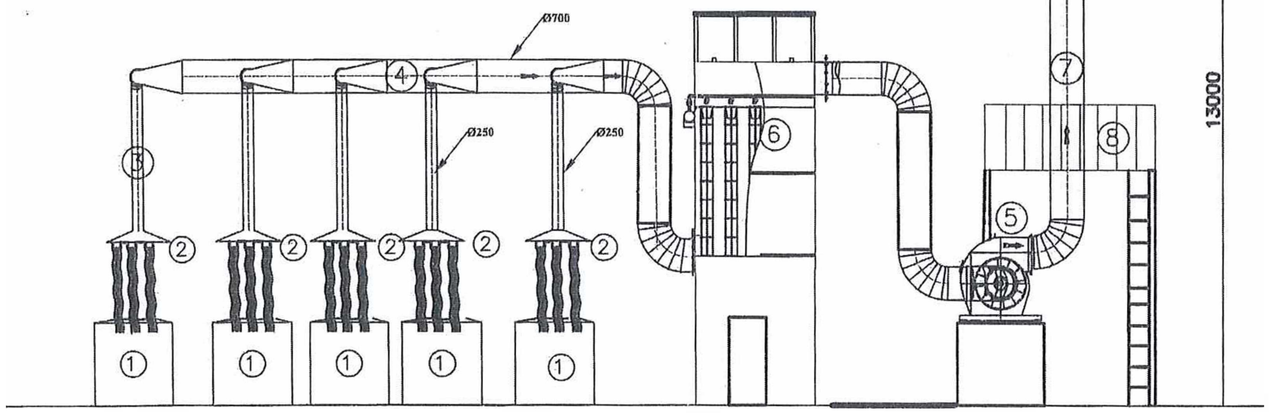
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 26 Tháng 08 Năm 20 24

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
Võ Văn Phan		Võ Thị Kim Hà

SƠ ĐỒ HTXL BỤI TỪ CÔNG ĐOẠN CHÀ NHÁM

TẠI XƯỞNG 2 - LƯU LƯỢNG 48000 M3/GIỜ



KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	NGUỒN PHÁT SINH BỤI	⑤	QUẠT LY TÂM 40HP-380V
②	PHỄU THU BỤI	⑥	LỌC BỤI TÚI VẢI (RŨ BỤI TỰ ĐỘNG) : D x R x C: 2.5m x 1.5m x 6m
③	ỐNG NHÁNH D250	⑦	ỐNG PHÁT THẢI - SAU XỬ LÝ
④	ỐNG CHÍNH D700	⑧	SÀN THAO TÁC
⑨			

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

KÝ HIỆU / MARK	LẦN / NO.	NGÀY HC / DATE	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	01		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	02		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	03		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	04		

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH. MANAGER

CHỦ TRÌ MAIN ARCH		
TK CÔNG NGHỆ P. DESIGNED BY	BSc. NGUYỄN VĂN TIẾN	
TK XÂY DỰNG C. DESIGNED BY	KS. MAI VĂN CÔNG	
VẼ DRAWN BY	KS.MAI VĂN CÔNG	
KIỂM TRA CHECKED BY	ĐỖ VĂN PHAN	
BỘ HỒ SƠ THIẾT KẾ DOCUMENT	BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS BUILT DRAWING	
NGÀY HT DATE COMPLETE	28/08/2024	03

Xu Feng

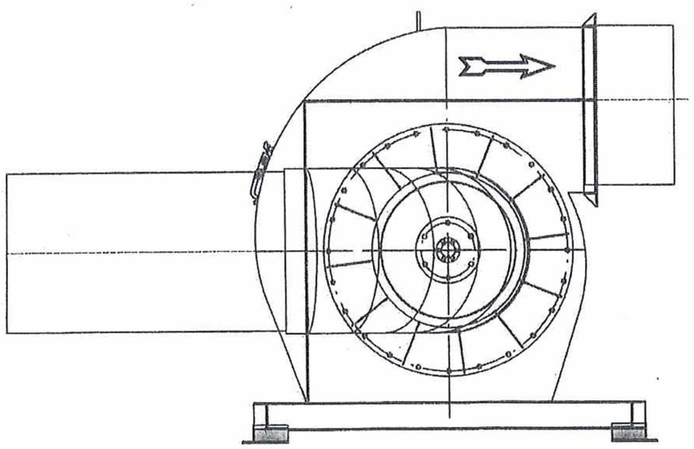
CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

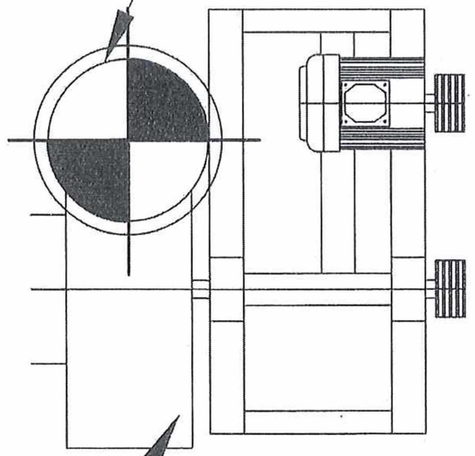
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 16 Tháng 09 Năm 20.24

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
Mai Văn Công	Đỗ Văn Phun	Võ Thị Kim Hà

QUẠT HÚT





GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

SỬA ĐỔI / EDIT / STT No	NGÀY HC / DATE	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY
SỬA ĐỔI / EDIT 01		
SỬA ĐỔI / EDIT 02		
SỬA ĐỔI / EDIT 03		
SỬA ĐỔI / EDIT 04		

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECH. MANAGER

CHỦ TRÌ / MAJOR ARCH		
TK CÔNG NGHỆ / P. DESIGNED BY	KS. NGUYỄN VĂN TIẾN	
TK XÂY DỰNG / C. DESIGNED BY	KS. MAI VĂN CÔNG	
VẼ / DRAWN BY	KS MAI VĂN CÔNG	
KIỂM TRA / CHECKED BY	GĐ. ĐỖ VĂN PHÚC	
SỐ BỘ THIẾT KẾ / DOCUMENT	BẢN VẼ SỐ / DRAWING No.	01/09/2024
NGÀY HT / DATE COMPLETE	16/09/2024	9/9 09

Xu Feng

Xu Feng

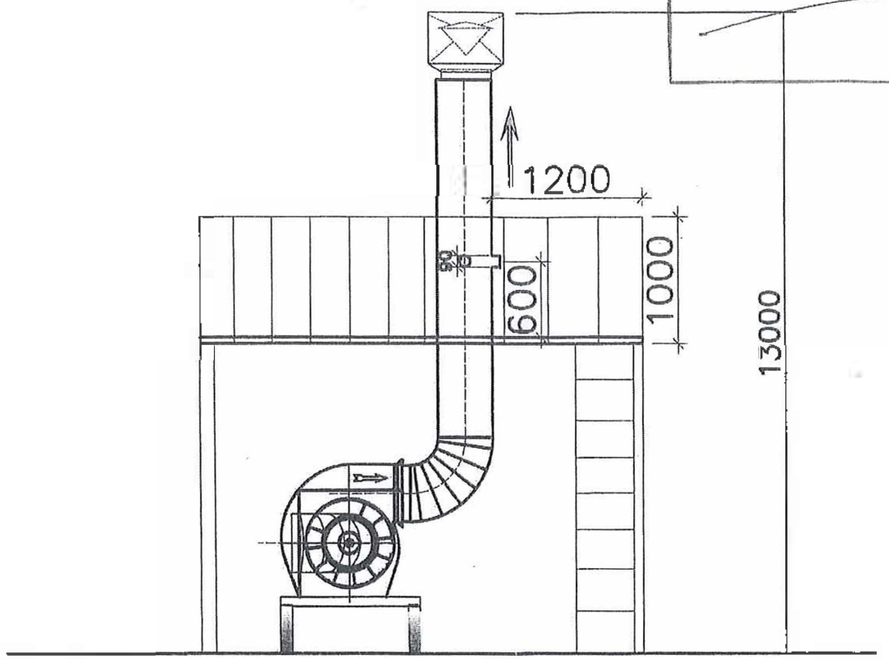
CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 28 Tháng 08 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hồ

BẢN VẼ LÀM SÀN THAO TÁC



- Thép 4 x 8 - 2.5 x 5 mạ kẽm
- Thép sàn CT3 -3mm: chống trượt
- Sơn + phụ kiện lắp đặt

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

SỬA ĐỔI / REVISION	LẦN / NO.	NGÀY / DATE	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY
SỬA ĐỔI / REVISION	01		
SỬA ĐỔI / REVISION	01		
SỬA ĐỔI / REVISION	03		
SỬA ĐỔI / REVISION	04		

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECH. MANAGER

CHỦ TRÌ / MANAGER BY		
TK. CÔNG NGHỆ / PROCESS BY	ĐS. NGUYỄN VĂN TIẾN	
TK. KẾT CẤU / STRUCTURE BY	ĐS. MAI VĂN CÔNG	
VẼ / DRAWN BY		
KIỂM TRA / CHECKED BY	VĂN HÂN	
NGÀY IN / DATE ISSUED	28/08/2024	TỶ LỆ / SCALE: 1/25

TỔNG SỐ BẢN / TOTAL SHEETS: 03

Xu Feng

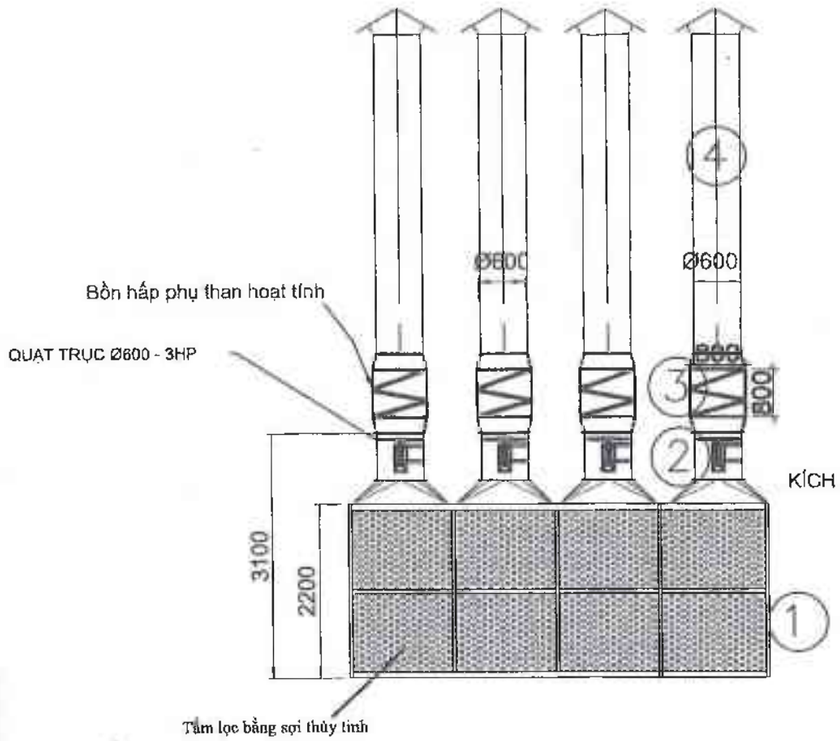
CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 28 Tháng 08 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
	Đỗ Viễn Phan	Võ Thị Kim Hồ

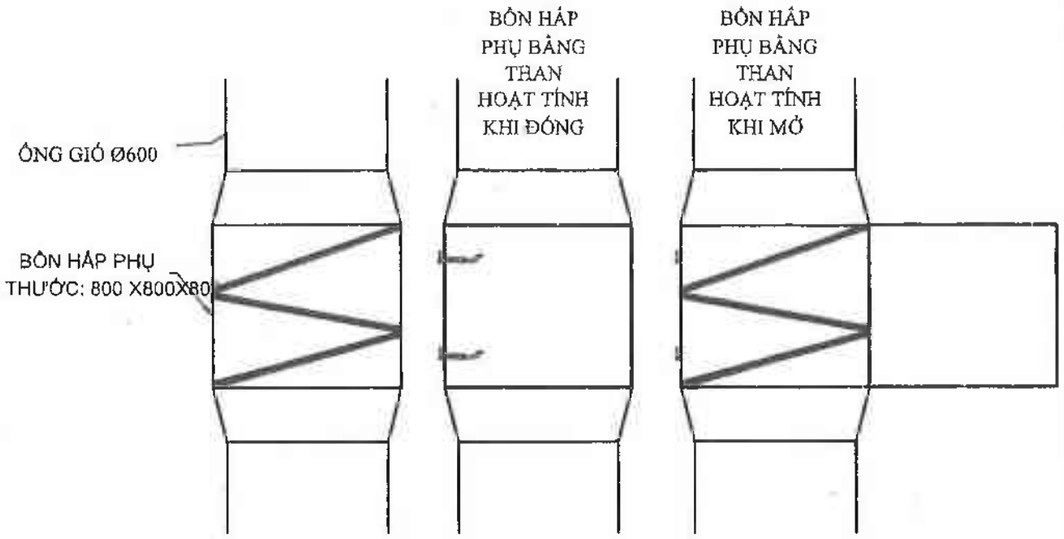
BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI SƠN BẰNG BỒN HẤP PHỤ THAN HOẠT TÍNH



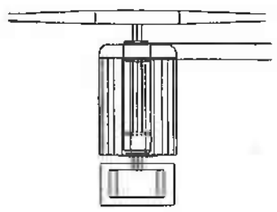
Các khung than hoạt tính được thiết kế như dạng ngăn kéo,

kéo ra kéo vào các khay than rất dễ dàng

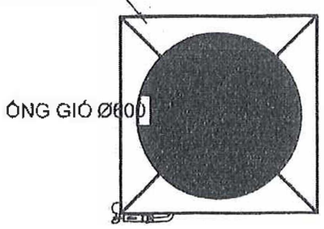
. Điều này thuận lợi cho việc kiểm tra, thay thế tấm than.



QUẠT HÚT CÓ CÔNG SUẤT 3HP (3600 M3/giờ)



BỒN HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH



KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	BUỒNG SƠN CÓ LẮP TẤM LỌC SỢI THỦY TINH	④	ỐNG CHÍNH CÓ ĐƯỜNG KÍNH 600 mm
②	QUẠT HÚT CÓ CÔNG SUẤT 3HP (3600 M3/giờ)		
③	BỒN HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH		

ĐỊA CHỈ / GENERAL NOTES:

KÝ HIỆU MARK	NGÀY HC DATE	

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH. MANAGER

	KS. MAI VĂN CÔNG	
	KS MAI VĂN CÔNG	
29/08/2024		

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

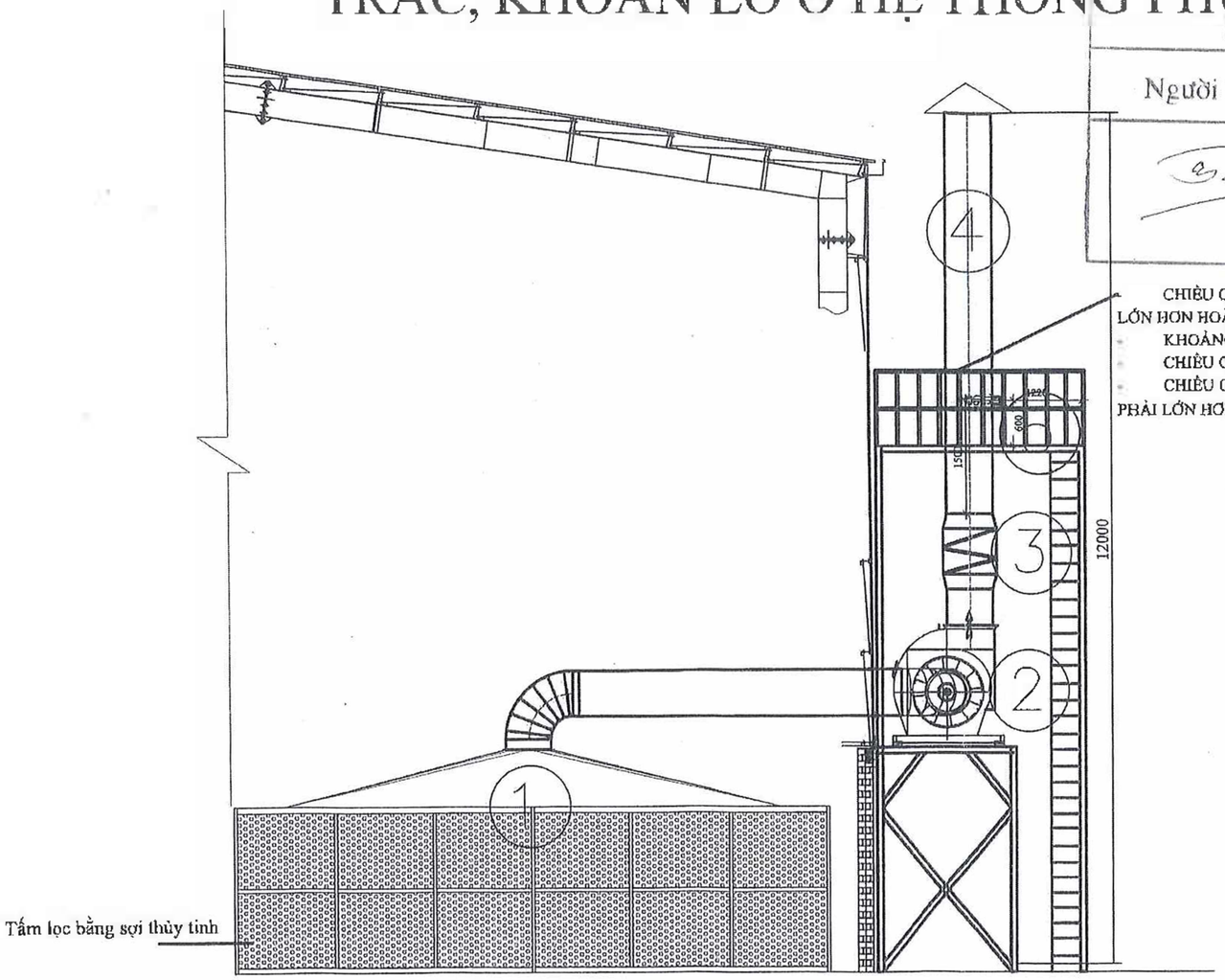
BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI SƠN BẰNG BỒN HẤP PHỤ THAN HOẠT TÍNH, SÀN THAO TÁC, ĐIỂM QUAN TRẮC, KHOAN LỖ Ở HỆ THỐNG PHU SƠN TÂN G1

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI CÔNG

Ngày 28 Tháng 06 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hà



- CHIỀU CAO TỪ ĐIỂM NỐI CỦA BỒN THAN HOẠT TÍNH TỚI ĐIỂM QUAN TRẮC LỚN HƠN HOẶC BẰNG 2 LẦN ĐƯỜNG KÍNH ỐNG (ĐƯỜNG KÍNH 700MM)
- KHOẢNG CÁCH TỪ ĐIỂM QUAN TRẮC TỚI MÉP SÀN = 1400MM (1.4M)
- CHIỀU CAO TỪ SÀN TỚI ĐIỂM QUAN TRẮC TỪ 550 MM - 650MM (LẤY 600MM)
- CHIỀU CAO TỪ ĐIỂM QUAN TRẮC TỚI ĐIỂM CUỐI CỦA ỐNG THOÁT PHẢI LỚN HƠN HOẶC BẰNG ½ ĐƯỜNG KÍNH ỐNG (½ 700 = 300MM)

KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	BUỒNG SƠN CÓ LẮP TẤM LỌC SỢI THỦY TINH	④	ỐNG CHÍNH CÓ ĐƯỜNG KÍNH 700 mm
②	QUẠT HÚT CÓ CÔNG SUẤT 25HP (30000 M3/giờ)	⑤	SÀN THAO TÁC - LỖ QUAN TRẮC
③	BỒN HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH		

GHI CHÚ/GENERAL NOTES:

KÝ HIỆU/MARK	NGÀY/DATE	NHẬN XÉT/REVISED BY
BẢN VẼ 00		
BẢN VẼ 01		
BẢN VẼ 02		

HẠNG MỤC/TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

TÊN BẢN VẼ/DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT/TECH. MANAGER

CHỦ TRÌ/MAIN ARCH		
TK CÔNG NGHỆ/TECHNOLOGY BY	ĐẠI NGUYỄN VĂN TIẾN	
TK XÂY DỰNG/CIVIL DESIGNED BY		
THIẾT KẾ/DESIGNED BY		
KIỂM TRA/CHECKED BY		
NỘI DUNG/DRAWING		
NGÀY/DATE		

Xu Feng

BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI SƠN BẰNG BỒN HẤP PHỤ THAN HOẠT TÍNH, SÀN THAO TÁC, ĐIỂM QUAN TRẮC, KHOAN LỖ Ở HỆ THỐNG PHỤ SƠN TẦNG 2

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

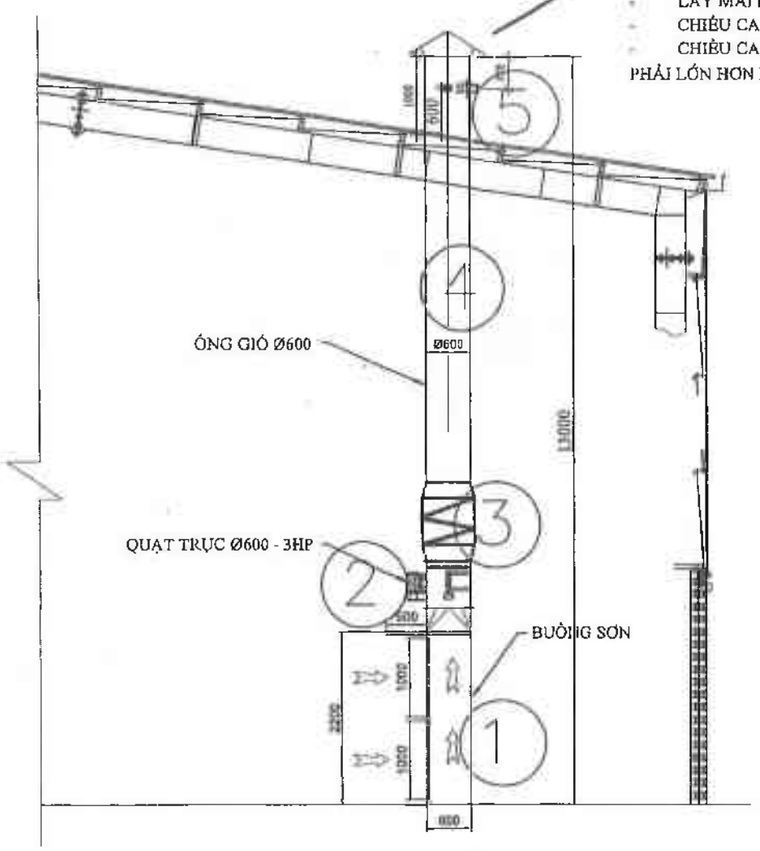
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 26 Tháng 08 Năm 2024

Người giám sát thi công xây dựng | Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư

Đỗ Văn Thưn | Võ Thị Kim Hà

- CHIỀU CAO TỪ ĐIỂM NỐI CỦA BỒN THAN HOẠT TÍNH TỚI ĐIỂM QUAN TRẮC LỚN HƠN HOẶC BẰNG 2 LẦN ĐƯỜNG KÍNH ỐNG (ĐƯỜNG KÍNH 600MM)
- LẤY MÁI NHÀ LÀM SÀN THAO TÁC
- CHIỀU CAO TỪ SÀN TỚI ĐIỂM QUAN TRẮC TỪ 550 MM - 650MM (LẤY 600MM)
- CHIỀU CAO TỪ ĐIỂM QUAN TRẮC TỚI ĐIỂM CUỐI CỦA ỐNG THOÁT PHẢI LỚN HƠN HOẶC BẰNG ½ ĐƯỜNG KÍNH ỐNG (½ 600 = 300MM)



KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	BUỒNG SƠN CÓ LẮP TẤM LỌC SỢI THỦY TINH	④	ỐNG CHÍNH CÓ ĐƯỜNG KÍNH 600 mm
②	QUẠT HÚT CÓ CÔNG SUẤT 3HP (3600 M3/giờ)	⑤	LỖ QUAN TRẮC
③	BỒN HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH		

		NGÀY HC DATE	NGƯỜI CHỈNH SỬA BY
01			
02			
03			
04			
05			

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Thưn

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECHNICAL MANAGER

Xu Feng

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI KEO

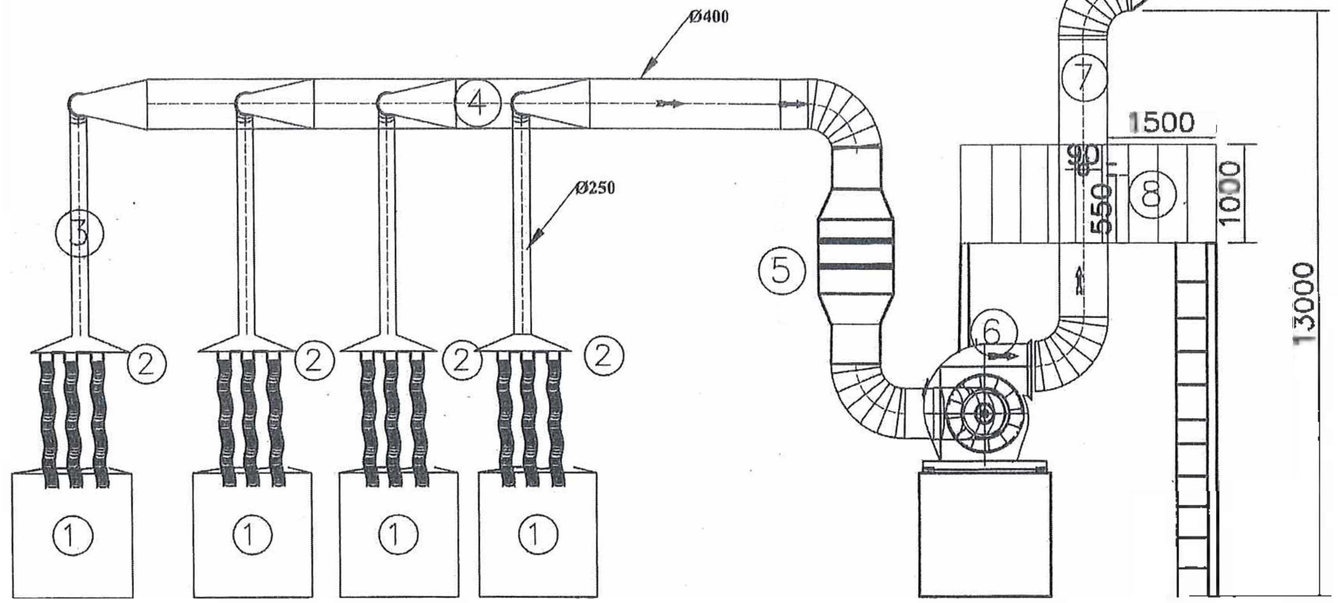
LƯU LƯỢNG 12000 - 16000 M3/GIỜ

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 16 Tháng 09 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hà



KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	NGUỒN PHÁT SINH KHÍ THẢI	⑤	BỒN HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH
②	PHỄU THU BỤI	⑥	QUẠT LY TÂM 7.5HP-380V
③	ỐNG NHÁNH D250	⑦	ỐNG PHÁT THẢI - SAU XỬ LÝ
④	ỐNG CHÍNH D400	⑧	SÀN THAO TÁC

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

SỬA ĐỔI / EDIT	STT No	NGÀY HC DATE	NGƯỜI CHỈNH REVISED BY
SỬA ĐỔI / EDIT	01		
SỬA ĐỔI / EDIT	02		
SỬA ĐỔI / EDIT	03		
SỬA ĐỔI / EDIT	04		

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INNOVATOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

M.S.D.N: 3801205156 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM - TP. ĐỒNG XOÀI - T. BÌNH PHƯỚC

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

M.S.D.N: 3702756345 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

CHỈ HUY TRƯỞNG		
TK CÔNG NGHỆ / TECHNOLOGY BY	KS. NGUYỄN VĂN TIỀN	
TK XÂY DỰNG	KS. HOÀNG VĂN CÔNG	
TK ĐIỆN / ELECTRIC BY		
KIỂM TRA / INSPECTED BY	ĐỖ VĂN PHAN	
TỶ LỆ BẢN VẼ / DRAWING NO.	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.	TỔNG SỐ TRANG / TOTAL PAGES
NGÀY HT / COMPLETED DATE	16/09/2024	01

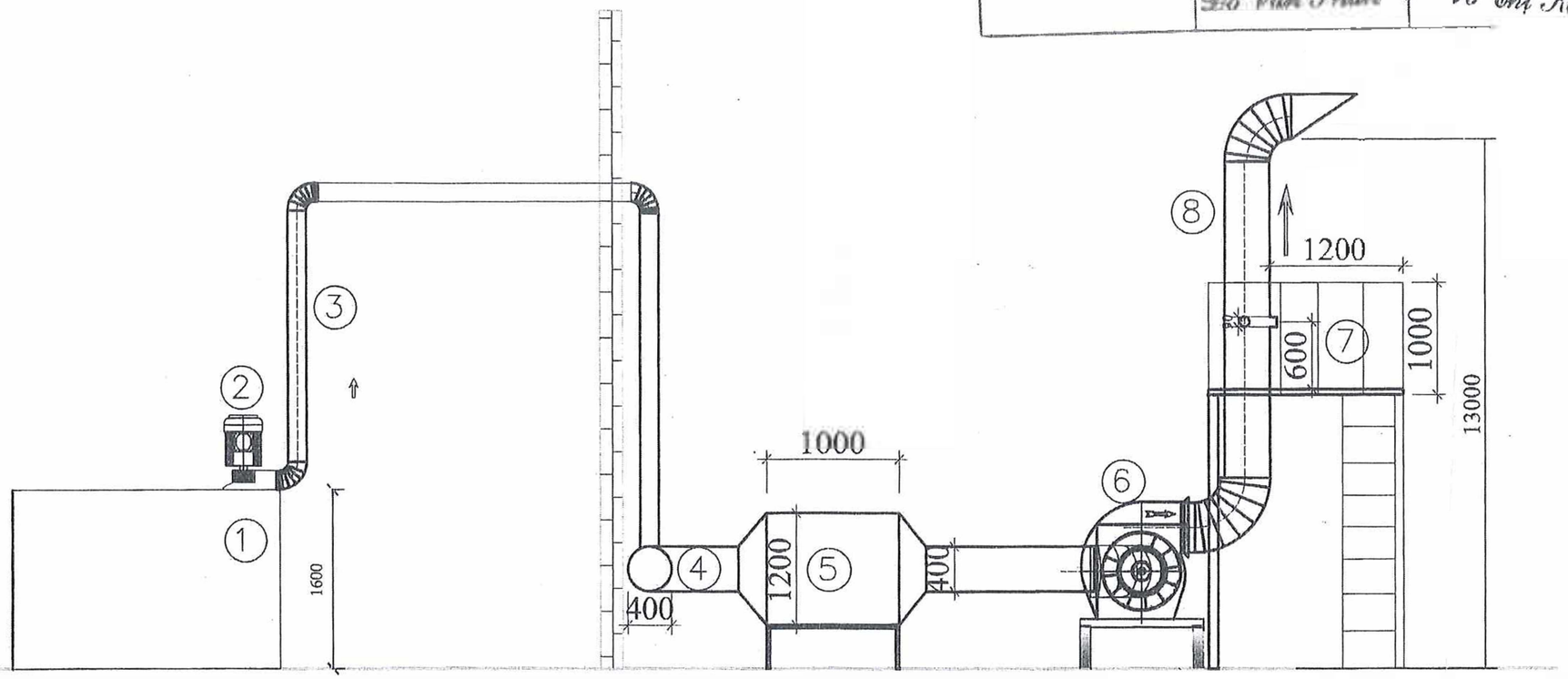
M.S.D.N: 3801205156 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM - TP. ĐỒNG XOÀI - T. BÌNH PHƯỚC

Xu Feng

HTXL KHÍ THẢI, HƠI DUNG MÔI TỪ CHUYỀN UV

LƯU LƯỢNG 15000 - 18000 M3/GIỜ

MẶT CHIẾU ĐỨNG



KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	NGUỒN PHÁT SINH KHÍ THẢI	⑤	BỒN HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH
②	QUẠT HÚT KHÍ THẢI TỪ TRONG CHUYỀN UV	⑥	QUẠT HÚT LY TÂM 15HP - 380V
③	ỐNG NHÁNH D120	⑦	SÀN THAO TÁC
④	ỐNG CHÍNH D400	⑧	ỐNG XẢ THẢI D400

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 16 Tháng 09 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
	Đỗ Văn Phan	Võ Chí Kiên

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

LẦN ĐỔI / NO.	NGÀY HC / DATE	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY
LẦN ĐỔI LẦN 1 / 01		
LẦN ĐỔI LẦN 2 / 02		
LẦN ĐỔI LẦN 3 / 03		
LẦN ĐỔI LẦN 4 / 04		

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVASTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

TÊN BẢN VẼ:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECH. MANAGER

PHÊ DUYỆT		
THIẾT KẾ / DESIGNED BY	Bùi Huyền Văn Tiến	
VẼ / DRAWN BY	Mai Văn Công	
KIỂM TRA / CHECKED BY	Mai Văn Công	
NỘI DUNG THIẾT KẾ / DOCUMENT	Đỗ Văn Phan	
NGÀY HOÀN THÀNH / DATE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG DIAGRAM	
	16/09/2024	

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

HTXL KHÍ THẢI, HƠI DUNG MÔI TỪ CHUYỀN UV

LƯU LƯỢNG 15000 - 18000 M3/GIỜ

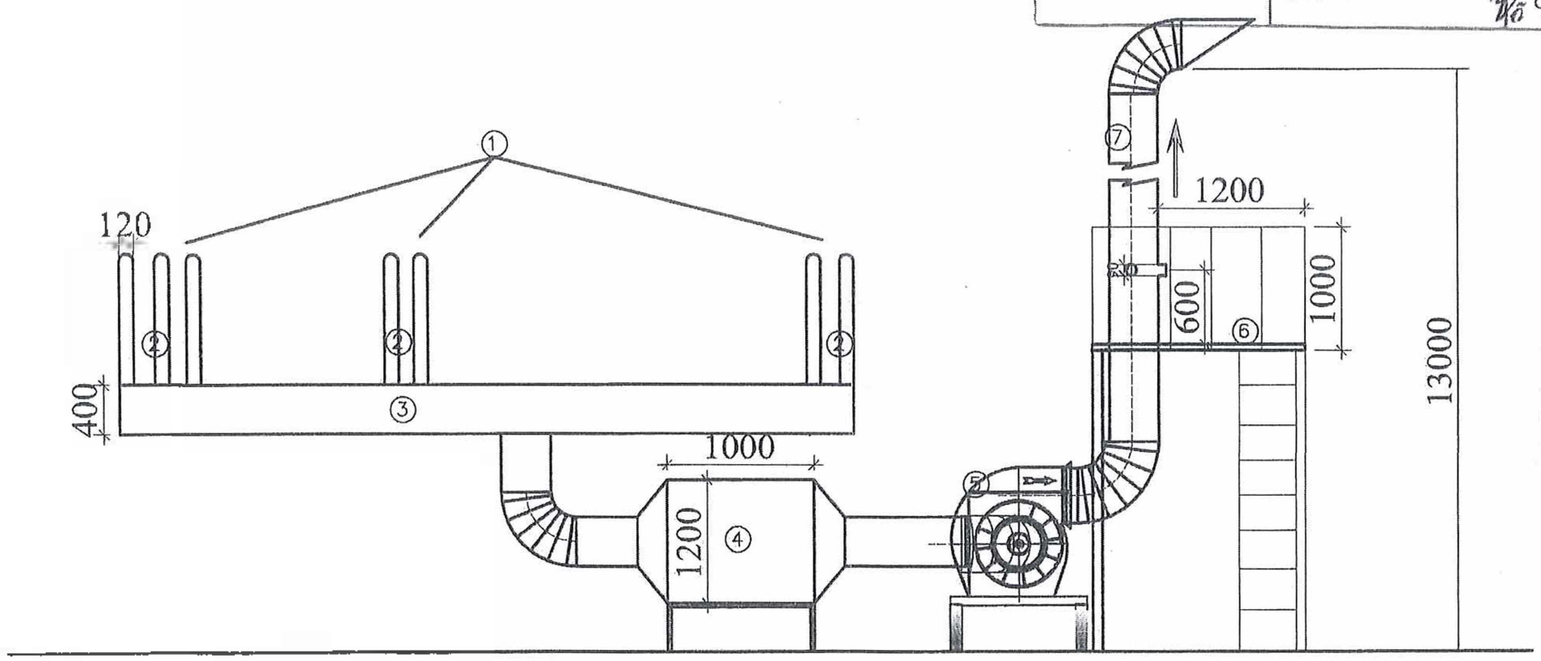
MẶT CHIẾU CẠNH

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 16 Tháng 09 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hà



KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	NGUỒN PHÁT SINH KHÍ THẢI	⑤	QUẠT LY TÂM 15HP - 380V
②	ỐNG NHÁNH D120	⑥	SÀN THAO TÁC
③	ỐNG CHÍNH D400	⑦	ỐNG PHÁT THẢI SAU XỬ LÝ
④	BỒN HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH		

QUI CHẾ / GENERAL NOTES:

KÝ HIỆU / MARK	LẦN SỬA ĐỔI / REVISION NO	NGÀY HC / DATE	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY
BẢN VẼ GỐC			
BẢN VẼ GỐC	01		
BẢN VẼ GỐC	02		
BẢN VẼ GỐC	03		
BẢN VẼ GỐC	04		

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECH. MANAGER

CHỈ THỊ / MARK		
TK CÔNG NGHỆ / T. DESIGNED BY	BSc. NGUYỄN VĂN TIẾN	
TK XÂY DỰNG / C. DESIGNED BY	Mai Văn Công	
VẼ / DRAWN BY	Mai Văn Công	
KIỂM TRA / CHECKED BY	Đỗ Văn Phan	
SỐ BỘ THIẾT KẾ / DOCUMENT NO	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO: 01	TỔNG SỐ BV / TOTAL DRAWS: 01
NGÀY PH / DATE COMPLETE	16/09/2024	TỶ LỆ / SCALE: 1/25

Xu Feng

HTXL KHÍ THẢI, HƠI DUNG MÔI TỪ CHUYỀN UV

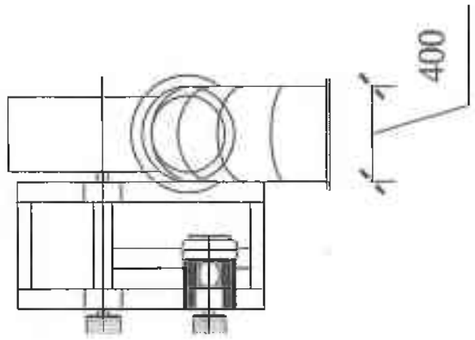
QUẠT HÚT VỚI CÔNG SUẤT15HP
LƯU LƯỢNG: 15000 - 18000 m3/h

BỒN LỌC HẤP PHỤ BẰNG THAN HOẠT TÍNH

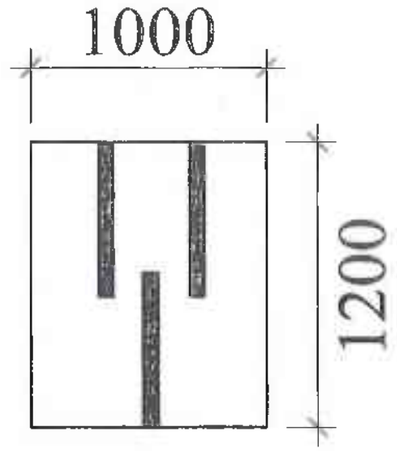
CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG
XÁC NHẬN THI CÔNG
Ngày 16 Tháng 09 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Ng

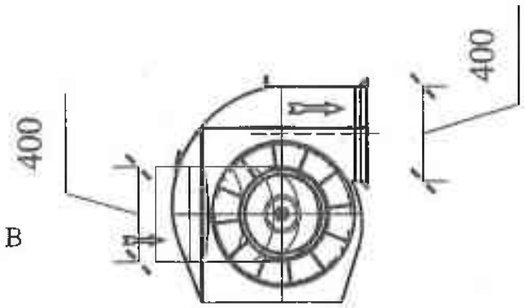
MẶT CHIẾU A - A



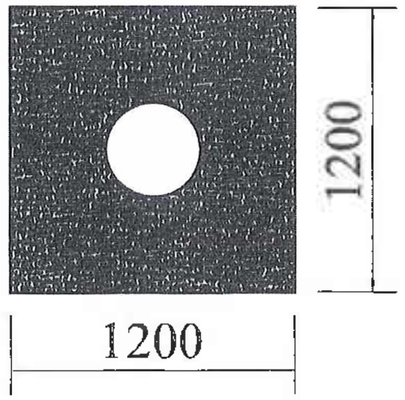
MẶT CHIẾU A - A



MẶT CHIẾU B - B



MẶT CHIẾU B - B



	NGÀY HC DATE	NGƯỜI CHỈNH REVISED BY
01		
02		
03		
04		
05		

HẠNG MỤC/ TITLE:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:
CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:
CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ
HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH. MANAGER

		0
Mai Văn Công	Mai Văn Công	
14/09/2024		

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 178/23/8 Huỳnh Văn Lũy, tổ 64, khu phố 7, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương

MST: 3702706345 ĐT: 0976801345 (PHAN)

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày 28 Tháng 08 Năm 2024		
Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
Mai Văn Công	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hà

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN DỰ ÁN: **HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI**

ĐỊA ĐIỂM: **LÔ B4, LÔ B5, KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ, XÃ TIẾN HƯNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM**

CHỦ ĐẦU TƯ: **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

NHÀ THẦU: **CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG.**

Bình Dương, 2024

Xu Feng

BẢN VẼ TỔNG QUAN CỤM XỬ LÝ CHÍNH BỤI GỖ BẰNG CYCLONE

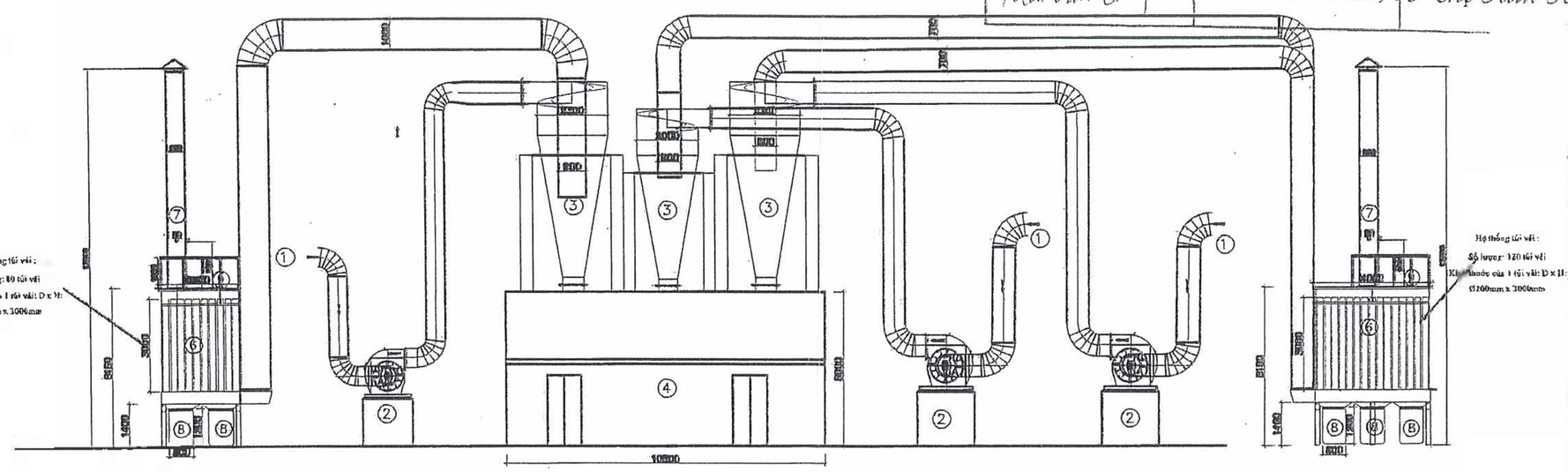
VÀ TÚI VẢI TẠI XƯỞNG 1 - TỔNG LƯU LƯỢNG 210 000 M3/GIỜ

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 16 Tháng 09 Năm 2024

Người lập	Nhà thầu thi công xây dựng	Giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư
Mai Văn Công	Đỗ Văn Phan	Võ Thị Kim Hà



KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	NGUỒN PHÁT SINH BỤI	⑤	ỐNG DẪN BỤI
②	QUẠT HÚT	⑥	THIẾT BỊ LỌC BỤI TÚI VẢI
③	THÁP XỬ LÝ BỤI THÔ CYCLONE	⑦	HƯỚNG THOÁT KHÍ SẠCH
④	PHỄU RŨ BỤI CỦA CYCLONE	⑧	BỒN ĐỰNG BỤI SAU KHI BỤI RƠI XUỐNG
		⑨	SÀN THAO TÁC VÀ LỖ QUAN TRẮC

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

	NGÀY / DATE	NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM / BY

HẠNG MỤC / TITLE:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH GREEN LIFE BUILDERS BÌNH DƯƠNG

Đỗ Văn Phan

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECH. MANAGER

CHỦ TRÌ / THIẾT KẾ		
PT. THIẾT KẾ	BSc. NGUYỄN VĂN TIẾN	
	KS. MAI VĂN CÔNG	
ĐÃ KÝ BỞI	KS.MAI VĂN CÔNG	
KIỂM TRA	CD. ĐỖ VĂN HOÀN	
BẢN VẼ THIẾT KẾ / DRAWING		
NGÀY HOÀN THÀNH / DATE	16/5/2024	TỶ LỆ / SCALE: 1/50

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

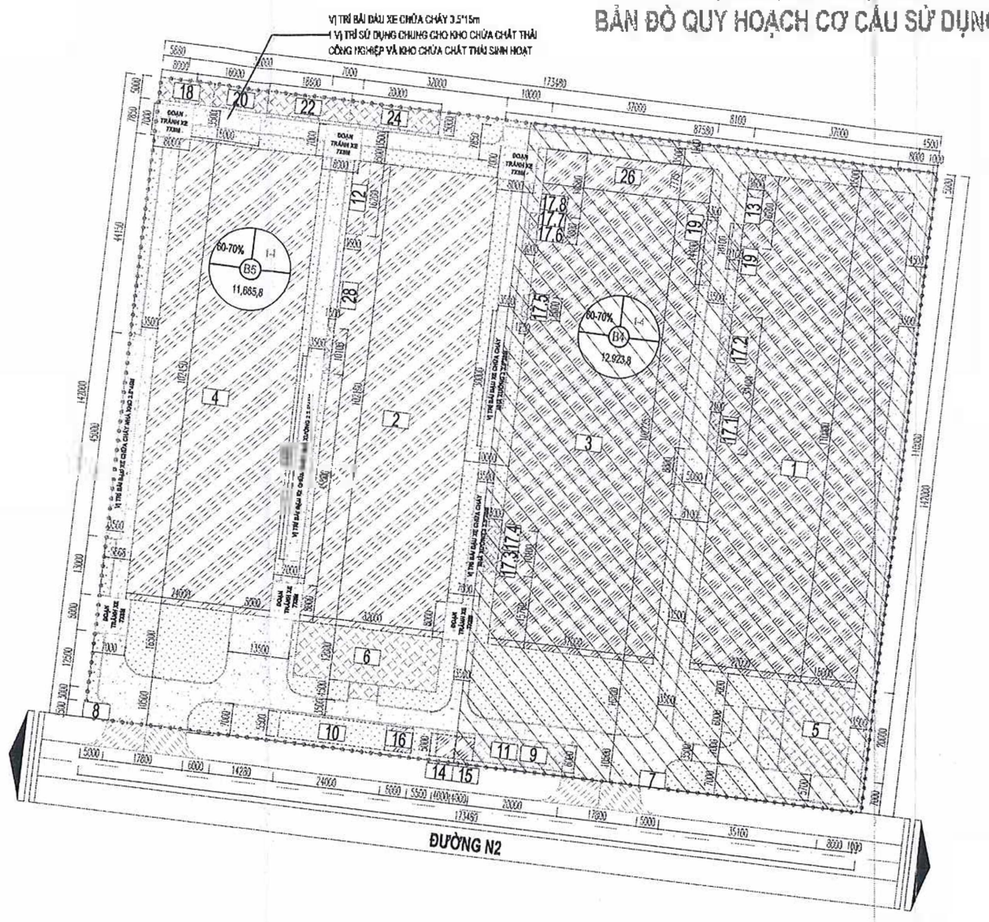
Xu Feng

TP. ĐỒNG XOÀI - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG RÚT GỌN TỈ LỆ 1/500

[QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG]

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT



B

TỶ LỆ: 1/500

GHI CHÚ:

MẬT ĐỘ XÂY DỰNG — SỐ LÔ — TẦNG CAO

DIỆN TÍCH LÔ (m²)

KÝ HIỆU:

- ĐẤT NHÀ XƯỞNG
- ĐẤT CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- RANH QUY HOẠCH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG XE ĐI
- CÂY XANH THẢM CỎ

GIAI ĐOẠN 1 - BẢNG CHỈ TIÊU CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT DỰ ÁN YOU CHUANG (LÔ B4: S = 12.923,8 M²)

STT	LOẠI ĐẤT	CHỨC NĂNG	DÀI (m)	RỘNG (m)	DIỆN TÍCH HẠNG MỤC (M²)	SỐ TẦNG	CHIỀU CAO TẦNG (M)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (M²)	DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (M²)	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT (%)	GHI CHÚ	
I	ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TẦNG				8.140.000			16.280.000	8.140.000	33,10		
1	Đất công nghiệp	Nhà xưởng 1	110,000	37,000	4.070.000	2	16,105	8.140.000	4.070.000	16,55	GIAI ĐOẠN 1	ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CỦA BAN QUẢN LÝ VÀO THÁNG 01/2024
2	Đất công nghiệp	Nhà xưởng 2	102,225	37,000	3.782.325	2	16,105	7.564.650	3.782.325	15,38		
3	Đất công nghiệp	Nhà xưởng 2 (Mở rộng)	7,775	37,000	287.675	2	16,105	575.350	287.675	1,17	GIAI ĐOẠN 2	XIN CẤP XÂY DỰNG MỚI, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
II	ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ				330.000			1.230.000	330.000	1,34		
1	Đất hành chính, dịch vụ	Nhà văn phòng	20,000	15,000	300.000	4	16,300	1.200.000	300.000	1,22	GIAI ĐOẠN 1	ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CỦA BAN QUẢN LÝ VÀO THÁNG 01/2024
		Sảnh cân	6,000	5,000	30.000	1	5,630	30.000	30.000	0,12		
III	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				1.542.640				1.542.640	6,27		
IV	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC				592.050			923.820	323.820	1,32		
1	Đất kỹ thuật	Bể nước PCCC 1	20,000	6,000	120.000	1	Chôn ngầm	Chôn ngầm	Chôn ngầm		GIAI ĐOẠN 1	ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CỦA BAN QUẢN LÝ VÀO THÁNG 01/2024
2	Đất kỹ thuật	Nhà bảo vệ 1	5,000	3,500	17.500	1	3,400	17.500	17.500	0,07		
3	Đất kỹ thuật	Trạm biến áp 1	5,000	4,000	20.000	1	2,800	20.000	20.000	0,08	GIAI ĐOẠN 1	XIN CẤP XÂY DỰNG MỚI, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
4	Đất kỹ thuật	Nhà vệ sinh công nhân 1	18,200	3,900	58.320	1	2,800	Nằm trong Nhà xưởng 1	Nằm trong Nhà xưởng 1			
5	Đất kỹ thuật	Nhà ze	20,000	6,000	120.000	1	3,400	120.000	120.000	0,46		
6.1	Đất kỹ thuật	Khu HTDL bụi gia công và chà nhám (cyclone + túi vải)	30,400	2,100	63.840	-	-	63.840	63.840	0,26	GIAI ĐOẠN 1	XIN CẤP XÂY DỰNG MỚI, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
6.2	Đất kỹ thuật	Khu HTDL bụi chà nhám túi vải	10,100	3,000	30.300	-	-	30.300	30.300	0,12		
		Khu HTDL hơi keo										
6.3	Đất kỹ thuật	Khu HTDL hơi dung môi chuyền UV	5,000	1,250	6.250	-	-	6.250	6.250	0,03		
6.4	Đất kỹ thuật	Khu HTDL hơi dung môi buồng sơn	5,800	2,000	11.600	-	-	11.600	11.600	0,05		
7	Đất kỹ thuật	Nhà chứa máy nén khí, máy bơm khí	10,100	2,100	21.210	1	3,000	21.210	21.210	0,09		
			14,400	2,300	33.120	1	3,000	33.120	33.120	0,13		
V	ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DÙNG				2.587.340				2.587.340	10,53		
TỔNG CỘNG								17.833.820	12.923.800	52,58	TỈNH TRẠM TOÀN DỰ ÁN	

GIAI ĐOẠN 2 - BẢNG CHỈ TIÊU CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT DỰ ÁN YOU CHUANG (LÔ B5: S = 11.665,8 M²)

STT	LOẠI ĐẤT	CHỨC NĂNG	DÀI (m)	RỘNG (m)	DIỆN TÍCH HẠNG MỤC (M²)	SỐ TẦNG	CHIỀU CAO TẦNG (M)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (M²)	DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (M²)	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT (%)	GHI CHÚ	
I	ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TẦNG				8.537.600			8.665.600	8.537.600	26,58		
1	Đất công nghiệp	Nhà xưởng 3	102,150	37,000	3.268.800	2	16,105	8.537.600	3.268.800	13,29		
2	Đất công nghiệp	Nhà kho	102,150	32,000	3.268.800	1	11,780	3.268.800	3.268.800	13,29		
II	ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ				406.750			1.218.669	406.750	1,65		
1	Đất hành chính, dịch vụ	Nhà ăn (*)	32,000	12,000	384.000	4	15,336	1.195.310	384.000	1,56	- ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CỦA BAN QUẢN LÝ VÀO THÁNG 01/2024 - DIỆN TÍCH NHÀ ĂN ĐƯỢC TÍNH NHƯ SAU: S = 384M² x 3 TẦNG + 43,31M² x 1 TẦNG MÁI = 1.195,31 M²	
		Sảnh cân	6,500	3,500	22.750	1	5,630	22.750	22.750	0,09		
III	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				1.788.640				1.788.640	7,28		
IV	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC				588.978			398.650	398.650	1,61	GIAI ĐOẠN 2	
1	Đất kỹ thuật	Bể nước PCCC 2	24,000	5,500	132.000	1	Chôn ngầm	Chôn ngầm	Chôn ngầm			
2	Đất kỹ thuật	Trạm biến áp 2	5,000	4,000	20.000	1	2,800	20.000	20.000	0,08		
3	Đất kỹ thuật	Trạm bơm	6,000	5,500	33.000	1	3,800	33.000	33.000	0,13		
4	Đất kỹ thuật	Kho chứa chất thải công nghiệp	12,000	5,000	60.000	1	4,000	60.000	60.000	0,24		
		Kho chứa chất thải sinh hoạt	12,000	5,000	60.000	1	4,000	60.000	60.000	0,24		
		Nhà bảo vệ 2	5,000	3,500	17.500	1	3,400	17.500	17.500	0,07		
		Kho chứa chất thải nguy hại	18,600	5,000	93.000	1	4,000	93.000	93.000	0,38	GIAI ĐOẠN 2	XIN CẤP ĐIỀU CHỈNH THAY ĐỔI VỊ TRÍ, KÍCH THƯỚC HẠNG MỤC
5	Đất kỹ thuật	Kho chứa hoá chất	20,000	5,000	100.000	1	4,000	100.000	100.000	0,41	GIAI ĐOẠN 2	XIN CẤP XÂY DỰNG MỚI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
6	Đất kỹ thuật	Nhà vệ sinh công nhân 2	18,200	3,600	58.320	1	2,800	Nằm trong Nhà xưởng 3	Nằm trong Nhà xưởng 3		GIAI ĐOẠN 2	XIN CẤP ĐIỀU CHỈNH THAY ĐỔI DIỆN TÍCH
7	Đất kỹ thuật	Khu dự trù lắp đặt HTDL bụi, khí thải	10,100	1,500	15.150	-	-	15.150	15.150	0,06	GIAI ĐOẠN 2	XIN CẤP XÂY DỰNG MỚI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
V	ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DÙNG				2.534.160				2.534.160	10,32		
TỔNG CỘNG								11.423.110	11.665.600	47,44	TỈNH TRẠM TOÀN DỰ ÁN	

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT DỰ ÁN YOU CHUANG (LÔ B4 + LÔ B5: S = 24.589,6 M²)

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (M²)	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT (%)
A	CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU (GIAI ĐOẠN 1) (I + II + III + IV + V)	12.923,800	52,55
I	ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TẦNG	8.140.000	33,10
II	ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ	330.000	1,34
III	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC	323.820	1,32
IV	ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DÙNG	2.587.340	10,53
V	ĐƯỜNG GIAO THÔNG	1.542.640	6,27
B	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI (GIAI ĐOẠN 2) (I + II + III + IV + V)	11.665.800	47,44
I	ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TẦNG	6.537.600	26,59
II	ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ	406.750	1,65
III	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC	398.650	1,61
IV	ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DÙNG	2.534.160	10,32
V	ĐƯỜNG GIAO THÔNG	1.788.640	7,28
C	TỔNG CỘNG 2 GIAI ĐOẠN (A + B)	24.589.600	100,00
I	ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TẦNG	14.677.600	59,68
II	ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ	736.750	2,99
III	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC	722.470	2,93
IV	ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DÙNG	5.121.500	20,83
V	ĐƯỜNG GIAO THÔNG	3.331.280	13,55

TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN DỰ ÁN

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (M²)	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT (%)
I	ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TẦNG VÀ ĐẤT HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ	16.136,829	65,60
II	ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DÙNG	5.121,500	20,83
III	ĐƯỜNG GIAO THÔNG	3.331,280	13,55
TỔNG CỘNG		24.589,600	100,00

GHI CHÚ:

1. MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỔNG CẢ DỰ ÁN (BAO GỒM MẬT ĐỘ CỦA ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TẦNG VÀ ĐẤT HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ, DIỆN TÍCH: 15.414,35 M²): 62,87%
2. CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ - HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC (CÓ TỔNG DIỆN TÍCH 722,470 M², TỶ LỆ CHIẾM ĐẤT 2,93%) KHÔNG TÍNH MẬT ĐỘ XÂY DỰNG THEO MỤC 1.4.20 CHƯƠNG I QCVN 01:2021/BXD "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG"

CHỈ TIẾT HẠNG MỤC KHO CHỨA CHẤT THẢI XIN CẤP ĐIỀU CHỈNH

	BẢN VẼ QUY HOẠCH ĐÃ DUYỆT	BẢN VẼ QUY HOẠCH XIN CẤP ĐIỀU CHỈNH
TÊN HẠNG MỤC	KHO CHỨA CHẤT THẢI (NGUY HẠI, CÔNG NGHIỆP, SINH HOẠT)	KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI
KÍ HIỆU	17	22
VỊ TRÍ THAY ĐỔI	NẰM TRONG NHÀ XƯỞNG SỐ 2 (KÍ HIỆU SỐ 2)	NẰM CẠNH NHÀ CHỨA CHẤT THẢI SINH HOẠT (KÍ HIỆU SỐ: 20)
KÍCH THƯỚC	15,5M X 6M	18,6M X 3M
DIỆN TÍCH	93 M²	93 M²

CHỈ TIẾT HẠNG MỤC NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN 2 XIN CẤP ĐIỀU CHỈNH

	BẢN VẼ QUY HOẠCH ĐÃ DUYỆT	BẢN VẼ QUY HOẠCH XIN CẤP ĐIỀU CHỈNH
TÊN HẠNG MỤC	NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN 2	NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN 2
KÍ HIỆU	13	12
VỊ TRÍ THAY ĐỔI	NẰM TRONG NHÀ XƯỞNG SỐ 3 (KÍ HIỆU SỐ 3)	NẰM TRONG NHÀ XƯỞNG SỐ 3 (KÍ HIỆU SỐ 2)
KÍCH THƯỚC	7,775M X 3,6M	18,2M X 3,6M
DIỆN TÍCH	27,99 M²	58,32 M²

BẢNG THỐNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH - GIAI ĐOẠN 1

STT	KÍ HIỆU TRONG BẢN VẼ ĐÃ DUYỆT	KÍ HIỆU TRONG BẢN VẼ XIN ĐIỀU CHỈNH	LOẠI ĐẤT	GHI CHÚ
A	THEO GIẤY PHÉP XÂY DỰNG ĐÃ CẤP NĂM 2021			
01	1	1	NHÀ XƯỞNG 1	ĐÃ DUYỆT
02	2	2	NHÀ XƯỞNG 2	
03	5	5	NHÀ VĂN PHÒNG	
04	7	7	NHÀ BẢO VỆ 1	
05	9	9	BỂ NƯỚC PCCC 1	
06	11	11	NHÀ XE	
5	HẠNG MỤC XIN XÂY DỰNG MỚI THUỘC GIAI ĐOẠN 1 ĐIỀU CHỈNH			
01	12	13	NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN 1 (NẰM TRONG NHÀ XƯỞNG 1)	XIN CẤP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
02	14	15	TRẠM BIẾN ÁP 1 (220,44V - 450KVA)	
03	-	17.1	KHU HTDL BỤI GIA CÔNG VÀ CHÀ NHÁM (CYCLONE + TÚI VẢI)	
04	-	17.2	KHU HTDL BỤI GIA CÔNG VÀ CHÀ NHÁM (CYCLONE + TÚI VẢI)	
05	-	17.3	KHU HTDL BỤI CHÀ NHÁM TÚI VẢI	
06	-	17.4	KHU HTDL HƠI KEO	
07	-	17.5	KHU HTDL HƠI DUNG MÔI CHUYỀN UV	
08	-	17.6	KHU HTDL HƠI DUNG MÔI BUỒNG SƠN	
09	-	17.7	KHU HTDL HƠI DUNG MÔI BUỒNG SƠN	
10	-	17.8	KHU HTDL HƠI DUNG MÔI BUỒNG SƠN	
11	-	19	NHÀ CHỨA MÁY NÉN KHÍ, MÁY BƠM KHÍ	
12	-	28	NHÀ XƯỞNG 2 (MỞ RỘNG)	

BẢNG THỐNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH - GIAI ĐOẠN 2

STT	KÍ HIỆU TRONG BẢN VẼ ĐÃ DUYỆT	KÍ HIỆU TRONG BẢN VẼ XIN ĐIỀU CHỈNH	LOẠI ĐẤT	GHI CHÚ
01	3	2	NHÀ XƯỞNG 3	XIN CẤP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
02	4	4	NHÀ KHO	
03	6	6	NHÀ ĂN	
04	8	8	NHÀ BẢO VỆ 2	
05	10	10	BỂ NƯỚC PCCC 2	
06	13	12	NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN 2 (NẰM TRONG NHÀ XƯỞNG 3)	
07	15	14	TRẠM BIẾN ÁP 2 (720,44V - 450KVA)	
08	16	16	TRẠM BƠM	
09	18	18	KHO CHỨA CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP	XÂY DỰNG MỚI
10	20	20	KHO CHỨA CHẤT THẢI SINH HOẠT	
11	17	22	KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	
12	-	24	KHO CHỨA HOÁ CHẤT	
13	-	28	KHU DỰ TRỮ LẮP ĐẶT HTDL BỤI, KHÍ THẢI	

GHI CHÚ:

- PHẦN HIỆN HỮU, GIAI ĐOẠN 1 (LÔ B4)
- PHẦN XÂY DỰNG MỚI, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2 (LÔ B5)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM - QUY MÔ: NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

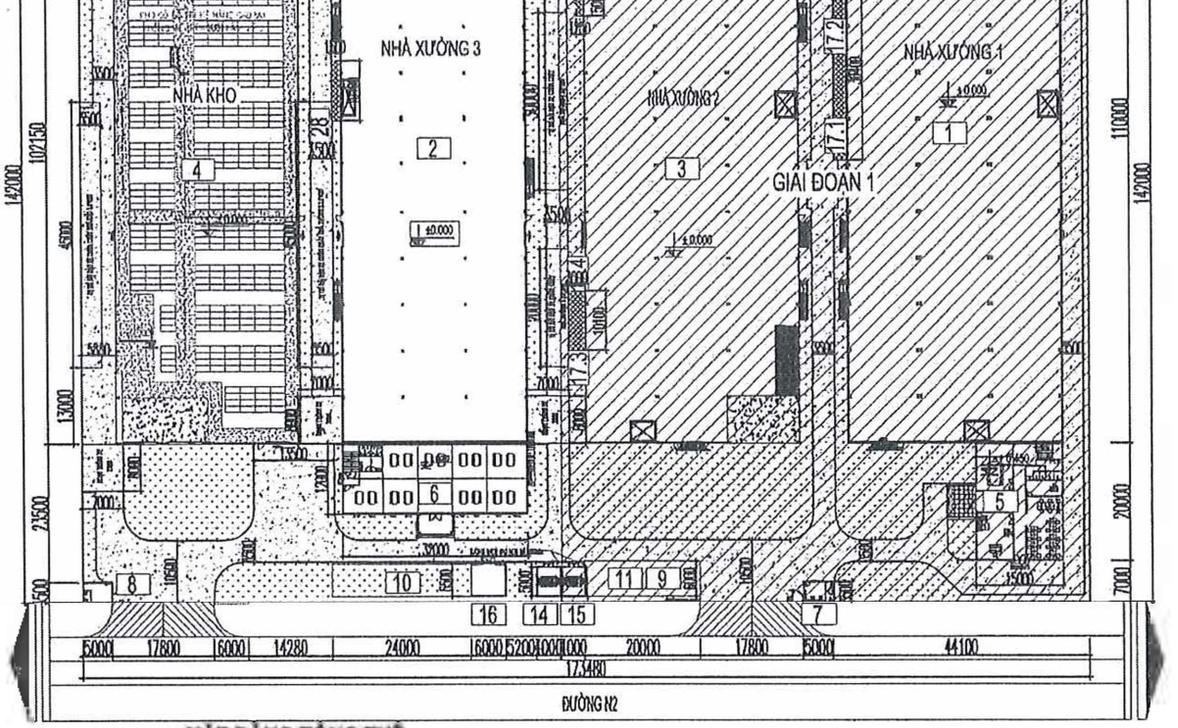
ĐỊA ĐIỂM: LÔ B4, LÔ B5, KCN LA NGÀ, XÃ ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ, T. BÌNH PHƯỚC

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ	QH-SDĐ-01/2024
TỶ LỆ	1/500
NGÀY LẬP	09/2024
CHỦ TRÌ	KTS. TRẦN VĂN CẦN
THIẾT KẾ	KTS. TRẦN VĂN CẦN
KT. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN DUY NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC	PHẠM VĂN THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHÚC GIA

Xu Feng



MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TL: 1/1000

BẢNG THỐNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH - GIAI ĐOẠN 1

STT	KÍ HIỆU TRONG BẢN VẼ ĐÃ DUYỆT	KÍ HIỆU TRONG BẢN VẼ XIN ĐIỀU CHỈNH	LOẠI ĐẤT	GHI CHÚ
A	THEO GIẤY PHÉP XÂY DỰNG ĐÃ CẤP NĂM 2021			
01	1	1	NHÀ XƯỞNG 1	HIỆN HỮU
02	2	3	NHÀ XƯỞNG 2	
03	5	5	NHÀ VĂN PHÒNG	
04	7	7	NHÀ BẢO VỆ 1	
05	9	9	BỂ NƯỚC PCCC 1	
06	11	11	NHÀ XE	
B	HẠNG MỤC XIN XÂY DỰNG MỚI THUỘC GIAI ĐOẠN 1 ĐIỀU CHỈNH			
01	12	13	NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN 1 (NẰM TRONG NHÀ XƯỞNG 1)	XIN CẤP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
02	14	15	TRẠM BIẾN ÁP 1 (220,4KV - 450KVA)	
03	-	17.1	KHU HTXL BỤI GIA CÔNG VÀ CHÀ NHÁM (CYCLONE + TÚI VẢI)	
04	-	17.2	KHU HTXL BỤI GIA CÔNG VÀ CHÀ NHÁM (CYCLONE + TÚI VẢI)	
05	-	17.3	KHU HTXL BỤI CHÀ NHÁM TÚI VẢI	
06	-	17.4	KHU HTXL HƠI KEO	
07	-	17.5	KHU HTXL HƠI DUNG MÔI CHUYỀN UV	
08	-	17.6	KHU HTXL HƠI DUNG MÔI BUỒNG SƠN	
09	-	17.7	KHU HTXL HƠI DUNG MÔI BUỒNG SƠN	
10	-	17.8	KHU HTXL HƠI DUNG MÔI BUỒNG SƠN	
11	-	19	NHÀ CHỨA MÁY NÉN KHÍ, MÁY BƠM KHÍ	
12	-	26	NHÀ XƯỞNG 2 (MỞ RỘNG)	

TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN DỰ ÁN

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (M^2)	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT (%)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	THEO QHPK 1/2000 KCN ĐẮC ĐỒNG PHÚ VÀ QCVN 01:2021/BXD	
I	ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TÀNG VÀ ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ	15.414,350	62,67	62,67	≤ 70%	CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ - HẠ TẦNG KỸ THUẬT (CÓ TỔNG DIỆN TÍCH 722,47M^2, TỶ LỆ CHIẾM ĐẤT 2,93%) KHÔNG TÍNH MẬT ĐỘ XÂY DỰNG THEO MỤC 1.4.20 CHƯƠNG 1 QCVN 01:2021/BXD "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG"
II	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC	722,470	2,93	-	-	
III	ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG	5.121,500	20,85	20,85	≥ 20%	
IV	ĐƯỜNG GIAO THÔNG	3.331,280	13,55	-	-	
TỔNG CỘNG		24.589,600	100,00	-	-	

BẢNG THỐNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH - GIAI ĐOẠN 2

STT	KÍ HIỆU TRONG BẢN VẼ ĐÃ DUYỆT	KÍ HIỆU TRONG BẢN VẼ XIN ĐIỀU CHỈNH	LOẠI ĐẤT	GHI CHÚ
01	3	2	NHÀ XƯỞNG 3	XIN CẤP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
02	4	4	NHÀ KHO	
03	6	6	NHÀ ĂN	
04	8	8	NHÀ BẢO VỆ 2	
05	10	10	BỂ NƯỚC PCCC 2	
06	13	12	NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN 2 (NẰM TRONG NHÀ XƯỞNG 3)	
07	15	14	TRẠM BIẾN ÁP 2 (220,4kV - 450kVA)	
08	16	16	TRẠM BƠM	
09	18	18	KHO CHỨA CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP	XÂY DỰNG MỚI
10	20	20	KHO CHỨA CHẤT THẢI SINH HOẠT	
11	17	22	KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	
12	-	24	KHO CHỨA HÓA CHẤT	
13	-	28	KHU DỰ TRỮ LẮP ĐẶT HTXL BỤI, KHÍ THẢI	

GHI CHÚ:

GIAI ĐOẠN 1

GIAI ĐOẠN 2

VỊ TRÍ CAO KHU HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

6.2	Đất kỹ thuật	Khu HTXL bột chà nhám tổi vải Khu HTXL hơi keo	10,100	3,000	30,300	-	-	30,300	30,300	0,12	BỔ SUNG CẤP ĐIỀU CHỈNH,
6.3	Đất kỹ thuật	Khu HTXL hơi dung môi chuyền UV	5,000	1,250	6,250	-	-	6,250	6,250	0,03	
6.4	Đất kỹ thuật	Khu HTXL hơi dung môi buồng sơn	5,600	2,000	11,600	-	-	11,600	11,600	0,05	
7	Đất kỹ thuật	Nhà chứa máy nén khí, máy bơm khí	10,100	2,100	21,210	1	3,000	21,210	21,210	0,09	
			14,400	2,300	33,120	1	3,000	33,120	33,120	0,13	
V	ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG				2,537,340				2,537,340	10,53	
TỔNG CỘNG								17,633,820	12,923,800	52,56	

GIAI ĐOẠN 2 - BẢNG CHỈ TIẾT CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT DỰ ÁN YOU CHUANG (LÔ B5: S = 11.665,8 M²)

STT	LOẠI ĐẤT	CHỨC NĂNG	DÀI (m)	RỘNG (m)	DIỆN TÍCH HẠNG MỤC (M²)	SỐ TẦNG	CHIỀU CAO TẦNG (M)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (M²)	DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (M²)	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT (%)	GHI CHÚ
I	ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCH, KHO TÀNG				6.537,600			9.806,400	6.537,600	26,58	
1	Đất công nghiệp	Nhà xưởng 3	102,160	32,000	3.269,800	2	18,105	6.537,600	3.268,800	13,29	
2	Đất công nghiệp	Nhà kho	102,160	32,000	3.268,800	1	11,780	3.268,800	3.268,800	13,29	
II	ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ				406,750			1.218,060	406,750	1,65	
1	Đất hành chính,	Nhà ăn (*)	32,000	12,000	384,000	4	16,350	1.165,310	384,000	1,56	
		Sảnh đón	6,500	3,500	22,750	1	6,630	22,750	22,750	0,09	
III	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				1.788,640				1.788,640	7,28	
IV	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC				595,970			393,650	393,650	1,61	CẤP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
1	Đất kỹ thuật	Bể nước PCCC 2	24,000	6,500	132,000	1	Chôn ngầm	Chôn ngầm	Chôn ngầm		
2	Đất kỹ thuật	Trạm bơm bơm 2	5,000	4,000	20,000	1	2,800	20,000	20,000	0,08	
3	Đất kỹ thuật	Trạm bơm	6,000	5,500	33,000	1	3,800	33,000	33,000	0,13	
4	Đất kỹ thuật	Kho chứa chất thải công nghiệp	12,000	5,000	60,000	1	4,000	60,000	60,000	0,24	
		Kho chứa chất thải sinh hoạt	12,000	5,000	60,000	1	4,000	60,000	60,000	0,24	
		Nhà bảo vệ 2	5,000	3,500	17,500	1	3,400	17,500	17,500	0,07	
5	Đất kỹ thuật	Kho chứa chất thải nguy hại	18,600	5,000	93,000	1	4,000	93,000	93,000	0,38	
5	Đất kỹ thuật	Kho chứa hoá chất	20,000	5,000	100,000	1	4,000	100,000	100,000	0,41	
6	Đất kỹ thuật	Nhà vệ sinh công nhân 2	16,200	3,600	58,320	1	2,500	Nằm trong Nhà xưởng 3	Nằm trong Nhà xưởng 3		XÂY DỰNG MỚI
7	Đất kỹ thuật	Khu xử lý bụi lắp đặt HTXL bụi, khí thải	10,100	1,500	15,150	-	-	15,150	15,150	0,06	
V	ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG				2.534,160				2.534,160	10,32	
TỔNG CỘNG								11.423,110	11.665,800	47,44	

- DIỆN TÍCH NHÀ ĂN ĐƯỢC TÍNH NHƯ SAU: S = 384M² x 3 TẦNG + 43,31M² x 1 TẦNG MÁI = 1.165,31 M²

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT DỰ ÁN YOU CHUANG

STT	LOẠI ĐẤT	LÔ B4 (S = 12.923,8 M²)		LÔ B5 (S = 11.665,8 M²)		LÔ B4 + B5 (S = 24.589,6 M²)	
		DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (M²)	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT (%)	DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (M²)	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT (%)	DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT (M²)	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT (%)
I	ĐẤT CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCH, KHO TÀNG	8.140,000	33,10	6.537,600	26,58	14.677,600	59,68
II	ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ	330,000	1,34	406,750	1,65	736,750	2,99
III	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC	328,820	1,32	393,650	1,61	722,470	2,93
IV	ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG	2.587,340	10,53	2.534,160	10,32	5.121,500	20,85
V	ĐƯỜNG GIAO THÔNG	1.542,640	6,27	1.788,640	7,28	3.331,280	13,55
TỔNG CỘNG		12.923,800	52,56	11.665,800	47,44	24.589,600	100,00

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT/DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Phạm Gia CONSTRUCTION

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

ĐC: 48/20 Lê Đức Thọ, P. Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.
Office: 48/20 Le Duc Tho, Ward 17, Go Vap Dist., Ho Chi Minh City.
Email: phamgia2008@gmail.com - ĐT: 028.62822312

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PHẠM VĂN HẢI

ARCHITECTURE DIRECTOR / CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC

KTS. NGUYỄN DUY VĂN

STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU

KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN

ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN

KTS. NGUYỄN DUY VĂN

ITEM / HẠNG MỤC:

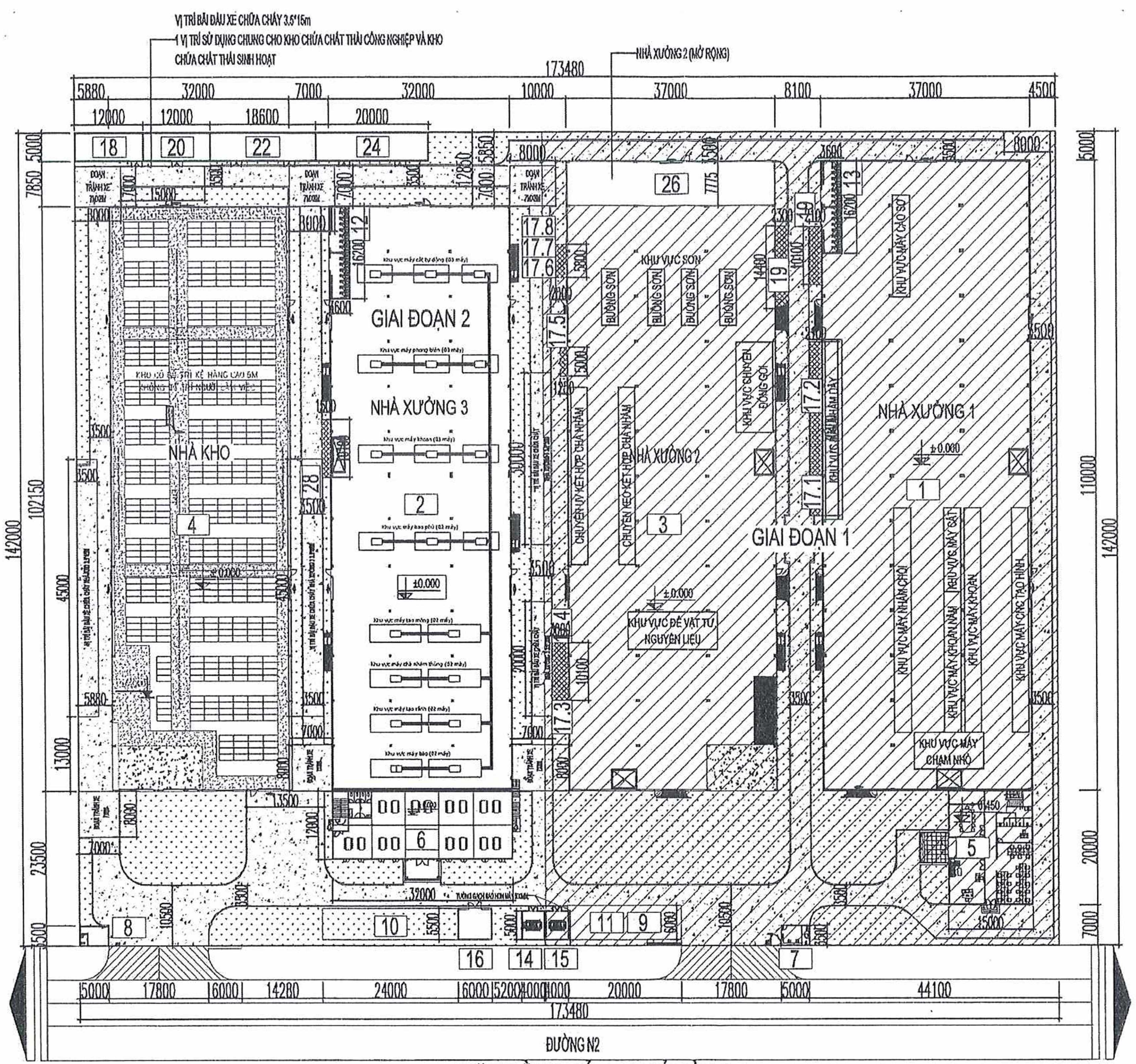
TỔNG THỂ

DRAWING NAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

DRAWING NO/ BẢN VẼ SỐ:	SCALE/ TỶ LỆ:	REVISION/
TT-01		
FILE NAME/ TÊN FILE		DATE/ NGÀY:

Xu Feng



MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 1

TL: 1/1000

GHI CHÚ:

- GIAI ĐOẠN 1
- GIAI ĐOẠN 2
- VỊ TRÍ CÁC KHU HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
- ☐ FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
- ☒ BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ (ĐIỀU CHỈNH)
- ☐ PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
- ☐ FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tân Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

Xu Feng

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tân Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

MANAGER

ARCHITECTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC

KTS. NGUYỄN DUY VĂN

STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU

KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN

ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN

KTS. NGUYỄN DUY VĂN

ITEM / HẠNG MỤC:

TỔNG THỂ

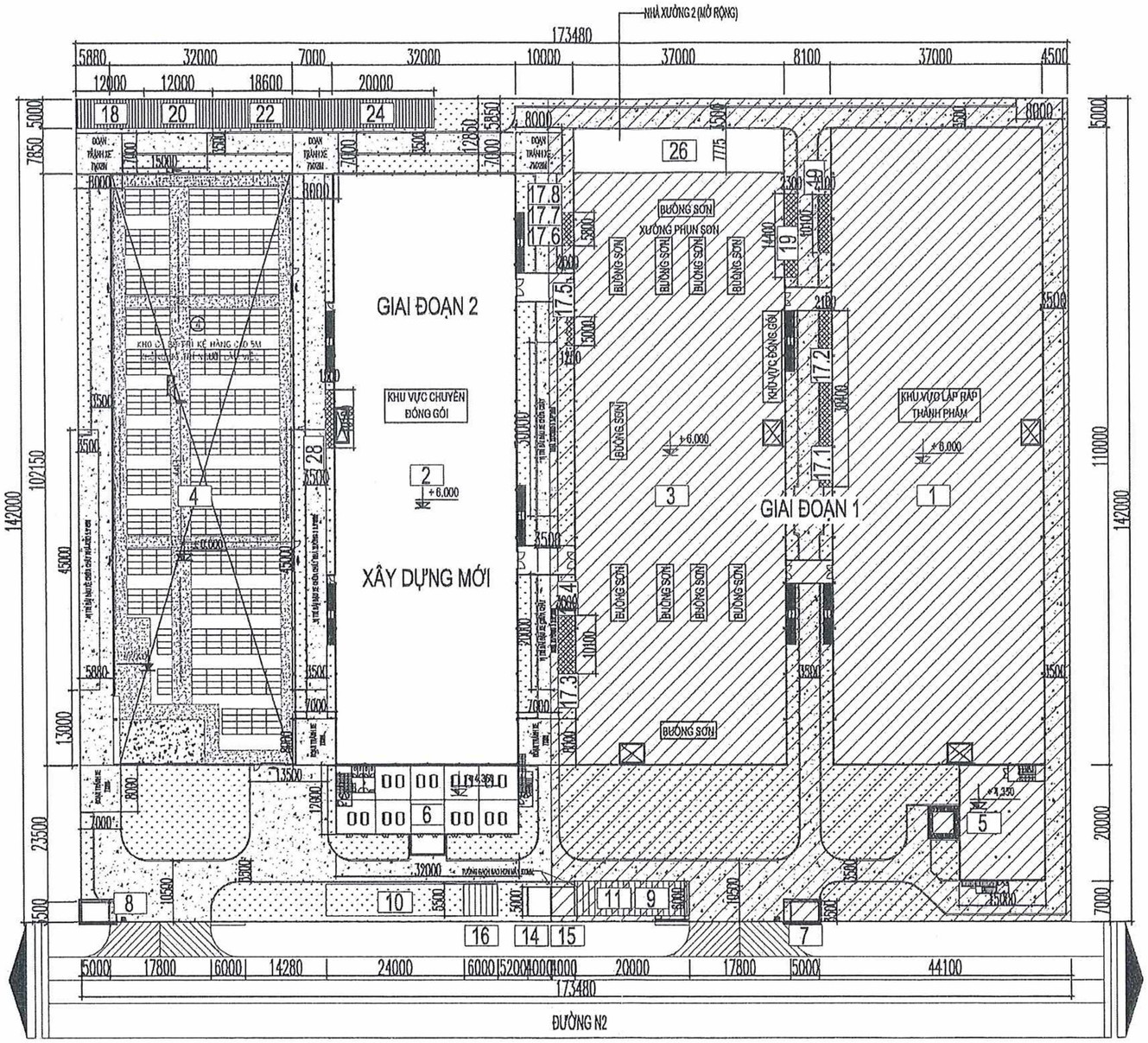
DRAWING NAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 1

DRAWING No/ BẢN VẼ SỐ:	SCALE/ TỶ LỆ:	REVISION/ LẦN:
TT-02		

FILE NAME/ TÊN FILE: | DATE/ NGÀY:

Xu Feng



MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 2

TL: 1/800

GHI CHÚ:

- GIAI ĐOẠN 1
- GIAI ĐOẠN 2
- VỊ TRÍ CÁC KHU HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
- ☐ FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
- ☒ BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ (ĐIỀU CHỈNH)
- ☐ PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
- ☐ FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: LÔ B4, B5, KCN Bảo Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: LÔ B4, B5, KCN Bảo Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia CONSTRUCTION

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

ĐC: 447/22A Bình Thới, P. Tân Quý, Tân Phú, TP. HCM.
Office: 58 Trương Văn Thành, Q. Thủ Đức, TP. HCM.
Email: phamgiaxd2009@gmail.com - DT: 028.62928886

MANAGER / GIÁM ĐỐC

ARCHITECTURE DIRECTOR / CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC

KTS. NGUYỄN DUY VÂN

STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU

KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN

ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN

KTS. NGUYỄN DUY VÂN

ITEM / HẠNG MỤC:

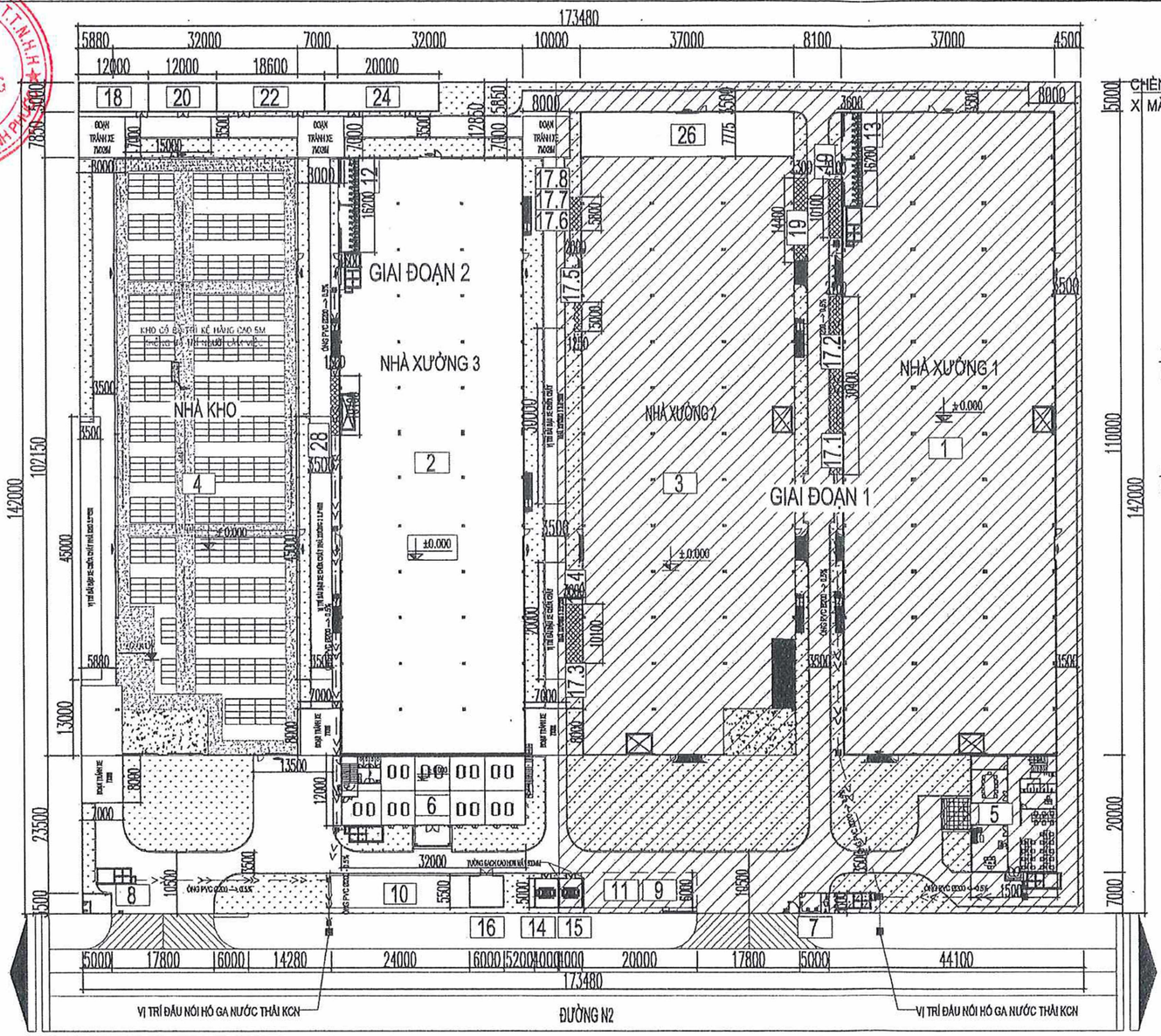
TỔNG THỂ

DRAWINGNAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 2

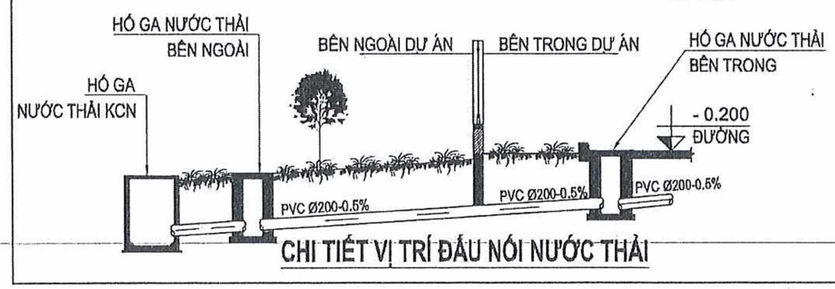
DRAWING No/ BẢN VẼ SỐ:	SCALE/ TỶ LỆ:	REVISION/
TT-03		
FILE NAME/ TÊN FILE:		DATE/ NGÀY:

Xu Feng



MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

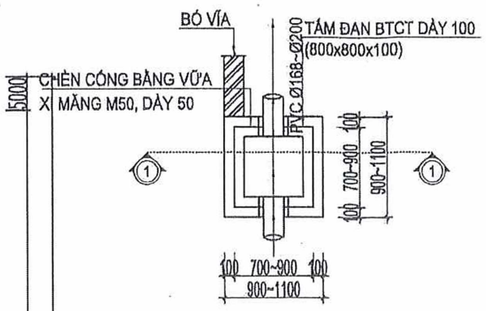
TL: 1/800



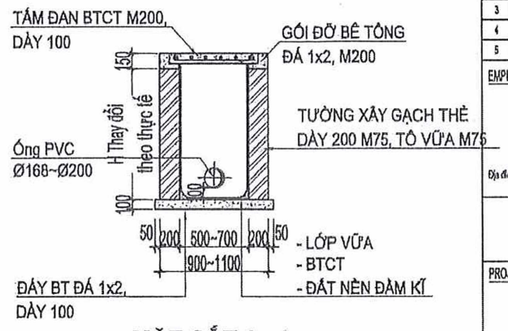
CHI TIẾT VỊ TRÍ ĐẤU NỐI NƯỚC THẢI

GHI CHÚ:

- GIAI ĐOẠN 1
- GIAI ĐOẠN 2
- VỊ TRÍ CÁC KHU HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI



MẶT BẰNG HỐ GA NƯỚC THẢI



MẶT CẮT 1 - 1

CHI TIẾT HỐ GA NƯỚC THẢI

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
- ☐ FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
- ☒ BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ (ĐIỀU CHỈNH)
- ☐ PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
- ☐ FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: LÔ B4, B5, KCN Bảo Đồng Phú, xã Tân Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT NAM YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: LÔ B4, B5, KCN Bảo Đồng Phú, xã Tân Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia CONSTRUCTION

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

MANAGER / GIÁM ĐỐC	PHẠM VĂN THUẬN
ARCHITECTURE DIRECTOR / CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC	KTS. NGUYỄN DUY VÂN
STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU	KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN
ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN	KTS. NGUYỄN DUY VÂN

ITEM / HẠNG MỤC:

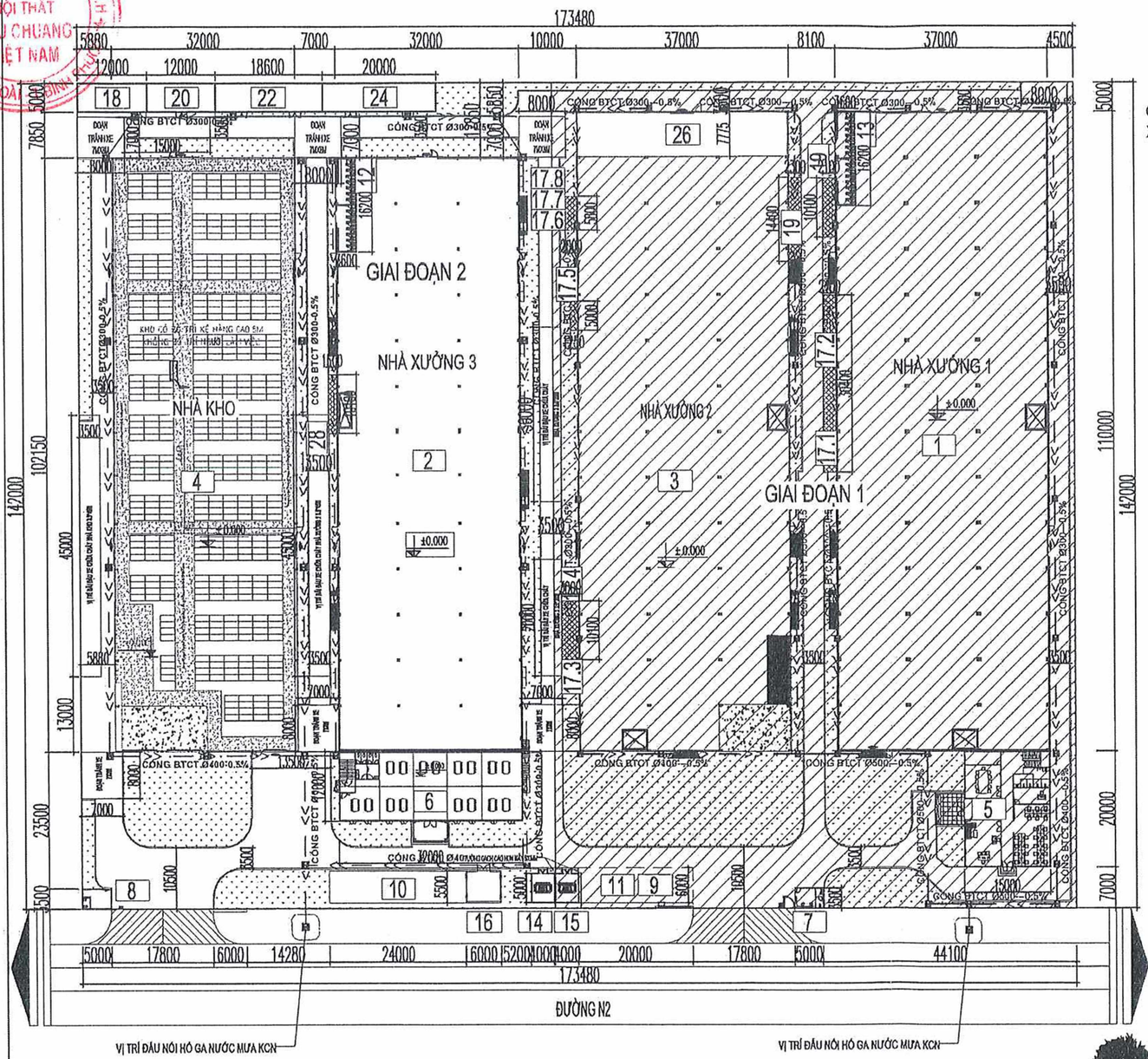
TỔNG THỂ

DRAWINGNAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

DRAWING No/ BẢN VẼ SỐ:	SCALE/ TỶ LỆ:	CREW/ NV LẬP
TT-07		
FILE NAME/ TÊN FILE:		DATE/ NGÀY:

Xu Feng

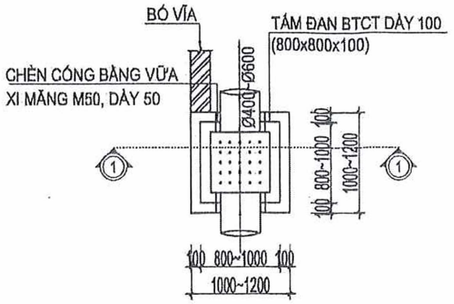


GHI CHÚ:

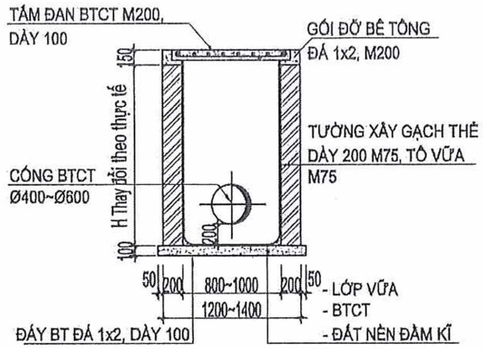
- GIAI ĐOẠN 1
- GIAI ĐOẠN 2
- VỊ TRÍ CÁC KHU HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

TL: 1/800

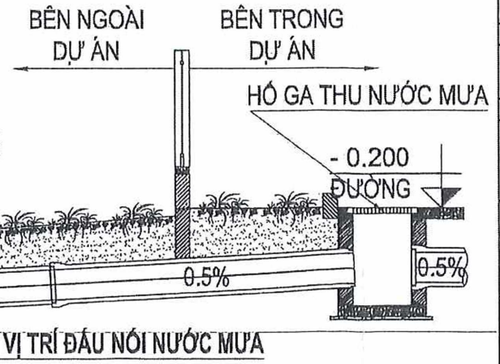


MẶT BẰNG HỐ GA



MẶT CẮT 1 - 1

CHI TIẾT HỐ GA NƯỚC MƯA



CHI TIẾT VỊ TRÍ ĐẤU NỐI NƯỚC MƯA

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
- ☐ FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
- ☒ BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ (ĐIỀU CHỈNH)
- ☐ PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
- ☐ FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Phạm Gia CONSTRUCTION

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

ĐC: 45/20 (Lầu 2 trệt), P.Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.
Office: 60 Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi, TP.HCM.
Email: phamgiad2009@gmail.com - ĐT: 028.6282.2235

MANAGER / GIÁM ĐỐC: PHAN VĂN THUẬN

ARCHITECTURE DIRECTOR / CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC: KTS. NGUYỄN DUY VĂN

STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU: KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN

ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN: KTS. NGUYỄN DUY VĂN

ITEM / HẠNG MỤC:

TỔNG THỂ

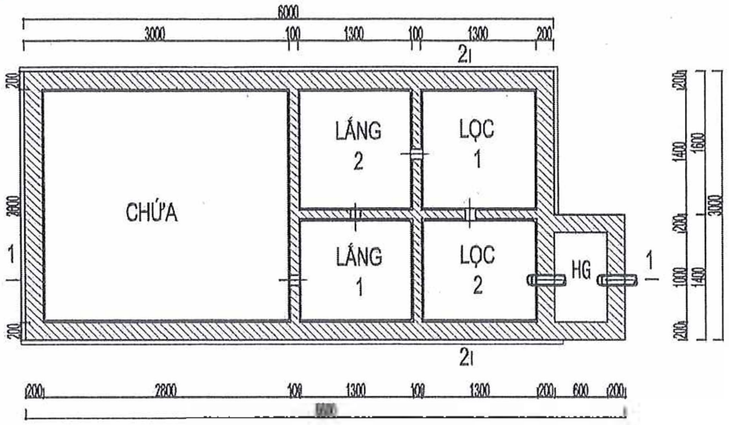
DRAWINGNAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

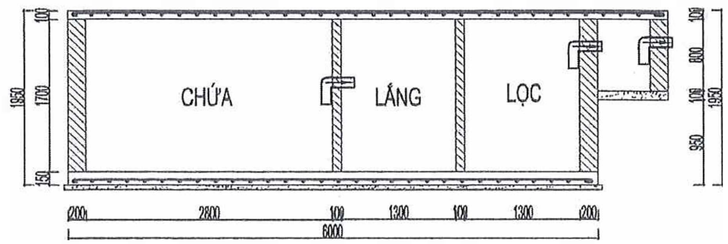
DRAWING No/ BẢN VẼ SỐ: TT-06

FILE

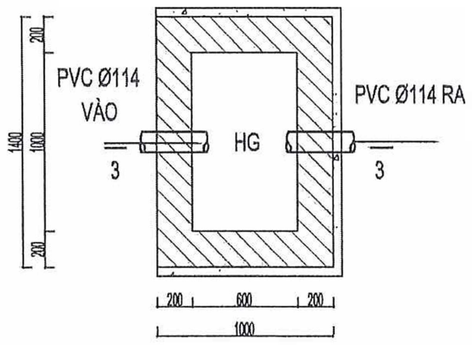
Xu Feng



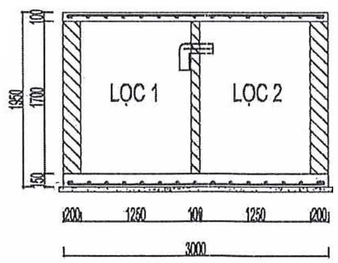
MẶT BẰNG HỐ GA
TL:1/100



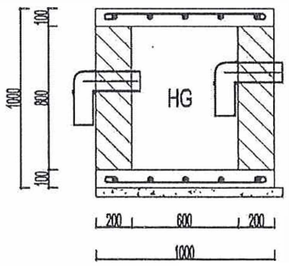
MẶT CẮT 1 - 1
TL:1/100



MẶT BẰNG HỐ GA
TL:1/50



MẶT CẮT 2 - 2
TL:1/100



MẶT CẮT 3 - 3
TL:1/100

CHI TIẾT HẦM TỰ HOẠI

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐	FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
☐	FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
☒	BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ (ĐIỀU CHỈNH)
☐	PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
☐	FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
☐	COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bảo Đồng Phú, xã Tân Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bảo Đồng Phú, xã Tân Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

ĐC: 44/28 Lê Văn Thọ, P. Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.
Office: 44/28 Le Van Tho Str., Tan Quy Ward, Tan Phu Dist., HCMC.
Email: phamgia2009@gmail.com - DT: 028.62382338

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PHẠM GIA

ARCHITECTURE DIRECTOR / CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC

KTS. NGUYỄN DUY VÂN

STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU

KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN

ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN

KTS. NGUYỄN DUY VÂN

ITEM / HẠNG MỤC:

TỔNG THỂ

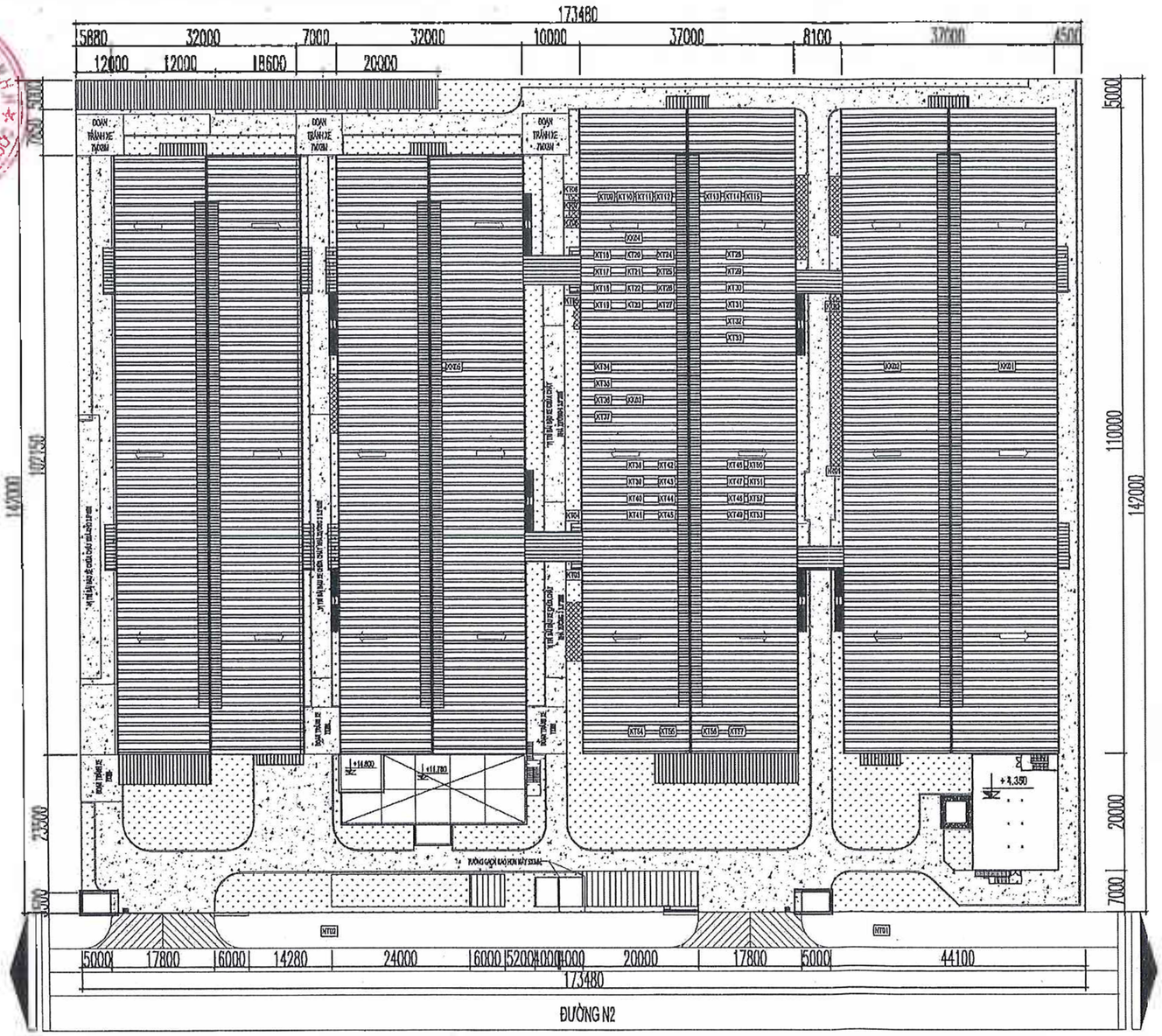
DRAWING NAME/ TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT HẦM TỰ HOẠI

DRAWING No/ BẢN VẼ SỐ:	SCALE/ TỶ LỆ:	REV No/ LẦN
TT-08		

FILE NAME/ TÊN FILE:

Xu Feng



MẶT BẰNG GIÁM SÁT ĐỊNH KÌ

TL: 1/800

44	Công MV thải số 44	KT54	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 44 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 64]
56	Công MV thải số 56	KT56	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 56 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 66]
58	Công MV thải số 58	KT58	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 58 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 68]
37	Công MV thải số 37	KT37	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.400 m3/giờ – hệ số 37 (ống 2 [illegible] 2) [nguồn số 37]
64	Nước thải tại hố ga 1	NT01	Nước thải tại vị trí đấu nối 1
09	Nước thải tại hố ga 2	NT02	[illegible]
03	Không khí 01	KK01	Khu vực gần nhà máy bị xưởng 1
04	Không khí 02	KK02	Khu vực gần cổng bị xưởng 1
02	Không khí 03	KK03	Khu vực xem bị tầng 1 xưởng 1
03	Không khí 04	KK04	Khu vực xem bị tầng 2 xưởng 2
04	Không khí 05	KK05	Khu vực gần cổng bị xưởng 3

STT	ĐỒNG HỒ THẢI	KÝ HIỆU	MÔ TẢ
5	Đồng hồ thải số 01	KT01	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 80.000 m3/giờ (02 hệ số 1 - Xưởng 1) [nguồn số 1]
2	Đồng hồ thải số 02	KT02	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 132.000 m3/giờ (02 hệ số 2 - Xưởng 1) [nguồn số 2]
3	Đồng hồ thải số 03	KT03	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 68.000 m3/giờ (02 hệ số 3 - Xưởng 2) [nguồn số 7]
4	[illegible]	KT04	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 90.000 m3/giờ – hệ số 4 [nguồn số 4]
5	Đồng hồ thải số 05	KT05	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 19.000 m3/giờ – hệ số 5 (ống 1 xưởng 7) [nguồn số 5]
8	Đồng hồ thải số 06	KT06	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 33.000 m3/giờ – hệ số 8 (ống 1 xưởng 7) [nguồn số 8]
7	Đồng hồ thải số 07	KT07	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 30.000 m3/giờ – hệ số 7 (ống 1 xưởng 7) [nguồn số 7]
8	Đồng hồ thải số 08	KT08	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 30.000 m3/giờ – hệ số 8 (ống 1 xưởng 2) [nguồn số 8]
8	Đồng hồ thải số 09	KT09	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 2.800 m3/giờ – hệ số 9 (ống 2 xưởng 7) [nguồn số 9]
10	Đồng hồ thải số 10	KT10	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 10 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 10]
11	Đồng hồ thải số 11	KT11	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.900 m3/giờ – hệ số 11 (ống 1 xưởng 2) [nguồn số 11]
12	Đồng hồ thải số 12	KT12	Tại ống thải của [illegible] xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 1.650 m3/giờ – hệ số 12 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 12]
13	Đồng hồ thải số 13	KT13	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 13 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 13]
14	Đồng MV thải số 14	KT14	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 14 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 14]
15	Đồng MV thải số 15	KT15	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 15 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 15]
16	Đồng MV thải số 16	KT16	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 16 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 16]
17	Đồng MV thải số 17	KT17	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 17 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 17]
18	Đồng MV thải số 18	KT18	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 18 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 18]
19	Đồng MV thải số 19	KT19	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 19 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 19]
20	Đồng MV thải số 20	KT20	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 20 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 20]
21	Đồng MV thải số 21	KT21	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 21 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 21]
22	Đồng MV thải số 22	KT22	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 22 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 22]
23	Đồng MV thải số 23	KT23	Tại ống [illegible] hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 23 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 23]
24	Đồng MV thải số 24	KT24	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 [illegible] – hệ số 24 (ống 1 xưởng 2) [nguồn số 24]
25	Đồng MV thải số 25	KT25	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 25 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 25]
26	Đồng MV thải số 26	KT26	Tại ống [illegible] hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 26 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 26]
27	Đồng MV thải số 27	KT27	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 27 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 27]
28	Đồng MV thải số 28	KT28	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 28 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 28]
29	Đồng MV thải số 29	KT29	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 29 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 29]
30	Đồng MV thải số 30	KT30	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 30 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 30]
31	Đồng MV thải số 31	KT31	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 31 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 31]
32	Đồng MV thải số 32	KT32	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 32 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 32]
33	Đồng MV thải số 33	KT33	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 33 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 33]
34	Đồng MV thải số 34	KT34	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 34 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 34]
35	Đồng MV thải số 35	KT35	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 35 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 35]
36	Đồng MV thải số 36	KT36	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 36 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 36]
37	Đồng MV thải số 37	KT37	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 37 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 37]
38	Đồng MV thải số 38	KT38	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 38 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 38]
39	Đồng MV thải số 39	KT39	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 39 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 39]
40	Đồng MV thải số 40	KT40	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 40 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 40]
41	Đồng MV thải số 41	KT41	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 41 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 41]
42	Đồng MV thải số 42	KT42	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 42 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 42]
43	Đồng MV thải số 43	KT43	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 43 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 43]
44	Đồng MV thải số 44	KT44	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 44 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 44]

45	Đồng MV thải số 45	KT45	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 45 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 45]
46	Đồng MV thải số 46	KT46	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 46 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 46]
47	Đồng MV thải số 47	KT47	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 47 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 47]
48	Đồng MV thải số 48	KT48	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 48 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 48]
49	Đồng MV thải số 49	KT49	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 49 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 49]
50	[illegible]	KT50	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 50 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 50]
51	Đồng MV thải số 51	KT51	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 51 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 51]
52	Đồng MV thải số 52	KT52	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 52 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 52]
53	Đồng MV thải số 53	KT53	Tại ống thải của hệ thống xử lý hơi dung môi buồng sơn Công suất 3.800 m3/giờ – hệ số 53 (ống 2 xưởng 2) [nguồn số 53]

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐	FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
☐	FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
☒	BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ (ĐỀU CHỈNH)
☐	PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
☐	FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
☐	COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bảo Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

Xu Feng

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bảo Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

[illegible]

KTS. NGUYỄN [illegible]

STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU

KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN

ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN

KTS. NGUYỄN DUY VĂN

ITEM / HẠNG MỤC:

TỔNG THỂ

DRAWING NAME/ TÊN BẢN VẼ:

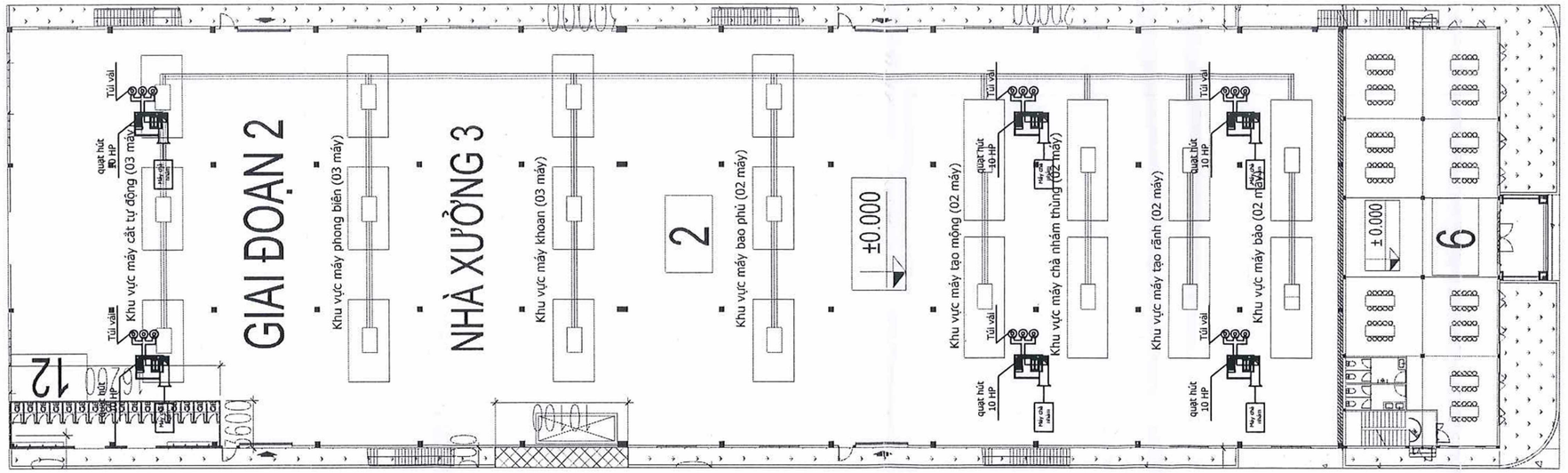
MẶT BẰNG GIÁM SÁT ĐỊNH KÌ

DRAWING NO/ BẢN VẼ SỐ: TT-14

SCALE/ TỶ LỆ: 1/800

DATE/ NGÀY:

FILE NAME/ TÊN FILE:



MẶT BẰNG HỆ THỐNG TÚI VẢI DI ĐỘNG XỬ LÝ BỤI

TL: 1/550

B

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐	FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
☐	FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
☒	BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ (ĐIỀU CHỈNH)
☐	PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
☐	FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
☐	COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia CONTRUCTION

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

ĐC: 46/20 Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Tân Phú, TpHCM.
Office: 96 Trương Văn Bộ, P. Tân Sơn Nhì, Tân Phú, Tp HCM.
Email: phamgiaxd@gmail.com CONTACT: 0286292333

MANAGER / GIÁM ĐỐC	
PHẠM VĂN CHUẨN	
ARCHITECTURE DIRECTOR / CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC	
KTS. NGUYỄN DUY VÂN	
STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU	
KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN	
ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN	
KTS. NGUYỄN DUY VÂN	

ITEM / HẠNG MỤC:

TỔNG THỂ

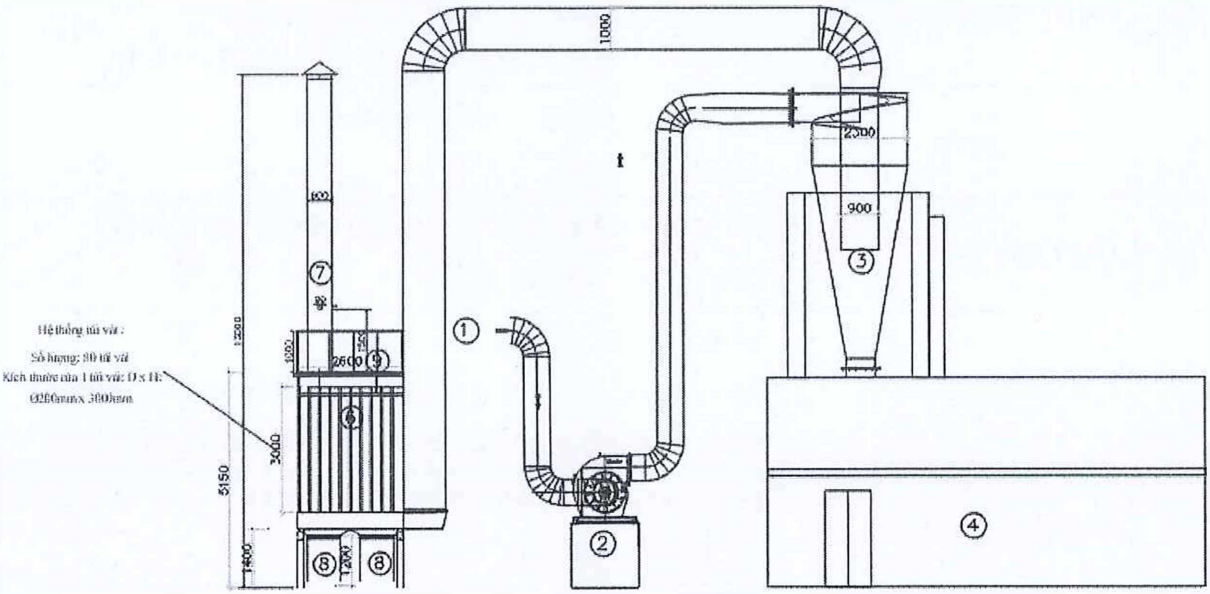
DRAWINGNAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG TÚI VẢI DI ĐỘNG XỬ LÝ BỤI

DRAWING No/ BẢN VẼ SỐ:	SCALE/ TỶ LỆ:	REV No/ LẦN:
TT-15		
FILE NAME/ TÊN FILE:		DATE/ NGÀY:

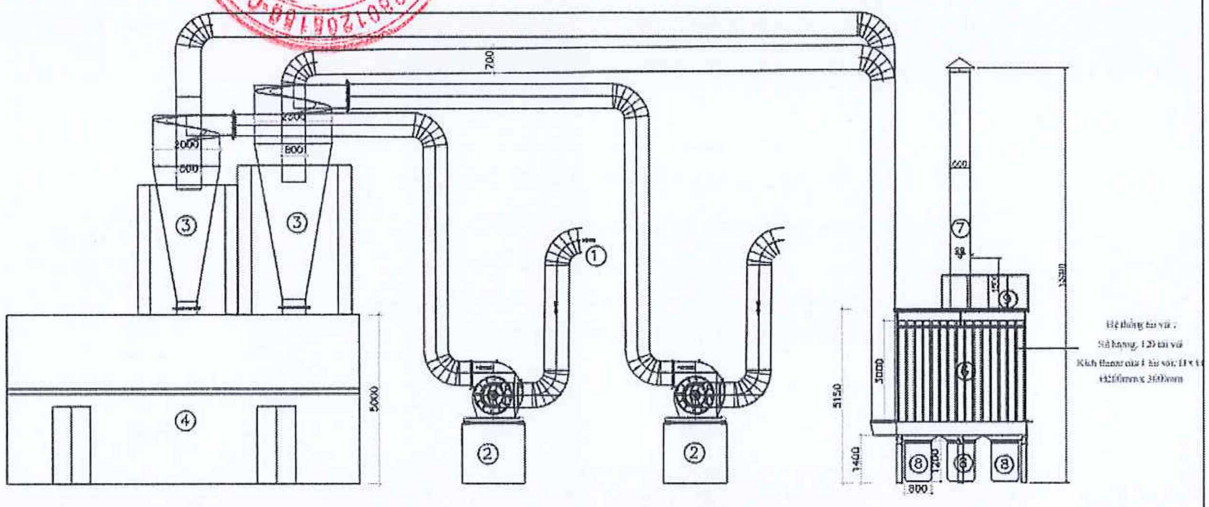
Xu Feng

BẢN VẼ HỆ THỐNG SỐ 1 XỬ LÝ BỤI GỖ BẰNG CYCLONE VÀ TÚI VẢI TẠI XƯỞNG 1 - LƯU LƯỢNG 90 000 M3/GIỜ

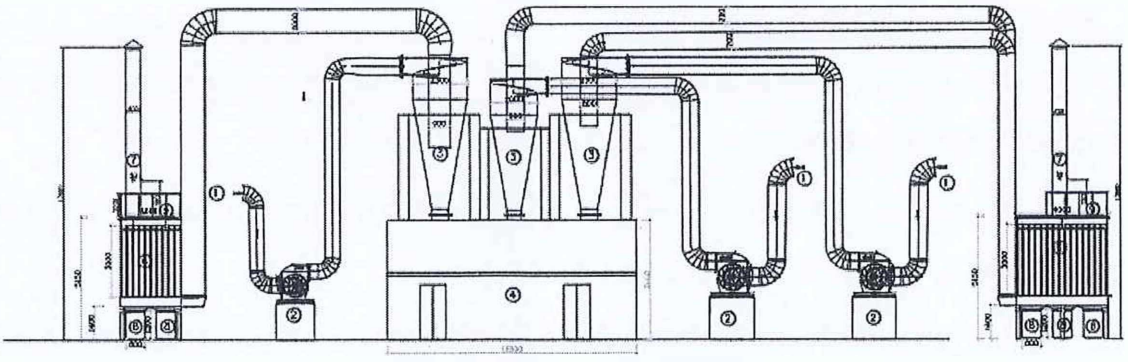


Xu Feng

BẢN VẼ HỆ THỐNG SỐ 2 XỬ LÝ BỤI GỖ BẰNG CYCLONE VÀ TÚI VẢI TẠI XƯỞNG 1 - LƯU LƯỢNG 120000 M3/ GIỜ



BẢN VẼ TỔNG QUAN CỤM XỬ LÝ CHÍNH BỤI GỖ BẰNG CYCLONE VÀ TÚI VẢI TẠI XƯỞNG 1 - TỔNG LƯU LƯỢNG 210 000 M3/GIỜ



KÝ HIỆU	NỘI DUNG	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
①	NGUỒN PHÁT SINH BỤI	⑤	ỐNG DẪN BỤI
②	QUẠT HÚT	⑥	PHONG XỬ LÝ BỤI BẰNG TÚI VẢI
③	THÁP XỬ LÝ BỤI THÔ CYCLONE	⑦	HƯỚNG THOÁT KHÍ SẠCH
④	PHONG RŨ BỤI CỦA CYCLONE	⑧	BON ĐỰNG BỤI SAU KHI BỤI RƠI XUỐNG
		⑨	SÀN THAO TÁC VÀ LỖ QUAN TRẮC

Xu Feng

BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ
(ĐIỀU CHỈNH)

CÔNG TRÌNH : **NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

HẠNG MỤC : **KHO CHỨA CHẤT THẢI SINH HOẠT**

ĐỊA ĐIỂM : **LÔ B4, LÔ B5, KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, XÃ TIẾN HƯNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC.**

TP. HCM, THÁNG 09/2024

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B4, Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

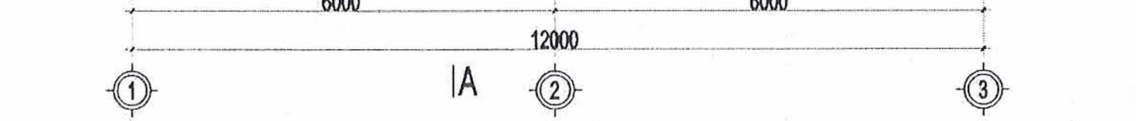
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

Phạm Gia CONSTRUCTION

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ TM-DV

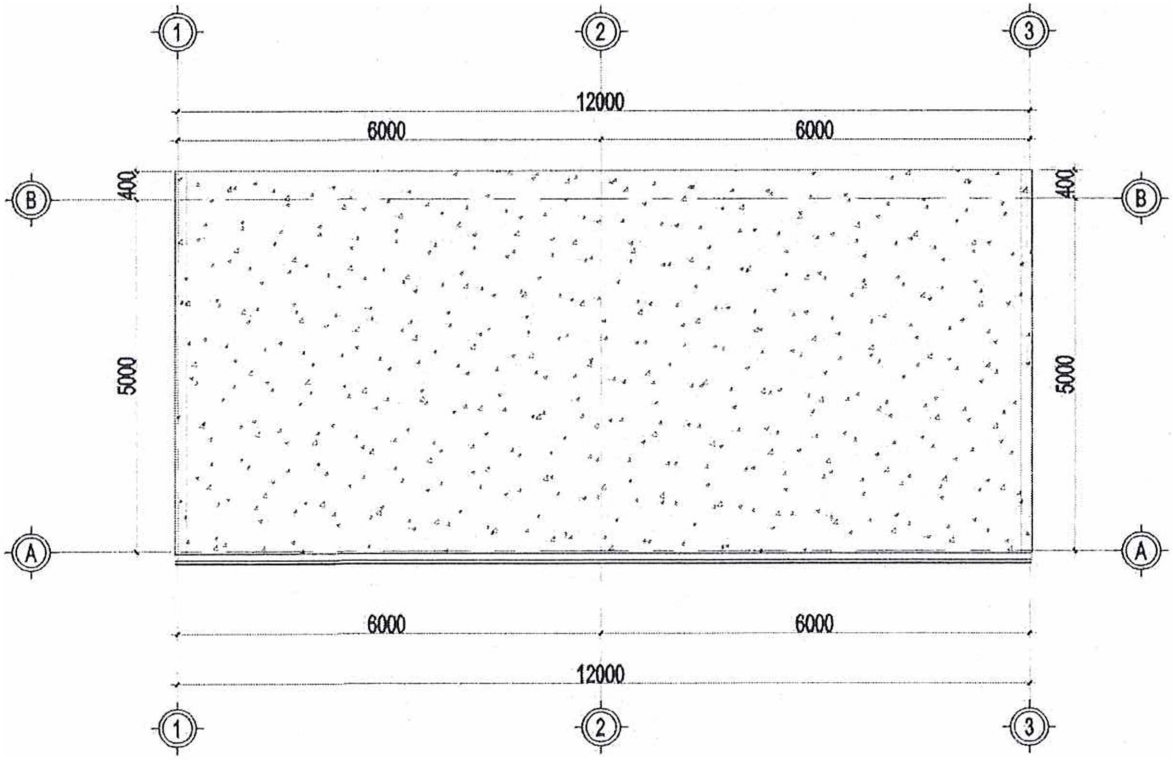
Phạm Gia

Địa chỉ: 46/20 Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân phú, TP. HCM
VP: 96 Trương Vĩnh Ký, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM
Gmail: phamgiaxd2009@gmail.com
Liên hệ: 028. 62592335



MẶT BẰNG TRỆT

TL: 1/100



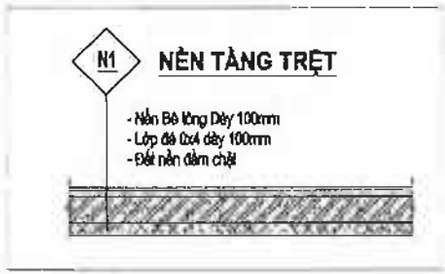
MẶT BẰNG MÁI

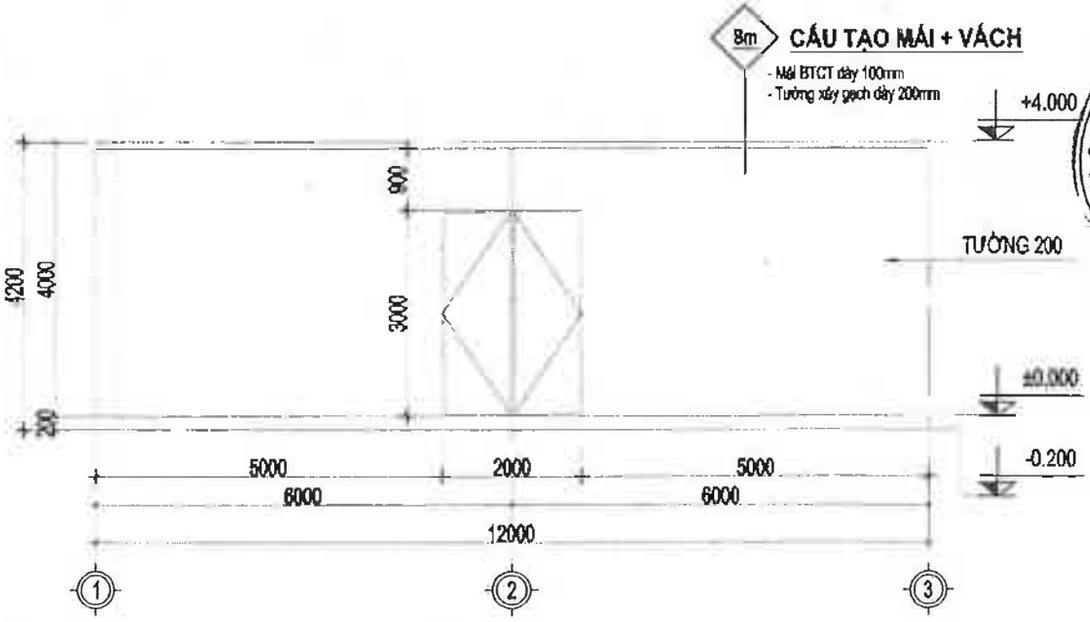
TL: 1/100



MẶT CẮT A-A

TL: 1/100





MẶT CẮT B-B

TL: 1/100

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT
YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER
GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT
YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia
CONSTRUCTION

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA
ĐC: 46/20 Lê Đình Thám, P Tân Quý, Quận Tân Phú, TpHCM.
Office: [illegible], P Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, Tp HCM.
Email: [illegible] - MST: 028.62582335

MANAGER
GIÁM ĐỐC
PHẠM VĂN THUẬN

ARCHITECTURE DIRECTOR
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC
KTS. NGUYỄN DUY VÂN

STRUCTURAL DIRECTOR
CHỦ TRÌ KẾT CẤU
KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN

ELECTRICAL CHAIRMAN
CHỦ TRÌ ĐIỆN
KTS. NGUYỄN DUY VÂN

ITEM / HẠNG MỤC:

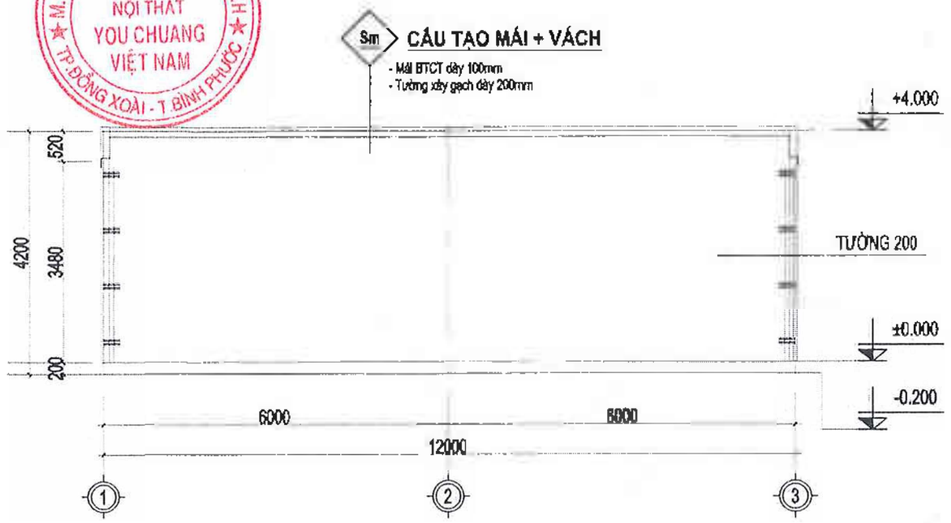
KHO CHỨA CHẤT THẢI SINH HOẠT

DRAWINGNAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TRỆT, MẶT BẰNG MÁI
MẶT CẮT A - A, B - B

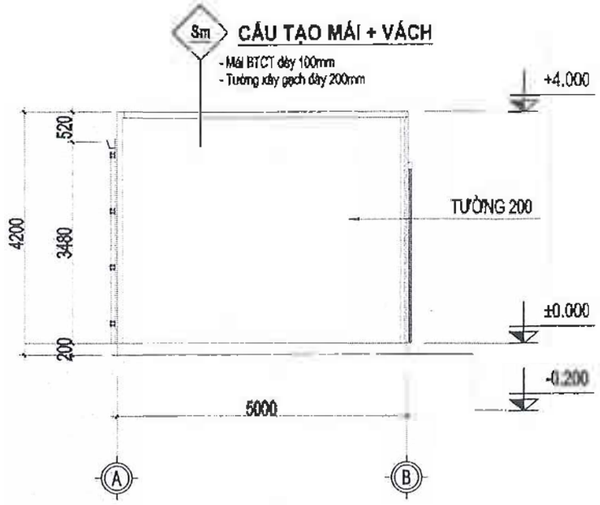
DRAWING NO. / MÃ SỐ BẢN VẼ: KT-CTSH-01

Xu Feng



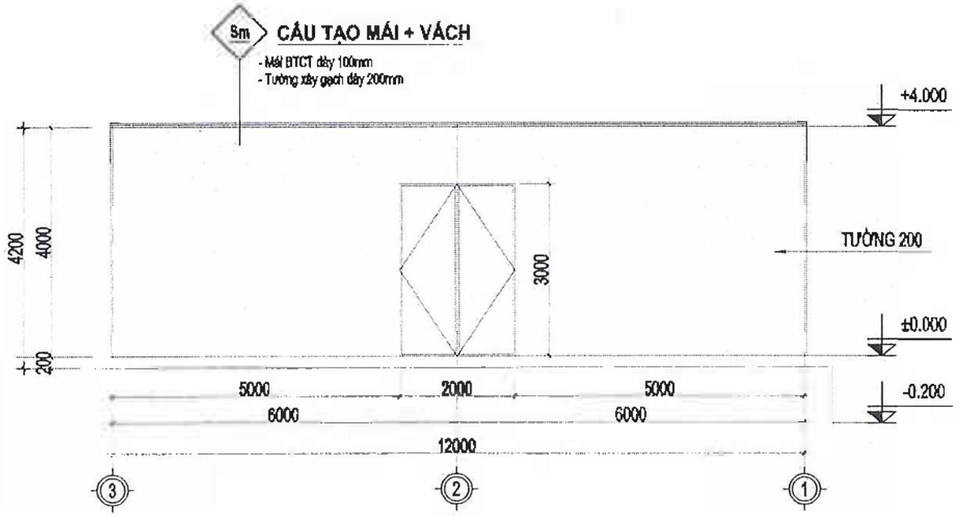
MẶT ĐỨNG TRỤC 1 - 3

TL: 1/100



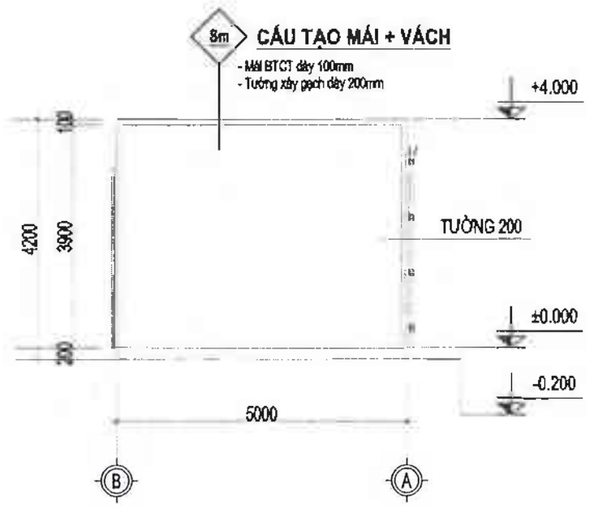
MẶT ĐỨNG TRỤC A - B

TL: 1/100



MẶT ĐỨNG TRỤC 3 - 1

TL: 1/100



MẶT ĐỨNG TRỤC B - A

TL: 1/100

B

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐	FOR BIDDING/ĐẤU THẦU
☐	FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
☒	BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH
☐	PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
☐	FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
☐	COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

PHẠM VĂN THUẬN

ARCHITECTURE DIRECTOR / CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC	KTS. NGUYỄN DUY VÂN
STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU	KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN
ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN	KTS. NGUYỄN DUY VÂN

ITEM / HẠNG MỤC:

KHO CHỨA CHẤT THẢI SINH HOẠT

DRAWING NAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT ĐỨNG TRỤC A - B, B - A
MẶT ĐỨNG TRỤC 1 - 3, 3 - 1

DRAWING No/ BẢN VẼ SỐ: KT-CTSH-02

REVISION / LẦN

DATE/ NGÀY:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Xu Feng

BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ
(ĐIỀU CHỈNH)

CÔNG TRÌNH : **NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

HẠNG MỤC : **KHO CHỨA CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP**

ĐỊA ĐIỂM : **LÔ B4, LÔ B5, KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, XÃ TIẾN HƯNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC.**

TP. HCM, THÁNG 09/2024

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

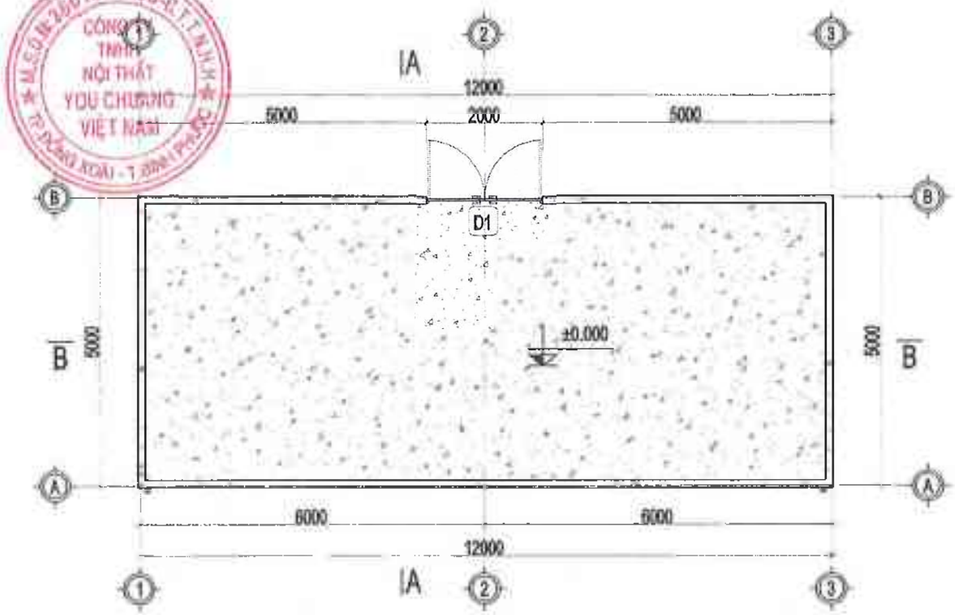
Địa chỉ: Lô B4, Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ TM-DV

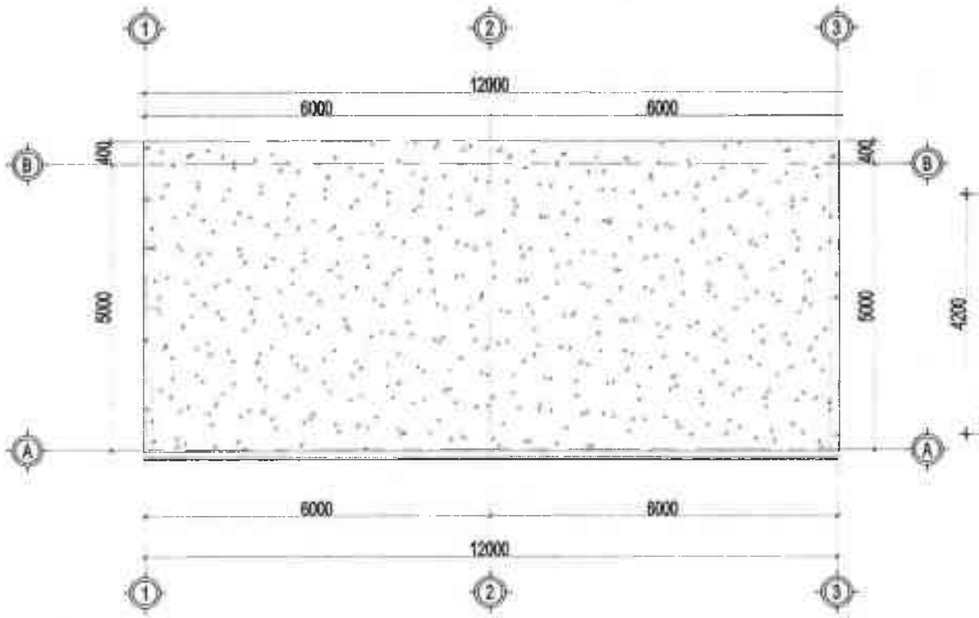
Phạm Gia

Địa chỉ: 46/20 Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân phú, TP. HCM
VP: 96 Trương Vĩnh Ký, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM
Gmail: phamgiaxd2009@gmail.com
Liên hệ: 028. 62592335



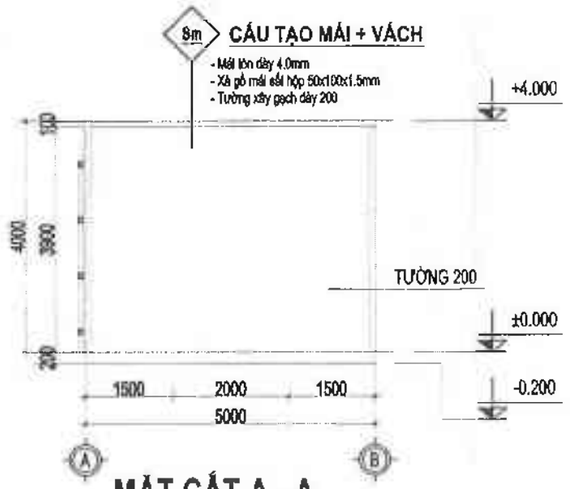
MẶT BẰNG TRỆT

TL: 1/100



MẶT BẰNG MÁI

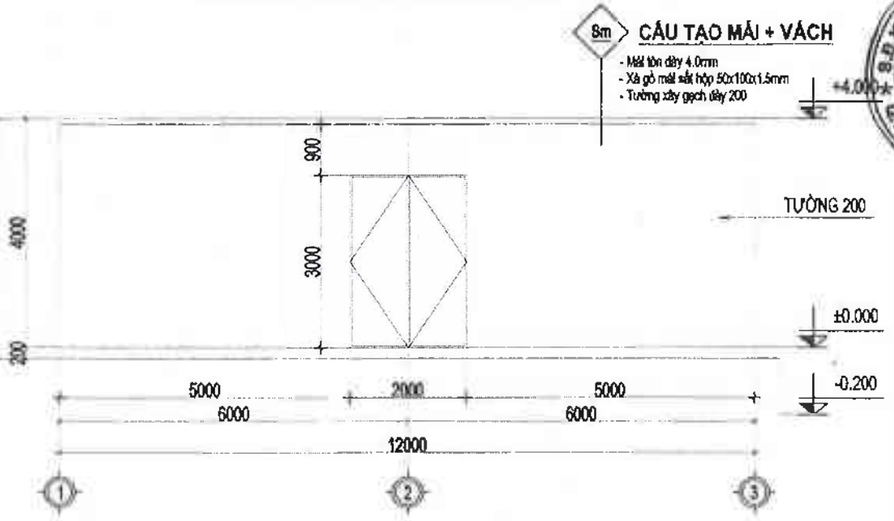
TL: 1/100



MẶT CẮT A - A

TL: 1/100





MẶT CẮT B - B

TL: 1/100

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐	FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
☐	FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
☒	BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH
☐	PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
☐	FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
☐	COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia

CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC	
KTS. NGUYỄN DUY VÂN	
STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU	
KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN	
ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN	
KTS. NGUYỄN DUY VÂN	

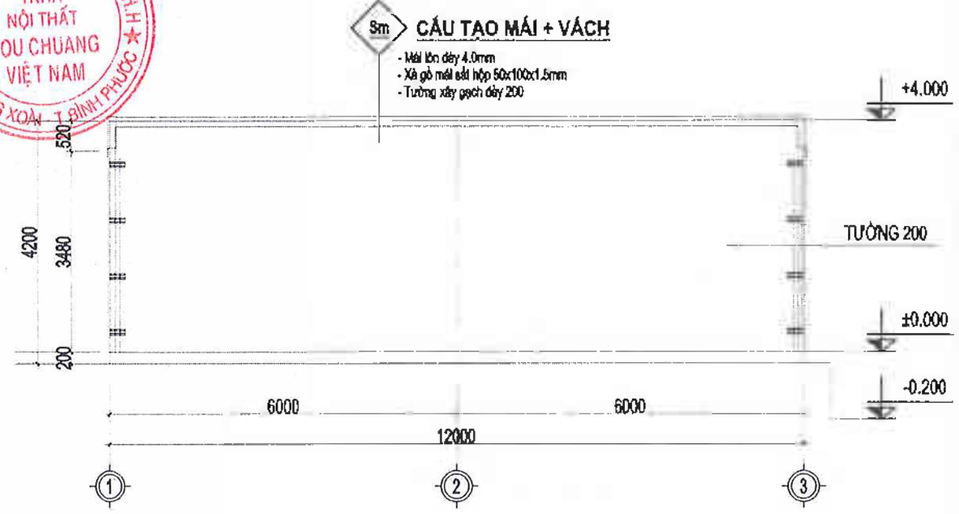
ITEM / HẠNG MỤC:

KHO CHỨA CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

DRAWING NAME/ TÊN BẢN VẼ:

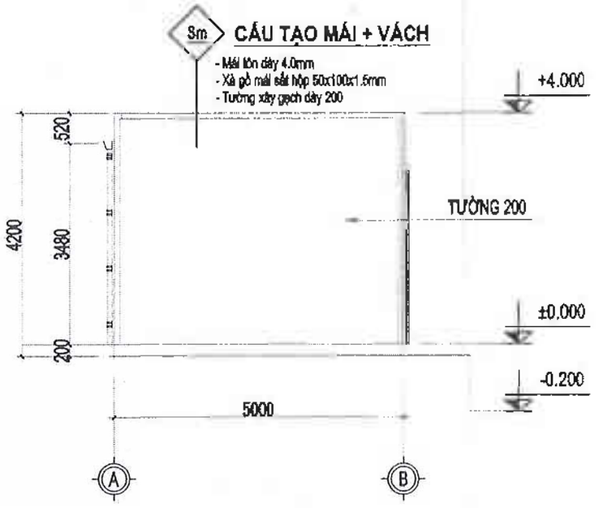
MẶT BẰNG TRỆT, MẶT BẰNG MÁI, MẶT CẮT A - A, B - B

DRAWING NO/ BẢN VẼ SỐ:	SCALE/ TỶ LỆ:	DATE/ NGÀY:
KT CHECKER:		
PM MANAGER/ QUẢN LÝ:		



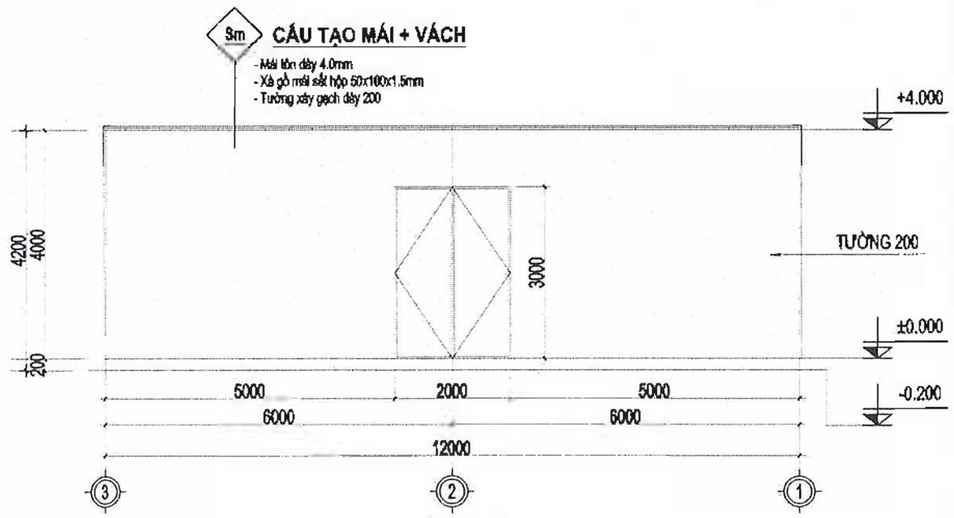
MẶT ĐỨNG TRỤC 1 - 3

TL: 1/100



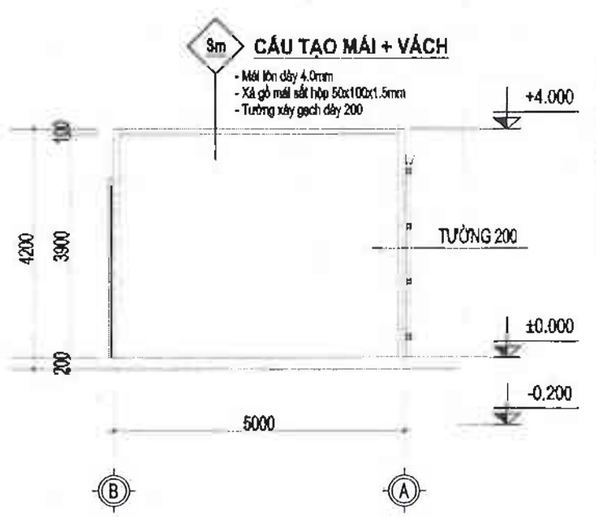
MẶT ĐỨNG TRỤC A - B

TL: 1/100



MẶT ĐỨNG TRỤC 3 - 1

TL: 1/100



MẶT ĐỨNG TRỤC B - A

TL: 1/100

B

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐	FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
☐	FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
☒	BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH
☐	PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
☐	FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
☐	COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia CONSTRUCTION

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

ĐC: 402B Lê Đình Thọ, P Tân Quý (Quận Tân Phú), TpHCM.
Office: 98 Trương Vĩnh Ký, P Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, Tp HCM.
Điện thoại: 028.62662335

PHẠM VĂN THƯỜNG

ARCHITECTURE DIRECTOR / CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC	
KTS. NGUYỄN DUY VÂN	
STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU	
KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN	
ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN	
KTS. NGUYỄN DUY VÂN	

ITEM / HẠNG MỤC:

KHO CHỨA CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

DRAWING NAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT ĐỨNG TRỤC A - B, B - A
MẶT ĐỨNG TRỤC 1 - 3, 3 - 1

DRAWING No/ BẢN VẼ SỐ:	SCALE/ TỶ LỆ:	REV No/ LẦN:
KT-CTCN-02		

FILE NAME/ TÊN FILE: DATE/ NGÀY:

Xu Feng

BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ
(ĐIỀU CHỈNH)

CÔNG TRÌNH : **NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

HẠNG MỤC : **KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI**

ĐỊA ĐIỂM : **LÔ B4, LÔ B5, KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, XÃ TIẾN HƯNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC.**

TP. HCM, THÁNG 09/2024

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B4, Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

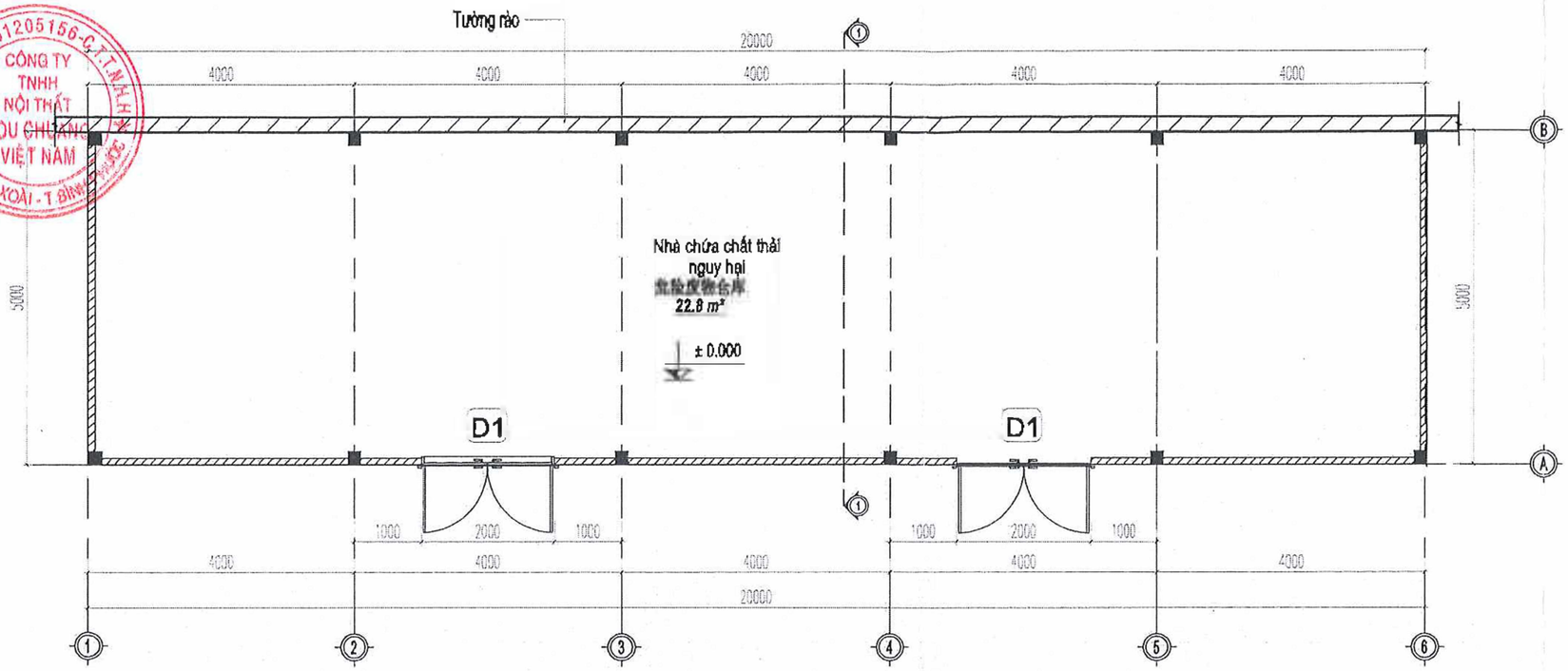
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

Pham Gia CONSTRUCTION

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ TM-DV

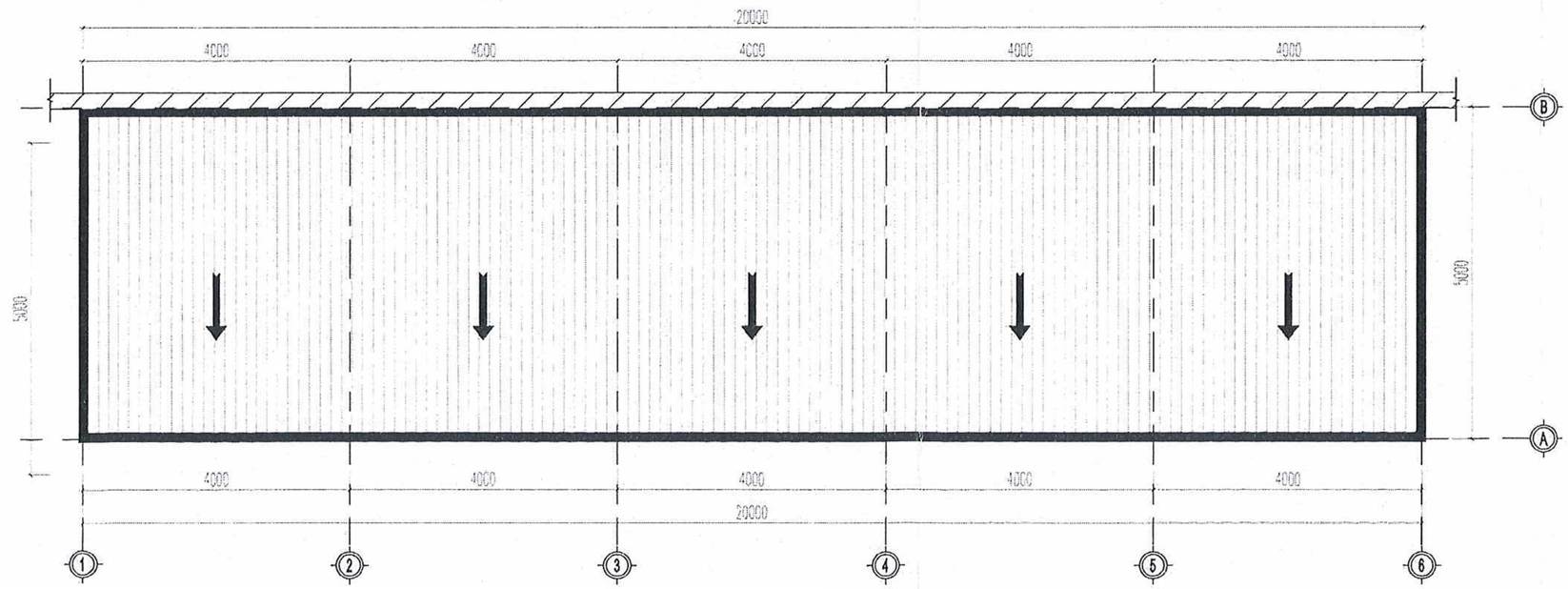
Phạm Gia

Địa chỉ: 46/20 Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân phú, TP. HCM
VP: 96 Trương Vĩnh Ký, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM
Gmail: phamgiaxd2009@gmail.com
Liên hệ: 028. 62592335



MẶT BẰNG TRỆT

TL: 1/100



MẶT BẰNG MÁI

TL: 1/100

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐	FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
☐	FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
☒	BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH
☐	PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
☐	FOR CONSTRUCTION/ [illegible] VỀ THI CÔNG
☐	COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT
YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, [illegible] Nam

MANAGER
GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT
YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA
Đc: 46/20 Lê Đình Thám, P Tân Quý, Quận Tân Phú, TpHCM.
Office: 65 Đường M1A/M P Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, Tp HCM.
Email: phamgia2008@gmail.com - DT:0626.82592335

ARCHITECTURE DIRECTOR
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC
KTS. NGUYỄN DUY VÂN

STRUCTURAL DIRECTOR
CHỦ TRÌ KẾT CẤU
KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN

ELECTRICAL CHAIRMAN
CHỦ TRÌ ĐIỆN
KTS. NGUYỄN DUY VÂN

ITEM / HẠNG MỤC:

KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI

DRAWINGNAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TRỆT, MẶT BẰNG MÁI

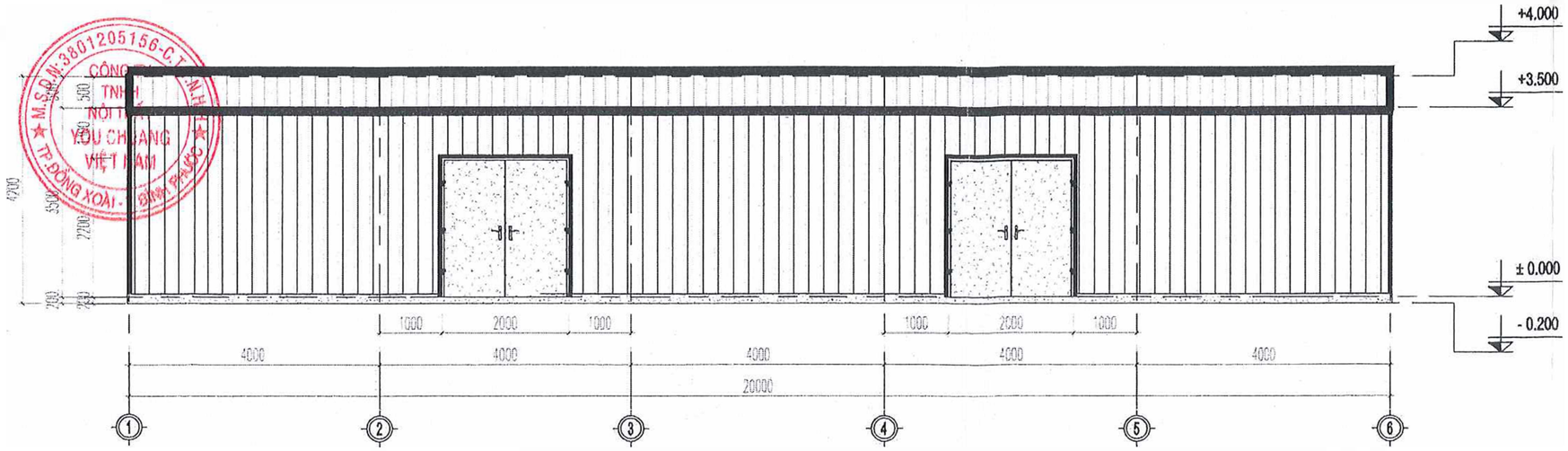
DRAWING No/ BẢN VẼ SỐ: KT-CTNH-01

SCALE/ TỶ LỆ:

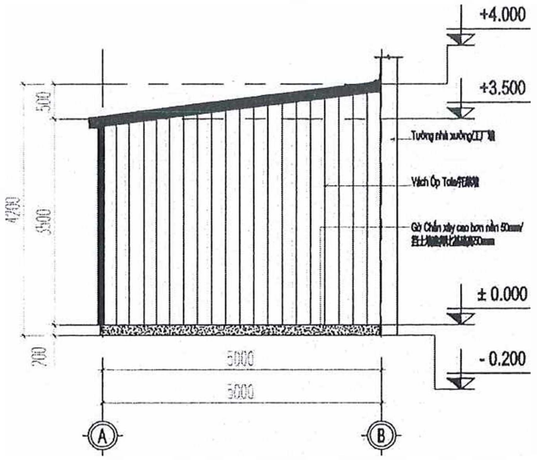
REV No./ LẦN:

FILE NAME/ TÊN FILE:

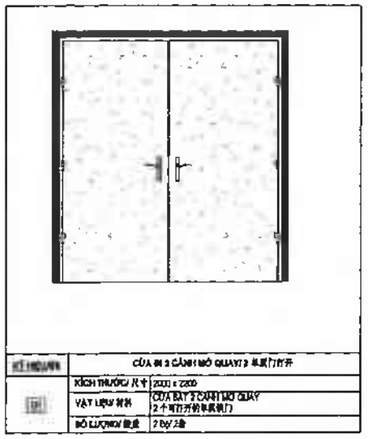
Xu Feng



MẶT ĐỨNG TRỤC 1 - 6
TL: 1/100



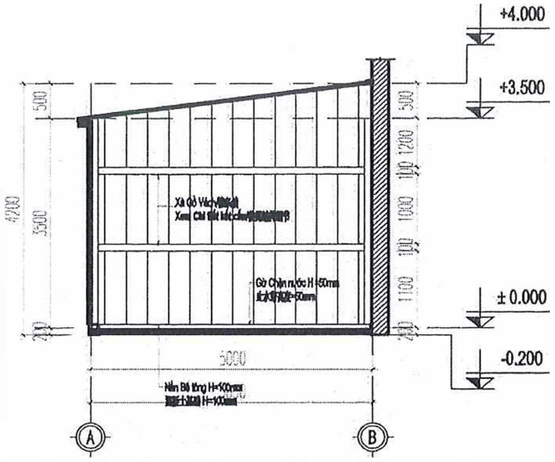
MẶT ĐỨNG TRỤC A - B
TL: 1/100



KÍ HIỆU/MÃ	CỬA ĐI 2 CÁNH MỞ QUAY/2 扇门开启	
D1	KÍCH THƯỚC/尺寸	2000 x 2200
	VẬT LIỆU/材料	CỬA ĐI 2 CÁNH MỞ QUAY 2个可开启扇门
	SỐ LƯỢNG/数量	2 bộ/2套

GHI CHÚ CẤU TẠO MÁI NHÀ/屋顶结构:

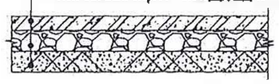
1. Tole mái mạ màu dày 0.4mm/彩钢屋面板厚度0.4mm.
2. Tole Vách mạ màu dày 0.35mm/彩钢瓦墙板厚度0.35mm
3. Khung kèo thép/钢结构屋架 (Xem Chi 详见结构图节)
4. Xà gồ mái, Vách /屋面檩条、墙架 (Xem Chi 详见结构图节)



MẶT CẮT 1 - 1
TL: 1/100

Nr CẤU TẠO NỀN/ 基础结构

- Xoa nền phẳng mặt/
- Lớp BTCT M250, dày 100mm, M250
- Lớp đá 0x4, dày 150mm, lu lèn chặt K95/
- Nền đất đầm chặt K = 0.95/



PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐	FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
☐	FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
☒	BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH
☐	PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
☐	FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
☐	COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia CONSTRUCTION

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA
Đ/C: 46/20 Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.
Office: 98 Trương Văn Vĩ, P.Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP.HCM.
Email: phamgia.co@gmail.com | ĐT: 0283.8562335

GIÁM ĐỐC: PHẠM VĂN THUẬN

ARCHITECTURE DIRECTOR / CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC	
KTS. NGUYỄN DUY VÂN	
STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU	
KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN	
ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN	
KTS. NGUYỄN DUY VÂN	

ITEM / HẠNG MỤC:

KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI

DRAWING NAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT ĐỨNG TRỤC 1 - 6, A - B, B - A

DRAWING NO/ BẢN VẼ SỐ:	REVISION:
KT-CTNH-02	
FILE NAME/ TÊN FILE:	DATE/ NGÀY:

Xu Feng

BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ
(ĐIỀU CHỈNH)

CÔNG TRÌNH : **NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM**

HẠNG MỤC : **KHO CHỨA HOÁ CHẤT**

ĐỊA ĐIỂM : **LÔ B4, LÔ B5, KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, XÃ TIẾN HƯNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC.**

TP. HCM, THÁNG 09/2024

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B4, Lô B5, KCN Bắc Đồng Phú, Xã Tiến Hưng, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

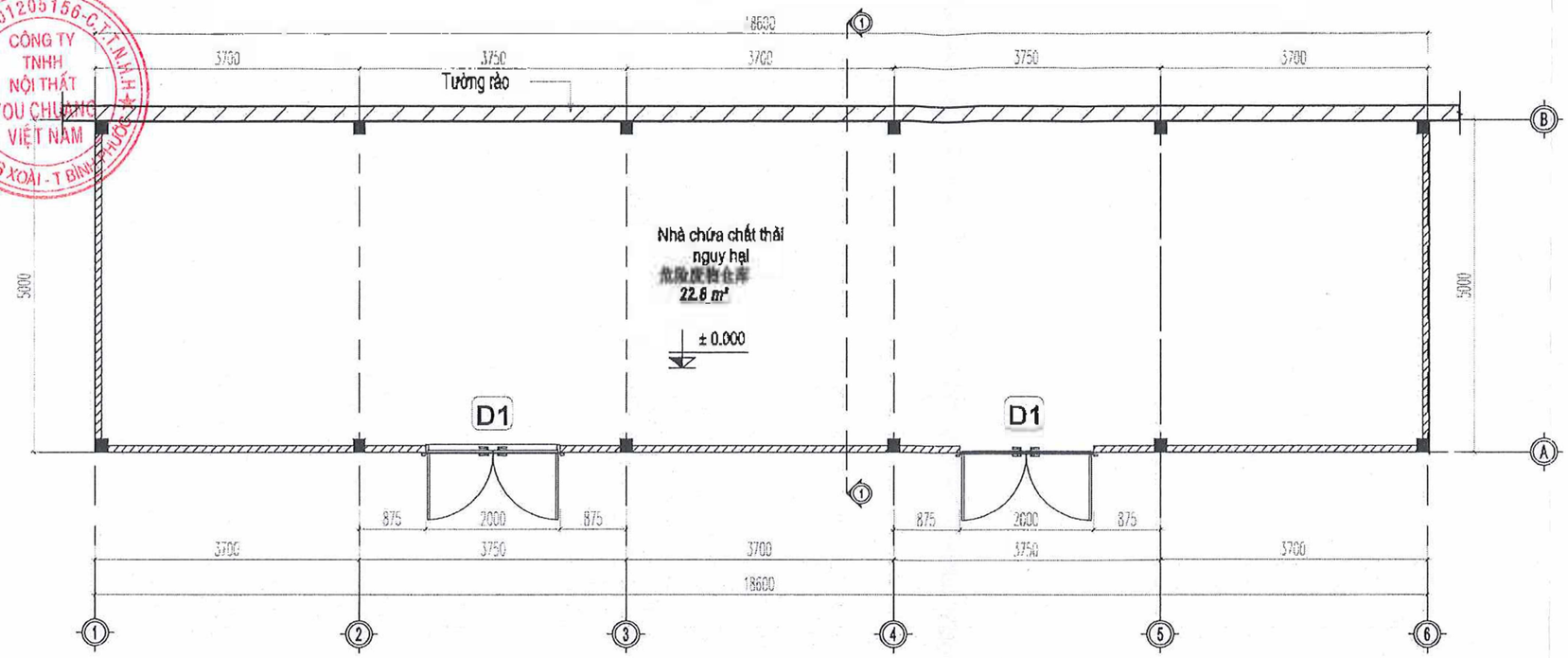
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ TM-DV

Phạm Gia

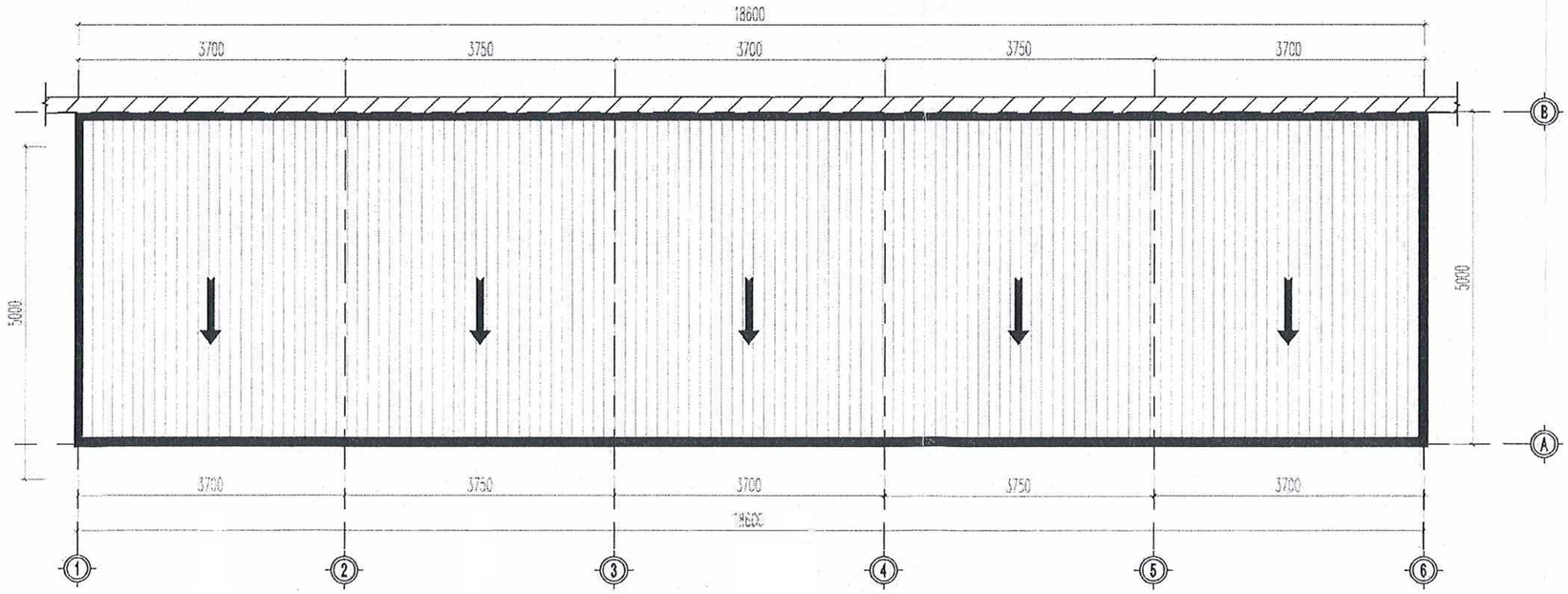
CONSTRUCTION

Địa chỉ: 46/20 Lê Đình Thám, P. Tân Quý, Q. Tân phú, TP. HCM
VP: 96 Trương Vĩnh Ký, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM
Gmail: phamgiaxd2009@gmail.com
Liên hệ: 028. 62592335



MẶT BẰNG TRỆT

TL: 1/100



MẶT BẰNG MÁI

TL: 1/100

PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
- ☐ FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
- ☒ BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH
- ☐ PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
- ☐ FOR CONSTRUCTION / BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Phạm Gia

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

Địa chỉ: 462/2 Lê Văn Thịnh, P Tân Quý, Quận Tân Phú, TPHCM.
Office: 08 Trương Vĩnh Ký, P Tân Sơn Nhì Q Tân Phú, Tp HCM.
Email: phamgia.2018@gmail.com - DT: 0281.6592335

MANAGER / GIÁM ĐỐC	
ARCHITECTURE DIRECTOR / CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC	
KTS. NGUYỄN DUY VÂN	
STRUCTURAL DIRECTOR / CHỦ TRÌ KẾT CẤU	
KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN	
ELECTRICAL CHAIRMAN / CHỦ TRÌ ĐIỆN	
KTS. NGUYỄN DUY VÂN	

ITEM / HẠNG MỤC:

KHO CHỨA HOÁ CHẤT

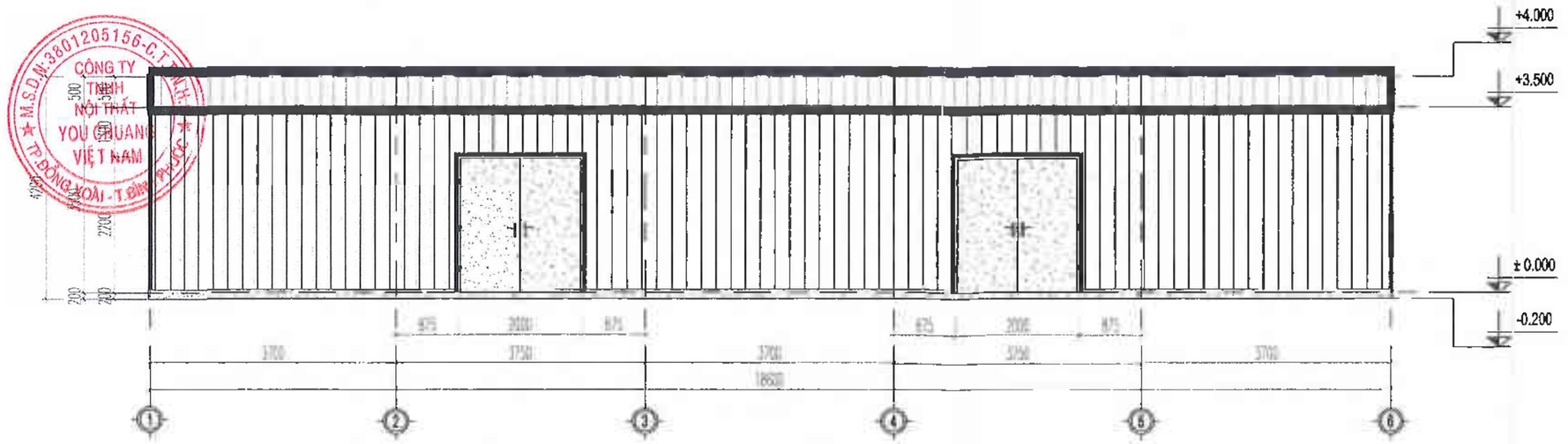
DRAWINGNAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TRỆT, MẶT BẰNG MÁI

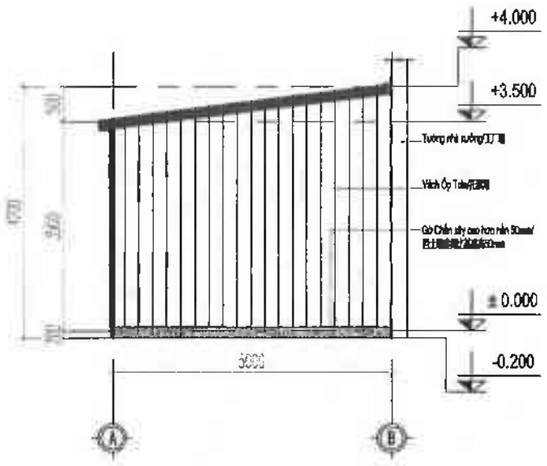
DRAWING No/ BẢN VẼ SỐ:	SCALE/ TỶ LỆ:	REV/ HIỆU CHỈNH:
KCHC-01		

FILE NAME/ TÊN FILE: DATE/ NGÀY:

Xu Feng

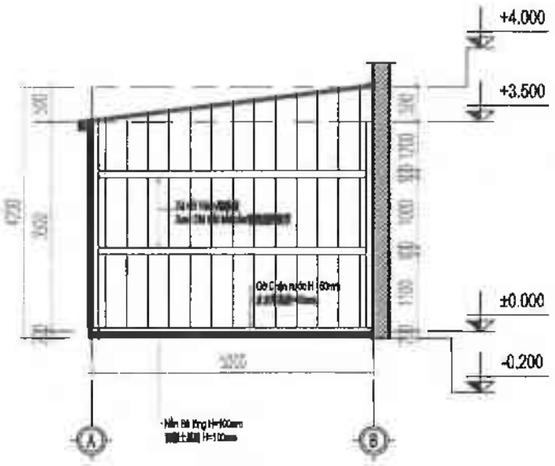


MẶT ĐỨNG TRỤC 1 - 6
TL: 1/100

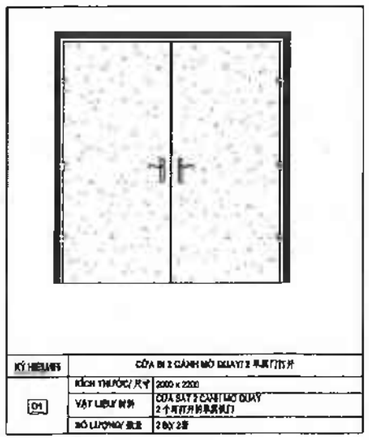


MẶT ĐỨNG TRỤC A - B
TL: 1/100

GHI CHÚ CẤU TẠO MÁI NHÀ/屋顶结构:
1. Tole mái mạ màu dày 0.4mm/彩涂屋面板厚度为0.4mm.
2. Tole Vách mạ màu dày 0.35mm/彩涂瓦楞板厚0.35mm.
3. Khung kèo thép/钢屋架结构 (Xem Chi tiết kết cấu/参见结构详)
4. Xà gồ mái, Vách /屋面檩条、墙檩 (Xem Chi tiết kết cấu/参见结构详)

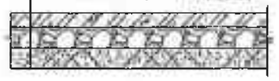


MẶT CẮT 1 - 1
TL: 1/100



KÝ HIỆU/标记	CỬA ĐI 2 CÁNH MỞ QUAY/2 扇门	
D1	KÍCH THƯỚC/尺寸	2000 x 2200
	VẬT LIỆU/材料	CỬA SẮT 2 CÁNH MỞ QUAY 2 个对开铁质门
	SỐ LƯỢNG/数量	2 Bộ/2 套

Nr CẤU TẠO NỀN/ 基础结构
- Xoa nền phẳng mặt/抹平压光
- Lớp BTCT M250, dày 100mm, M250钢筋混凝土层,100mm厚,
- Lớp đá 0x4, dày 150mm, lu lèn chặt K95/石层0x4,150厚,压实系数K95.
- Nền đất đầm chặt K = 0.95/压实系数 K = 0.95



PURPOSE OF RELEASE / MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐	FOR BIDDING/ ĐẤU THẦU
☐	FOR REFERENCE/ THAM KHẢO
☒	BASIC DESIGN/ THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH
☐	PERMISSION TO ADJUSTMENT/ XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH
☐	FOR CONSTRUCTION/ BẢN VẼ THI CÔNG
☐	COMPLETION/ HOÀN CÔNG

MODIFICATION/ CHỈNH SỬA

No.	DATE	DESCRIPTION	CHECKER
1			
2			
3			
4			
5			

EMPLOYER / CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

MANAGER / GIÁM ĐỐC

PROJECT / DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B4, B5, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

DESIGN COMPANY/ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Pham Gia

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA

THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

PHẠM VĂN DUY NHÂN

ARCHITECTURE DIRECTOR
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC

KTS. NGUYỄN DUY VÂN

STRUCTURAL DIRECTOR
CHỦ TRÌ KẾT CẤU

KS. TRƯƠNG TRỌNG CẦN

ELECTRICAL CHAIRMAN
CHỦ TRÌ ĐIỆN

KTS. NGUYỄN DUY VÂN

ITEM / HẠNG MỤC:

KHO CHỨA HOÁ CHẤT

DRAWINGNAME/ TÊN BẢN VẼ:

MẶT ĐỨNG TRỤC 1 - 6, A - B
MẶT CẮT 1 - 1

DRAWING No/ BẢN VẼ SỐ: KT-KCHC-02

SCALE/ TỶ LỆ:

DATE/ NGÀY:

FILE NAME/ TÊN FILE:

Xu Feng

PHỤ LỤC 5: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA

1. Kết quả kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
2. Kết quả kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực xây dựng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1194/QĐ-XPHC	*Bình Phước, ngày 05 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 27/BB-VPHC do Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã lập ngày 22/7/2024;

Căn cứ kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ;

Căn cứ Quyết định số 2097/QĐ-GQXP ngày 22/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho ông Huỳnh Anh Minh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 194/TTr-STNMT ngày 30/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

1. Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

Địa chỉ: Lô B4, B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3801205156 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 24/7/2019, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 24/4/2023.

Người đại diện theo pháp luật: Xu, Feng. Giới tính: Nam. Chức danh: Tổng Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Không có giấy phép môi trường theo quy định đối với Dự án "Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất như: Giường, tủ, bàn, ghế, sofa" tại lô B4, B5, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

3. Quy định tại: Điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.

4. Tình tiết tăng nặng: Không.

5. Tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, cụ thể:

Phạt tiền: **320.000.000 đồng** *(Ba trăm hai mươi triệu đồng)* đối với hành vi không có giấy phép môi trường theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.

b) Hình phạt bổ sung:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ:

- Đối với công trình nhà xưởng số 01: Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở 4,5 tháng kể từ ngày nhận được Quyết định này.

- Đối với công trình nhà xưởng 02 và nhà kho: Không áp dụng.

Lý do: Theo quy định đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở từ 4,5 tháng. Tuy nhiên, Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam chưa đưa nhà xưởng 02 và nhà kho đi vào hoạt động sản xuất nên chưa phát sinh chất thải sản xuất. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với nhà xưởng 02 và nhà kho Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả:

Căn cứ điểm d khoản 6 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ, biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam là di dời Dự án đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường. Tuy nhiên, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả này.

Lý do: Dự án của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam đã được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 9978241770, chứng nhận lần đầu ngày 19/7/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 19/4/2023 nên không áp dụng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Xu, Feng - Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam là người đại diện của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam có trách nhiệm nộp khoản tiền phạt ghi tại Điều 1 của Quyết định này vào ngân sách Nhà nước, số tài khoản 7111, chương 426; tiểu mục 4261 của Sở Tài chính tỉnh Bình Phước mở tại Kho bạc nhà nước Bình Phước trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt. Sau khi chấp hành nộp tiền phạt, Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam phải gửi chứng từ về Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, địa chỉ QL.14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để đối chiếu.

b) Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc nhà nước Bình Phước để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đồng Phú để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.(H855)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

Quyết định đã giao trực tiếp cho ...Công ty TNHH Thời trang Chuang Yi... bị xử phạt vào hồi ..10.. giờ ..01... phút, ngày ....07../..8.../2024

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

周高明

Zhou Gao Ming

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số 03c
Ký hiệu: C1-10/TS
(Theo NĐ 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ)

BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)

Số Seri: BP/16/01124
Số biên lai: 0000760

Liên số ..... Lưu tại.....

Thu phạt ☑ Nội dung phạt: Phạt vi phạm hành chính cấp tỉnh
Thu phí, lệ phí ☐ Tên loại phí, lệ phí:
Thu thuế ☐

Người nộp thuế: **CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM** Mã số thuế/số CMND/HC:

Địa chỉ: **LÔ B4, B5, KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ, XÃ TIÊN HƯNG** Huyện: **TP ĐỒNG XOÀI** Tỉnh: **BÌNH PHƯỚC**

Theo Quyết định số/Thông báo số: **1194/QĐXPHC** ngày **05/08/2024** **của UBND tỉnh Bình Phước (405 4261_Bảo vệ môi trường)**

Đơn vị nhận tiền:

STT	Nội dung các khoản nộp NS/Mã định danh hồ sơ (ID)	Số tiền
1	VPHC	320 000 000
2	Phạt chậm nộp	
	Tổng cộng	320 000 000

KHO BẠC NHÀ NƯỚC BÌNH PHƯỚC
ĐÃ THU TIỀN

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ***Ba trăm hai mươi triệu đồng./.***

Ngày 09 tháng 08 năm 2024

Người nộp tiền
(Ký tên)

Trương Văn Mông

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

TTBM : **32154306D0496B32079C54DED5708A23**

Được quét bằng CamScanner

SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Thời gian ký: 15/07/2024 10:44:37 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1105/QĐ-XPHC	*Bình Phước, ngày 15 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 75/BB-VPHC của Thanh tra Sở Xây dựng lập ngày 10/7/2024;

Căn cứ kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ;

Căn cứ Quyết định số 2097/QĐ-GQXP ngày 22/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho ông Huỳnh Anh Minh – Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1962/TTr-SXD ngày 11/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Tên tổ chức vi phạm: Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam.

Địa chỉ: Lô B4, lô B5, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3801205156 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 24/7/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24/4/2023.

Người đại diện theo pháp luật: Xu, Feng. Giới tính: Nam. Chức danh: Tổng Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Tổ chức thi công xây dựng công trình Nhà xưởng 3, Nhà kho, Nhà ăn không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng đối với dự án "Nhà máy của Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam" tại lô B4, lô B5, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

3. Quy định tại: Khoản 2 Điều 3 và điểm c khoản 7 Điều 16 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính, cụ thể:

- Phạt tiền là: **130.000.000 đồng** *(Một trăm ba mươi triệu đồng)* đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình Nhà xưởng 3 không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng tại điểm c khoản 7 Điều 16 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

- Phạt tiền là: **130.000.000 đồng** *(Một trăm ba mươi triệu đồng)* đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình Nhà kho không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng tại điểm c khoản 7 Điều 16 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

- Phạt tiền là: **130.000.000 đồng** *(Một trăm ba mươi triệu đồng)* đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình Nhà ăn không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng tại điểm c khoản 7 Điều 16 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

*** Tổng mức phạt tiền là 390.000.000 đồng *(Ba trăm chín mươi triệu đồng).***

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này, Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam phải hoàn thành hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng. Hết thời hạn 90 ngày, Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam không xuất trình giấy phép xây dựng được cấp thì người có thẩm quyền xử phạt ra văn bản thông báo yêu cầu Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam tự phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Xu, Feng –Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam là người đại diện của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam có trách nhiệm nộp khoản tiền phạt ghi tại Điều 1 của Quyết định này vào tài khoản 7111, chương 419; tiểu mục 4299 tại Kho bạc nhà nước Bình Phước hoặc 01 trong các ngân hàng thuộc chi nhánh tỉnh Bình Phước sau đây: Agribank, Vietinbank, BIDV, Vietcombank trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Công ty TNHH Nội thất You Chuang Việt Nam có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc nhà nước Bình Phước và các ngân hàng thuộc chi nhánh tỉnh Bình Phước sau đây: Agribank, Vietinbank, BIDV, Vietcombank để thu tiền phạt.

3. Giao Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.(H843).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

Quyết định đã giao trực tiếp cho ……bị xử phạt vào hồi ……..giờ…… phút, ngày ……../2024.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số 03c
Ký hiệu: C1-10/NS
(Theo NĐ 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ)

Số Seri: BP11610124
Số biên lai: 0000669

BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)

Liên số ..... Lưu tại.....

Thu phạt ☑ Nội dung phạt: Phạt vi phạm hành chính cấp tỉnh

Thu phí, lệ phí ☐ Tên loại phí, lệ phí:

Thu thuế ☐

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM Mã số thuế/số CMND/HC:

Địa chỉ: LÔ B4,BLOO B5, KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ XÃ TIẾN HƯNG Huyện: ĐỒNG XOÀI Tỉnh: BÌNH PHƯỚC

Theo Quyết định số/Thông báo số: 1105/QDXPHC ngày 15/07/2024 của UBND tỉnh Bình Phước (405-4278)

Đơn vị nhận tiền:

STT	Nội dung các khoản nộp NS/Mã định danh hồ sơ (nếu có)	Số tiền
1	VPHC	390 000 000
2	Phạt chậm nộp	
	Tổng cộng	390 000 000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba trăm chín mươi triệu đồng./.

Ngày 18 tháng 07 năm 2024

Người nộp tiền
(Ký tên)

Trương Văn Mạng

TTBM : E4A79ADAD2C1112DED6CE742D2DC4C2E

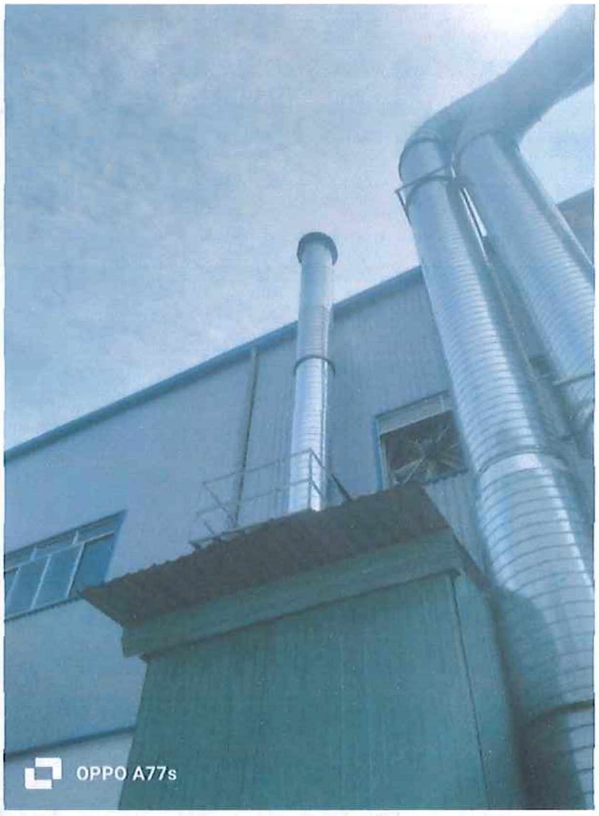
Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

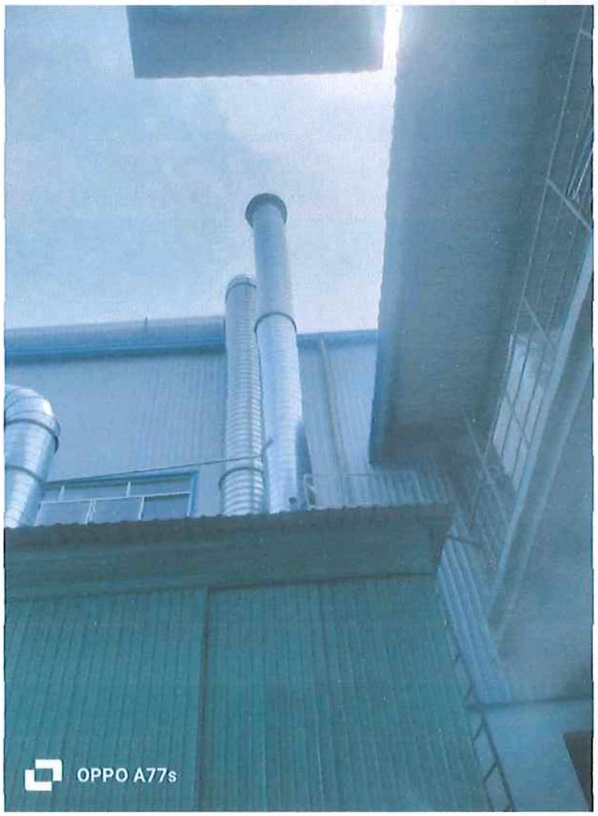
Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

Hệ thống thu gom và xử lý bụi bằng Cyclon và túi vải tại xưởng 1 (02 hệ thống)









Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ quá trình sơn (52 hệ thống)













Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ quá trình dán keo (01 hệ thống)







Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ chuyền UV (01 hệ thống)







Hình ảnh cây xanh tại nhà máy

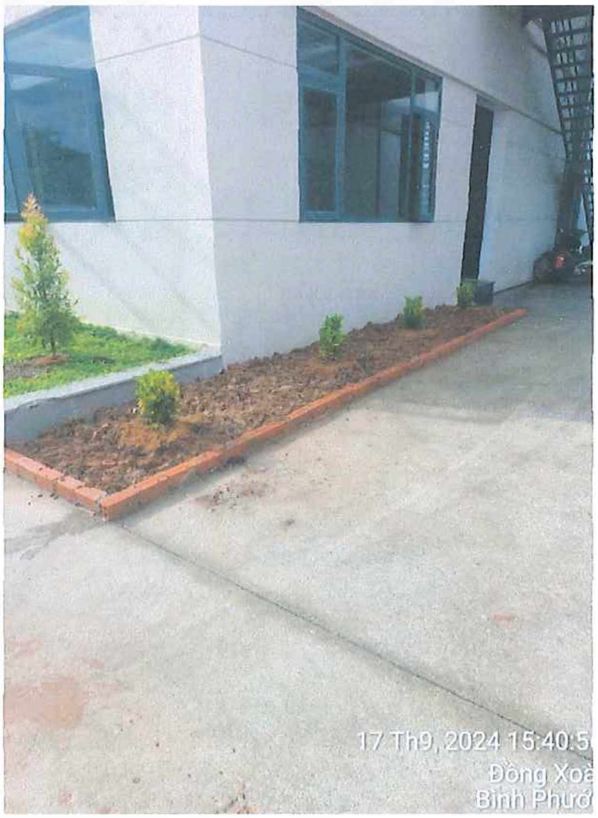






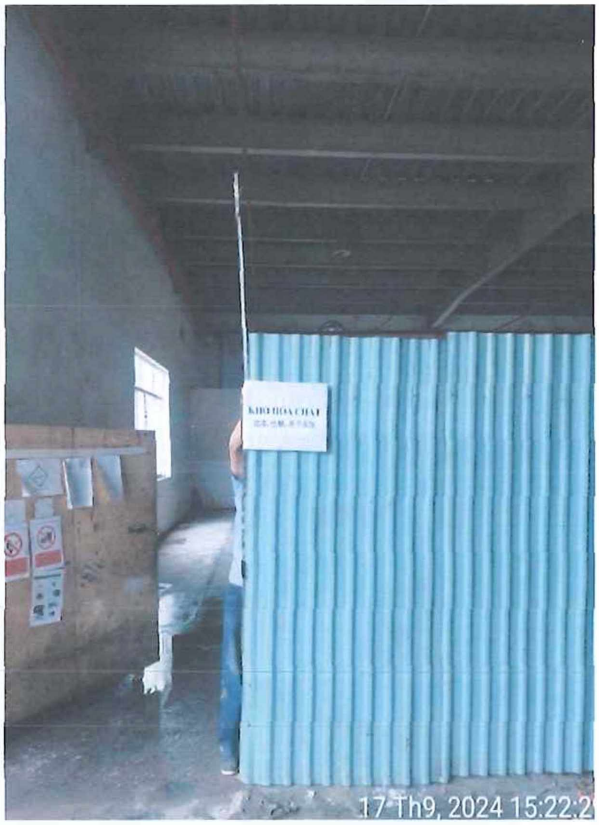






Hình ảnh kho chứa chất thải và kho chứa hóa chất (kho tạm thời, sẽ xây dựng kho chứa mới bên ngoài nhà xưởng sau khi có đầy đủ các hồ sơ pháp lý)










18 Th9, 2024 14:59:1
55 Đường huyện 50
Đồng Xoa
Bình Phướ


18 Th9, 2024 14:59:2
55 Đường huyện 50
Đồng Xoa
Bình Phướ




55 Đường huyện 50
Đồng Xoa
Bình Phướ

PHỤ LỤC 3
MÔ HÌNH PHÁT TÁN KHÍ THẢI

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG LAN TRUYỀN BỤI VÀ HƠI VOCs (N-BUTYL ACETATE; XYLEN; TOLUEN; CYCLOHEXANON; ETHYL ACETATE; N-PROPANOL; ETYLBENZEN; VINYL TOLUEN) PHÁT THẢI TẠI CÔNG TY TNHH NỘI THẤT YOU CHUANG VIỆT NAM

A. DỮ LIỆU ĐẦU VÀO

Dự báo tác động đến các đối tượng xung quanh của Cơ sở do lan truyền bụi và hơi dung môi (VOCs gồm: n-butyl acetate (116,16 g/mol); Xylen (106,16 g/mol); Toluen (92,14 g/mol); Cyclohexanon (98,15 g/mol); Ethyl acetate (88,11 g/mol); n-propanol (60,0952 g/mol); Etylbenzen (106,167 g/mol); Vinyl toluen (110,16 g/mol)). Dựa vào các số liệu dự báo nguồn thải khi dự án hoạt động cho tất cả các nguồn thải được thoát ra 27 ống thải (được đánh số thứ tự từ ống thải số 01 đến ống thải số 27, đối với bụi tổng sẽ đánh giá cho ống thải số 1, 2, 3 và 22; đối với VOCs đánh giá cho các ống thải còn lại), đơn vị thực hiện đã tiến hành chạy mô hình lan truyền ô nhiễm khí thải cho thông số bụi của xưởng sản xuất phôi của Dự án. Các kịch bản được lựa chọn gồm:

– Kịch bản 01: bụi và hơi dung môi từ 27 ống thải của Cơ sở xả thải ra ngoài môi trường khi chưa qua hệ thống xử lý vào mùa khô có hướng gió chủ đạo Đông Bắc trong điều kiện tốc độ gió nguy hiểm (tốc độ gió phát tán mạnh ô nhiễm và tần suất tốc độ gió xuất hiện nhiều lần trong mùa), không đạt quy chuẩn;

– Kịch bản 02: bụi và hơi dung môi từ 27 ống thải của Cơ sở xả thải ra ngoài môi trường khi chưa qua hệ thống xử lý vào mùa mưa có hướng gió chủ đạo Tây Nam trong điều kiện tốc độ gió nguy hiểm (tốc độ gió phát tán mạnh ô nhiễm và tần suất tốc độ gió xuất hiện nhiều lần trong mùa), không đạt quy chuẩn.

Để dự báo mức độ tác động của khí thải đến các đối tượng xung quanh. Đơn vị thực hiện lựa chọn mô hình METI-LIS (Ver 2.03) do Bộ Kinh tế - Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản xây dựng để phục vụ cho việc dự báo nồng độ chất thải phát tán vào không khí. Các dữ liệu để chạy mô hình bao gồm:

Bảng 1: Thông số khí tượng tại khu vực cơ sở

Hướng gió	Tốc độ gió nguy hiểm	Tần suất	Độ ổn định	Nhiệt độ	Độ ẩm	Bức xạ mặt trời
	Mùa khô					
Đông Bắc (NE)	2,0 m/s	2,5%	A	30,5 ^oC	82%	17,51 MJ/m^2.ngày
	Mùa mưa					
Tây Nam (SW)	2,2 m/s	3,6%	A	27,5 ^oC	62%	20,07 MJ/m^2.ngày

Ghi chú:

- Dữ liệu khí tượng được tham khảo từ Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước trong 3 năm gần nhất, Trang thông tin điện tử chính thống Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, tỉnh Bình Phước, nguồn dữ liệu từ ĐTM, GPMT của cơ sở đã được phê duyệt trước đây.

- Hướng gió được lựa chọn là hướng gió chủ đạo tại vị trí dự án và có khả năng phát tán nguồn thải là lớn nhất.

Dữ liệu thuộc nhóm địa hình: cây xanh xung quanh khu vực Dự án, các nhà máy xí nghiệp trong KCN.

Dữ liệu tính toán khi chưa có hệ thống xử lý khí thải hoặc khí thải không đạt quy chuẩn:

Bảng 2: Dữ liệu tính toán đối với ống khói tại hệ thống xử lý khí thải của Dự án

Stt	Thông số tính toán	Số liệu tính toán đối với ống khói của Dự án sau khi mở rộng và nâng công suất
1	Tốc độ khí thải	8,2 m/s
2	Tải lượng chất ô nhiễm	- Bụi gỗ: 202,33 kg/ngày (25,29 kg/h) - VOCs: 50,95 kg/h (trong đó tải lượng VOCs tại buồng phun sơn Xưởng 2 là 47,9 kg/h, tại buồng phun sơn tầng 2 Xưởng 3 là 2,68 kg/h, hơi dung môi từ công đoạn dán kéo 0,18 kg/h, hơi dung môi từ dây chuyền sơn UV 0,19 kg/h)
3	Đường kính và chiều cao ống thải	- Ống thải số 1: thoát bụi từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...) và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 1. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 13m - Ống thải số 2: thoát bụi từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...) và chà nhám tại tầng 1 của xưởng 1. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 13m - Ống thải số 3: thoát bụi từ quá trình chà nhám tại tầng 1 của xưởng 2. + Đường kính: 0,8m + Chiều cao: 13m - Ống thải số 4: thoát khí thải từ quá trình dán keo tại tầng 1 của xưởng 2. + Đường kính: 0,4m + Chiều cao: 13m - Ống thải số 5: thoát khí thải phát sinh từ dây chuyền UV tại tầng 1 của xưởng 2. + Đường kính: 0,4m + Chiều cao: 13m

		- Ống thải số 6: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn tại tầng 1 của xưởng 2. + Đường kính: 0,7m + Chiều cao: 13m - Ống thải số 7: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn tại tầng 1 của xưởng 2. + Đường kính: 0,7m + Chiều cao: 13m - Ống thải số 8: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn tại tầng 1 của xưởng 2. + Đường kính: 0,7m + Chiều cao: 13m - Ống thải số 9: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 10: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 11: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 12: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 13: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 14: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m

		- Ống thải số 15: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 16: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 17: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 18: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 19: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 20: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 21: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại tầng 2 của xưởng 2. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 22: thoát bụi phát sinh từ quá trình gia công (cắt, cưa, khoan...) tại tầng 1 của xưởng 3. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 13m - Ống thải số 23: thoát bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn tại tầng 2 của xưởng 3. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 24: bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn tại tầng 2 của xưởng 3. + Đường kính: 0,6m

		+ Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 25: bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn tại tầng 2 của xưởng 3. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 26: bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn tại tầng 2 của xưởng 3. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m - Ống thải số 27: bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tại buồng phun sơn tại tầng 2 của xưởng 3. + Đường kính: 0,6m + Chiều cao: 17,5m
4	Nhiệt độ tại miệng ống khói vào mùa khô	30^0C
5	Nhiệt độ tại miệng ống thải vào mùa mưa	28^0C
6	Độ bền vững môi trường	A

Công thức tính toán chuyển đổi mg/m^3 x K = mg/Nm^3: mg/m^3 x K = mg/Nm^3, K = (To x P)/(T x Po) = 0,89, trong đó: T, P là nhiệt độ và áp suất thực tế đo được, tính bằng K, mmHg hoặc atm: T = 34 ^{0}C (nhiệt độ thấp nhất đo được bên trong ống thải tại cơ sở) = 307 K, P = 760 mmHg; To, Po là nhiệt độ và áp suất chuẩn, tính bằng 273 K và 760 mmHg.

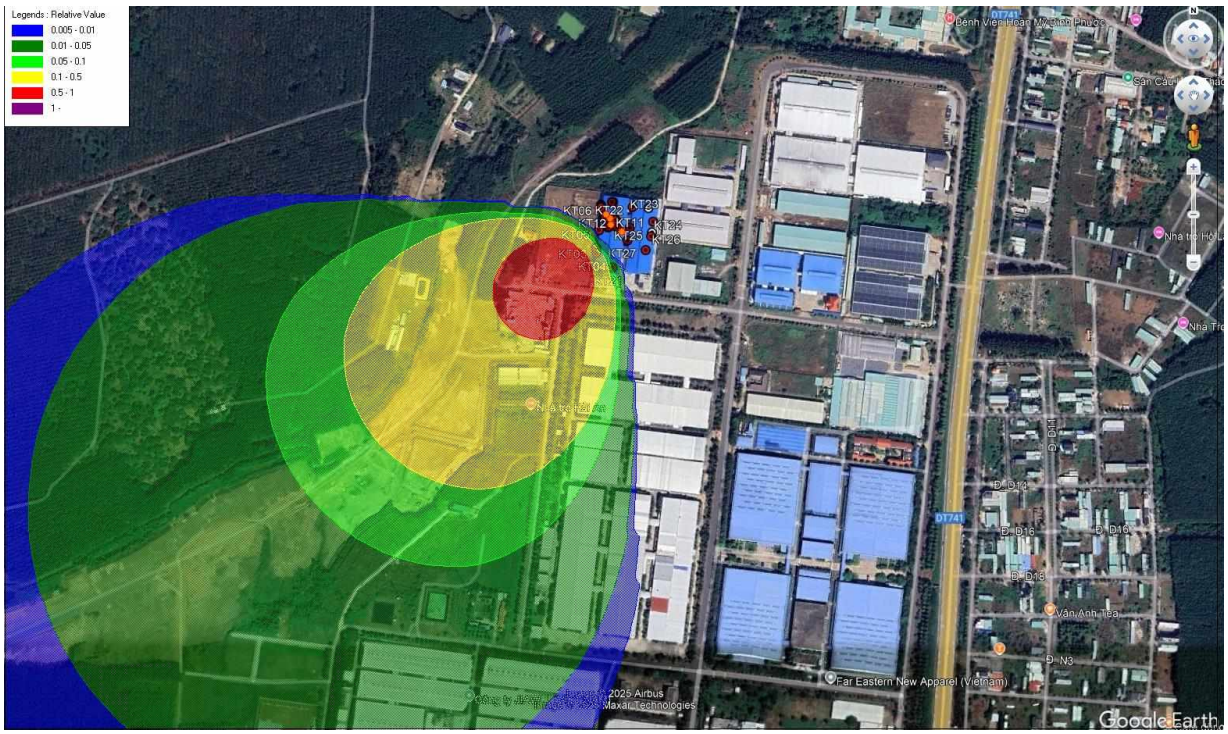
B. KẾT QUẢ MÔ HÌNH VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG:



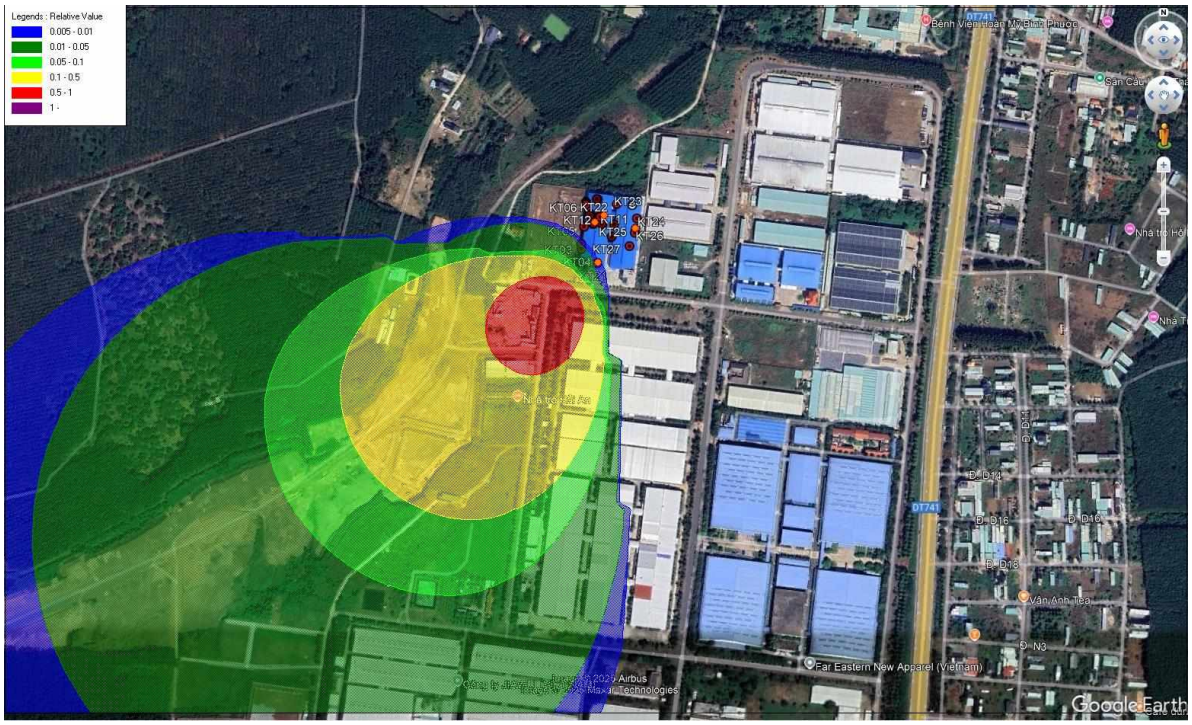
Hình 1. Ranh giới và các vị trí ống thải của Cơ sở

1. Kịch bản 01: bụi và hơi dung môi từ 27 ống thải của Cơ sở xả thải ra ngoài môi trường khi chưa qua hệ thống xử lý vào mùa khô có hướng gió chủ đạo Đông Bắc trong điều kiện tốc độ gió nguy hiểm (tốc độ gió phát tán mạnh ô nhiễm và tần suất tốc độ gió xuất hiện nhiều lần trong mùa), không đạt quy chuẩn:

a. Kết quả thực hiện mô hình:



Kết quả lan truyền bụi theo kịch bản 01



Kết quả lan truyền VOCs (n-butyl acetate; Xylen; Toluen; Cyclohexanon; Ethyl acetate; n-propanol; Etylbenzen; Vinyl toluen) theo kịch bản 01

Hình 2: Kết quả mô hình lan truyền bụi, khí thải phát sinh từ cơ sở theo kịch bản 01

b. Đánh giá kết quả:

- Đối với bụi tổng (TSP): Kết quả mô hình dự báo trong mùa khô cho thấy hàm lượng bụi tổng (TSP) khi chưa qua xử lý cao hơn nhiều lần quy chuẩn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT, cột B Kp=0,8; Kv=1,0, với hướng gió chủ đạo Đông Bắc vận tốc gió nguy hiểm 2,0 m/s, bụi phát tán xa nhất khoảng 1,0km về phía Tây Nam.

+ Ở khoảng cách khoảng 270m về phía Tây Nam bụi ô nhiễm nặng với nồng độ bụi nằm trong khoảng 500 – 1.000 mg/m^3 (0,5 – 1 g/m^3) xấp xỉ khoảng 445 – 890 mg/Nm^3, vượt 2,8-5,6 lần quy chuẩn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B Kp=0,8; Kv=1,0.

+ Ở khoảng cách khoảng 450m về phía Tây Nam bụi ô nhiễm mức độ trung bình với nồng độ bụi nằm trong khoảng 100 – 500 mg/m^3 (0,1 – 0,5 g/m^3) xấp xỉ khoảng 89 – 445 mg/Nm^3, vượt cao nhất là 2,8 lần so với quy chuẩn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B Kp=0,8; Kv=1,0.

+ Ở khoảng cách > 450m về phía Tây Nam, nồng độ bụi bị pha loãng và không còn khả năng gây ô nhiễm với nồng độ bụi ở mức 5 – 100 mg/m^3 (0,005 – 0,1 g/m^3) xấp xỉ khoảng 4,45 – 89 mg/Nm^3, dưới mức quy chuẩn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B Kp=0,8; Kv=1,0.

- Đối với dung môi hữu cơ VOCs (n-butyl acetate; Xylen; Toluen; Cyclohexanon; Ethyl acetate; n-propanol; Etylbenzen; Vinyl toluen): Kết quả mô hình dự báo trong mùa khô cho thấy hàm lượng VOCs khi chưa qua xử lý cao hơn nhiều lần quy chuẩn cho phép

QCVN 20:2009/BTNMT, với hướng gió chủ đạo Đông Bắc vận tốc gió nguy hiểm 2,0 m/s, dung môi hữu cơ phát tán xa nhất khoảng 1,2km về phía Tây Nam.

+ Ở khoảng cách khoảng 280m về phía Tây Nam hơi VOCs (n-butyl acetate; Xylen; Toluen; Cyclohexanon; Ethyl acetate; n-propanol; Etylbenzen; Vinyl toluen) ô nhiễm ở mức thấp với nồng độ VOCs nằm trong khoảng 500 – 1.000 mg/m^3 (0,5 – 1 g/m^3) xấp xỉ khoảng 445 – 890 mg/Nm^3, khi đó nồng độ Toluen vượt cao nhất 1,2 lần so với quy chuẩn cho phép, Vinyl toluen vượt cao nhất 1,9 lần so với quy chuẩn cho phép, Xylen vượt cao nhất 1,1 lần so với quy chuẩn cho phép, Cyclohexanon vượt cao nhất 2,3 lần so với quy chuẩn cho phép, Etylbenzen vượt cao nhất 1,1 lần so với quy chuẩn cho phép (theo QCVN 20:2009/BTNMT).

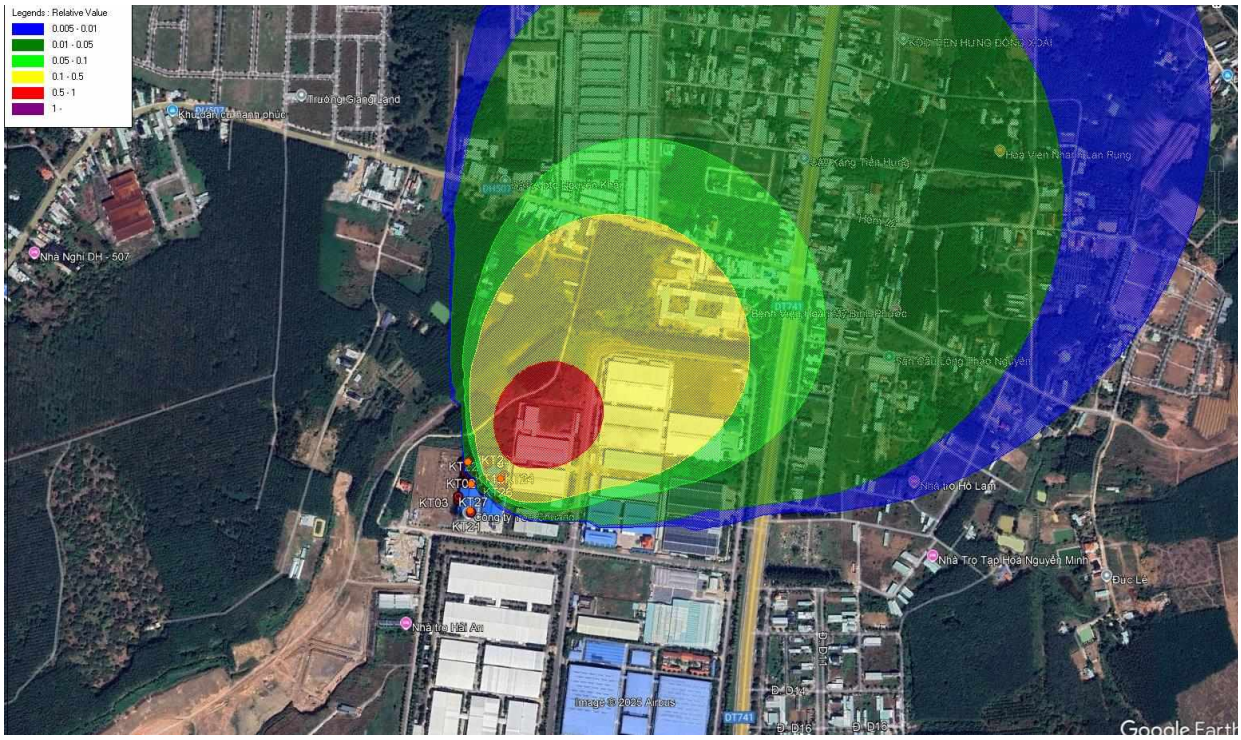
+ Ở khoảng cách khoảng 520m về phía Tây Nam hơi VOCs hầu như không ô nhiễm với nồng độ VOCs nằm trong khoảng 100 – 500 mg/m^3 (0,1 – 0,5 g/m^3) xấp xỉ khoảng 89 – 445 mg/Nm^3, phần lớn nồng độ thành phần ô nhiễm đều nằm dưới quy chuẩn cho phép, riêng thành phần Cyclohexanon vượt nhẹ khoảng 1,1 lần so với quy chuẩn cho phép (theo QCVN 20:2009/BTNMT).

+ Ở khoảng cách > 520m về phía Tây Nam, nồng độ VOCs pha loãng và không còn khả năng gây ô nhiễm với nồng độ VOCs ở mức 5 – 100 mg/m^3 (0,005 – 0,1 g/m^3) xấp xỉ khoảng 4,45 – 89 mg/Nm^3, dưới mức quy chuẩn cho phép theo QCVN 20:2009/BTNMT.

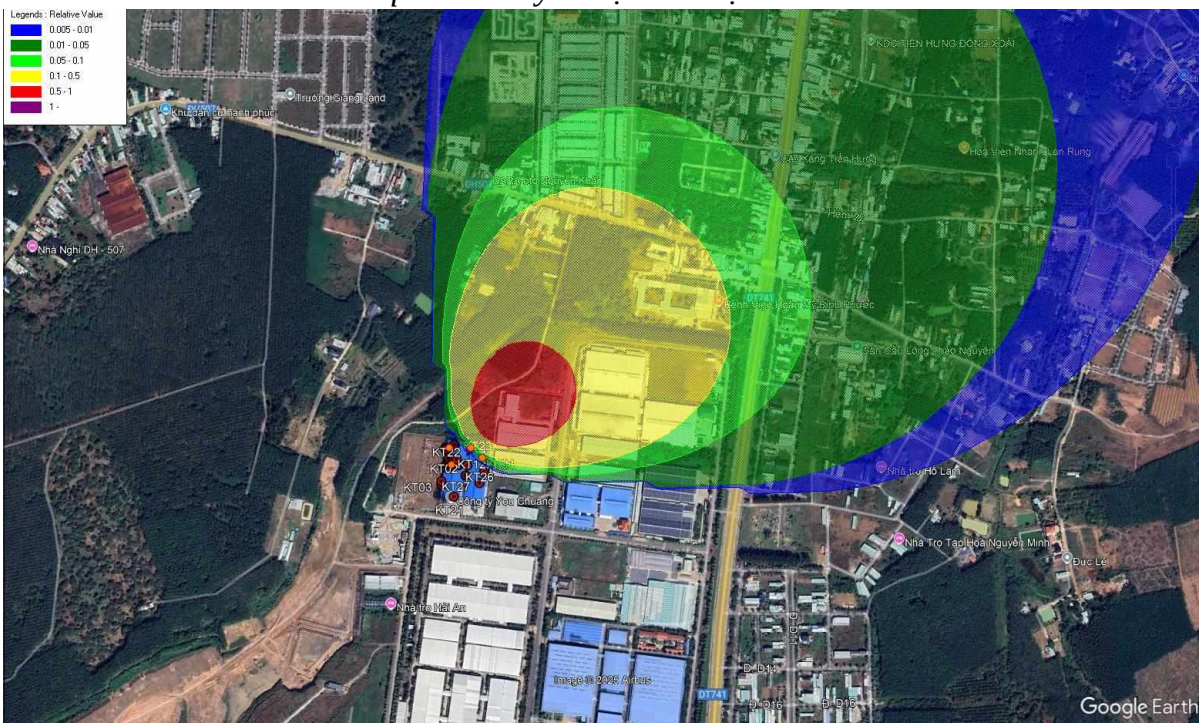
Kết luận: Như vậy, có thể thấy bụi và hơi dung môi VOCs từ các nguồn phát sinh thoát qua 27 ống thải của Cơ sở xả thải ra ngoài môi trường trong trường hợp xấu nhất khi chưa qua hệ thống xử lý vào mùa khô có hướng gió chủ đạo Đông Bắc trong điều kiện tốc độ gió nguy hiểm (tốc độ gió phát tán mạnh ô nhiễm và tần suất tốc độ gió xuất hiện nhiều lần trong mùa) thì mức độ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường là về phía Tây Nam trong bán kính khoảng 450 m, tuy nhiên hiện trạng thực tế trong vòng bán kính 450 m về phía Tây Nam phần lớn là đất trống và đất trồng cây, không có sự hiện diện của khu dân cư, không có nhà máy xí nghiệp.

2. Kịch bản 02: bụi và hơi dung môi từ 27 ống thải của Cơ sở xả thải ra ngoài môi trường khi chưa qua hệ thống xử lý vào mùa mưa có hướng gió chủ đạo Tây Nam trong điều kiện tốc độ gió nguy hiểm (tốc độ gió phát tán mạnh ô nhiễm và tần suất tốc độ gió xuất hiện nhiều lần trong mùa), không đạt quy chuẩn:

a. Kết quả thực hiện mô hình:



Kết quả lan truyền bụi theo kịch bản 02



Kết quả lan truyền VOCs (n-butyl acetate; Xylen; Toluen; Cyclohexanon; Ethyl acetate; n-propanol; Etylbenzen; Vinyl toluen) theo kịch bản 02

Hình 3: Kết quả mô hình lan truyền bụi, khí thải phát sinh từ cơ sở theo kịch bản 02

b. Đánh giá kết quả:

- Đối với bụi tổng (TSP): Kết quả mô hình dự báo trong mùa mưa cho thấy hàm

lượng bụi tổng (TSP) khi chưa qua xử lý cao hơn nhiều lần quy chuẩn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT, cột B Kp=0,8; Kv=1,0, với hướng gió chủ đạo Tây Nam vận tốc gió nguy hiểm 2,2 m/s, bụi phát tán xa nhất khoảng 750 về phía Đông Bắc.

+ Ở khoảng cách khoảng 265m về phía Đông Bắc bụi ô nhiễm nặng với nồng độ bụi nằm trong khoảng 500 – 1.000 mg/m^3 (0,5 – 1 g/m^3) xấp xỉ khoảng 445 – 890 mg/Nm^3, vượt 2,8-5,6 lần quy chuẩn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B Kp=0,8; Kv=1,0.

+ Ở khoảng cách khoảng 610m về phía Đông Bắc bụi ô nhiễm mức độ trung bình với nồng độ bụi nằm trong khoảng 100 – 500 mg/m^3 (0,1 – 0,5 g/m^3) xấp xỉ khoảng 89 – 445 mg/Nm^3, vượt cao nhất là 2,8 lần so với quy chuẩn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B Kp=0,8; Kv=1,0.

+ Ở khoảng cách > 610m về phía Đông Bắc, nồng độ bụi bị pha loãng và không còn khả năng gây ô nhiễm với nồng độ bụi ở mức 5 – 100 mg/m^3 (0,005 – 0,1 g/m^3) xấp xỉ khoảng 4,45 – 89 mg/Nm^3, dưới mức quy chuẩn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B Kp=0,8; Kv=1,0.

- Đối với dung môi hữu cơ VOCs (n-butyl acetate; Xylen; Toluen; Cyclohexanon; Ethyl acetate; n-propanol; Etylbenzen; Vinyl toluen): Kết quả mô hình dự báo trong mùa mưa cho thấy hàm lượng VOCs khi chưa qua xử lý cao hơn nhiều lần quy chuẩn cho phép QCVN 20:2009/BTNMT, với hướng gió chủ đạo Tây Nam vận tốc gió nguy hiểm 2,2 m/s, dung môi hữu cơ phát tán xa nhất khoảng 800m về phía Đông Bắc.

+ Ở khoảng cách khoảng 260m về phía Đông Bắc hơi VOCs (n-butyl acetate; Xylen; Toluen; Cyclohexanon; Ethyl acetate; n-propanol; Etylbenzen; Vinyl toluen) ô nhiễm ở mức thấp với nồng độ VOCs nằm trong khoảng 500 – 1.000 mg/m^3 (0,5 – 1 g/m^3) xấp xỉ khoảng 445 – 890 mg/Nm^3, khi đó nồng độ Toluen vượt cao nhất 1,2 lần so với quy chuẩn cho phép, Vinyl toluen vượt cao nhất 1,9 lần so với quy chuẩn cho phép, Xylen vượt cao nhất 1,1 lần so với quy chuẩn cho phép, Cyclohexanon vượt cao nhất 2,3 lần so với quy chuẩn cho phép, Etylbenzen vượt cao nhất 1,1 lần so với quy chuẩn cho phép (theo QCVN 20:2009/BTNMT).

+ Ở khoảng cách khoảng 600m về phía Tây Nam hơi VOCs hầu như không ô nhiễm với nồng độ VOCs nằm trong khoảng 100 – 500 mg/m^3 (0,1 – 0,5 g/m^3) xấp xỉ khoảng 89 – 445 mg/Nm^3, phần lớn nồng độ thành phần ô nhiễm đều nằm dưới quy chuẩn cho phép, riêng thành phần Cyclohexanon vượt nhẹ khoảng 1,1 lần so với quy chuẩn cho phép (theo QCVN 20:2009/BTNMT).

+ Ở khoảng cách > 600m về phía Đông Bắc, nồng độ VOCs pha loãng và không còn khả năng gây ô nhiễm với nồng độ VOCs ở mức 5 – 100 mg/m^3 (0,005 – 0,1 g/m^3) xấp xỉ khoảng 4,45 – 89 mg/Nm^3, dưới mức quy chuẩn cho phép theo QCVN 20:2009/BTNMT.

Kết luận: Như vậy, có thể thấy bụi và hơi dung môi VOCs từ các nguồn phát sinh thoát qua 27 ống thải của Cơ sở xả thải ra ngoài môi trường trong trường hợp xấu nhất khi chưa qua hệ thống xử lý vào mùa mưa có hướng gió chủ đạo Tây Nam trong điều kiện tốc

độ gió nguy hiểm (tốc độ gió phát tán mạnh ô nhiễm và tần suất tốc độ gió xuất hiện nhiều lần trong mùa) thì mức độ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường là về phía Đông Bắc trong bán kính khoảng 610 m. Theo hiện trạng thực tế trong vòng bán kính 610 m về phía Đông Bắc vượt qua ranh giới của KCN và trong phạm vi bán kính này có sự hiện diện của hoạt động dân sinh, khu dân cư tập trung rải rác tại đường tỉnh DT741 và DH507, Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Phước, ngoài ra một Công ty khác nằm trong phạm vi này cũng bị ảnh hưởng như: Công ty TNHH công nghiệp Hong Sheng (Việt Nam).